

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ
NHIỆM KỲ 2000-2005

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

NGUYỄN VIẾT NÊN

Bí thư Tỉnh ủy

VÕ DUY CHẤT

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

NGUYỄN ĐĂNG TAM

Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

VÕ XUÂN TRỮ

Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy

NGUYỄN ĐỨC CHÍNH

Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

NGUYỄN HỮU THÔNG

Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

TRƯƠNG NGỌC ỨNG

Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy

HOÀNG ĐỨC CƯỜNG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

BAN BIÊN SOẠN

HOÀNG ĐỨC CƯỜNG (Chủ biên)

LÊ THỊ HỒNG

NGUYỄN THỊ THU HÀ

CHỈ ĐẠO CHÍNH LÝ, TÁI BẢN

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ,
NHIỆM KỲ 2015-2020

BAN CHỈ ĐẠO

NGUYỄN VĂN HÙNG

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy,
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, *Trưởng ban*

PHẠM ĐỨC CHÂU

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy,
Phó Trưởng ban (từ tháng 6/2018 đến tháng 3/2019)

NGUYỄN ĐỨC CHÍNH

Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,
Phó Trưởng ban (từ tháng 6/2018 đến tháng 01/2020)

NGUYỄN ĐĂNG QUANG

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, *Phó Trưởng ban*

HỒ ĐẠI NAM

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Phó Trưởng ban*

PHAN VĂN PHỤNG

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, *Thành viên*

LÊ QUANG CHIẾN

Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, *Thành viên*

LÊ THỊ HỒNG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Thành viên*

BAN BIÊN SOẠN CHÍNH LÝ, TÁI BẢN

HỒ ĐẠI NAM

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Trưởng ban*

LÊ THỊ HỒNG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
Phó Trưởng ban, Chủ biên

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Trưởng Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng,
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Thành viên*

NGUYỄN NGỌC TUẤN

Chuyên viên Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban
Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Thành viên*

LÊ THỊ CHÂU MINH

Chuyên viên Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban
Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Thành viên*

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Quảng Trị là vùng đất lịch sử, vùng đất anh hùng, nơi có dòng sông Bến Hải - giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc đã chứng kiến nỗi đau chia cắt đất nước ròng rã 21 năm. Đây cũng là nơi thấp lèn hy vọng và niềm tin bất diệt về độc lập, thống nhất và tương lai tươi sáng của Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân Quảng Trị đã cùng cả nước đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945; kiên cường, anh dũng, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đấu tranh và giành chiến thắng trong các cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất, cùng với cả nước, Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới trên địa bàn tỉnh.

Năm 2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị, tập III (1975-2000)*. Cuốn sách đã lưu lại quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở Quảng Trị trong 25 năm cuối thế kỷ XX.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, nhằm

tiếp tục tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Quảng Trị, nhất là thế hệ trẻ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị khóa XVI đã chỉ đạo sưu tầm thêm tài liệu, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đồng chí lão thành cách mạng, lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, các sở, ban, ngành và cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh để bổ sung, chỉnh lý nội dung và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tái bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập III (1975-2000)***.

Cuốn sách khắc họa rõ nét chặng đường 25 năm xây dựng và phát triển của tỉnh Quảng Trị từ ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam đến những năm cuối thế kỷ XX. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Quảng Trị đã vượt qua nhiều khó khăn trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội đất nước có nhiều thay đổi trong giai đoạn này: đất nước được hoàn toàn thống nhất, bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước; tiến hành sự nghiệp đổi mới dưới sự khởi xướng và lãnh đạo của Đảng; hội nhập ngày càng sâu với thế giới.

Mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên soạn, chỉnh lý và biên tập, song cuốn sách khó tránh khỏi còn hạn chế, thiếu sót. Ban biên soạn chỉnh lý, tái bản và Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị khóa XIII, nhiệm kỳ 2000-2005 chỉ đạo xuất bản cuốn ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập III (1975-2000)***, nhằm tái hiện quá trình lãnh đạo của Đảng bộ và những thành tựu đã đạt được trong 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa kể từ khi đất nước thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà, quê hương Quảng Trị hoàn toàn giải phóng, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử Quảng Trị giai đoạn 1975-2000 diễn ra trong bối cảnh quốc tế, trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, tác động, chi phối mạnh mẽ đến tiến trình khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đây là thời kỳ sau khi đất nước thống nhất, chưa kịp hàn gắn những vết thương của chiến tranh thì đã phải đương đầu với những thử thách mới. Đất nước bị bao vây, cấm vận, lại càng khó khăn hơn do sự sụp đổ chế độ chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào, các thế lực thù địch điên cuồng chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng chiến lược “diễn biến hoà bình”. Những khó khăn khách quan đó

cùng với những sai lầm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội đã khiến đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng và kéo dài. Quảng Trị là một vùng đất bị chiến tranh tàn phá, hủy diệt nặng nề; kinh tế kém phát triển; cơ sở vật chất - kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu; xuất phát điểm của nền kinh tế rất thấp; địa giới hành chính không ổn định. Tuy có nhiều lợi thế nhưng đang ở dạng tiềm năng, chưa đủ điều kiện để khai thác. Yếu tố địa lý khó có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài; là địa bàn mà kẻ thù có thể lợi dụng để xâm nhập, thực hiện bạo loạn, lật đổ.

Để lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn trong sản xuất - đời sống, phá vỡ thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, vững bước đi lên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã kịp thời tổng kết thực tiễn, đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị phát huy tinh thần sáng tạo, độc lập, tự chủ, nhanh chóng vượt qua khó khăn, thử thách, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. 25 năm, đặc biệt trong 15 năm đổi mới, tỉnh Quảng Trị đã thu được những thành tựu to lớn: kinh tế phát triển ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể; văn hoá, xã hội có nhiều tiến bộ; quốc phòng - an ninh được giữ vững; chính trị ổn định; hệ thống chính trị các cấp được củng cố ngày càng vững mạnh; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, sự điều hành, quản lý của chính quyền các cấp, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các

đoàn thể ngày càng được nâng lên. Những thành tựu to lớn đó đã tạo ra thế và lực mới để đưa tỉnh Quảng Trị tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được vẫn còn những khuyết điểm, hạn chế. Nền kinh tế trưởng chưa tương xứng với khả năng, thế mạnh của tỉnh, hiệu quả và sức cạnh tranh còn kém. Văn hoá, xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc. Bộ máy công quyền chưa ngang tầm với yêu cầu của thời kỳ mới. Quảng Trị vẫn còn là một tỉnh nghèo và chậm phát triển.

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị trong 25 năm (1975-2000) xây dựng, phát triển và qua 70 năm (1930-2000) phấn đấu, trưởng thành đã để lại những bài học quý báu, những truyền thống hết sức tốt đẹp; nhất là kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển kinh tế là trọng tâm, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nền tảng, là động lực của sự phát triển.

Sau 15 năm xuất bản, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập III (1975-2000)* đã đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; là tài liệu chính thống để giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền,

giáo dục lịch sử Đảng; tiếp thu ý kiến đóng góp của độc giả, nhân chứng, các nhà khoa học, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị khóa XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 thống nhất bổ sung, chỉnh lý, tái bản ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập III (1975-2000)***.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng gặp gỡ các nhân chứng, sưu tầm, thẩm định các tư liệu để bổ sung, hoàn thiện nhưng cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập III (1975-2000)* chỉnh lý, tái bản khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân để tiếp tục nâng cao chất lượng cuốn sách.

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ
NHIỆM KỲ 2015-2020

PHẦN THỨ TƯ

**QUẢNG TRỊ
KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH,
KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN
CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH
SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA (1975-2000)**

CHƯƠNG XV

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, BƯỚC ĐẦU ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG (19/3/1975-3/1976)

I. QUẢNG TRỊ SAU NGÀY GIẢI PHÓNG

Đại thắng mùa xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành trên phạm vi cả nước, tạo ra một bước ngoặt mới trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Hai mươi năm tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng, chúng ta đã xây dựng được những cơ sở vật chất bước đầu của chủ nghĩa xã hội, tiến hành cách mạng tư tưởng văn hóa, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, nền kinh tế còn lạc hậu, cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu kinh tế chưa vượt khỏi tình trạng sản xuất nhỏ. Miền Nam vừa thoát ra từ một xã hội

thuộc địa kiểu mới, tuy đã có sự phát triển nhất định của chủ nghĩa tư bản, song về cơ bản vẫn còn là sản xuất nhỏ. Vì vậy, nước ta về cơ bản vẫn đang ở trong quá trình từ một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Đất nước ta đã hoà bình, thống nhất, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Uy tín của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế; có sự hậu thuẫn của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân tiến bộ trên thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam đã trưởng thành, lớn mạnh. Dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, nhạy bén với cái mới, đặc biệt tinh thần phấn khởi, niềm vui chiến thắng, khí thế cách mạng của một dân tộc đã giành được thắng lợi dâng cao trong mỗi người dân.

Bối cảnh thế giới có nhiều thuận lợi, song cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới còn nhiều gay go, phức tạp. Các thế lực phản động quốc tế có những thủ đoạn thâm độc, tinh vi hơn để chống phá phong trào cộng sản quốc tế. Tình hình các nước láng giềng, khu vực có những diễn biến phức tạp tác động tiêu cực đến sự nghiệp xây dựng đất nước của nhân dân ta.

Bước vào thời kỳ mới, công cuộc khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới của Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị có những thuận lợi cơ bản nhưng cũng không ít khó khăn.

Thuận lợi lớn và cơ bản nhất là quê hương đã hoàn toàn giải phóng. Đảng bộ, quân, dân toàn tỉnh phấn khởi

bước vào thời kỳ mới - thời kỳ hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng quê hương trong khí thế cách mạng của người chiến thắng; trong niềm vui hòa bình và sự đoàn tụ sau hơn 20 năm chia cắt.

Quảng Trị được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ đặc biệt của Trung ương và các tỉnh, thành phố bạn. Việc mở rộng quan hệ trong nước và quốc tế đã tạo nên sức mạnh tổng hợp để xây dựng đời sống mới.

Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị có truyền thống đấu tranh anh dũng, được rèn luyện, thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng, càng đoàn kết, quyết tâm xây dựng lại quê hương. Vĩnh Linh là bộ phận máu thịt của Quảng Trị, trải qua 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, là lực lượng chi viện tích cực cho các huyện phía Nam.

Hệ thống Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể được xây dựng từ tỉnh đến cơ sở, đội ngũ cán bộ được tăng cường một bước là nhân tố rất thuận lợi đưa Quảng Trị bước vào giai đoạn mới.

Sau gần 3 năm giải phóng (01/5/1972 đến 19/3/1975), tỉnh Quảng Trị tập trung khai hoang, phục hóa. Một số công trình hạ tầng phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân được sửa chữa và từng bước tạo dựng.

Bên cạnh những thuận lợi, Quảng Trị phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trong kháng chiến, tỉnh Quảng Trị là địa bàn trọng điểm bị địch chà xát, đánh phá khốc liệt, nơi chúng thực hiện mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc để chia cắt lâu dài đất nước ta. Sau ngày

giải phóng 19/3/1975, mặc dù đã được khắc phục một bước hậu quả chiến tranh nhưng Quảng Trị vẫn là một vùng đất hoang tàn, đổ nát, bom, mìn dày đặc khắp nơi.

Hơn 19 vạn dân bị địch cưỡng ép vào các khu tập trung ở các tỉnh phía Nam; nhân dân di tản ở các tỉnh phía Bắc trở về quê hương phần lớn vốn vẹn đôi quang gánh trên vai, không nhà ở, lương thực, nông cụ, ruộng vườn để sản xuất. Cuộc sống nhân dân cơ cực, thiếu thốn trăm bề.

Trình độ nhận thức, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, nhất là về quản lý kinh tế - xã hội. Vùng mới giải phóng, vùng kinh tế mới, vùng có đông đảo dân hồi cư hầu hết chưa có tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng; vùng giải phóng cũ còn trên 23% thôn, bản chưa có đảng viên.

Mặc dù đã thất bại hoàn toàn, đế quốc Mỹ và các thế lực phản động chưa từ bỏ dã tâm chống phá cách mạng Việt Nam, luôn tìm cách phá hoại chính quyền cách mạng. Số ngụy quân, ngụy quyền tuy phẫn khởi thoát khỏi chiến tranh nhưng lại lo sợ, mặc cảm, xa lánh với bà con quê hương, xóm làng.

Đất nước đã thống nhất, nhưng Quảng Trị vẫn tồn tại 2 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương: tỉnh Quảng Trị ở phía nam, khu vực Vĩnh Linh ở phía bắc sông Bến Hải đã hạn chế việc huy động sức mạnh tổng hợp.

Xây dựng quê hương trong bối cảnh vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa có những khó khăn, thách thức

lớn, song với kinh nghiệm được tích lũy trong chiến đấu cùng lòng nhiệt huyết cách mạng, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị từng bước vượt qua khó khăn, ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, tích cực phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống.

II. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, BƯỚC ĐẦU ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG

1. Tỉnh Quảng Trị

Chiều ngày 19/3/1975, phần đất, phần dân còn lại của tỉnh Quảng Trị được hoàn toàn giải phóng.

Ngày 20/3/1975, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 55-CT/TU về việc bổ khuyết công tác ở một số vùng mới giải phóng, nêu rõ:

- Các lực lượng vũ trang, an ninh phát huy thắng lợi, động viên khí thế hăng hái phấn khởi, nỗ lực quyết tâm tiếp tục tiến công địch. Nhân dân và các cơ quan, đơn vị tiếp tục cung cấp kịp thời, đầy đủ lực lượng, lương thực, đạn dược, phương tiện, giao thông, bưu điện... cho chiến đấu, góp phần giải phóng Thừa Thiên, làm tròn nhiệm vụ của một tỉnh hậu phương trực tiếp.

- Tuyên truyền phát động bằng nhiều hình thức như hội họp, mít tinh, phim ảnh, văn nghệ để quần chúng thấy được thắng lợi to lớn của ta, thất bại tất yếu của địch; tin tưởng vào chế độ mới; ổn định tư tưởng, nơi ăn, chốn ở cho nhân dân.

- Đưa dân từ các khu tập trung do địch dồn ép, từ các vùng sơ tán trở về quê cũ; tổ chức dân thành từng đội sản xuất để tháo gỡ bom mìn, san lấp hố bom, khai hoang, phục hóa, khai thông đường đi, dựng lại nhà ở nhằm từng bước tổ chức lại cuộc sống và xây dựng vùng mới giải phóng.

- Giải tán bộ máy chính quyền cũ và các tổ chức vũ trang, chính trị phản động; thu hồi các loại vũ khí, tài liệu, phương tiện của địch. củng cố chính quyền thôn, xã, xây dựng chính quyền cách mạng ở những nơi chưa có. Phát triển, củng cố các lực lượng vũ trang, an ninh về cả số lượng, chất lượng và trang bị, phát động phong trào phòng gian bảo mật trong nhân dân và các lực lượng bảo vệ trật tự trị an, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vùng mới giải phóng. Tổ chức quần chúng vào các đoàn thể cách mạng, tăng cường khối đoàn kết nông thôn, chăm lo công tác xây dựng Đảng.

- Nhanh chóng tuyên truyền các chính sách của Mặt trận và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong quần chúng nhân dân, kiên quyết chấp hành đúng các chính sách, nhất là chính sách hòa hợp dân tộc, chính sách trấn áp bọn phản cách mạng, chính sách dân vận, binh vận và các chính sách khác đối với vùng mới giải phóng. Phát động quần chúng sản xuất, đoàn kết tương trợ nhau về đời sống với khẩu hiệu “lá lành đùm lá rách”.

- Ở vùng giải phóng năm 1972, tiếp tục động viên khí thế hăng hái, phấn khởi của toàn quân, dân, nỗ lực sản xuất phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Chỉ thị của Thường vụ Tỉnh ủy, Ban bảo quản tài sản, củng cố, ổn định vùng mới giải phóng của tỉnh được thành lập.

Để có đủ lực lượng bổ sung quân cho bộ đội địa phương, dân quân du kích tiếp tục thực hiện nhiệm vụ truy kích, tiêu diệt địch, phối hợp giải phóng tỉnh Thừa Thiên, tỉnh điều động mỗi xã ở các huyện phía sau 3 cán bộ, 7 du kích. Chiều ngày 21/3/1975, 450 đồng chí tập trung tại thị tứ Diên Sanh nhận nhiệm vụ. Các đồng chí nhanh chóng tỏa về các xã mới giải phóng canh gác, bảo vệ, quản lý tài sản của nhân dân, đặc biệt là bảo quản tài liệu của chính quyền cũ để lại theo đúng quy định.

Trong chiến dịch giải phóng Quảng Trị năm 1972, trước khi tháo chạy, địch đã ép dân chạy vào vùng chúng kiểm soát (tại tỉnh Thừa Thiên). Ngày giải phóng 19/3/1975, trên địa bàn 2 huyện Triệu Phong, Hải Lăng chỉ còn khoảng 5.000 dân¹. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy ngày 22/3/1975, tỉnh đã tổ chức các đội công tác và cán bộ chỉ đạo của tỉnh, huyện, nhanh chóng lặn sâu vào vùng địch kiểm soát, vừa truy kích địch, vừa tuyên truyền, vận động, tổ chức đưa quần chúng đồng thời vận động binh lính, nhân viên ngục quyền trở về vùng giải phóng. Hàng vạn nhân dân bị địch dồn ép vào tỉnh Thừa Thiên, vào các khu tập trung đã đấu tranh với địch bằng nhiều hình thức đòi trở về quê hương.

1. Do địa bàn chiến đấu ác liệt, một bộ phận nhân dân các huyện Hải Lăng, Triệu Phong và thị xã Quảng Trị sơ tán ra huyện Vĩnh Linh và tỉnh Quảng Bình.

Trong không khí phấn khởi, tối ngày 28/3, từng đoàn người ở các thôn, xóm trên địa bàn tỉnh kéo về thị xã. Sáng ngày 29/3/1975, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào tập trung tại sân vận động thị xã Đông Hà dự mít tinh mừng tỉnh Quảng Trị được hoàn toàn giải phóng.

Tại cuộc mít tinh, đồng chí Lê Hành - Bí thư Tỉnh ủy đọc diễn văn, nêu bật ý nghĩa lịch sử của thắng lợi giải phóng quê hương và đề ra những nhiệm vụ cấp bách trước mắt nhằm tăng cường đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ chính quyền cách mạng, thực hiện tốt chính sách hòa hợp dân tộc, đồng thời đẩy mạnh tăng gia sản xuất mà trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, ổn định đời sống, khôi phục kinh tế - văn hoá, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Những cuộc mít tinh, cổ động, chiếu phim, biểu diễn văn nghệ, phát thanh mừng thắng lợi, xoá bỏ các khẩu hiệu phản động, các tàn dư văn hoá đồi trụy, dựng cổng chào, treo khẩu hiệu mới cũng được tiến hành ở hầu khắp các thôn, xóm.

Cùng ngày 29/3/1975, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 62, nhấn mạnh: Dân vùng mới giải phóng bị kìm kẹp lâu ngày nên hiểu biết về cách mạng, nhất là thắng lợi của ta, thất bại của địch, các chủ trương, chính sách của cách mạng còn nhiều hạn chế, phải tổ chức một đợt tuyên truyền thắng lợi, học tập các chủ trương, chính sách của cách mạng trong các tầng lớp nhân dân cũng như trong cán bộ, nhân viên, công nhân ở các cơ quan, công nông

trường, xí nghiệp, lực lượng vũ trang, an ninh ở cả đồng bằng và miền núi.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Tuyên huấn, Ban Dân vận, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Trường Đảng, Ty Văn hóa cử cán bộ về cơ sở mở các lớp học, tổ chức các buổi nói chuyện, tuyên truyền giải thích thắng lợi to lớn mà dân tộc ta vừa giành được; đồng thời nói rõ tình hình, phương hướng, nhiệm vụ của địa phương, đơn vị. Đến ngày 20/4/1975, toàn tỉnh cơ bản hoàn thành việc học tập trong nhân dân. Nhân dân đã nhận thức rõ thắng lợi to lớn, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc ta, những thất bại của địch; nắm được các chủ trương, chính sách của cách mạng, nhất là chính sách hòa hợp dân tộc, chính sách trấn áp bọn phản cách mạng. Được sống, học tập và lao động trong chế độ mới, ai cũng phấn khởi thấy được vinh dự và trách nhiệm của bản thân, tin tưởng vào Đảng, chính quyền cách mạng, hăng hái tham gia lao động, sản xuất, xây dựng cuộc sống mới trên quê hương.

Ngày 10/5/1975, Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông tri số 85-TT/TV về việc tổ chức mừng thắng lợi vĩ đại giải phóng miền Nam, qua đó tiếp tục làm cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân thấy được thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta và thất bại của đế quốc và tay sai, qua đó tăng thêm niềm phấn khởi, tự hào, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp và tiền đồ tươi sáng của dân tộc Việt Nam. Cổ vũ, động viên cán bộ,

đảng viên, chiến sĩ và quần chúng hăng hái thi đua hành động cách mạng để hoàn thành nhiệm vụ.

Để xóa bỏ tâm lý ngờ vực, lo sợ cách mạng trả thù những người từng tham gia làm việc trong bộ máy ngụy quân, ngụy quyền, Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban Mặt trận tỉnh đã tuyên truyền, phổ biến chính sách hòa hợp dân tộc, tổ chức học tập chính sách 10 điểm và 7 điều bổ sung của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, 5 thông cáo của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh, kêu gọi số ngụy quân, ngụy quyền, đảng viên các đảng phái phản động ra trình diện. Việc học tập các chủ trương, chính sách mới đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức về cách mạng, về chế độ mới, nhân dân thực sự tin vào chủ trương, chính sách, tự nguyện gắn bó với Đảng, với cách mạng; tự giác kêu gọi số ngụy quân, ngụy quyền, đảng phái phản động ra trình diện; tố giác số man khai tránh cải tạo, nơi cất giấu vũ khí cho cán bộ, bộ đội. Đến ngày 30/6/1975, 18.428 người gồm sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính và số gián điệp, thám báo ra trình diện và giao nộp vũ khí, tài liệu. Tỉnh tiến hành phân loại, đưa số hạ sĩ quan, binh lính và nhân viên ngụy quyền cấp xã về quản lý giáo dục tại xã; số sĩ quan từ cấp úy, số ngụy quyền cấp xã thuộc diện ác ôn và nhân viên ngụy quyền từ cấp huyện trở lên đưa về trại giam, tạm giam của tỉnh để giáo dục, học tập. Chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước được đông đảo nhân dân đồng tình, ủng hộ, đã giải tỏa những mặc cảm, hận thù trong số ngụy quân, ngụy quyền; phần lớn tin tưởng vào chính quyền, cách mạng, tích cực tham gia vào

công cuộc khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới.

Tuy vậy, trong nhân dân vẫn có những tâm tư, tình cảm trái ngược nhau. 12 vạn nhân dân ở lại vùng giải phóng phấn khởi, hồ hởi là lực lượng nòng cốt trong sản xuất và xây dựng hợp tác xã. 19 vạn đồng bào bị địch dồn ép chạy vào các tỉnh phía Nam trở về sau chiến tranh đời sống rất khó khăn; mặt khác bị kìm kẹp lâu năm nên chưa hiểu biết thấu đáo về cách mạng, còn tự ti, mặc cảm. Những người đã từng cộng tác với Mỹ - ngụy thì lo sợ cách mạng trả thù. Để giải quyết vấn đề tư tưởng trong nhân dân, cán bộ cách mạng đi về từng thôn xóm, kiên trì tuyên truyền, giải thích, từ đó quần chúng đã hiểu rõ hơn về cách mạng, tự nguyện gia nhập các tổ chức đoàn thể, cùng nhau đoàn kết gắn bó bước vào sản xuất, xây dựng quê hương mới.

Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu của tỉnh. Sau chiến tranh, hầu hết ruộng đất bị hoang hóa, mật độ bom mìn và vật liệu nổ khác dày đặc nằm ngổn ngang trên mặt và sâu trong lòng đất, có nơi 1 m² bình quân 3 quả mìn các loại. Để có đất sản xuất, giải quyết nạn đói trước mắt và ổn định cuộc sống lâu dài cho nhân dân, Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị, ra chỉ thị phát động chiến dịch phá gỡ bom, mìn trên địa bàn toàn tỉnh.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở nhanh chóng lên phương án triển khai chiến dịch. Với phương châm bảo đảm an toàn tuyệt đối, hạn chế thấp nhất tổn thất về người và tài sản, cán bộ, chiến sĩ

được huy động tham gia chiến dịch bước vào cuộc chiến đấu mới đầy gian khổ, hy sinh khi “kẻ địch” đang tiềm ẩn trong lòng đất, rình rập cướp đi mạng sống con người. Mở được một tác đất, trồng được một luống sắn, luống khoai, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Quảng Trị ngày đêm vật lộn với bao khó khăn chồng chất, có ngày hy sinh 15-17 người. Tuy vậy, không chùn bước trước gian khổ, hy sinh, nhân dân Quảng Trị mà nòng cốt là bộ đội, dân quân du kích, thanh niên vẫn hăng hái ra quân khai hoang, phục hóa. Nhiều cán bộ, chiến sĩ vừa rà phá, tháo gỡ, vừa nghiên cứu tìm ra quy luật bố trí các loại mìn, vẽ sơ đồ giúp lực lượng rà phá đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian, hạn chế tối đa thương vong, có chiến sĩ một ngày gỡ gần 100 quả mìn râu, mìn ríp. Nhờ thế, trong lần ra quân đầu tiên (từ ngày 30/6 đến ngày 31/7/1975), đã huy động được 2.838 người (trong đó bộ đội tỉnh: 330 đồng chí, bộ đội huyện: 422 đồng chí, du kích tự vệ: 1.220 đồng chí, cơ quan tỉnh đội: 97 đồng chí, Quân khu Trị Thiên: 714 đồng chí, Quân khu 4: 48 đồng chí, Bộ Tư lệnh 559: 7 giáo viên) rà phá bom mìn trên một diện tích 6.710.263 m², gỡ 58.984 m rào kẽm gai, phá gỡ, thu nhặt 113.248 quả bom mìn các loại, khai hoang, phục hóa được 32.000 ha đất canh tác (kể cả 6.000 ha vừa khai hoang, phục hóa để kịp đưa vào sản xuất vụ đông xuân 1975-1976)¹.

1. Báo cáo sơ kết giai đoạn đầu chiến dịch phá gỡ bom mìn, thu hồi vũ khí, chất nổ các loại sau chiến tranh từ ngày 10/6 đến ngày 31/7/1975.

Đến giữa tháng 4/1975, trên 19 vạn dân từ các khu tập trung, từ các nơi địch dồn ép di tản trở về thôn xóm cũ, đưa mật độ dân số lên 400-500 người/km² ở vùng đồng bằng Triệu Phong, Hải Lăng, trong khi đó 90% đất đai của tỉnh là núi đồi và trung du - vùng đất có nhiều khả năng phát triển nghề rừng, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả thì dân cư thưa thớt, mật độ dân số chỉ 10-12 người/km² ¹. Ngày 22/8/1975, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 136-NQ/TU trong đó nhấn mạnh “Phải điều chỉnh lại mật độ dân cư, di chuyển một bộ phận dân lên khai thác thế mạnh vùng trung du, miền núi là yêu cầu rất cấp thiết có ý nghĩa rất nhiều mặt”.

Thực hiện nhiệm vụ phân bố lại dân cư, lao động trên địa bàn toàn tỉnh, Ban chỉ đạo được thành lập ở các cấp. Một cuộc tuyên truyền, vận động về mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ điều chỉnh lao động để kiến thiết, xây dựng làm giàu cho bản thân, gia đình và quê hương được triển khai sâu rộng. Đây là việc làm khó khăn, liên quan đến đời sống, thói quen, tập quán, tình cảm của hàng chục vạn người. Được sự tuyên truyền, giải thích cặn kẽ, đến tháng 9/1975, số người tự nguyện đăng ký đi xây dựng

1. Đến tháng 9/1975, huyện Triệu Phong đưa lên vùng Khe Sanh - Lao Bảo được 2.303 hộ gồm 12.562 nhân khẩu, 4.592 lao động, thành lập được 6 xã mới. Huyện Hải Lăng đưa lên vùng trung du tây Gio Linh 2.400 hộ, khoảng 12.000 dân, thành lập thêm 3 xã mới. Gio Linh cũng đã đưa lên vùng trung du 623 hộ, 2.955 nhân khẩu.

vùng kinh tế mới đã vượt dự kiến ban đầu từ 2 vạn lên 2,8 vạn người.

Đây là chủ trương đúng đắn, sáng suốt, là thành công lớn trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cấp bách trước mắt của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, khẳng định sự tin tưởng tuyệt đối của nhân dân đối với Đảng; sự năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ các cấp. Việc làm này góp phần tháo gỡ những khó khăn trước mắt, ổn định đời sống nhân dân, có ý nghĩa thiết thực lâu dài trong khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh kinh tế vùng trung du, miền núi; tăng cường an ninh biên giới lãnh thổ, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh.

Để đáp ứng nguyện vọng của bà con nông dân và từ thực tế của địa phương, ngày 30/3/1976, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 25-NQ/TU, nhấn mạnh: “Tiếp tục đưa nông dân vào làm ăn có tổ chức, lúc đầu lấy hình thức đổi công làm chủ yếu, tiếp tục nâng dần lên với quy mô thích hợp, nơi có điều kiện thì tổ chức hợp tác xã; khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện để từng bước đưa nông dân tiến lên con đường làm ăn tập thể”.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, bà con nông dân tỉnh Quảng Trị tự nguyện gia nhập tổ đổi công, các tập đoàn sản xuất, các hợp tác xã. Đến cuối tháng 5/1976, toàn tỉnh có 29.448 hộ bao gồm 145.863 nhân khẩu (58.329 lao động) vào hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, chiếm 60% số hộ nông dân trong tỉnh. Số hộ còn lại hầu hết đều gia nhập các tổ đổi công.

Các hợp tác xã ra đời, góp phần xóa bỏ tập quán làm ăn cũ, manh mún, hình thành phương thức sản xuất mới, tích cực, chủ động, chú trọng việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng; là mái nhà chung để cổ vũ, động viên nhân dân thi đua phát triển sản xuất, huy động nhân lực thực hiện nhiệm vụ khai hoang, phục hóa, xây dựng các công trình thủy lợi. Để nâng cao năng suất cây trồng, các địa phương đã tổ chức thí nghiệm và từng bước sử dụng các loại giống mới có năng suất cao; áp dụng kinh nghiệm cấy dày, cấy thẳng hàng, làm cỏ, phòng trừ sâu bệnh và đặc biệt là thói quen làm và bón phân hữu cơ cho lúa. Mặc dù thời tiết khó khăn nhưng đến cuối năm 1975, sản lượng lương thực đạt 62.056 tấn, bình quân lúa đạt 17,8 tạ/ha/vụ, sắn 60 tạ, khoai lang 27,83 tạ, ngô 7,08 tạ. Điển hình năng suất cao trong sản xuất nông nghiệp xuất hiện ở các hợp tác xã Long Quang, Đại Hào, Trà Liên đạt 30-42 tạ/ha/vụ lúa. Ba Lòng, nông trường Tân Lâm ngô đạt 20 tạ/ha¹. Phong trào hợp tác hóa đã góp phần tích cực vào ổn định đời sống của nhân dân và giữ vững trật tự trị an ở nông thôn; là nơi đoàn kết nông dân, xây dựng nông thôn vững mạnh, là cơ sở cho việc thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện cho mọi người vừa làm tròn nghĩa vụ, vừa bảo đảm đời sống.

1. Báo cáo tại Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị từ ngày 15 đến ngày 18/12/1975.

Một số hợp tác xã đã có tích lũy, tái sản xuất mở rộng, mua sắm thêm nông cụ, máy móc, kinh doanh thêm ngành nghề. Hợp tác xã là nơi phát huy sức mạnh tổng hợp trong những ngày đầu xây dựng và tái thiết quê hương.

Cùng với việc tăng gia sản xuất, để giải quyết vấn đề lương thực trước mắt, lo ăn ở cho cán bộ, nhân viên và lực lượng vũ trang, tỉnh đã chủ trương cử cán bộ ra các tỉnh miền Bắc, qua tỉnh Savannakhet (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào) khai thác lương thực và các mặt hàng khác về cấp phát cho nhân dân. Nhờ vậy, tỉnh Quảng Trị bước đầu giải quyết vấn đề lương thực, nhà ở cho 25 vạn dân, tạo điều kiện cho đồng bào phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống.

Tiếp đó, ngày 18/3/1976, Tỉnh ủy Quảng Trị ra Chỉ thị số 23/CT đẩy mạnh tăng gia sản xuất, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đông xuân, tiếp tục trồng các loại hoa màu ngắn ngày để giải quyết lương thực cho nhân dân trong kỳ giáp hạt. Phong trào trồng cây hoa màu ngắn ngày được nhân dân khắp các địa bàn hưởng ứng.

Chăn nuôi tuy chưa phát triển mạnh, nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự giúp đỡ về con giống của Trung ương và các tỉnh cùng với sự cố gắng của nhân dân, đã nâng tổng số đàn gia súc từ 8.766 con trâu, bò năm 1974 lên 15.503 con đầu năm 1976; có 91.000 con lợn, bình quân mỗi hộ có 1,5 con, tăng 130%; bước đầu giải quyết sức kéo trong sản xuất và cung ứng nguồn thực phẩm cho xã hội.

Đảng bộ chú trọng công tác thủy lợi, coi đó là nhiệm vụ quan trọng theo hướng kết hợp treo nước, giữ nước trên đồi, khai thông mương máng; xây dựng những công trình nhỏ, làm những công trình lớn.

Làm thủy lợi nhỏ đã trở thành phong trào sôi nổi, rộng khắp và phát triển liên tục. Hàng ngàn lao động được huy động xây dựng công trình đập Vĩnh Phước, nạo vét sông Vĩnh Định, khôi phục đập ngăn mặn Việt Yên. Một phần quan trọng diện tích sản xuất được tưới, nạn thiếu nước trong sản xuất được khắc phục một bước.

Sau chiến tranh, rừng ở Quảng Trị bị tàn phá nặng, diện tích che phủ chỉ còn 8%. Với khẩu hiệu “Phủ xanh đất trống đồi trọc, lấy công tác trồng cây gây rừng làm trọng tâm”, phong trào trồng cây trên cồn cát, trong vườn, đường làng, trên đồi núi phát triển rầm rộ. Đến cuối năm 1975, huyện Hải Lăng đã trồng được 27.331 cây, thị xã Quảng Trị 6.300 cây, lâm trường đã trồng được 16 ha và chuẩn bị 3 cơ sở vườn ươm cho kế hoạch năm 1976, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh đều tiến hành trồng rừng. Phong trào trồng cây ăn quả như mít, ổi, cây trứng gà; trồng cây lấy gỗ cũng được triển khai rộng rãi trong nhân dân bước đầu phát huy hiệu quả.

Để đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, phát huy vai trò cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, đòn bẩy để thúc đẩy nền kinh tế phát triển của ngành thương nghiệp, Hội nghị Tỉnh ủy họp ngày 10/4/1975 chủ trương: “Nhanh chóng mở thêm một số cửa hàng ở những nơi chưa có, khôi phục lại chợ xã, tổ chức tốt công tác thu mua các mặt hàng hiện có

để kịp thời phục vụ đời sống nhân dân”¹. Được sự giúp đỡ trực tiếp của Trung ương, các tỉnh bạn, các cửa hàng mậu dịch quốc doanh, đại lý bán lẻ, hệ thống hợp tác xã có mặt hầu hết ở các địa bàn dân cư, bước đầu làm tốt công tác thu mua, phân phối hàng hoá đến tay người tiêu dùng. Để củng cố, mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ các hiện tượng đầu cơ, buôn lậu, nâng giá, ngăn chặn mọi hành vi ăn cắp, hối lộ, móc ngoặc hoặc lợi dụng để đưa hàng hoá nhà nước ra ngoài thị trường tự do, các cơ sở thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán từ tỉnh đến cơ sở tiến hành cải tiến phương thức phục vụ, tăng cường kiểm tra, giám sát. Với những việc làm tích cực trên, đến cuối năm 1975, ngành thương nghiệp tỉnh Quảng Trị đã làm tốt được khâu mua bán, đáp ứng được nhu cầu thiết yếu trong đời sống nhân dân.

Dựa vào các hợp tác xã nông nghiệp, ngành lương thực đã thu mua, phân phối lương thực đúng tiêu chuẩn, đối tượng.

Ngành ngân hàng đã làm tốt cả ba khâu: tín dụng, quản lý tiền mặt và thanh toán nên đã huy động được nguồn vốn trong nhân dân, thúc đẩy sản xuất, ổn định đồng tiền, giá cả, bảo đảm đời sống của các tầng lớp nhân dân.

Mặc dù còn nhiều khó khăn do kinh tế chưa phát triển, nhưng ngành tài chính đã quản lý thu, chi có trọng

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy số 70-NQ/TU ngày 15/4/1975.

tâm, trọng điểm, thực hiện tiết kiệm nên đã giảm bớt khó khăn cho ngân sách. Nguồn thu của địa phương bước đầu có tác dụng hỗ trợ, thúc đẩy các ngành hoạt động.

Sau chiến tranh, các cơ sở sản xuất công nghiệp, ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp đều bị mai một. Để chủ động mở hướng phát triển, tỉnh đã chủ trương “khôi phục, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp, xây dựng, phục vụ đời sống nhân dân, nhất là xuất khẩu”¹.

Được sự giúp đỡ của Trung ương, Nhà máy cơ khí 20/12, đưa con đầu lòng ngành cơ khí của tỉnh ra đời, đã phục vụ đắc lực cho việc sản xuất công cụ cầm tay và sửa chữa máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải. Nhà máy nước Đông Hà được xây dựng, cung cấp nước cho thị xã trên 1.000 m³/ngày. Công tác khảo sát nguồn nước ngầm, nước mạch ở vùng đất đỏ tây Gio Linh, Tân Lâm, Cù, bắc Hướng Hóa cũng được chú trọng. Đã tiến hành đầu tư, nâng cấp và mở rộng: xí nghiệp vôi đá Tân Lâm đạt sản lượng một vạn tấn/năm; các hợp tác xã sản xuất gạch ngói như Quy Thiện (Hải Lăng), Trung Sơn (Gio Linh), xí nghiệp gạch ngói Vĩnh Đại (Cam Lộ), gốm Thanh Quảng (thị xã Quảng Trị). Một số huyện đã xây dựng các tổ cơ khí trong hợp tác xã hoặc cụm sửa chữa cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng.

1. Báo cáo của Tỉnh ủy Quảng Trị số 123, ngày 15/7/1975.

Trong buổi đầu khó khăn, thiếu thốn nhưng với ý chí tự lực, tự cường, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, lực lượng lao động trong các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đã vượt lên khó khăn, khai thác có hiệu quả các nguồn lực sẵn có ở địa phương.

Những thành tựu đạt được trong thời gian đầu cải tạo và khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở tỉnh Quảng Trị mặc dù còn khiêm tốn, nhưng rất có ý nghĩa, bước đầu đánh thức các ngành nghề truyền thống, mở thêm những ngành nghề mới, góp phần củng cố, xây dựng, phát triển kinh tế của tỉnh.

Đáp ứng yêu cầu giao thông vận tải ở địa phương, góp phần quan trọng vào việc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh chủ trương xây dựng, phát triển hệ thống giao thông đường bộ ở đồng bằng, miền núi, khôi phục và phát triển giao thông đường thủy ở những nơi có điều kiện. Nhờ vậy, trong năm 1975, hoạt động giao thông vận tải có nhiều cố gắng. Đã khôi phục và bảo dưỡng các tuyến đường chính của tỉnh, huyện. Xây dựng hàng trăm kilômét đường liên thôn, liên xã theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đẩy mạnh phát triển giao thông miền núi. Tiến hành nạo vét các tuyến sông, kênh. Bổ sung phương tiện, đáp ứng một phần nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, sự giao lưu kinh tế giữa các vùng, góp phần quan trọng phục vụ công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được quan tâm, bước đầu tạo ra kết cấu hạ tầng cho phát triển sản xuất và

phục vụ đời sống xã hội như xây dựng các cơ quan, trường học, bệnh viện...

Cùng với chăm lo sản xuất, bảo đảm nhu cầu vật chất tối thiểu cho nhân dân, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp phát triển giáo dục. Ngày 19/3/1975, Tỉnh ủy Quảng Trị ban hành Chỉ thị số 53-CT/TU về việc đẩy mạnh thanh toán mù chữ và bổ túc văn hóa trong thời gian tới, với mục tiêu phấn đấu: đến hết năm học 1975-1976, nhân dân trong độ tuổi đi học ở đồng bằng học hết lớp 3; cán bộ chủ chốt xã và nhân viên các ngành học hết tiểu học; cán bộ lãnh đạo huyện, tỉnh và các ban, ngành học hết cấp II. Đến năm 1980, toàn dân phổ cập giáo dục tiểu học; cán bộ lãnh đạo huyện, tỉnh, đối tượng chính sách và nhân viên các ngành học hết cấp II và trên 50% học hết cấp III. Ở miền núi, hết năm học 1975-1976, xóa mù chữ cho cán bộ chủ chốt ở thôn, xã, bổ túc cho một số cán bộ chủ chốt; chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên thanh niên học xong tiểu học. Đến năm 1980, thanh toán mù chữ cho toàn dân trong độ tuổi, đối tượng chính học hết tiểu học.

Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 53-CT/TU của Tỉnh ủy đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, trước hết là cán bộ lãnh đạo. Học để nâng cao trình độ được xem là một trong những nội dung quan trọng để nâng cao ý chí cách mạng, khả năng lãnh đạo và công tác, nâng cao năng suất lao động và đẩy mạnh sản xuất. Trước nhiều khó khăn mới nảy sinh giữa nhu cầu đào tạo với cơ sở vật chất

kỹ thuật còn nghèo nàn, ngành giáo dục Quảng Trị đã kịp thời khôi phục các trường học cũ, xây dựng thêm phòng học mới đảm bảo đủ lớp cho học sinh bước vào năm học mới; tiếp nhận đội ngũ giáo viên từ miền Bắc tăng cường; điều chỉnh, sắp xếp đào tạo cấp tốc tại chỗ giáo viên theo hình thức 10 + 6 tháng và 10 + 3 tháng đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Giáo dục phổ thông và mầm non không chỉ tăng nhanh về số trường lớp, số lượng học sinh, mà chất lượng dạy và học cũng được chú trọng. Đến cuối năm 1975, toàn tỉnh đã có 3 trường, 29 lớp với 1.219 em học sinh cấp III; 24 trường, 214 lớp với 9.995 em học sinh cấp II; 102 trường, 1.778 lớp với 66.871 em học sinh cấp I; 53 lớp với 1.996 cháu mẫu giáo; 9 lớp với 423 giáo sinh miền xuôi và 5 lớp với 198 giáo sinh miền núi theo học sư phạm. Năm học 1975-1976, có 81.220 học sinh đến trường, bình quân 4 người dân có một người đi học.

Phong trào học bổ túc văn hóa phát triển mạnh trong toàn tỉnh dưới nhiều hình thức: học ban đêm, học ở cơ quan, học ở đồng nghiệp. Đến cuối năm 1975, toàn tỉnh có 110 trường, 2.369 lớp và 35.000 học viên. Việc mở các lớp bổ túc văn hóa ngoài yếu tố xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí, còn tạo nguồn cho công tác đào tạo cán bộ của tỉnh. Việc làm này thực sự có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về mặt chính trị lẫn văn hoá - xã hội trong giai đoạn lịch sử này.

Trong thời gian ngắn, ngành giáo dục - đào tạo đã có những bước tiến đáng kể về số lượng trường, lớp cũng

như chất lượng dạy và học; tích cực tham gia xóa mù chữ, nâng cao trình độ cho cán bộ, nhân dân. Ở các vùng giải phóng, khu kinh tế mới, vùng ven biển, trung du và miền núi, các cấp ủy đảng, chính quyền đã tiến hành xây dựng trường lớp, đào tạo đội ngũ giáo viên, động viên con em đến trường.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được đặc biệt quan tâm. Với nhiệm vụ “Tăng cường hơn nữa công tác phòng chống dịch, vệ sinh phòng bệnh mùa hè trong nhân dân, chăm lo điều trị, triển khai xây dựng các cơ sở y tế”¹, ngành y tế vừa chăm lo sức khỏe cho cán bộ, nhân dân, vừa tổ chức một bộ phận thường trực sẵn sàng ngăn chặn dịch bệnh, hạn chế bệnh xã hội do chiến tranh để lại.

Trong hoàn cảnh thiếu y, bác sĩ và phương tiện làm việc, ngành y tế đã động viên cán bộ, công nhân viên nêu cao tinh thần vượt khó, vừa làm vừa học, vừa xây dựng, triển khai công tác phòng chữa bệnh, vừa tích cực củng cố mạng lưới y tế ở các địa bàn. Tỉnh đã kịp thời gửi cán bộ đi đào tạo cấp tốc, vừa tiếp nhận bổ sung thêm trang thiết bị, nhân lực từ miền Bắc, từ Trường Sơn về. Sau một thời gian củng cố, xây dựng, tuyến xã có 90 trạm y tế với 362 cán bộ và 540 giường bệnh, 88,2% số xã có trạm xá. Tuyến huyện và tỉnh có 12 bệnh viện, bệnh xá và 670 giường bệnh. Cứ 500 dân có một giường bệnh và 10.000 dân có 6,2 y,

1. Báo cáo số 123/BCTU ngày 15/7/1975.

bác sĩ. Ở vùng kinh tế mới, công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh, phòng trừ dịch bệnh, phun thuốc diệt muỗi, kết hợp chữa bệnh bằng thuốc nam, thuốc bắc được đẩy mạnh. Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc ăn chín, uống sôi, uống thuốc phòng, nằm màn tránh muỗi được chú trọng. Việc tăng cường hệ thống mạng lưới y tế các vùng trong tỉnh góp phần tích cực vào việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, cứu chữa, hạn chế thương vong do tai nạn bom mìn trong thực hiện nhiệm vụ khai hoang, phục hóa, xây dựng kết cấu hạ tầng.

Cùng những đợt học tập, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, Quảng Trị từng bước thực hiện tốt đời sống văn hóa mới; những hoạt động về tuyên truyền văn hóa, văn nghệ như biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, truyền thanh, báo chí... góp phần nâng cao nhận thức về thắng lợi vĩ đại của dân tộc, phát huy tinh thần tự hào, động viên khí thế thi đua xây dựng quê hương của nhân dân.

Công tác đào tạo cán bộ văn hóa; xây dựng, củng cố các trung tâm văn hóa huyện, thị; phong trào văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao, múa hát tập thể diễn ra sôi nổi khắp các cơ quan, đơn vị, các đội sản xuất. Đường làng, ngõ xóm đều có khẩu hiệu tuyên truyền được kẻ, viết ngay ngắn trên bảng gỗ, tôn.

Sau một thời gian củng cố về đội ngũ cũng như trang thiết bị, toàn tỉnh có 7 đội chiếu bóng, 5 hệ thống truyền thanh với 34 km đường dây, có 50 đội văn nghệ nghiệp dư, 3 nhà lưu niệm, một thư viện.

Ngành đã tập trung mở những lớp học tập, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những chủ trương, phong trào lớn của địa phương, góp phần động viên quần chúng thi đua lao động sản xuất, xây dựng phong trào hợp tác hóa, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, làm cho hệ tư tưởng tiến bộ chiếm vị trí chủ đạo trong xã hội.

Theo lời kêu gọi của cách mạng, đại đa số sĩ quan, binh lính, nhân viên ngục quyền đã ra trình diện, trở về với nhân dân; tuy nhiên vẫn còn một số ít ngoan cố lén lút hoạt động chống đối, phá hoại chính quyền cách mạng. Nhận rõ âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù, các ngày 10 và 11/4/1975, Tỉnh ủy họp ban hành Nghị quyết số 70-NQ/TU nhấn mạnh công tác an ninh trong thời gian tới: “Trước mắt phải làm tốt công tác ổn định tình hình chính trị và trật tự trị an, góp phần nhanh chóng ổn định tình hình vùng mới giải phóng. Tăng cường công tác phòng gian, bảo mật trong nhân dân và các lực lượng kịp thời đập tan mọi âm mưu phá hoại, vượt biên, vượt biển, mọi luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của địch, bảo vệ thành quả cách mạng”.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang nhân dân nhanh chóng triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết trấn áp các phần tử phá hoại, chống đối, tổ chức đưa số ngục quân, ngục quyền đi học tập cải tạo. Các địa bàn quan trọng ở thị xã, thị trấn, biên giới, vùng biển, vùng đồng bào có đạo, lực lượng vũ trang dựa vào quần chúng phát động

phong trào thu nộp vũ khí, tài liệu, phát hiện các loại tội phạm, các tổ chức phản động. Nhờ thế, các vụ trọng án đều được triệt phá kịp thời; tính mạng và tài sản của nhân dân được đảm bảo an toàn; tệ trộm cắp, cờ bạc, rượu chè, xâu ẩu bị đẩy lùi; những phần tử cố tình quấy rối, chống phá chính quyền đều bị xử lý thích đáng, đem lại lòng tin cho nhân dân.

Lực lượng vũ trang nhân dân chủ động khắc phục khó khăn, tiếp tục truy quét các lực lượng phản động còn ẩn náu, số chưa ra đầu thú; khẩn trương triển khai công tác bảo vệ an ninh nội địa, an ninh biên giới và biển đảo. Lực lượng vũ trang tỉnh có mối quan hệ chặt chẽ với quân và dân 2 tỉnh Salavan và Savannakhet bảo vệ tốt biên giới hữu nghị, thắt chặt mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào; đồng thời là lực lượng quan trọng trong việc giúp dân khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi, phát triển sản xuất, phục hồi kinh tế.

2. Khu vực Vĩnh Linh

Sau khi làm tròn trách nhiệm hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam, ngày 23/6/1975, Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh họp ra Nghị quyết số 03 chỉ rõ: Phát huy truyền thống đoàn kết, chiến đấu dũng cảm, kiên cường; phát huy thuận lợi trong thời kỳ mới, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần chủ động sáng tạo, tự lực, tự cường, lao động quên mình, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu Đại hội đại biểu khu vực lần thứ V và kế hoạch nhà nước năm 1975 đề ra, tạo điều kiện thuận lợi và cơ sở để

chuẩn bị cho việc phát triển kinh tế - văn hóa, đảm bảo quốc phòng - an ninh trong mọi tình huống, giữ vững và phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa miền Bắc, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, tiến bộ, góp phần xây dựng Vĩnh Linh vững mạnh về mọi mặt.

Tập trung giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân, cố gắng tới mức cao nhất cung cấp thực phẩm cho nhu cầu của Trung ương. Tích cực khôi phục cây công nghiệp, cây đặc sản như tiêu, chè... và các ngành nghề khác. Cố gắng cải thiện đời sống cho nhân dân, làm cho khu vực Vĩnh Linh thay đổi một cách rõ rệt xứng đáng với lòng tin yêu của Đảng và Chính phủ.

Nghị quyết cũng đề ra những chỉ tiêu và giải pháp lớn cần thực hiện là:

- Tích cực khai hoang, phục hóa đưa tổng diện tích gieo trồng bằng năm 1965. Năng suất lúa: 4 tấn/ha, sắn: 10 tấn/ha, khoai lang: 5 tấn/ha. Tổng sản lượng: 27.000 tấn. Giải quyết vững chắc vấn đề lương thực trên địa bàn.

- Hoàn chỉnh hệ thống thủy nông toàn khu vực, bảo đảm tưới cho cả hai vụ.

- Đẩy mạnh chăn nuôi cả 3 khu vực: nhà nước, tập thể và gia đình, phấn đấu đưa tổng số đàn trâu, bò lên 9.000 con.

- Điều tra, quy hoạch rừng và đất rừng, khai thác gỗ, củi.

- Phát triển mạnh nghề đánh cá biển và nuôi cá nước ngọt, phấn đấu năm 1977 đạt 1.500 tấn.

- Phát triển mạnh các ngành, nghề truyền thống, đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản.

- Ra sức phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao; đẩy mạnh quốc phòng, an ninh.

Để hoàn thành tốt các chỉ tiêu trên, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân Vĩnh Linh nhận thức sâu sắc về tình hình, nhiệm vụ, trách nhiệm của địa phương trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới và nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.

Phát huy vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, cả Vĩnh Linh là một công trường sôi động thi đua lao động sản xuất, thực hiện khai hoang, phục hóa, hàn gắn vết thương chiến tranh, san lấp hố bom... Đến cuối năm 1975, khu vực Vĩnh Linh đã mở rộng được 991 ha, trong đó có 270 ha ruộng, 721 ha đất màu, cải tạo được 250 ha ruộng. Vụ mùa năm 1975-1976, gieo trồng được 7.485 ha, đạt 96,2% kế hoạch, tăng hơn vụ đông - xuân 1974-1975 là 4% và đạt 53,4% kế hoạch diện tích gieo trồng cả năm 1976. Diện tích màu so với năm 1974 tăng 17%, riêng diện tích sản đạt kế hoạch, năng suất đạt 70 tạ/ha. Rau đậu phát triển khá. Cây công nghiệp gần ngày được chú ý. Cây thức ăn gia súc, cây phân xanh phát triển khá. Vĩnh Linh giải quyết được một số khó khăn, phát huy vai trò, trách nhiệm của nhân dân trong việc phát triển kinh tế, tổ chức đời sống, phát huy ý thức tự lực, tự cường, cần cù lao động, đoàn kết tương thân, tương trợ, giúp đỡ nhau xây dựng quê hương.

Thực hiện Chỉ thị số 208, Chỉ thị số 209 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa III, Nghị quyết số 02 của Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực về tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và cải tiến một bước quản lý nông nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Thường vụ Đảng ủy và Ủy ban hành chính khu vực chỉ đạo, phân công cán bộ phụ trách, giúp đỡ xã và hợp tác xã. Do đó, phong trào hợp tác xã ngày càng phát triển. Từ chỗ 69 hợp tác xã năm 1965 đến đầu năm 1976 đã có 42 hợp tác xã quy mô lớn, bước đầu tổ chức lại các đội chuyên trong hợp tác xã như: đội thủy lợi, đội làm phân, đội chăn nuôi. Nhiều hợp tác xã đã có chuyển biến tích cực, luôn là lá cờ đầu để các đơn vị khác học tập, noi theo. Nhiều xã viên tự giác trả lại đất cho tập thể, nợ khê đọng được thanh toán. Các hợp tác xã thủ công nghiệp ở thị trấn Hồ Xá đăng ký kinh doanh công thương nghiệp. Người lao động được tập hợp vào tổ chức, bố trí làm việc ở các tổ, đội sản xuất. Bên cạnh đó, Đảng ủy chỉ đạo điều tra ruộng đất để bố trí lại sản xuất một cách khoa học hơn, xác định lại ranh giới giữa nông, lâm trường với các hợp tác xã, tiến hành công tác phân rừng, phân đất, tăng cường quản lý các hợp tác xã thủ công nghiệp, qua đó không ngừng nâng cao tinh thần, trách nhiệm của xã viên để thực hiện đầy đủ chủ trương thu, mua, hợp đồng sản phẩm đối với các cơ quan nhà nước.

Cán bộ, công nhân viên các cơ quan, xí nghiệp, xã viên hợp tác xã được học tập Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị khóa III về chống ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa,

tệ làm ăn phi pháp, chống lãng phí, tham ô trong quản lý kinh tế, đã có nhiều chuyển biến tốt. Ý thức bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chấp hành các nguyên tắc, chế độ quản lý của Nhà nước, ý thức đấu tranh chống biểu hiện làm ăn sai trái được nâng cao. Các hợp tác xã thực sự là nơi huy động tài lực làm nòng cốt trong phong trào lao động sản xuất, khai hoang, phục hóa, khôi phục và phát triển kinh tế. Nhờ vậy, sau một năm củng cố và xây dựng, khu vực Vĩnh Linh đã đạt được những kết quả quan trọng trong khai hoang, phục hóa, tháo gỡ bom mìn, quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, vết thương nặng nề của chiến tranh được hàn gắn từng bước, bộ mặt xã hội có sự đổi thay.

Chăn nuôi phát triển tương đối tốt ở cả 3 khu vực nhà nước, tập thể và hộ xã viên. Đàn trâu có 5.300 con, đạt 98% kế hoạch; đàn bò có 4.130 con, đạt 98,3% kế hoạch; đàn lợn có 21.200 con, đạt 70% kế hoạch. Trong đó, đàn lợn tập thể của các hợp tác xã phát triển mạnh, như ở Vĩnh Thủy có hàng ngàn con, đưa tổng sản lượng thịt hơi từ 440 tấn năm 1974 lên 760 tấn đầu năm 1976.

Để tập trung phát triển nông nghiệp, khu vực Vĩnh Linh đã tập trung nạo vét và khai thác các công trình thủy lợi Bàu Nhum, La Ngà, tu sửa nạo vét kênh, mương bảo đảm nước tưới 80% diện tích lúa trong 2 vụ. Các đề ngăn mặn Vĩnh Giang, Bến Hải và các cống tưới kết hợp tiêu úng cũng được tu sửa, đảm bảo chống mặn 200 ha, ngăn lũ nhỏ và tiêu úng gần 2.000 ha.

Phong trào làm phân hữu cơ được chú trọng. Các hợp tác xã đã dành đất để trồng các loại cây phân xanh,

xây dựng nhà che để chế biến phân xanh, huy động cao nhất nguồn phân chuồng cho đồng ruộng. Do đó, năng suất lúa tăng từ 3,5 tấn/ha/vụ năm 1974 lên 4,5 tấn/ha/vụ đầu năm 1976, đưa tổng sản lượng lương thực quy thóc từ 17.900 tấn năm 1974 lên 33.900 tấn đầu năm 1976, bình quân lương thực đầu người tăng từ 234 kg/người năm 1974 lên 397 kg/người đầu năm 1976.

Trên lĩnh vực lâm nghiệp, khu vực Vĩnh Linh tiếp tục điều tra, quy hoạch rừng và đất rừng, có kế hoạch khôi phục, bảo vệ và khai thác rừng. Tiến hành tu sửa, xây dựng thêm đường giao thông mới lên Vĩnh Ô, đã vận chuyển và khai thác trên 5.000 m³ gỗ và hàng vạn choái tiêu cho các xã vùng đất đỏ. Phát huy lợi thế của vùng đất đỏ bazan, phong trào trồng cây công nghiệp, cây đặc sản đã được quan tâm đúng mức.

Về ngư nghiệp, với nhiệm vụ củng cố nghề lộng, phát triển mạnh và vững chắc nghề khơi, khôi phục, cải tiến và phát triển những nghề truyền thống có năng suất cao, ngư dân Vĩnh Linh đã chủ động bám biển, đánh cá quanh năm nên vượt kế hoạch đề ra là 2.000 tấn cá biển. Riêng 6 tháng đầu năm 1976, sản lượng cá đánh bắt đạt 30% kế hoạch. Bên cạnh đánh cá biển, nuôi cá nước ngọt cũng phát triển.

Qua một năm thực hiện kế hoạch sản xuất, tiến hành khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi, kết hợp cải tạo đồng ruộng..., đời sống nhân dân khu vực Vĩnh Linh dần dần ổn định, nhiều hợp tác xã đã làm tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Công tác lưu thông - phân phối đã có nhiều cố gắng, đưa tổng mức bán lẻ trên thị trường lên 16,50 triệu đồng, đạt 97%; quốc doanh đạt 96%, kinh tế tập thể đạt 103,5%. Công tác thu mua có nhiều tiến bộ. Năm 1975, tổng giá trị thu mua hàng nông sản đạt 1,85 triệu đồng, vượt kế hoạch 19%. Việc phân phối hàng hóa bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn, góp phần bình ổn giá cả thị trường.

Để phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ bản, khu vực Vĩnh Linh đã tiến hành khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống như: đan lát, làm nón, làm gạch, nghề rèn, nghề mộc, khai thác cát sạn, xây dựng thêm một số xí nghiệp mới; mở rộng, phục hồi một số xí nghiệp cơ khí, điện, vôi, chế biến gỗ, sản xuất và chế biến lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng... Đến cuối năm 1975, tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt 5,892 triệu đồng, trong đó quốc doanh: 4,34 triệu đồng, đạt 91% kế hoạch, tăng 29% so với năm 1974.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ủy ban hành chính khu vực Vĩnh Linh đã làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, xây dựng, bảo quản và sử dụng tốt cơ sở vật chất, cải tiến công tác quản lý giáo dục, phát triển cân đối cả 4 ngành học. Năm học 1975-1976, tổng số học sinh của toàn khu vực là 23.179 em.

Phong trào học bổ túc văn hóa phát triển mạnh. Đến năm 1976, Vĩnh Linh đã cơ bản xóa được nạn mù chữ¹.

1. Năm 1974: Vĩnh Linh có 2.300 học viên học bổ túc văn hóa.

Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt phát triển. Thầy và trò có nhiều cố gắng, kết thúc năm học 1975-1976 đạt kết quả cao. Việc kết hợp giữa học và lao động sản xuất, giữa nhà trường và xã hội có nhiều tiến bộ.

Công tác vệ sinh phòng dịch, khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được đẩy mạnh. Trong bộn bề khó khăn, khu vực Vĩnh Linh đã có nhiều cố gắng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế, sử dụng tốt cơ sở vật chất, đồng thời tích cực xây dựng, mở thêm mạng lưới trạm xá xã, kết hợp sử dụng phương pháp điều trị đông tây y. Phòng Y tế thường xuyên cử các đội phòng dịch xuống cơ sở để tiêm phòng, khám bệnh cho nhân dân, kịp thời dập tắt các ổ dịch, vận động nhân dân xây dựng các công trình vệ sinh. Đến cuối năm 1975, các xã đều có trạm xá. Viện điều dưỡng Cửa Tùng làm tốt công tác phục vụ, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân.

Phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ phát triển, với nhiều nội dung hoạt động phong phú, sôi nổi, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Hằng đêm, nhân dân tập trung về sân đội, sân hợp tác xã để bàn chuyện sản xuất, xây dựng cuộc sống mới và thưởng thức các tiết mục văn nghệ “cây nhà lá vườn”. Hệ thống truyền thanh phát triển được kết nối đến xã, thôn; những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gương người tốt việc tốt được tuyên truyền rộng rãi đến người dân. Hoạt động thể dục thể thao phát triển sôi nổi. Đội bóng chuyền khu vực Vĩnh Linh là một trong những đội bóng mạnh, tham gia thi đấu ở nhiều nơi.

Công tác bảo tồn, gìn giữ di tích lịch sử cách mạng được quan tâm. Phong trào xây dựng, quy hoạch các khu dân cư được đẩy mạnh, bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự nội địa, biên giới, biển đảo được chú trọng. Bộ đội địa phương tích cực tham gia phát triển kinh tế, xây dựng nghĩa trang quy tập mộ liệt sĩ; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Nhiều đơn vị đã giúp các công trường, các hợp tác xã rà, phá bom mìn, giải phóng đất đai để phát triển sản xuất, xây dựng các công trình mới. Lực lượng an ninh luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, làm tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh, xây dựng tốt phong trào quần chúng bảo vệ trị an và bảo mật phòng gian.

III. XÂY DỰNG, Củng cố Bộ máy Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các Tổ chức Đoàn thể

1. Tỉnh Quảng Trị

Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã nhanh chóng kiện toàn hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là vùng mới giải phóng. Bộ máy tổ chức đảng cơ bản giữ nguyên, không có sự xáo trộn, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị gồm 14 đồng chí (trong đó có 2 đồng chí Ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 6 đồng chí: Lê Hành, Nguyễn Đức Dũng, Nguyễn Văn Lương, Lê Văn Hoan, Nguyễn Thủy, Nguyễn Thư. Đồng chí Lê Hành làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Đức Dũng làm Phó Bí thư

Thường trực và đồng chí Nguyễn Văn Lương làm Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan Tỉnh ủy chuyển từ thôn Mỹ Hòa (xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ) về đóng tại làng Đông Hà (sau này thuộc phường 3, thành phố Đông Hà) gồm 6 đơn vị: Văn phòng, Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra, Dân vận và Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng.

Ngày 15/4/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định giải thể Khu ủy Trị Thiên - Huế. Tỉnh ủy Quảng Trị được bổ sung cán bộ từ Trung ương và từ Khu ủy về. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 17 đồng chí (trong đó có 2 đồng chí là ủy viên dự khuyết).

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ họp ngày 24/4/1975 phân công các đồng chí trong cấp ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 8 đồng chí: Trần Mạnh Quỳnh, Vũ Soạn, Lê San, Nguyễn Thư, Nguyễn Đức Dũng, Lê Hành, Nguyễn Văn Lương, Hồ Sỹ Thản, Nguyễn Thủy. Đồng chí Trần Mạnh Quỳnh làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Vũ Soạn làm Phó Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Lê San - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh.

Nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn mới, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị quan tâm, chăm lo công tác xây dựng Đảng. Trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, Đảng bộ đã tích cực triển khai học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh giúp cán bộ, đảng viên nắm bắt tình hình, nhiệm vụ mới, nâng cao trách nhiệm trước Đảng, trước quần chúng, thực sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện

mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Gắn với học tập, quán triệt nghị quyết, Đảng bộ tiến hành củng cố chi bộ, Đảng bộ, lựa chọn, đào tạo cán bộ qua phong trào quần chúng; tiến hành tự phê bình và phê bình để không ngừng nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn, vị trí, vai trò của người đảng viên, thấy rõ trách nhiệm của tổ chức đảng đối với việc rèn luyện, giáo dục người đảng viên cộng sản. Nhiều đồng chí anh dũng trong chiến đấu đã phát huy vai trò, trách nhiệm trong lao động, xây dựng quê hương. Những biểu hiện chủ quan, thỏa mãn với thắng lợi bước đầu được khắc phục.

Công tác phát triển đảng viên mới đạt nhiều kết quả. Chỉ trong một thời gian ngắn đã kết nạp thêm 198 đảng viên trẻ, có thành tích trong chiến đấu và xây dựng quê hương.

Sự chuyển biến về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đặt ra yêu cầu rất lớn về đội ngũ cán bộ các cấp. Căn cứ tình hình thực tế địa phương, Tỉnh ủy đã tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý cho các cấp, các ngành không chỉ phục vụ yêu cầu trước mắt mà còn mang tính lâu dài. Bằng các hình thức đào tạo tập trung và tại chức, Trường Đảng tỉnh liên tục mở các lớp ngắn ngày bồi dưỡng kiến thức lý luận chính trị cơ bản, bổ túc văn hóa cho cán bộ chủ chốt cấp xã. Các huyện, thị ủy đều phân công cấp ủy viên và cán bộ mở lớp bồi dưỡng chính trị, với những nội dung thiết thực như giới thiệu về tình hình và nhiệm vụ; học tập chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức, phẩm chất người cách mạng.

Sau một thời gian củng cố, xây dựng, đến tháng 3/1976, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã có “99 đảng ủy xã, 149 chi bộ thôn, 322 đảng ủy và chi bộ cơ quan, công nông trường, xí nghiệp và lực lượng vũ trang, với 5.978 đảng viên, trong đó 4.781 nam, 1.197 nữ, đảng viên nông thôn: 2.370, cơ quan, xí nghiệp có 2.329, lực lượng vũ trang và an ninh có 1.279 đảng viên”¹.

Tuy vậy, hệ thống tổ chức đảng còn mỏng, gần 40% thôn, bản chưa có cơ sở đảng. Một số tổ chức cơ sở đảng còn lúng túng trong việc đề ra nhiệm vụ, nội dung và phương pháp công tác. Việc bố trí cán bộ có nơi chưa phù hợp. Một số cán bộ đã bộc lộ nhược điểm, yếu kém trong điều hành, quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo giúp cơ sở giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn trong khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, Đảng bộ triển khai thực hiện chế độ làm việc trực tiếp hàng tháng với các địa phương, giao ban, nghe báo cáo tình hình và đưa ra những định hướng, chỉ đạo cụ thể.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, việc củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính quyền sau ngày quê hương giải phóng được đặc biệt quan tâm. Sau 2 tháng hệ thống chính quyền mới được thiết lập từ

1. Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Trị số 25 ngày 30/3/1976.

thôn, xã đến huyện. Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh do đồng chí Lê San làm Chủ tịch cùng các thành viên trong Ủy ban chỉ đạo điều tra, khảo sát chất lượng hoạt động của chính quyền các cấp; bồi dưỡng, đào tạo, chọn lọc cán bộ, củng cố các ty, ban, ngành, chính quyền cơ sở nhằm phát hiện, uốn nắn những lệch lạc, sai sót, bổ khuyết nhiều vấn đề trong công tác quản lý, điều hành xã hội để phù hợp với tình hình mới.

Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, trình độ quản lý, năng lực điều hành của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống chính quyền các cấp. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III: “Xây dựng chính quyền cách mạng vững mạnh của nhân dân ở các cấp là nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu. Chính quyền ở mỗi cấp thể hiện sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân, phải đủ sức làm nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹, tỉnh đã lựa chọn cán bộ đi đào tạo tập trung, ngắn hạn; thay thế những cán bộ không đảm bảo tiêu chuẩn, tiến hành quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ ở các cấp, các ngành. Khắc phục dần tình trạng bị động, chắp vá, từng bước tạo sự đồng bộ, đảm bảo tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.36, tr.411.

Đến tháng 3/1976, toàn tỉnh có 8.560 cán bộ thôn, xã; 8.601 cán bộ huyện, tỉnh; 15 ty; 18 ban, ngành. Đã chọn lựa, đào tạo, bổ sung nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu về chính trị, chuyên môn, kỹ thuật cho 2 huyện Triệu Phong, Hải Lăng; giúp 2 huyện Gio Linh, Cam Lộ trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Các cơ quan, ban, ngành nhanh chóng ổn định công tác, triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Song song với công tác xây dựng chính quyền cách mạng các cấp, ở vùng mới giải phóng, Tỉnh ủy khẩn trương tổ chức, củng cố, phát triển tổ chức Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Những vùng trước đây có các đoàn thể bí mật đã ra hoạt động công khai, củng cố, mở rộng thêm đội ngũ. Những vùng chưa có cơ sở, tỉnh nhanh chóng thành lập, vận động nhân dân gia nhập các đoàn thể, tham gia các hoạt động xây dựng đời sống mới.

Để động viên, khuyến khích cán bộ, nhân dân khôi phục sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể: thanh niên, phụ nữ, nông dân, công đoàn đi về các địa phương tuyên truyền, giáo dục, tổ chức học tập đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; xây dựng, củng cố các tổ chức phù hợp với đặc điểm, tâm lý, nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Qua học tập, hàng chục vạn quần chúng tự nguyện vào các tổ chức, tập đoàn sản xuất. Đến tháng 3/1976, đã có 70% nông dân vào các tổ chức làm ăn tập thể; 52,52% chị em vào Hội Phụ nữ (52.000/99.000); 41,34% thanh niên vào tổ chức thanh niên (21.500/52.000,

trong đó có 10.150 đoàn viên); 39,77% thiếu nhi từ 9 đến 15 tuổi vào Đội Thiếu niên Tiền phong, (17.500/44.000); 90% các cụ vào Hội Phụ lão giải phóng; 81,11% cán bộ, công nhân viên chức vào tổ chức Công đoàn (7.300/9.000).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức đoàn thể nhanh chóng được kiện toàn, tích cực tuyên truyền vận động hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào khai hoang phục hóa, rà phá bom mìn, vận động nhân dân vào làm ăn tập thể, trồng cây gây rừng, phong trào đền ơn đáp nghĩa, xây dựng khối đoàn kết cộng đồng “lá lành đùm lá rách”. Các phong trào cách mạng được triển khai tích cực và rầm rộ, đạt được nhiều kết quả, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khu vực Vĩnh Linh

Hệ thống tổ chức đảng được kiện toàn từ sau Đại hội Đảng bộ khu vực lần thứ V (22/6/1974), khu vực Vĩnh Linh tiếp tục thực hiện nhiệm vụ sau ngày Quảng Trị hoàn toàn giải phóng.

Ngày 23/6/1975, dưới sự chủ tọa của đồng chí Trần Đồng, Bí thư Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ khu vực Vĩnh Linh họp kiểm điểm tình hình từ Đại hội đại biểu khu vực lần thứ V và đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 1975.

Thực hiện các cuộc vận động chính trị sâu rộng do Trung ương Đảng và Đảng ủy khu vực chủ trương, cán bộ, đảng viên và nhân dân khu vực triển khai nghiên cứu, học tập Nghị quyết số 228, Chỉ thị số 208, Chỉ thị số 209,

nhất là Chỉ thị số 192 nhằm đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng, nâng cao sức chiến đấu của đảng viên. Qua học tập, ý thức giác ngộ về Đảng, về chủ nghĩa xã hội, lập trường quan điểm, trình độ lý luận, phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên được nâng thêm một bước. Nhiều chi bộ đã phát động quần chúng nêu cao ý chí tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đại đa số đảng viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm, đi đầu trong mọi lĩnh vực, phấn đấu thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

Công tác phát triển đảng viên được quan tâm. Năm 1975, toàn khu vực kết nạp được 115 đảng viên mới.

Với phương châm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan chính quyền, Vĩnh Linh tập trung tổ chức kiện toàn Ủy ban nông nghiệp, Ủy ban kế hoạch và một số cơ quan để đủ sức điều hành sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác; kiện toàn các khối công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lưu thông - phân phối, tài chính - ngân hàng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Tiến hành củng cố, xây dựng các tổ chức đoàn thể quần chúng như: Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân. Cải tiến kiện toàn tổ chức bộ máy, phong cách và lề lối làm việc, chỉ đạo cơ sở, quy định trách nhiệm, quy chế làm việc. Nhờ đó đã huy động đông đảo lực lượng đi đầu trong phong trào lao động sản xuất và bảo vệ Tổ quốc.

IV. ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ, KHU VỰC VĨNH LINH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG HỢP NHẤT TỈNH BÌNH TRỊ THIÊN VÀ BẦU CỬ QUỐC HỘI

Nhằm đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương đối với cả nước, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III họp cuối tháng 8, đầu tháng 9/1975 nêu rõ: “Trong cả nước, *thực hiện chế độ quản lý hành chính theo bốn cấp*: Trung ương, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, huyện và xã... Hợp nhất các tỉnh thành những đơn vị hành chính - kinh tế với quy mô cần thiết.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 24, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 245-NQ/TW về giải thể Khu, hợp nhất một số tỉnh trong nước, trong đó có việc sáp nhập các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và khu vực Vĩnh Linh thành tỉnh Bình Trị Thiên.

Với chủ trương này, Tỉnh ủy Quảng Trị và Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh vừa tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, vừa đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục ý nghĩa của việc hợp nhất tỉnh, đồng thời xúc tiến các hoạt động nhằm đẩy nhanh quá trình hợp nhất theo sự chỉ đạo của Trung ương.

Ngày 03/01/1976, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về việc lãnh đạo Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước và ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo bầu cử ở các cấp từ Trung ương đến địa phương.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, ngày 07/02/1976, Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội tỉnh họp phiên đầu tiên, thảo luận và nhất trí quyết nghị những vấn đề cần thiết để các cấp, các ngành, đoàn thể quần chúng nhân dân tiến hành bầu cử. Công việc chuẩn bị cơ sở vật chất, địa điểm bỏ phiếu, niêm yết danh sách cử tri, giữ gìn trật tự trị an đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để cuộc bầu cử đạt kết quả tốt nhất.

Để cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đúng nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, thực sự là một cuộc vận động có ý nghĩa chính trị rộng lớn, từ tháng 02/1976, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, động viên nhân dân tích cực tham gia bầu cử và đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, hoàn thành kế hoạch nhà nước. Các cơ quan thông tin đại chúng tập trung phục vụ cuộc Tổng tuyển cử, coi đây là công tác trọng tâm của ngành. Các lớp huấn luyện cán bộ làm công tác bầu cử được tổ chức khắp các địa phương trong toàn tỉnh, đặc biệt là vùng mới giải phóng, nơi đầu tiên sau 30 năm nhân dân được thực hiện quyền dân chủ với chế độ bầu cử mới.

Ngày 25/4/1976 trở thành ngày hội lớn. Trong không khí từng bừng, phấn khởi, cuộc bầu cử đã diễn ra sôi nổi, dân chủ và đúng pháp luật. Có hơn 98% số cử tri trong toàn tỉnh đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội. Tại địa bàn Quảng Trị và khu vực Vĩnh Linh, có 4 đồng chí đã trúng cử

đại biểu Quốc hội khoá VI là: Hồ Sỹ Thản, Nguyễn Chí Phi, Nguyễn Thị Lý và Hồ Thị Hương¹.

Kết quả cuộc Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội khoá VI là thắng lợi có ý nghĩa quan trọng, chứng tỏ sự giác ngộ chính trị của nhân dân rất cao, thể hiện sức mạnh đoàn kết, khẳng định quyền làm chủ của nhân dân toàn tỉnh.

Vượt qua mọi khó khăn sau ngày đất nước thống nhất, quê hương được giải phóng, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, khu vực Vĩnh Linh đã vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, từng bước tháo gỡ khó khăn, nhanh chóng tiếp quản vùng mới giải phóng, xây dựng chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở, lãnh đạo nhân dân khôi phục, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, huy động sức mạnh của toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, với phạm vi hoạt động được mở rộng trên nhiều lĩnh vực, công tác bề bộn, trong lúc cán bộ thiếu, lại chưa có kinh nghiệm, vùng giải phóng rộng lớn và phức

1. 4 vị Đại biểu Quốc hội khoá VI là:

- Đồng chí Hồ Sỹ Thản - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bình Trị Thiên.
- Đồng chí Nguyễn Chí Phi - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.
- Đồng chí Nguyễn Thị Lý - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy xã, Ủy viên Thư ký Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, Vĩnh Linh.
- Đồng chí Hồ Thị Hương (Ta Dooc) - Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Hướng Hoá.

tạp; tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa chuyển biến kịp tình hình mới nên còn nhiều thiếu sót. Các hoạt động củng cố chính quyền, phát triển kinh tế - văn hoá, giữ vững trật tự an ninh, làm trong sạch địa bàn còn nhiều hạn chế.

Từ hoang tàn, đổ nát do chiến tranh, sau một năm củng cố, xây dựng và sản xuất, bộ mặt của quê hương đã có nhiều đổi thay, đời sống của nhân dân có bước cải thiện, là điều kiện căn bản để Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Trị, khu vực Vĩnh Linh bước vào thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong tỉnh Bình Trị Thiên hợp nhất.

CHƯƠNG XVI

ĐẢNG BỘ BÌNH TRỊ THIÊN LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1989)

I. ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH TRỊ THIÊN ĐƯỢC THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1976-1980)

1. Quá trình hợp nhất và thành lập Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên

Để xúc tiến nhanh việc hình thành tỉnh mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập Ban chỉ đạo hợp nhất tỉnh Bình Trị Thiên do đồng chí Lê Tự Đồng, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên làm Trưởng ban và các đồng chí: Hồ Sỹ Thản, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị; Cổ Kim Thành, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình; Trần Đồng, Bí thư Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh làm thành viên.

Ngày 23/12/1975, Ban chỉ đạo hợp nhất gửi Công điện số 551/CD-HN cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và khu vực

Vĩnh Linh thông báo một số việc cần làm trước mắt chuẩn bị cho việc hợp nhất tỉnh. Ngày 27/12/1975, Ban chỉ đạo hợp nhất ra Thông báo số 586/VP triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương về hợp nhất tỉnh.

Từ ngày 15/01/1976 đến ngày 31/01/1976, các ty, phòng trực thuộc; ban, ngành, đoàn thể của ba tỉnh và khu vực Vĩnh Linh họp bàn công tác chuẩn bị cơ sở vật chất; những công việc đang tiếp tục làm và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 1976 của các ngành, địa phương mình, xác định chức năng, nhiệm vụ trong tỉnh mới; trên cơ sở đó dự kiến tổ chức bộ máy biên chế, bố trí cán bộ và kế hoạch hợp nhất; tổng hợp tình hình lấy ý kiến thảo luận báo cáo với Ban chỉ đạo.

Ngày 13/02/1976, Ban chỉ đạo hợp nhất tỉnh Bình Trị Thiên họp và thành lập “Tiểu ban tuyên truyền chuẩn bị tư tưởng cho việc hợp nhất tỉnh” do đồng chí Trần Hoàn, Trưởng ty Văn hoá thông tin Thừa Thiên làm Trưởng tiểu ban.

Ngày 02/3/1976, Văn phòng Trung ương Đảng ra Thông báo số 05-TB/TW thông báo ý kiến của Ban Bí thư về một số vấn đề về phương hướng, nhiệm vụ và công tác trước mắt của tỉnh Bình Trị Thiên. Trung ương nêu rõ: “Phải sử dụng tốt nguồn nhân lực dồi dào và mọi năng lực sản xuất xã hội hiện có, kể cả sử dụng tốt lực lượng quân đội, triển khai cùng mọi mặt sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, lưu thông, phân phối... để có đủ công việc làm cho nhân dân, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, đưa

sản xuất và đời sống của nhân dân trở lại bình thường, từng bước xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của kinh tế địa phương, trước hết là mở mang nhanh thủy lợi”.

“Để làm tốt các việc kể trên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương phải có sự nỗ lực rất lớn, không y lại, bị động, trông chờ Trung ương. Các ngành ở Trung ương cần phải thấy hết những khó khăn về mọi mặt sau chiến tranh của Bình Trị Thiên để có sự giúp đỡ thỏa đáng, kịp thời và có hiệu lực”.

Ngày 06/3/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 2603-QĐNS/TW chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ Bình Trị Thiên gồm 39 ủy viên chính thức; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí: Nguyễn Hữu Khiếu, Bùi San, Cổ Kim Thành, Nguyễn Húng, Nguyễn Văn Đài, Trần Đồng, Hồ Sỹ Thản, Nguyễn Vạn, Ngô Đình Văn, Hoàng Lanh, Vũ Soạn, Đặng Gia Tất, Vũ Thắng. Đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Bùi San, Nguyễn Húng, Cổ Kim Thành làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Từ đầu tháng 4/1976, các cơ quan Đảng, chính quyền tỉnh Bình Trị Thiên làm việc tại thành phố Huế, trung tâm tỉnh lỵ.

Ngày 02/4/1976, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên tổ chức Hội nghị lần thứ nhất và ra Nghị quyết về việc quán triệt Thông báo số 05-TB/TW của Ban Bí thư ngày 02/3/1976: “Ban Thường vụ Tỉnh ủy cần sắp xếp nhanh bộ máy cấp tỉnh, sớm triệu tập Hội nghị Tỉnh ủy để có thể hoàn thành việc hợp nhất tỉnh vào đầu tháng 4/1976”.

Từ ngày 02 đến ngày 04/4/1976, Tỉnh ủy Bình Trị Thiên họp và ra Nghị quyết phân công Tỉnh ủy viên chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác trong toàn tỉnh.

Ngày 15/4/1976, Tỉnh ủy Bình Trị Thiên ra Chỉ thị số 293-CT/TU về việc hoàn thành hợp nhất tỉnh. Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định các trưởng, phó ban; trưởng, phó các ngành, đoàn thể và phân công Tỉnh ủy viên theo dõi ngành, khối, địa phương. Thường vụ phân công phụ trách khối chính quyền khẩn trương xúc tiến việc hình thành Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh, hình thành các ty và các phòng chuyên môn trực thuộc chính quyền tỉnh.

Ngày 01/5/1976, tại quảng trường Phú Văn Lâu, thành phố Huế, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên công bố ra mắt trước toàn thể đồng bào và cán bộ, chiến sĩ trong tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên gồm 16 đồng chí do đồng chí Bùi San, Quyền Bí thư Tỉnh ủy, làm Chủ tịch.

Ban Chấp hành Đảng bộ và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Bình Trị Thiên ra lời kêu gọi toàn thể đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và đảng viên trong tỉnh “tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang trong chiến tranh giữ nước, nêu cao ý chí phấn đấu cách mạng, không dừng lại nghỉ ngơi, không lùi bước trước khó khăn, ra sức lao động sản xuất và công tác, quyết giành thắng lợi mới”.

Tháng 9/1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Thông báo số 2573-TBNS/TW chỉ định đồng chí Bùi San, Quyền Bí thư Tỉnh ủy làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Trị Thiên thay đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu nhận công tác khác.

Đồng chí Nguyễn Húng được cử làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Bùi San. Ngày 04/10/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 2777-QĐNS/TW bổ sung thêm các đồng chí Nguyễn Đình Bảy, Thái Bá Nhiệm, Nguyễn Chi vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Tổng số Tỉnh ủy viên là 41 đồng chí.

Tỉnh Bình Trị Thiên hợp nhất có chiều dài 300 km từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân, có bờ biển dài 340 km, đường biên giới chung với nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào dài 436 km; diện tích 18.430 km², dân số trên 1,7 triệu người với 657.760 lao động. Toàn tỉnh có 20 huyện, 1 thành phố, 2 thị xã, 352 xã, 1.036 thôn; là tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng cả về chính trị, quân sự, kinh tế và văn hoá.

Nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên vốn có truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo, kiên cường trong lao động sản xuất, là những khả năng to lớn để huy động tiềm lực của nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên có 753 chi bộ, đảng bộ cơ sở với 49.372 đảng viên (chiếm 2,7% dân số), đã được thử thách, rèn luyện qua hai cuộc kháng chiến, là nhân tố quan trọng để phát huy sức mạnh lãnh đạo trong giai đoạn cách mạng mới. Đội ngũ cán bộ, nhân viên toàn tỉnh có 67.059 người, là nguồn nhân lực quan trọng để quản lý và xây dựng cuộc sống mới.

Quảng Bình, Vĩnh Linh đã trải qua thời gian cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng quan hệ sản xuất

mới, có thể cung cấp kinh nghiệm cho khu vực Quảng Trị, Thừa Thiên.

Tuy vậy, tỉnh Bình Trị Thiên nằm ở vị trí tuyến đầu của cả hai miền, đặc biệt trong hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là tiêu điểm của cuộc đọ sức lớn giữa hai lực lượng, hai chế độ; phải gánh chịu hậu quả vô cùng nặng nề, khốc liệt của chiến tranh. Nhân dân Bình Trị Thiên chịu nhiều đau thương, mất mát của sự chia cắt, ly tán, hồi cư trong cảnh làng xóm xác xơ, gia tài kiệt quệ, sức khoẻ giảm sút.

Cơ sở vật chất kinh tế - kỹ thuật của tỉnh quá nghèo nàn, ít ỏi. Kinh tế quốc doanh còn bé nhỏ, công nghiệp không đáng kể. Năng suất lao động trong nông nghiệp thấp, ruộng đất hoang hoá nhiều, bình quân ruộng đất thấp. Dân số đông và tăng nhanh. Lương thực làm ra chưa đủ ăn, phần lớn dựa vào sự chi viện của Trung ương. Đời sống kinh tế, văn hoá của nhân dân quá nghèo nàn.

Tỉnh Bình Trị Thiên lại nằm trong vùng có điều kiện thiên nhiên hết sức khắc nghiệt: gió tây nam khô nóng, hạn hán, bão, lũ... thường xuyên đe dọa.

Do điều kiện lịch sử nên tỉnh Bình Trị Thiên có sự phát triển không đồng đều: một tỉnh trước đây có hai chế độ xã hội, khác biệt về quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế, vì vậy trong thời kỳ đầu nhập tỉnh không tránh khỏi những khó khăn nhất định về cơ cấu tổ chức, trình độ cán bộ, lề lối làm việc.

Cơ sở đảng phân bố không đều. Vùng mới giải phóng, vùng xung yếu của Quảng Trị, Thừa Thiên có rất

ít hoặc chưa có cơ sở đảng (540 thôn chưa có cơ sở đảng). Cán bộ thiếu và yếu, ít kinh nghiệm trong quản lý xã hội và kinh tế.

Với một tỉnh vừa mới hợp nhất, địa bàn rộng, sau chiến tranh gặp bao khó khăn, thử thách, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân phải nỗ lực rất lớn để nhanh chóng ổn định cuộc sống, bắt tay xây dựng chế độ mới.

Ngày 31/8/1976, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Bình Trị Thiên họp ra Nghị quyết về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Bình Trị Thiên thời kỳ 1976-1980 là: “Khẩn trương xúc tiến công tác điều tra, khảo sát, quy hoạch kinh tế và dân cư, kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng; sử dụng tốt nguồn nhân lực dồi dào để tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện nhằm bảo đảm có đủ lương thực, thực phẩm cho người và chăn nuôi, có dự trữ; tích cực xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế địa phương; phát triển quan hệ với các tỉnh của nước bạn Lào; xây dựng Bình Trị Thiên thành một tỉnh giàu về kinh tế, vững mạnh về chính trị và quốc phòng, một trung tâm văn hoá và du lịch”.

Phấn đấu thực hiện 5 mục tiêu lớn nhằm làm chuyển biến căn bản bộ mặt của 4 vùng bằng việc tổ chức 5 mũi tiến công, phát huy 4 thế mạnh, tiến hành 3 cuộc vận động lớn.

5 mục tiêu lớn là:

(1) Tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp

toàn diện, phát triển cân đối trồng trọt và chăn nuôi, phấn đấu trong vài năm tới đảm bảo nhu cầu lương thực cho người và thức ăn cho gia súc, có dự trữ, làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, tăng nhanh nguồn thực phẩm.

Mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện nhằm thực hiện 4 nhiệm vụ: bảo đảm lương thực, thực phẩm cho xã hội; bảo đảm cung cấp nguyên liệu nông sản cho công nghiệp; phát triển nguồn hàng xuất khẩu; tăng năng suất lao động trong nông nghiệp, thực hiện phân bố lại lao động, bổ sung nhân lực cho yêu cầu phát triển công nghiệp, xây dựng cơ bản.

(2) Tất cả các ngành chế biến nông, lâm, hải sản, công nghiệp, điện, cơ khí, vật liệu xây dựng, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp... đều phải tận lực sản xuất, nhằm tăng nhanh khối lượng hàng hoá, nhất là hàng hoá xuất khẩu.

(3) Sử dụng tốt nguồn lao động dồi dào của tỉnh, coi đó là vốn quý đầu tiên, là sức mạnh để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế địa phương đáp ứng yêu cầu trước mắt và phát triển kinh tế lâu dài.

(4) Qua việc phân bố lại lao động, tổ chức lại sản xuất mà làm cho mọi người lao động có công ăn việc làm, mọi gia đình có thu nhập, làm cho mọi người hăng say lao động, có kỷ luật, kỹ thuật và năng suất cao.

(5) Cùng với việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đào tạo cán bộ, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở các huyện phía Bắc, tổ chức lại sản xuất ở các huyện phía Nam, làm cho hai vùng cùng phát triển đồng đều, chuẩn bị điều kiện tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Ba cuộc vận động là: thi đua lao động sản xuất, cần kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tăng cường sự lãnh đạo và năng lực chiến đấu của Đảng, nâng cao khả năng quản lý của các cấp chính quyền trong công cuộc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện 3 cuộc vận động đó, trước mắt tập trung vào 5 mũi tấn công: thủy lợi; phục hoá, khai hoang; trồng cây; thủy sản và sản xuất vật liệu xây dựng.

Yêu cầu đối với 4 vùng kinh tế:

Vùng nông thôn đồng bằng: Giải quyết vấn đề lương thực một cách vững chắc, đóng góp nhiều cho Nhà nước, có dự trữ gia đình và hợp tác xã. Hoàn thành việc cải tạo quan hệ sản xuất theo Nghị quyết số 61/NQ-CP của Chính phủ.

Miền núi và vùng kinh tế mới ở miền núi: Biến miền núi từ một vùng dân cư thưa thớt, cây rừng bị chất độc tàn phá, nhiều đói trọc, đời sống kinh tế lạc hậu thành một vùng có dân cư tương đối đông, kinh tế tiến bộ.

Miền biển và kinh tế miền biển: Xây dựng thành một vùng có kinh tế phong phú gồm cả đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, hải sản, phát triển trồng cây chắn gió, chắn cát, chăn nuôi và trồng màu, làm thay đổi đời sống kinh tế vùng biển.

Thành phố và các thị xã: Phát triển kinh tế gồm sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (chú trọng hàng mỹ nghệ xuất khẩu), trồng cây lương thực và thực phẩm, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc... Giải quyết công ăn việc làm cho người đến độ tuổi lao động.

Xây dựng 4 vùng kinh tế phải dựa trên 4 thế mạnh: nông nghiệp, nghề rừng, nghề cá, sản xuất vật liệu xây dựng.

Những nhiệm vụ cấp bách cần tập trung chỉ đạo trên địa bàn Quảng Trị là:

Tập trung phát triển nông nghiệp để tăng nhanh sản lượng lương thực cả lúa và màu; phát triển sản xuất cây thực phẩm, đẩy mạnh chăn nuôi, tăng nhanh nguồn thực phẩm, bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm, vừa làm được nghĩa vụ đối với Nhà nước, vừa có dự trữ cho gia đình và hợp tác xã. Đó là nhiệm vụ hàng đầu có ý nghĩa to lớn về kinh tế và chính trị. Trước mắt phát động phong trào làm thủy lợi trong toàn Đảng, toàn dân, coi đó là vấn đề sinh tử của Quảng Trị với tinh thần chủ động của từng địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm nhằm hoàn thành nhanh chóng các công trình nhỏ và vừa, đồng thời khẩn trương khảo sát thiết kế các công trình lớn.

Nhiệm vụ chủ yếu của ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp là trực tiếp phục vụ phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, sản xuất các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu sản xuất và xây dựng. Tập trung các mặt hàng chính như đồ mộc, đan, tre, mây, măng trúc, cói lác và các mặt hàng mỹ nghệ xuất khẩu. Phát huy thế mạnh về vật liệu xây dựng như gạch, ngói, vôi, cát sạn, xi măng...

Tập trung sức khôi phục lại đường sá, đảm bảo giao thông thông suốt, đặc biệt chú trọng củng cố và phát triển các tuyến đường lên miền núi và vùng kinh tế mới.

Tiếp tục đấu tranh xoá bỏ ảnh hưởng về tư tưởng và văn hoá của chủ nghĩa thực dân mới, phát động nhân dân thu nộp các ấn phẩm văn hoá đồi trụy, xoá bỏ tệ nạn mê tín, dị đoan. Tuyên truyền giáo dục sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, phát triển các hoạt động thông tin, văn hoá, văn nghệ của quần chúng ở cơ sở. Đẩy mạnh công tác xoá mù chữ ở vùng mới giải phóng, phát triển các loại trường bổ túc văn hoá. Đối với ngành học phổ thông, củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và trường lớp cho học sinh cấp 1; phát triển mạnh cấp 2; củng cố và điều chỉnh cấp 3; nghiên cứu tổ chức các trường vừa học vừa làm; quan tâm phát triển giáo dục ở miền núi và các khu kinh tế mới; củng cố các trường lớp mẫu giáo ở các huyện phía Bắc; chuẩn bị điều kiện phát triển các trường mẫu giáo ở các huyện phía Nam.

Phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh, củng cố mạng lưới phòng bệnh và chữa bệnh ở cơ sở; quan tâm chữa bệnh và phòng bệnh cho đồng bào miền núi, vùng kinh tế mới và lao động ở các công trường.

Phát triển phong trào thể dục thể thao, đặc biệt chú trọng tầng lớp thanh thiếu niên.

Sớm xác định và phân loại gia đình có công với cách mạng trong cả 3 thời kỳ, gia đình liệt sĩ, thương binh để giải quyết chế độ chính sách, góp phần ổn định đời sống nhân dân. Giúp đỡ trẻ mồ côi, người già, những người tàn tật không nơi nương tựa. Tạo điều kiện giúp đỡ thương phế binh ngụy có điều kiện làm ăn sinh sống, những người bị đẩy vào con đường lầm lạc trước đây được hoàn lương.

Khu vực Vĩnh Linh tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 208 của Ban Bí thư và Nghị quyết số 61, Nghị quyết số 19 của Hội đồng Chính phủ, phát triển và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, củng cố kinh tế tập thể, coi trọng và quản lý tốt kinh tế gia đình.

Vùng phía Nam Quảng Trị, trong nông nghiệp, khẩn trương giải quyết dứt điểm những tàn dư của chế độ phong kiến và chủ nghĩa thực dân mới về vấn đề ruộng đất, mở rộng phong trào hợp tác hoá. Huyện Hải Lăng, huyện Vĩnh Linh làm tốt nhiệm vụ là 2 điểm chỉ đạo của tỉnh để sơ kết phong trào làm ăn tập thể, rút kinh nghiệm cho các bước tiếp theo.

Tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trên các lĩnh vực thương nghiệp, giao thông vận tải, công nghiệp và các lĩnh vực khác. Trong thương nghiệp, đi đôi với cải tạo là phát triển mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiêu thụ.

Kết hợp xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Ra sức phát động quần chúng, động viên sự nỗ lực cao nhất của các lực lượng vũ trang nhân dân, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, tiếp tục cải tạo và quản lý tốt ngụy quân, ngụy quyền, bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân. Các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, công an vừa làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự xã hội mới, vừa tích cực xây dựng kinh tế, giúp dân tháo gỡ bom mìn, khai hoang, phục hoá; đồng thời điều chỉnh, bố trí lại lực lượng để bảo vệ các mục tiêu trọng điểm như biên giới, hải đảo; tích cực huấn luyện,

xây dựng lực lượng ngăn chặn các hoạt động phá hoại của bọn phản động trong nước cấu kết với các tổ chức phản động quốc tế chống phá ta từ nhiều mặt. Đập tan các kế hoạch “hậu chiến” của địch nhằm bảo vệ và tăng cường sức mạnh, hiệu lực của chính quyền cách mạng.

Chăm lo xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng; đặc biệt chú trọng địa bàn xã, phường, thị trấn. Không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng; làm tốt đợt giáo dục chính trị, nhất là trong cấp ủy cơ sở, kết hợp giáo dục, tự phê bình và phê bình để nâng cao nhận thức tư tưởng, xử lý các cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất. Tăng cường công tác bảo vệ Đảng. Chú trọng kết nạp đảng viên mới để 30% số thôn còn lại có đảng viên.

Trước đây, trong điều kiện hoạt động bí mật ở vùng địch kiểm soát, công tác tổ chức, giáo dục, kiểm tra và việc chấp hành nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục về kết nạp đảng viên, phục hồi sinh hoạt Đảng; sử dụng, quản lý cán bộ, đảng viên chưa thật chặt chẽ, nên bị kẻ địch lợi dụng. Trong điều kiện mới, cần rà soát và quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ, đảng viên theo tinh thần Chỉ thị số 165 ngày 24/6/1976 của Thường vụ Tỉnh ủy nhằm chống âm mưu phá hoại của kẻ thù, bảo đảm giữ vững trong sạch tổ chức đảng.

2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ I

Chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, khắp nơi trong tỉnh đã dấy lên

phong trào thi đua sôi nổi, náo nức lập công dâng lên Đảng. Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh phát động phong trào thi đua 4 hướng tiến công, tuổi trẻ lập công dâng Đảng. Công nhân lao động trong các công trường, xí nghiệp, nhà máy phát cao cờ hồng, giành 3 điểm cao và 3 cải tiến. Đảng bộ huyện Gio Linh huy động 7.000 lao động mở chiến dịch tiến công Cồn Tiên để khai hoang trồng khoai vụ đông xuân, chỉ trong một tuần vừa khai hoang, vừa trồng được 2.000 ha màu. Các huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh phát động phong trào trồng cây rầm rộ và phong trào dạy tốt, học tốt trong các trường học. Huyện Triệu Phong huy động 4.786 lao động xây dựng công trình chắn cát dài 4 km, rộng 19 m, cao 2,5 m mang tên “Công trình tuổi trẻ lập công dâng Đảng” vượt kế hoạch 6 ngày, trong 4 ngày thi công đã đào đắp 55.295 m³ đất.

Nhằm chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ I, sau đợt giáo dục chính trị, tự phê bình và phê bình trong Đảng, toàn tỉnh đã tiến hành đại hội các đảng bộ từ cơ sở đến cấp huyện, thị, thành và các đảng bộ trực thuộc tỉnh. Đến ngày 25/10/1976, 1.206 đảng bộ và chi bộ cơ sở đã tổ chức đại hội với sự tham gia của gần 5 vạn đảng viên. Tỷ lệ đảng viên tham gia đại hội ở các đảng bộ cơ quan, thành, thị là 100%, ở nông thôn là 80%. Từ ngày 25/10 đến ngày 04/11/1976, 40 đảng bộ huyện, thị, thành và các đảng bộ trực thuộc tỉnh đã tổ chức xong đại hội với sự tham gia của gần 5.000 đại biểu. Đại hội các cấp đã làm việc sôi nổi, khẩn trương, tin tưởng, phấn khởi và đạt kết

quả tốt. Nhiều huyện sau đại hội đảng bộ đã tổ chức cho quần chúng thảo luận, bàn bạc các nội dung, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, được quần chúng hưởng ứng nhiệt liệt. Nhân dân càng ý thức được trách nhiệm của mình, tin tưởng và gắn bó với Đảng, tự nguyện nâng mức phấn đấu cao hơn. Thành công của đại hội đảng bộ các cấp góp phần củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo hệ thống chính trị và tổ chức bộ máy lãnh đạo.

Ngày 07/11/1976, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã thành công. Trong niềm phấn khởi, hân hoan, có 98% cử tri đi bỏ phiếu, bầu 10.395 đại biểu vào Hội đồng nhân dân các phường, xã, thị trấn (trong đó, đại biểu nữ chiếm 28,77%; cán bộ trẻ chiếm 38,4%; đảng viên chiếm 43,1%). Thành công của công tác tổ chức bộ máy tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ I vòng 1 họp từ ngày 11/11/1976 đến ngày 23/11/1976, có 600 đại biểu, thay mặt 49.372 đảng viên trong tỉnh về dự Đại hội. Với tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc, nhất trí, Đại hội (vòng 1) đã đóng góp 3.000 ý kiến vào văn bản dự thảo Đề cương báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Điều lệ Đảng sửa đổi; quyết định chương trình hành động trước mắt từ Đại hội vòng 1 đến Đại hội vòng 2 và bầu Đoàn đại biểu gồm 28 đồng chí đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

Từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IV diễn ra tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội có ý nghĩa lịch sử lớn lao, là Đại hội thống nhất

Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV xác định: “Xây dựng huyện vững mạnh, thật sự trở thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp; lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể”. Cấp huyện đóng vai trò quan trọng trong việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Huyện là nơi tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới ở nông thôn, là nơi thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Trong điều kiện mới, cần thiết phải xây dựng huyện trở thành một đơn vị kinh tế, quốc phòng mạnh.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 05/3/1977, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên ra Nghị quyết số 02-NQ/TU về vấn đề nhập huyện, với yêu cầu: Đoàn kết nhất trí, nâng cao được năng lực lãnh đạo của cấp huyện trong giai đoạn mới, tạo nên sức mạnh mới; tạo điều kiện phân vùng kinh tế, thực hiện chuyên canh và phân bổ lại lao động để đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; có quy hoạch phát triển nông nghiệp toàn diện, lâm nghiệp, nghề cá, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, thực hiện hợp tác hoá đi đôi với thủy lợi hoá, thực hiện cơ giới hoá từng bước, đồng thời phát triển văn hoá, y tế, giáo dục, tăng cường bảo vệ an

ninh chính trị, trật tự xã hội và củng cố quốc phòng; giảm bớt biên chế hành chính, xây dựng bộ máy tinh giản, có hiệu lực, giúp cấp ủy đảng và chính quyền huyện lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát, cụ thể, kịp thời đối với các xã.

Thực hiện Nghị quyết số 02 của Tỉnh ủy, huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh và huyện Cam Lộ nhập thành huyện Bến Hải; huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng nhập thành huyện Triệu Hải. Từ đó, địa bàn Quảng Trị có 4 đơn vị hành chính là các huyện Triệu Hải, Bến Hải, Hướng Hoá và thị xã Đông Hà.

Trong bầu không khí phấn khởi, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ I, vòng 2 diễn ra từ ngày 19/5/1977 đến ngày 23/5/1977. Đại hội đã thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch trong những năm 1977-1980; phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp cụ thể trong hai năm 1977-1978; phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng. Nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong giai đoạn cách mạng mới, trọng tâm là tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực, tăng nhanh hàng tiêu dùng ở địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 40 đồng chí¹. Đồng chí Bùi San, Ủy viên Trung ương Đảng

1. Ngày 11/4/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 764-QĐ/TW chuyển hai đồng chí Tỉnh ủy viên dự khuyết là Lê Xuân Tửu và Trần Hoàn (Nguyễn Tăng Hích) thành Tỉnh ủy viên chính thức.

được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị Tỉnh ủy ngày 24/7/1977 đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí: Bùi San, Vũ Thắng, Thái Bá Nhiệm, Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Văn Lương, Nguyễn Đàm, Nguyễn Đình Bảy, Nguyễn Trung Chính, Hoàng Lanh, Vũ Soạn, Cổ Kim Thành. Đồng chí Vũ Thắng được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bình Trị Thiên gồm 7 đồng chí do đồng chí Vũ Soạn làm Trưởng ban.

Ngày 28/6/1978, đồng chí Nguyễn Chi được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ngày 11/4/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 763-QĐ/TW bổ sung đồng chí Trần Văn Ân, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch 5 năm 1976-1980

Phát huy tinh thần tự lực tự cường “vì cả nước, với cả nước”, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên đã ra sức khai thác những khả năng và thế mạnh của địa phương, bên bỉ khắc phục khó khăn, hàn gắn vết thương chiến tranh, xoá dần di hại của chủ nghĩa thực dân mới, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra, đạt được những kết quả quan trọng.

Sản xuất nông nghiệp có nhiều tiến bộ. Quán triệt quan điểm của Đảng là tập trung cao độ mọi lực lượng tạo ra “một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp”; đồng thời nắm vững mục tiêu hàng đầu mà Nghị quyết Đại hội

Đảng bộ tỉnh đề ra, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả tỉnh đã nỗ lực giải quyết vấn đề lương thực nhằm trước hết đáp ứng những yêu cầu cấp bách của đời sống và tạo điều kiện để phát triển nền kinh tế toàn diện. Đảng bộ các cấp liên tục phát động phong trào quần chúng làm thủy lợi, xây dựng đồng ruộng, làm phân bón, cấy giống lúa mới, phòng trừ sâu bệnh, tăng vụ, xen canh... Các huyện Lệ Ninh (Quảng Bình), Hương Điền (Thừa Thiên), Triệu Hải (Quảng Trị) được xác định là các vùng tập trung chuyên canh cây lúa và chỉ đạo xây dựng những cánh đồng năng suất cao.

Vượt qua gian khổ, hy sinh, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh đẩy mạnh rà phá bom mìn, san lấp hố bom, phục hoá, khai hoang được 6 vạn ha, đưa diện tích canh tác bình quân đầu người từ 700 m² lên trên 1.000 m².

Nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách trước mắt về lương thực, phong trào trồng màu được coi trọng. Diện tích màu tăng từ 55.600 ha năm 1976 lên 94.200 ha năm 1980. Sản lượng màu quy thóc tăng từ 93.144 tấn năm 1976 lên 160.000 tấn năm 1980. Mặc dù sản lượng lương thực không đạt chỉ tiêu đề ra nhưng tăng khá. Sản lượng lương thực quy thóc từ 348.000 tấn năm 1976 lên 370.054 tấn năm 1980. Trong đó, khu vực Quảng Trị đạt 94.170 tấn¹. Chi viện của Trung ương cho tỉnh Bình Trị Thiên giảm dần, từ 6,5 vạn tấn năm 1976 xuống 1,6 vạn tấn năm 1980.

1. Bến Hải: 39.404 tấn, Triệu Hải: 46.434 tấn, Đông Hà: 1.061 tấn, Hướng Hóa: 7.271 tấn.

Bên cạnh việc tập trung sản xuất lương thực, nhiều địa phương đã chú ý trồng cây công nghiệp, cây thực phẩm. Đến năm 1980 đã có 1.038 ha chè, 333 ha tiêu, 200 ha cà phê, 1.135 ha cao su, 103 ha cọ dầu.

Các nông trường quốc doanh đã làm nòng cốt trong việc phát triển, mở rộng diện tích các loại cây công nghiệp, phát huy thế mạnh của vùng gò đồi. Năm 1980, các nông trường đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao, nộp ngân sách vượt 13,6%.

Chăn nuôi phát triển. Đàn lợn tăng từ 43,2 vạn con năm 1976 tăng lên 46,5 vạn con năm 1980, tăng bình quân hàng năm 7,9%. Đàn bò từ 6,6 vạn con năm 1976 tăng lên 8,7 vạn con năm 1980, tăng bình quân hàng năm 7%, đàn trâu từ 6,3 vạn con năm 1976 tăng lên gần 6,7 vạn con năm 1980, tăng 1,2%.

Phong trào trồng cây lâm nghiệp phát triển. Toàn tỉnh chú trọng kết hợp trồng rừng với sản xuất nông nghiệp và xây dựng phòng tuyến bảo vệ Tổ quốc. Công tác tu bổ, bảo vệ và xây dựng vốn rừng kinh tế đã có những cố gắng. Trong 5 năm 1976-1980 trồng được 45.577 ha rừng tập trung, 29.164 ha rừng phân tán, khai thác 375.400 m³ gỗ.

Cùng với phát triển sản xuất lương thực, nhân dân khu vực Quảng Trị đã tập trung đầu tư để sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu như: cà phê, hồ tiêu, cao su, ớt, lạc, vừng. Huyện Hướng Hóa đẩy mạnh phong trào trồng thông lấy nhựa, lập vườn trồng cà phê. Huyện Bến Hải hình thành vùng chuyên canh cây cao su.

Trong ngư nghiệp, sản lượng đánh bắt hải sản bình quân mỗi năm 20.000 tấn. Phong trào nuôi cá ở đồng bằng và miền núi bắt đầu phát triển. Các xã ven biển như Gio Hà, Gio Hải, Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Hải Khê ở địa bàn Quảng Trị thực hiện chủ trương của tỉnh về “phát triển kinh tế toàn diện vùng biển” vừa tích cực mua sắm ngư cụ, thuyền bè để đánh bắt hải sản, vừa tập trung mở rộng diện tích trồng cây phi lao trên cát nhằm chặn sóng và bão cát, góp phần cải tạo môi trường, vừa giữ gìn quốc phòng - an ninh.

Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển trên cơ sở phát triển nông nghiệp, nhất là phát huy thế mạnh của địa phương, sử dụng nguyên liệu tại chỗ và phế liệu chiến tranh, mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố, tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành Trung ương. Toàn tỉnh đã hình thành được một số cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương như cơ khí sửa chữa, sản xuất phụ tùng, vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, hải sản, da, dệt, may mặc, giấy, gỗ, sành, sứ... Từng bước khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống; tăng số lượng và các mặt hàng tiêu dùng, đáp ứng một phần nhu cầu của nông nghiệp, đời sống nhân dân, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động. Cơ cấu nông - công nghiệp bắt đầu hình thành ở một số huyện và trên địa bàn tỉnh. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng từ 84,7 triệu đồng năm 1976 lên 103,4 triệu đồng năm 1980. Từ chỗ có 38 xí nghiệp quốc doanh, 98 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp

đến năm 1980 đã có 76 xí nghiệp quốc doanh, 294 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 1.100 tổ, đội sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong các hợp tác xã nông nghiệp. Trong 5 năm đã xây dựng 20 xí nghiệp quốc doanh, 42 hợp tác xã và 16 tổ chuyên sản xuất vật liệu xây dựng, tổ chức 220 tổ, đội sản xuất vật liệu xây dựng trong các hợp tác xã nông nghiệp. Riêng thị xã Đông Hà, từ 9 cơ sở với 786 lao động năm 1976, đến năm 1980 đã có 43 cơ sở với 1.694 lao động. Đáng kể là 3 xí nghiệp sản xuất xi măng công suất 9 vạn tấn/năm (một xí nghiệp ở Đông Hà) giải quyết được một phần nhu cầu về xây dựng và trao đổi kinh tế với các tỉnh của nước bạn Lào. Xí nghiệp xi măng Đông Hà được thành lập ngày 09/8/1978, chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 1980. Nguyên liệu chủ yếu khai thác ở địa phương, giải quyết việc làm cho hơn 400 cán bộ, công nhân, mỗi năm sản xuất khoảng 3.000 tấn. Trên địa bàn Quảng Trị còn có xí nghiệp khai thác đá Tân Lâm, thu hút 200 lao động. Sản lượng của xí nghiệp hàng năm đạt 3,5 vạn m³, năm cao nhất là 4,5 vạn m³. Xí nghiệp gạch ngói Vĩnh Đại được thành lập năm 1977, sản lượng bình quân 4 triệu viên/năm. Xí nghiệp gạch ngói Vĩnh Linh, xí nghiệp vôi đá Quảng Trị được thành lập trước năm 1975 tiếp tục duy trì sản xuất. Xí nghiệp nước Đông Hà mỗi năm cung cấp được 600.000 m³.

Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã phát triển thêm 126 mặt hàng mới, đưa số lượng mặt hàng tiêu dùng do địa phương sản xuất lên 50%, đáp ứng khoảng 25% nhu cầu trong tỉnh.

Trên địa bàn Quảng Trị, các ngành nghề thủ công nghiệp được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện để phục hồi, phát triển mới nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân và phục vụ đắc lực cho công cuộc tái thiết lại quê hương. Các nghề phụ của nông dân ở các làng xã, thị trấn phát triển nhanh trên cơ sở nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương và sức lao động của mỗi gia đình với hình thức cá thể là chủ yếu. Tập trung nhất là chế biến lương thực, thực phẩm; sản xuất đồ dùng đơn giản trong gia đình. Đặc biệt, nhu cầu về xây dựng nhà cửa, công sở, trường học, cầu cống... được đặt ra rất cấp thiết nên nghề khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng phát triển nhanh chóng và rộng khắp. Bên cạnh nghề phụ của gia đình, nghề thủ công truyền thống được khôi phục, phát triển thêm nhiều nghề mới dưới hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu là hợp tác xã. Thủ công nghiệp và công nghiệp trở thành một ngành kinh tế quan trọng. Quy mô sản xuất ngày càng mở rộng, mặt hàng phong phú, đa dạng, nguyên liệu sản xuất và sản phẩm tiêu thụ cả thị trường trong nước và quốc tế. Điển hình như Hợp tác xã xuất khẩu măng trúc, thảm sần phường 5 (Đông Hà), Hợp tác xã chiếu Gio Mỹ (Bến Hải), Hợp tác xã gạch ngói Quy Thiện, Long Hưng, Đại An Khê, Hợp tác xã Hậu Kiên (Triệu Hải), Hợp tác xã vôi, xi măng 3-2 Quảng Trị.

Giao thông vận tải có bước phát triển, làm mới 41 cầu cống, nâng cấp sửa chữa đường bộ, nạo vét đường sông, đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Vận tải đường thủy phát triển khá, phương tiện vận tải

năm 1980 tăng gấp 3,6 lần so với năm 1976. Trong 5 năm đã vận chuyển trên 7,3 triệu tấn hàng hoá; tốc độ phát triển hàng năm là 10,2%, riêng quốc doanh là 16%, nâng tỷ trọng vận tải quốc doanh trong tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá toàn tỉnh từ 42% năm 1976 lên 71% năm 1980.

Ngành bưu điện đã cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ chỉ đạo sản xuất, đời sống, bảo vệ an ninh, trật tự và sẵn sàng chiến đấu. Mạng lưới điện thoại giữa tỉnh và huyện ngày càng nâng cao chất lượng và mở rộng về cơ sở, những vùng xung yếu.

Công tác phân phối - lưu thông có chuyển biến, việc thu mua năm nguồn hàng địa phương có tiến bộ. Giá trị mua hàng địa phương năm 1980 so với năm 1976 tăng trên 1,2 triệu đồng, tốc độ phát triển bình quân hàng năm là 18,5%. Việc thực hiện ký kết hợp đồng hai chiều giữa các tổ chức kinh tế nhà nước với các cơ sở sản xuất nông nghiệp từ năm 1978 đã mở rộng ra các ngành ngư nghiệp, lâm nghiệp, nghề muối, vật liệu xây dựng, có tác dụng rõ rệt trong thu mua năm nguồn hàng, thúc đẩy sản xuất.

Đến năm 1979, cơ bản hoàn thành xây dựng hợp tác xã mua bán ở xã với 142 cơ sở phía bắc và 167 cơ sở phía nam, thu hút 61 vạn xã viên, gần 68 vạn cổ phần và gần 3,5 triệu đồng tiền vốn. Các huyện phía nam từ Gio Linh đến Phú Lộc đã có 238.976 xã viên tham gia, đạt tỷ lệ 65-70%. Ở các huyện phía bắc, tỉnh tập trung chỉ đạo kiện toàn củng cố, mở rộng kinh doanh, tăng cường quản lý kinh tế - tài chính. Tình hình hoạt động của các hợp tác xã khá

đồng đều, có tác dụng tích cực phục vụ sản xuất và tổ chức đời sống. 95% hợp tác xã kinh doanh có lãi. Tỷ trọng mua hàng địa phương trong tổng giá trị mua vào từ 29% năm 1976 lên 55,7% năm 1980. Về lương thực, trong 5 năm đã huy động được 20 vạn tấn, năm cao nhất (1978) đạt 4,8 vạn tấn. Thu mua thịt lợn qua các năm tăng từ 339 tấn năm 1976 lên 4.190 tấn năm 1980, bình quân tăng hàng năm 28,6%. Mạng lưới bán lẻ của mạng dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán phát triển. Hệ thống tổ chức kinh doanh của thương nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã được xây dựng và tăng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật, vốn tài sản cố định.

Từ năm 1980, ngành thương nghiệp đã chuyển việc cung cấp lương thực thường xuyên từ trước cho gần 10 vạn người sang hợp đồng kinh tế 2 chiều, đình cấp lương thực cho những người làm ăn tự do và không có quan hệ với Nhà nước, điều chỉnh mức cung cấp cho cán bộ, công nhân viên theo quy định; kiểm tra và sửa chữa những sai sót trong phân phối; thực hiện bán ra theo giá kinh doanh cho một số đối tượng và nhu cầu cần thiết nên giảm bớt tình trạng bao cấp hàng năm của Nhà nước khá lớn.

Trên địa bàn Quảng Trị, những năm 1976-1979, ngoài sự phát triển của hệ thống chợ, hầu hết các huyện, thị xã đều thành lập các hợp tác xã mua bán. Hoạt động của thương nghiệp trong giai đoạn này chủ yếu dựa vào hàng hoá từ trên rót xuống; mặt khác, do cơ chế tập trung bao cấp, nên hầu hết các hợp tác xã chưa mạnh dạn tìm tòi lối làm ăn mới, chưa nắm được đại bộ phận nguồn hàng, tiền.

Thương nghiệp vì thế không làm chủ được thị trường, chưa tích cực góp phần cho công cuộc cải tạo và xây dựng nông thôn mới. Từ tháng 6/1980, thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về phân phối và lưu thông, thương nghiệp Quảng Trị bước đầu được củng cố về quản lý thị trường, thiết lập lại trật tự phân phối, lưu thông, chủ động nắm tiền, hàng, điều tiết các nguồn hàng hoá, tập trung xác lập vai trò và vị trí của mình, đồng thời phục vụ tích cực cho sản xuất và đời sống.

Công tác cung ứng vật tư bước đầu được cải tiến và phân cấp về huyện; mạng lưới tăng từ 21 trạm năm 1976 lên 42 trạm năm 1979, phục vụ được một phần cho các mục tiêu kinh tế quan trọng và cấp bách của địa phương. Doanh số kinh doanh của ngành tăng nhưng các mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và xây dựng như xi măng, xăng dầu, sắt thép lại giảm.

Trong quá trình cải tiến công tác phân phối, lưu thông và giải quyết vấn đề lương thực, sau khi có Nghị quyết số 06-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh quan hệ kinh tế với các tỉnh, thành trong nước, góp phần lưu thông hàng hoá, kích thích sản xuất phát triển.

Tuy nhiên, phân phối hàng hoá chưa công bằng, hợp lý, còn nhiều hiện tượng móc ngoặc, tham ô, cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân; chưa đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân, cán bộ, công nhân, viên chức, nhất là ở miền núi, vùng kinh tế mới. Công tác quản lý thị trường chưa được chú trọng và chưa làm tốt

việc chỉ đạo giá cả. Việc tổ chức cung ứng vật tư còn phân tán, nhiều đầu mối, chưa đảm bảo phục vụ tốt nông nghiệp. Việc sử dụng vật tư còn lãng phí nghiêm trọng, nhất là gỗ và vật liệu xây dựng.

Xuất khẩu có bước tiến rõ nét, giá trị hàng xuất khẩu tăng từ 6,4 triệu đồng năm 1976 lên 17 triệu đồng năm 1980, góp phần tạo việc làm cho hàng vạn người ở thành phố, thị xã, tăng tích lũy địa phương từ 30 vạn đồng lên 1 triệu đồng. Các mặt hàng nông sản như tiêu, ớt, lạc, vừng, tôm... hàng năm có tăng. Hàng thủ công mỹ nghệ như chổi dóc, mặt hàng mây, tre đan, thảm cỏ, ván sàn tăng khá. Các mặt hàng này tuy chiếm 54% giá trị xuất khẩu nhưng có tính ổn định và tăng đều.

Thu ngân sách có tiến bộ, tăng được nguồn thu thường xuyên từ 59,9 triệu đồng năm 1976 lên 88 triệu đồng năm 1980.

Công tác định canh, định cư, xây dựng vùng kinh tế mới và phân bổ lại lao động, giải quyết việc làm đạt được những kết quả bước đầu. Gắn lao động với đất đai, kết hợp khôi phục, phát triển sản xuất với tạo việc làm cho người lao động, trong 5 năm tỉnh vận động trên 15,6 vạn dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Trong đó, có 9,6 vạn dân (3,7 vạn lao động) đi xây dựng 41 điểm kinh tế mới gồm 22 xã, 66 hợp tác xã và 148 tập đoàn sản xuất nông nghiệp ở trong tỉnh; hình thành các vùng định canh, định cư trên những địa bàn quan trọng nhằm phát triển kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng. Nhiều vùng kinh tế mới ổn định và phát triển tốt như Khe Sanh. Điển hình trong công tác

định canh, định cư là xã Pa Tầng (Hướng Hoá); trong việc cân đối, phân bổ lại lao động là Hợp tác xã Đại An Khê, Hợp tác xã Long Hưng, Hợp tác xã Phú Hưng (Triệu Hải).

Với sự chuẩn bị chu đáo của tỉnh và tinh thần lao động cần cù, chịu khó của nhân dân, các điểm kinh tế mới của Quảng Trị ở các tỉnh bạn như Lâm Đồng, Đắk Lắk, Thuận Hải sớm ổn định và phát triển.

Kết hợp nhiều biện pháp đồng bộ, các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh đã tạo việc làm cho 3 vạn người ở thành phố, thị xã.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật từng bước được đầu tư xây dựng. Tổng số vốn đầu tư trong 5 năm là 804 triệu đồng, đạt 90,6% kế hoạch, vốn Trung ương là 381 triệu đồng, tập thể và nhân dân đóng góp là 84 triệu đồng, xây dựng 45 công trình do Trung ương quản lý, trong đó có công trình thủy lợi Nam Thạch Hãn; xây dựng 720 công trình do tỉnh quản lý, trong đó 386 công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, trong 5 năm, nhân dân đã đóng góp 20 triệu ngày công, có 5 triệu ngày công không có trợ cấp để đào đắp 14 triệu m³ đất phục vụ xây dựng các công trình thủy lợi, 1,6 triệu ngày công rà phá bom mìn, 4,5 triệu ngày công xây dựng 8.500 km đường giao thông nông thôn, góp phần rất lớn vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh. Phần lớn cơ sở vật chất - kỹ thuật của xã, phường, thị trấn, hợp tác xã như sân phơi, nhà kho, nhà xưởng, các công trình phúc lợi chủ yếu do nhân dân tự đóng góp xây dựng, Nhà

nước chỉ hỗ trợ một phần, đáp ứng được yêu cầu sản xuất và đời sống ở cơ sở.

Phong trào làm thủy lợi được đẩy mạnh phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp và đời sống. Trong 5 năm, toàn tỉnh đã xây dựng 550 công trình thủy lợi, hoàn thành 10 hệ thống thủy nông, đưa diện tích được tưới nước từ 73.600 ha năm 1976 lên 110.850 ha năm 1980. Trong đó, công trình đại thủy nông Nam Thạch Hãn, công trình thủy lợi lớn nhất đầu tiên của tỉnh được khởi công xây dựng vào ngày 08/3/1978. Trung bình mỗi ngày có trên 15.000 chiến sĩ của các binh đoàn lao động xung kích các huyện, sư đoàn bộ đội địa phương 186 và hàng ngàn công nhân, cán bộ của các đơn vị chuyên môn kỹ thuật của Trung ương và tỉnh tập trung thi công. Trong hoàn cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, công nhân, nông dân, bộ đội lao động trên công trường phải ăn khoai, sắn; đặc biệt là chịu nhiều thương vong vì bom mìn; nhưng với quyết tâm cao, hàng ngàn người ngày đêm vẫn miệt mài lao động, bất chấp gian khổ, hy sinh. Sau gần hai năm nỗ lực phấn đấu, công trình đã được đưa vào sử dụng giai đoạn 1, đảm bảo nước tưới cho hàng ngàn héc-ta diện tích canh tác của huyện Triệu Hải, biến những cánh đồng quanh năm khô hạn trước đây thành vựa lúa của cả tỉnh. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới được đẩy mạnh. Về kinh tế quốc doanh, đã có 67 xí nghiệp, 10 nông trường, 15 lâm trường, 2 trạm

trồng rừng và hàng chục trạm, trại giống cây, con; trạm sửa chữa cơ khí, máy kéo. Kinh tế tập thể có 460 hợp tác xã và 137 tập đoàn sản xuất ở đồng bằng; 50 hợp tác xã và 231 tập đoàn sản xuất ở miền núi; vùng biển có 134 hợp tác xã và 93 đội, tổ sản xuất. Thành phố và thị xã có 11 hợp tác xã và hàng chục tập đoàn sản xuất.

Các hoạt động văn hoá, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nhằm từng bước xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo.

Phong trào bổ túc văn hoá phát triển. Giáo dục mầm non được tăng cường, 50% số cháu trong độ tuổi được vào nhà trẻ, 50% số xã miền núi đã có lớp mẫu giáo. Tổng số học sinh phổ thông từ 38 vạn năm 1976 tăng lên 42,3 vạn năm 1980. Số học sinh giỏi và học sinh xuất sắc ngày càng tăng lên cả về chất lượng và số lượng. Các trường vừa học, vừa làm phát triển. Toàn tỉnh có 175 trường vừa học, vừa làm, trong đó 5.000 người học văn hoá cấp III. Mô hình trường vừa học, vừa làm đã kết hợp tốt giữa học tập và lao động sản xuất. Điển hình là 2 trường vừa học, vừa làm Cồn Tiên và Tân Lâm đã tự giải quyết được chi phí cho học sinh, vừa tăng thêm nguồn lao động bổ sung cho các nông trường.

Các hoạt động thông tin, báo chí, văn học, nghệ thuật đã bám sát nhiệm vụ chính trị của đất nước và quê hương, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phổ biến kiến thức phổ thông, nâng cao ý thức làm chủ tập thể, chống lại các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch;

biểu dương người tốt, việc tốt, góp phần phát huy truyền thống, động viên khí thế cách mạng và lòng tự hào dân tộc, cổ vũ phong trào xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, phong cách lao động mới. Phong trào văn hoá văn nghệ quần chúng phát triển mạnh. Các đội văn nghệ chuyên nghiệp được nâng cao chất lượng, về cơ sở phục vụ nhân dân. Phong trào thể dục thể thao phát triển rầm rộ, nhất là trong tầng lớp thanh, thiếu niên.

Mạng lưới y tế được mở rộng, dịch bệnh được đẩy lùi và dập tắt kịp thời. Bình quân 260 người dân có một giường bệnh, 1.500 dân có một bác sĩ hoặc y sĩ. Trong công tác phòng và chữa bệnh, ngành y tế đã mở rộng việc kết hợp đông y với tây y, sản xuất và sử dụng dược liệu địa phương. Công tác củng cố, điều chỉnh mạng lưới y tế, kết hợp dân y và quân y trên từng địa bàn, sẵn sàng phục vụ chiến đấu được tích cực triển khai. Phong trào 5 dứt điểm về xây dựng 3 công trình vệ sinh, sinh đẻ có kế hoạch, dùng thuốc nam để chữa bệnh, xây dựng mạng lưới y tế cơ sở có bước phát triển và xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến ở các xã, huyện, thành phố, thị xã. Cuộc vận động nhân dân thực hiện “ba sạch” và “bốn diệt” được triển khai rộng khắp. Sức khoẻ của nhân dân được tăng lên.

Cùng với việc tập trung phát triển sản xuất, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các ngành và phát động nhân dân thực hiện chính sách đối với thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; điều tra, tìm kiếm, quy tập mộ liệt sĩ. Số liệu điều tra bước đầu của 25 tỉnh, thành có 11.130 liệt sĩ hy

sinh trên quê hương Bình Trị Thiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Toàn tỉnh thực hiện chăm sóc 40.000 gia đình liệt sĩ, trên 8.000 thương binh, 17.000 cán bộ hưu trí, mất sức và trên 10.000 quân nhân phục viên. Cuộc vận động “Phấn đấu trở thành công dân kiểu mẫu, gia đình cách mạng gương mẫu” và thực hiện nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy đối với gia đình chính sách trong khoán sản phẩm đã thúc đẩy các đối tượng có công với cách mạng hăng hái tham gia sản xuất. Nhiều gia đình tăng thu nhập, nâng cao đời sống.

Công tác xây dựng huyện được đẩy mạnh. Ngày 14/10/1977, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 10-NQ/TU về công tác xây dựng Đảng ở huyện và cơ sở, trong đó nêu rõ: Công tác hợp nhất huyện được tiến hành nhanh, gọn cùng với việc hoàn thành tốt đẹp đại hội đảng bộ các huyện và cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân đã kiện toàn một bước bộ máy Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Cán bộ huyện ủy được nâng cao chất lượng, 97% huyện ủy viên có trình độ văn hoá cấp II trở lên, 19,9% có trình độ đại học, 1,9% có trình độ trung cấp. Trên 50% cán bộ Ủy ban nhân dân và trưởng, phó phòng cấp huyện dưới 45 tuổi, 30% ủy viên Hội đồng nhân dân và 47% trưởng, phó phòng có trình độ kỹ thuật, quản lý từ trung học đến đại học. Hầu hết các đồng chí chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban nông nghiệp và 50% trưởng, phó phòng các ngành thủy lợi, lâm nghiệp, tài chính có trình độ đại học.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc các huyện đã tiến hành đại

hội, đóng góp tích cực vào việc giáo dục, vận động, tổ chức phát động các phong trào cách mạng quần chúng như phong trào thủy lợi, khai hoang, đi xây dựng vùng kinh tế mới, trồng rừng, làm nghĩa vụ với Nhà nước, thực hành tiết kiệm...

Đội ngũ đảng viên được nâng cao cả chất lượng và số lượng. Công tác giáo dục, kiểm tra, kỷ luật được tiến hành chặt chẽ. Qua thực hiện Chỉ thị số 192 ở phía bắc và tiến hành công tác bảo vệ Đảng ở phía nam, đã đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hoá, biến chất, đầu hàng phản bội.

Tuy nhiên, sinh hoạt của nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa được cải tiến, tính chiến đấu và chất lượng lãnh đạo chưa cao. Trình độ chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế của phần đông cốt cán ở cơ sở còn thấp. Phần lớn cán bộ cơ sở chưa được học tập, bồi dưỡng có hệ thống. Nhiều đồng chí lãnh đạo tuổi già, sức yếu, năng lực chỉ đạo hạn chế (25% trên 51 tuổi, 50% có trình độ văn hoá cấp 1). Công tác phát triển Đảng chưa được chú ý đúng mức, có nơi 7-8 năm không kết nạp được một đảng viên nào.

Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đại hội Đảng đề ra, Nghị quyết số 10 của Tỉnh ủy chỉ rõ: việc kiện toàn, xây dựng cấp huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp là vấn đề then chốt và cấp bách; nâng cao chất lượng đảng viên, làm cho chi bộ trở thành hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở, đảng viên trở thành chiến sĩ tiên phong, gương mẫu là một nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng

hàng đầu của công tác xây dựng Đảng. Tỉnh ủy lấy ba huyện Triệu Hải, Hướng Hoá, Bố Trạch làm điểm chỉ đạo. Huyện Triệu Hải đã xây dựng 6 hợp tác xã điểm: Triệu Trạch, Triệu Lương, Triệu Hoà, Hải Thiện, Hải Vĩnh, Hải Lâm; tiếp tục khai hoang, xây dựng nông trường, quy hoạch và chỉ đạo thí điểm vùng cát, đưa điện về các trạm bơm, xây dựng trại chăn nuôi lợn và trạm cơ khí; tổ chức bình đoàn lao động xung kích tại công trình Nam Thạch Hãn gồm 4.000 người.

Đối với huyện Hướng Hoá, thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn “xây dựng Hướng Hoá thành một huyện miền núi kiểu mẫu”, Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ: Hoàn thành quy hoạch tổng thể, đồng thời với quy hoạch trồng màu, phải chú ý quy hoạch vùng trồng lúa nước, phát triển thủy lợi; hoàn chỉnh quy hoạch vùng trồng cà phê; xúc tiến nhanh hai điểm thực hiện định canh, định cư, giao đất, giao rừng, từ điểm mở ra diện; tiến hành làm đường giao thông từ làng Vây vào Lìa, đảm bảo giao thông cho vùng Lìa trong bất kỳ tình huống nào, tiến tới thông 4 tuyến đường: Khe Sanh - Lìa, Khe Sanh - Lao Bảo, Khe Sanh - Tà Rụt, Khe Sanh - Nguồn Rào. Hoàn chỉnh xây dựng trạm xá ở Lìa và các trạm xá khác; đưa thuốc đến tận người dân, nhất là nơi xa xôi hẻo lánh; xây dựng các cửa hàng ở Lìa, Lao Bảo, nghiên cứu xây dựng các hợp tác xã mua bán; phát động phong trào xây dựng đời sống văn hoá mới, xoá bỏ mê tín dị đoan; tăng cường quan hệ đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau với nước bạn.

Thực hiện chủ trương đó, huyện Hướng Hoá lập Ban chỉ đạo vùng Lìa, củng cố các tập đoàn sản xuất, xây dựng hợp tác xã điểm Tân Phước, xây dựng thủy lợi và đường giao thông lên vùng Lìa.

Đến năm 1978, tất cả các huyện cơ bản hoàn thành công tác điều tra, quy hoạch tổng thể và đề án phát triển kinh tế - xã hội. Dựa vào quy hoạch tổng thể, phương hướng sản xuất của các đơn vị cơ sở, bước đầu giải quyết được một phần diện tích cây trồng xen canh, thâm canh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức lại sản xuất và quản lý của các đơn vị, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Các huyện phía nam thành lập ban cải tạo nông nghiệp, bổ sung cán bộ nghiệp vụ để làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy và Ủy ban nhân dân huyện. Các huyện phía bắc cũng xác định ranh giới quy mô hợp tác xã cho phù hợp với cơ sở vật chất - kỹ thuật và năng lực quản lý của cán bộ.

Ngày 18/6/1980, Tỉnh ủy ra Chỉ thị về việc xây dựng đội ngũ cốt cán trong quần chúng, củng cố các đoàn thể ở cơ sở gắn liền với cuộc vận động củng cố hợp tác xã nông nghiệp và xây dựng huyện. Với sự chỉ đạo sâu sát đó, công tác xây dựng huyện trở thành một đơn vị kinh tế, pháo đài vững chắc về quốc phòng - an ninh được xúc tiến mạnh mẽ. Tỉnh từng bước phân cấp, phân công quản lý kinh tế - kỹ thuật cho huyện, bàn giao cho huyện 35 cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, công nghiệp và xây dựng được 4 đại lý cung ứng vật tư kỹ thuật ở huyện, phân cấp thu, chi ngân sách cho huyện.

Bộ máy lãnh đạo, quản lý và các tổ chức cấp huyện được kiện toàn một bước. Trong 3 năm đã tăng cường cho các huyện 714 cán bộ có trình độ đại học và trung học. Bình quân mỗi huyện có 20 cán bộ đại học và 35 cán bộ trung cấp kinh tế - kỹ thuật, riêng ngành nông nghiệp có 3 cán bộ đại học và 20 cán bộ trung cấp, đạt tỷ lệ 75%. Số người có trình độ văn hóa cấp 3 năm 1976 chỉ chiếm 21%, năm 1980 tăng lên 46%; trình độ trung cấp, cao cấp lý luận chính trị từ 23% tăng lên 51%. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho các hợp tác xã được chú ý. Trong hai năm 1977-1978 đã đào tạo, bồi dưỡng 13.000 người. Năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội của đội ngũ cán bộ cấp huyện và xã được nâng lên.

Phong trào hợp tác hoá tiếp tục phát triển mạnh. Ở các huyện Triệu Hải, Hướng Hoá, nam huyện Bến Hải (Gio Linh) và thị xã Đông Hà, rút kinh nghiệm hợp tác hoá ở miền Bắc, phong trào hợp tác hóa đi dần từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn. Sau bước làm thử xây dựng tập đoàn những năm 1976-1977 và xây dựng hợp tác xã 1978-1979, đến năm 1980, hai mô hình kinh tế tập thể đã cơ bản hoàn thành. Riêng Hướng Hoá là huyện miền núi nên phong trào có nhiều hạn chế. Huyện Bến Hải có 99,8% số hộ nông dân, huyện Triệu Hải có 96,4% số hộ vào làm ăn tập thể. Bắc Bến Hải (Vĩnh Linh) thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất theo Nghị quyết số 61-CP của Chính phủ, quy hoạch lại nông thôn, mở rộng quy mô hợp tác xã nhằm đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đến năm 1980, 4 huyện, thị xã trên địa bàn

Quảng Trị có 187 hợp tác xã và gần 100 tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Tuy vậy, chủ trương hợp tác hoá nông nghiệp thời kỳ này cũng còn nhiều khuyết điểm. Mặc dù tư liệu sản xuất đã được tập thể hoá, nhưng các hợp tác xã chưa phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của xã viên trong xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, cũng như thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác quản lý hợp tác xã, nhất là thực hiện chế độ khoán còn yếu. Tình trạng tham ô, lãng phí còn nhiều. Cán bộ quản lý ở các hợp tác xã, ở đội sản xuất vừa thiếu vừa yếu. Bộ máy quản lý ở tỉnh, huyện chậm được tăng cường. Quy mô một số hợp tác xã, đội sản xuất còn quá lớn, không phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ, nảy sinh tình trạng có nơi làm không đúng chính sách, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Những thiếu sót đó đã hạn chế không ít nhiệt tình lao động sản xuất và tinh thần xây dựng hợp tác xã của xã viên. Vì vậy, một số hợp tác xã phải điều chỉnh lại quy mô. Ở Triệu Hải, 8 hợp tác xã điều chỉnh thành 20 hợp tác xã. Đến năm 1980, toàn huyện có 85 hợp tác xã với 29.697 hộ. Ở bắc Bến Hải (Vĩnh Linh), có nơi chưa có quy hoạch đã dời làng, dời dân, làm đảo lộn cuộc sống của nhân dân; môi trường sinh thái bị phá vỡ. Số ít xã ven biển xảy ra tình trạng cát bay, cát lấp nghiêm trọng. Vì vậy, sau một thời gian sa sút, một số hợp tác xã có nguy cơ tan rã, nhân dân trở về quê cũ, nên phải chia nhỏ trở lại.

Hoạt động đối ngoại phát triển. Bước sang giai đoạn mới, nhận thức rõ tầm quan trọng của sự hợp tác, giúp đỡ

của các nước bạn trên tinh thần quốc tế vô sản, Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên không ngừng giáo dục, nâng cao ý thức về nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế cao cả, tăng cường mối quan hệ hợp tác với một số tỉnh của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, tích cực góp phần củng cố tình hữu nghị đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ngày 18/7/1977, Chính phủ hai nước Việt Nam và Lào ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, tiến hành hoạch định biên giới của hai quốc gia. Ủy ban liên hợp Việt - Lào được thành lập và chọn tỉnh Bình Trị Thiên và tỉnh Savannakhet làm thí điểm về việc phân định biên giới của hai nước.

Từ ngày 17/11 đến ngày 20/11/1978, Ủy ban liên hợp đã họp tại Lao Bảo, huyện Hướng Hoá. Tham gia Ủy ban có đồng chí Nguyễn Sanh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên. Hai bên cùng nhau trao đổi, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm công tác phân giới trên thực địa và cắm mốc thí điểm 20 km. Trên cơ sở đó, thống nhất những quy định về nguyên tắc và phương pháp tiến hành phân giới và cắm mốc trên toàn tuyến. Hai bên nhất trí đánh giá việc làm thí điểm đạt kết quả tốt, rút ra được nhiều kinh nghiệm cho các bước tiếp theo. Thành viên của hai đoàn nêu cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ. Hai bên đã hợp tác làm việc trên tinh thần đoàn kết hữu nghị, tin cậy, giúp đỡ lẫn nhau, góp phần tăng cường mối quan hệ hữu nghị Việt - Lào ngày càng chặt chẽ. Sau cuộc họp, Ủy ban liên hợp khẩn trương phân giới trên thực địa và

cắm mốc phần còn lại của đoạn thí điểm Bình Trị Thiên và Savannakhet, sau đó là giữa tỉnh Bình Trị Thiên với Salavan. Công việc được tiến hành từ năm 1977 đến năm 1981 mới hoàn thành.

Nhằm thắt chặt hơn quan hệ giữa hai nước, hai tỉnh Bình Trị Thiên và Savannakhet đã tổ chức kết nghĩa. Huyện Hướng Hoá kết nghĩa với ba huyện SêPôn, Mường Noong, Xà Muối. Phát huy truyền thống đoàn kết lâu đời, hai bên đều chăm lo giáo dục cho cán bộ, đảng viên, nhân dân về mối quan hệ gắn bó giữa hai Đảng, hai Nhà nước, hai dân tộc và trách nhiệm cùng nhau xây đắp tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt. Toàn tỉnh có 30 ngành tham gia thực hiện các kế hoạch hợp tác với tỉnh Savannakhet. Một số ngành như thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, đài phát thanh đã giúp bạn xây dựng các công trình kinh tế, văn hoá, xã hội. Đã có nhiều đoàn cán bộ chính quyền, Mặt trận, các ngành, các đoàn thể của hai tỉnh qua lại trao đổi, học tập kinh nghiệm. Tỉnh cũng giúp bạn điều tra cơ bản, thiết kế kỹ thuật, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, cử nhiều đoàn cán bộ chuyên gia, kỹ thuật sang làm việc. Thái độ chân tình, cởi mở của cán bộ tỉnh đã góp phần vun đắp thêm niềm tin cậy của bạn đối với Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Đối với các tỉnh Xiêm Riệp - Ôđômiênchay và Mônđôkiri của Campuchia, theo sự chỉ đạo của Trung ương, tỉnh đáp ứng kịp thời, đầy đủ yêu cầu của bạn về cán bộ, phương tiện vật chất - kỹ thuật giúp bạn tái thiết quê hương.

Trong tình hình mới, Tỉnh ủy từng bước chấn chỉnh việc đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến tham quan; phục vụ các đoàn chuyên gia, cán bộ, công nhân, học sinh sang công tác, học tập; góp phần tích cực thực hiện công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường đoàn kết quốc tế; để khách và bạn hiểu biết về đất nước, con người Việt Nam nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh được thực hiện theo chủ trương của Bộ Chính trị là rút ngắn thời gian hoàn thành cơ bản từ 5 năm xuống 2 năm (1977-1978). Ngày 06/10/1977, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên ra Nghị quyết số 08-NQ/TU về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, trong đó nêu rõ phương châm là: kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng, gắn chặt việc xóa bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa với việc tổ chức lại sản xuất trong từng ngành, từng địa phương và xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa; cải tạo xã hội chủ nghĩa ở thành thị kết hợp chặt chẽ với cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, kiên quyết xóa bỏ sự lũng đoạn của tư sản đối với nông thôn, xây dựng mạng lưới hợp tác xã mua bán; bảo đảm làm tốt, vững, gọn, tích cực, khẩn trương nhưng không nóng vội; chuẩn bị tốt đến đâu làm đến đó; có bước đi thích hợp trong từng ngành, từng địa phương; kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, kết hợp cải tạo với giác ngộ quần chúng,

rèn luyện đảng viên và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở¹.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I và Nghị quyết số 8 của Tỉnh ủy, trong 5 năm 1976-1980, công tác cải tạo công thương nghiệp đã đạt được những kết quả nhất định. Tư sản thương nghiệp về căn bản đã bị xoá bỏ, kinh tế tư bản tư doanh trong công nghiệp (vận tải, xây dựng...) được cải tạo bằng nhiều hình thức (đã thành lập 07 xí nghiệp công tư hợp doanh, 05 xí nghiệp hợp tác, 02 xí nghiệp quốc doanh). Tổ chức được 120 hợp tác xã thủ công nghiệp, 300 tổ hợp, thu hút 23.000 thợ thủ công (chiếm hơn 60%) và trên một vạn người buôn bán nhỏ vào mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ ở các phường, xã. 15.000 hộ (chiếm 80% số hộ) đã được cấp giấy phép kinh doanh. Cơ bản hoàn thành cải tạo và quản lý nhà vắng chủ, nhà cho thuê và nhà ở của các đối tượng theo quy định của Nhà nước.

Thông qua cải tạo xã hội chủ nghĩa, đã bước đầu củng cố tổ chức, quản lý sản xuất. Các tổ chức đảng và đoàn thể chính trị, đội tự vệ đã làm chủ trong các xí nghiệp quốc doanh, công ty hợp doanh, các tổ hợp, động viên quần chúng đảm bảo sản xuất, góp phần giải quyết khó khăn về đời sống.

1. Trước khi tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư nhân, trên địa bàn Quảng Trị có 5.300 hộ kinh doanh công thương nghiệp và Thừa Thiên có 20.600 hộ kinh doanh công thương nghiệp, riêng thành phố Huế có 9.000 hộ kinh doanh công thương nghiệp.

Tuy nhiên, những năm về sau, công tác chỉ đạo cải tạo công thương nghiệp thiếu chặt chẽ, liên tục, chưa kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo với xây dựng, quản lý thị trường, chưa phát huy đầy đủ vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, chưa quan tâm đúng mức đến lợi ích của người lao động cũng như phát huy mặt tích cực của người sản xuất nhỏ để phát triển sản xuất. Một số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, thủ công nghiệp chưa được củng cố, công tác quản lý yếu. Năng lực sản xuất của các xí nghiệp sau cải tạo chưa được sử dụng tốt, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế thấp. Chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa là rất cần thiết, nhưng trong quá trình thực hiện, do còn biểu hiện chủ quan, nóng vội, duy ý chí, công tác chuẩn bị chưa tốt, năng lực quản lý của cán bộ còn yếu nên không phát huy được năng lực sản xuất của các xí nghiệp. Một số tư sản lợi dụng sơ hở, đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường.

Công tác quốc phòng - an ninh được tăng cường. Mặc dù đã thất bại hoàn toàn trong chiến tranh xâm lược nước ta, nhưng với bản chất hiếu chiến, đế quốc Mỹ vẫn tổ chức lực lượng thực hiện kế hoạch “hậu chiến”, hòng thực hiện ý đồ “trở lại Việt Nam”. Chúng tăng cường hoạt động phá hoại công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Các lực lượng phản động bên ngoài cũng tìm mọi thủ đoạn phá hoại, hòng làm giảm uy tín của Việt Nam trên thế giới.

Trong tỉnh, các đảng phái phản động, ngụy quân, ngụy quyền chưa chịu cải tạo, phản động lợi dụng tôn giáo

ra sức móc nối liên kết với nhau công khai hoặc ngầm ngầm chống phá cách mạng. Chúng vừa thực hiện chiến tranh tâm lý, xuyên tạc đường lối chính sách, phục hồi các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, mê hoặc, kích động, lôi kéo nhân dân; mua chuộc, hủ hoá cán bộ; vừa kết hợp với các hoạt động vũ trang. Chúng tìm cách len lỏi, chui sâu vào hàng ngũ cách mạng, mở rộng địa bàn hoạt động ra các huyện phía bắc, vùng kinh tế mới, những địa bàn xung yếu, nơi cơ sở cách mạng còn yếu... kết hợp với xâm nhập từ bên ngoài. Hoạt động của chúng có tổ chức, có chỉ đạo và quan hệ với nước ngoài, phá hoại ta trên nhiều mặt nhằm gây rối an ninh chính trị và trật tự xã hội, chia rẽ nội bộ nhân dân để khôi phục lực lượng. Số vụ việc, tính chất nghiêm trọng và quy mô hoạt động của chúng tăng dần. Chúng mưu đồ chuẩn bị bạo loạn vũ trang, bạo loạn chính trị, vừa phá hoại trước mắt vừa chuẩn bị cho những ý đồ nham hiểm lâu dài...

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng: “Luôn luôn coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng và đủ sức đập tan mọi hành động xâm lược và mọi hoạt động phản cách mạng”, Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên đã hết sức chú trọng công tác củng cố quốc phòng - an ninh. Ngày 10/12/1977, Tỉnh ủy Bình Trị Thiên ra Chỉ thị số 28-CT/TU về việc tăng cường bảo vệ tuyến phòng thủ ven biển. Ngày 01/02/1978, Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 02-NQ/TU về tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an

toàn xã hội. Nghị quyết đề ra nhiệm vụ không ngừng xây dựng, củng cố các lực lượng vũ trang bao gồm bộ đội chủ lực, dân quân du kích, tự vệ chiến đấu ở trên tất cả các vùng chiến lược, trong từng thôn xóm, khu phố, cơ quan, xí nghiệp để bất cứ lúc nào, trong tình huống nào cũng chủ động, sẵn sàng chiến đấu, làm tròn nhiệm vụ bảo vệ địa phương, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường công tác giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn dân trong nhiệm vụ xây dựng quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; trước hết là trong thanh niên, thiếu niên, học sinh; động viên tinh thần yêu nước, yêu xã hội chủ nghĩa, hăng hái thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Tháng 6/1978, Hội nghị Tỉnh ủy Bình Trị Thiên lần thứ sáu đề ra nghị quyết về công tác quân sự địa phương trong giai đoạn 1978-1980, nêu rõ: Dù trong tình huống nào của chiến tranh cũng phải giữ vững địa bàn, giữ vững thế tiến công, phải đập tan bằng được âm mưu chia cắt chiến lược của địch; giữ vững và phát huy thế liên hoàn chiến lược Bắc - Nam của Tổ quốc và giữa nước ta với nước bạn Lào, sẵn sàng chi viện cho các chiến trường khác.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, nhằm đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất, trong phiên họp ngày 10/7/1978, Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Ban Chỉ huy quân sự ở các huyện, thành phố, thị xã.

Tinh thần các nghị quyết của Tỉnh ủy được quán triệt sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, tạo nên

khí thế cách mạng sôi nổi. Quần chúng nhân dân tích cực tham gia phong trào “Sản xuất giỏi, văn hoá cao, an ninh quốc phòng tốt”, ra sức lao động sản xuất, dự trữ lương thực chuẩn bị chiến đấu, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương với tiền tuyến và làm nghĩa vụ quốc tế. Việc bố phòng tác chiến, hợp đồng chiến đấu với các đơn vị bạn, bố trí lực lượng ở những vùng xung yếu đã được thực hiện. Lực lượng vũ trang địa phương từng bước trưởng thành, kết hợp chặt chẽ với lực lượng công an tăng cường bảo vệ biên giới, bờ biển, hải đảo, nội địa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đồng thời tích cực lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, góp phần cùng toàn dân tạo thế và lực mới cho nền kinh tế và quốc phòng của địa phương. Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức rộng khắp, từ năm 1977 đến tháng 6/1979 phát triển thêm 101.271 người, nâng tỷ lệ so với dân số từ 5,7% năm 1977 lên 10,81% năm 1979. Dân quân tự vệ còn được tổ chức thành các binh đoàn xung kích, làm nòng cốt trên các công trường, vừa lao động sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu.

Bộ đội địa phương được củng cố, điều chỉnh và xây dựng theo yêu cầu mới, bố trí trên các địa bàn trọng điểm, từng bước tạo cơ sở cho việc mở rộng và phát triển lực lượng khi cần thiết; vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa sản xuất, góp phần giải quyết lương thực, thực phẩm.

Lực lượng dự bị động viên gồm 36.000 người, được tổ chức quản lý, sắp xếp để sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Các cuộc diễn tập quân sự trên địa bàn xã (Triệu Đại), địa bàn huyện (Bến Hải) và liên huyện được tổ chức.

Ngày 10/10/1979, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 22-NQ/TW về việc chuyển giao nhiệm vụ và lực lượng Công an nhân dân vũ trang từ Bộ Nội vụ sang Bộ Quốc phòng và phân định lại nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an ninh biên giới, bờ biển, hải đảo. Ngày 14/3/1980, lực lượng Công an nhân dân vũ trang tỉnh Bình Trị Thiên chính thức chuyển sang Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và thành lập Bộ đội Biên phòng nhằm tăng cường sức mạnh, khả năng phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu.

Nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên sẵn có truyền thống yêu nước nồng nàn, trước vận mệnh đất nước bị đe dọa, một lần nữa cùng cả nước đứng lên quyết tâm chiến đấu. Hàng ngàn lá đơn tình nguyện của thanh niên, học sinh, trong đó có những lá đơn viết bằng máu được gửi lên huyện, tỉnh xin ra mặt trận. Hàng ngàn con em các dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Trị Thiên đã lên đường nhập ngũ tham gia chiến đấu ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế cao cả tại Campuchia và Lào. Năm 1978 vượt 2,44%, năm 1979 vượt 8,97%, 3 năm 1977-1979 vượt 5,1% chỉ tiêu tuyển quân trên giao, đạt 157% (13.529/8.600 người). Cùng cả nước, nhiều người con của quê hương Quảng Trị đã chiến đấu, hy sinh anh dũng trên các chiến trường Campuchia, Lào và hai đầu biên giới. Trong 5 năm, nhân dân đã đóng góp 3 triệu đồng vật liệu và 2 triệu ngày công để xây dựng quốc phòng. Riêng trong năm 1979, hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhân dân toàn tỉnh đóng góp trên 900 tấn vôi và xi măng, 2 triệu viên gạch, 37 vạn cây tre,

hơn 8 vạn cây gỗ tròn, hàng vạn cọc sắt và nhiều vật liệu khác để xây dựng công sự sẵn sàng chiến đấu.

Trên mặt trận an ninh chính trị, tỉnh kịp thời phát hiện và trấn áp những hoạt động của các tổ chức phản động; những hành động xuyên tạc, kích động, chống đối cách mạng của bọn phản động lợi dụng tôn giáo, gián điệp xâm nhập, trốn ra nước ngoài; tích cực tấn công vào một số đầu mối gián điệp cài lại của địch trong nội bộ và ngoài xã hội. Tỉnh đã phối hợp với Quảng Nam - Đà Nẵng truy quét một số tên phỉ và phản động có vũ trang nhen nhóm hoạt động ở vùng giáp ranh. Tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội dần dần ổn định và cơ bản được giữ vững.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, các cơ quan hữu quan đã tiến hành nhiều biện pháp đấu tranh để bảo vệ công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực kinh tế. Từ năm 1977 đến tháng 6/1979, phát hiện trên 2.000 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, gây thiệt hại trên 3 triệu đồng, xử lý 1.018 vụ, thu hồi tài sản trị giá 1,7 triệu đồng.

Bằng nhiều biện pháp tích cực, công tác giữ gìn an ninh trật tự được thực hiện có hiệu quả. Các mặt quản lý hành chính, trị an có tiến bộ nên đã khám phá nhiều ổ nhóm lưu manh, trấn áp kịp thời những tên côn đồ hung hãn, do đó, tội phạm hình sự nghiêm trọng giảm dần.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được chú trọng. Đảng bộ

thường xuyên mở các lớp quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ cho đảng viên. Đồng thời, các đợt sinh hoạt chính trị như kỷ niệm các ngày lễ lớn, phát thẻ đảng viên, các cuộc vận động củng cố hợp tác xã và xây dựng huyện, chống các hiện tượng tiêu cực... đã tạo ra một bước chuyển biến tích cực về nhận thức chính trị trong toàn thể đảng viên; nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Tỉnh ủy nêu cao tinh thần đoàn kết tương trợ, giúp đỡ nhau của ba tỉnh trước đây để đảng viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nỗ lực xây dựng tỉnh mới ngày càng giàu đẹp.

Nhờ làm tốt công tác chính trị, tư tưởng nên cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu rõ đường lối, quan điểm của Đảng và chủ trương của Đảng bộ trong thời kỳ mới. Đặc biệt là trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, công tác tư tưởng chính trị của Đảng bộ đã khơi dậy được ý chí tự lực, tự cường của toàn Đảng, toàn dân, hoàn thành các mục tiêu của Đại hội Đảng bộ, đẩy mạnh các phong trào hành động cách mạng.

Công tác bồi dưỡng lý luận, quán triệt tình hình và nhiệm vụ nhằm xây dựng lập trường của giai cấp công nhân, nâng cao ý chí chiến đấu, bồi dưỡng kiến thức và năng lực công tác, từng bước giải quyết sự không đồng đều về trình độ và kinh nghiệm lãnh đạo cho cán bộ, đảng viên ở các cấp được chú trọng và ngày càng có chất lượng, đạt hiệu quả thiết thực.

Trước biến chuyển lớn của tình hình đất nước, nhiệm vụ của Đảng bộ thêm nặng nề và gặp khó khăn lớn, nhưng đại bộ phận đảng viên vẫn vững vàng, kiên định, giữ vững truyền thống đoàn kết nhất trí và kiên trì khắc phục khó khăn, lãnh đạo và cùng với quần chúng quyết tâm thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược.

Tổ chức cơ sở đảng được củng cố và thử thách trong phong trào cách mạng đã có bước trưởng thành và ngày càng ổn định. Các cấp ủy đảng được nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học, kỹ thuật và quản lý kinh tế, về năng lực lãnh đạo toàn diện. Nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở có tiến bộ trong việc nắm vững và vận dụng đường lối, quan điểm của Đảng, đề ra được nhiệm vụ chính trị và biện pháp đúng đắn, vươn lên đáp ứng yêu cầu mới.

Ngày 31/7/1979, Tỉnh ủy Bình Trị Thiên ra Nghị quyết về công tác phát triển Đảng và kiện toàn, củng cố tổ chức đảng. Nghị quyết đã chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm trong phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức đảng: việc phát triển Đảng chưa gắn chặt với nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng; ít chú ý phát triển đảng vào thành phần công nhân, nữ, dân tộc thiểu số, các địa bàn trọng yếu. Nhiều nơi không xây dựng được chi bộ, tổ đảng hoặc không có đảng viên. Tỷ lệ đảng viên trực tiếp sản xuất và cầm súng sẵn sàng chiến đấu ở nhiều nơi quá thấp. Tuổi đời bình quân của đảng viên còn quá cao. Tỉnh ủy yêu cầu: tiến hành phát triển Đảng một cách tích cực, vững chắc, có lãnh đạo chặt chẽ, nhằm

tăng cường sức chiến đấu của Đảng, làm trẻ hóa đội ngũ của Đảng; xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở những nơi chưa có hoặc còn ít đảng viên, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, bảo đảm tính kế thừa của Đảng, đào tạo đội ngũ cán bộ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị trước mắt và chuẩn bị cho lâu dài. Trong công tác phát triển đảng viên, phải nắm vững phương hướng giai cấp, coi trọng phát triển những người ưu tú nhất trong giai cấp công nhân, trong nông dân tập thể, chiến sĩ quân đội và công an, du kích, tự vệ chiến đấu, trí thức xã hội chủ nghĩa có đủ tiêu chuẩn, được thử thách, rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh, được quần chúng tin yêu. Chú trọng lực lượng trẻ, nữ, dân tộc thiểu số. Chú ý phát triển Đảng ở những đơn vị trực tiếp sản xuất, kinh doanh, chiến đấu, các vùng trọng yếu về chính trị, kinh tế, quốc phòng.

Quán triệt và thực hiện chỉ thị, số đảng viên được kết nạp trong toàn tỉnh tăng rõ rệt qua từng năm: năm 1977 kết nạp 400 đảng viên, năm 1978 kết nạp 663 đảng viên, năm 1979 kết nạp 1.390 đảng viên. Số đảng viên được kết nạp 3 năm là 2.453 đồng chí.

Đến năm 1980, 98,9% số xã, phường, thị trấn đã có chi bộ, đảng bộ cơ sở. Số tổ chức đảng yếu kém ngày càng giảm, từ 105 cơ sở năm 1977 xuống 66 cơ sở năm 1978, 55 cơ sở năm 1979. Riêng ở xã, phường, thị trấn, số cơ sở đảng yếu kém chiếm tỷ lệ 27% năm 1977 xuống còn 14,8% vào giữa năm 1979.

Thực hiện Thông tri số 22 của Ban Bí thư về việc tăng cường chỉ đạo đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên, Tỉnh ủy đã chỉ đạo điểm 39 cơ sở, rút kinh nghiệm triển khai trong toàn Đảng bộ một cách nghiêm túc. Trong thời gian này đã đưa ra khỏi Đảng 1.481 đảng viên không đủ tư cách.

Tình hình mới đòi hỏi ngày càng cao đối với đội ngũ cán bộ các cấp. Đáp ứng yêu cầu cấp bách đó, Đảng bộ sớm chú ý và thống nhất quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở các cấp, các ngành, ở cơ sở. Công tác quy hoạch cán bộ được xây dựng và triển khai tích cực. Từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, tỉnh đã khẩn trương tổ chức, bồi dưỡng, đào tạo hàng vạn cán bộ về lý luận chính trị, quản lý kinh tế và văn hoá, trong đó có 2 vạn cán bộ cấp xã. Việc đào tạo, đánh giá cán bộ trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật có bước chuyển biến.

Công tác xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng có nhiều tiến bộ. Từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần I, Tỉnh ủy sớm nghiên cứu những biện pháp và chế độ làm chủ của nhân dân lao động, phát động nhiều phong trào cách mạng có ý nghĩa sâu sắc và toàn diện. Quần chúng hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, quản lý nhà nước và quản lý xã hội, tổ chức lại sản xuất, tổ chức đời sống, hưởng ứng lệnh tổng động viên, đẩy mạnh xây dựng và củng cố quốc phòng - an ninh,

thực hiện vũ trang toàn dân, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Nhiều địa phương, nhiều ngành có những điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua giành danh hiệu “sản xuất giỏi, văn hoá cao, quốc phòng và an ninh tốt”.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp có tiến bộ trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Mặt trận và các tổ chức chính quyền, đoàn thể đã có nhiều hoạt động nhằm tăng cường khối đoàn kết toàn dân, góp phần tích cực vào việc giáo dục, phát động phong trào hành động cách mạng của nhân dân. Thông qua phong trào, việc tập hợp quần chúng vào các đoàn thể có bước chuyển biến đáng kể. Bằng các hoạt động thanh tra, kiểm tra của Đảng và Nhà nước, kiểm tra của nhân dân, giải quyết đơn, thư khiếu tố, ý thức và trách nhiệm của nhân dân được nâng lên một bước, góp phần ngăn chặn những vi phạm quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Năm năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, trong hoàn cảnh khó khăn chung của cả nước và của tỉnh, với sự nỗ lực cao của toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân tỉnh Bình Trị Thiên, bộ mặt quê hương có sự đổi thay. Đời sống nhân dân từng bước ổn định - mặc dù đang ở mức tối thiểu; khắc phục được một phần nạn thiếu đói vào những kỳ giáp hạt, tăng một ít tỷ lệ nhà ngói ở vùng nông thôn đồng bằng; giải quyết việc làm cho khoảng 60% người lao động ở thành thị; xây dựng một số công trình phúc lợi phục vụ cho sản xuất và đời sống;

cải thiện một bước đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân.

Thành công lớn nhất của Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên trong thời gian 5 năm 1976-1980 là đã làm thay đổi căn bản thực trạng kinh tế - xã hội của địa phương. Từ chỗ nền kinh tế - xã hội bị đảo lộn sau ngày thống nhất đất nước do hậu quả của chiến tranh và di hại của chủ nghĩa thực dân mới; hai vùng tạm thời có những điểm khác nhau về kinh tế - xã hội, lại phải thường xuyên đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, khắc phục thiên tai... đến chỗ đã khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, củng cố quốc phòng, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa; đưa hai vùng trong tỉnh tiến lên tương đối đồng đều; đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân từng bước ổn định; quốc phòng toàn dân được tăng cường, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội cơ bản được giữ vững¹.

Tuy nhiên, nền kinh tế còn mất cân đối lớn giữa sản xuất và tiêu dùng. Khối lượng tiền tệ lưu thông tăng mạnh, trong khi khối lượng hàng hoá trong khu vực Nhà nước và hợp tác xã mua bán giảm; giá cả thị trường tăng, đồng tiền sụt giá. Đời sống cán bộ, công nhân, viên chức, dân nghèo thành thị và nông dân gặp rất nhiều khó khăn. Hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế - xã hội xảy ra nhiều.

1. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ I của Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, ngày 25/01/1981.

II. PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH CỦA TỈNH, VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ LƯƠNG THỰC (1981-1985)

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ II

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ II tổ chức tại thành phố Huế từ ngày 06/01/1981 đến ngày 11/01/1981. Tham dự Đại hội có 346 đại biểu, thay mặt hơn 5 vạn đảng viên toàn Đảng bộ. Đại hội tập trung thảo luận báo cáo tổng kết sự lãnh đạo của Đảng bộ và tình hình của tỉnh trong 5 năm 1976-1980 và nhiệm vụ trước mắt trong hai năm 1981-1982.

Đại hội thông qua nghị quyết xác định phương hướng, nhiệm vụ chung cho những năm tới và chủ trương công tác, biện pháp thực hiện trong hai năm 1981-1982, gồm những vấn đề cơ bản: đẩy mạnh sản xuất, làm tốt công tác phân phối - lưu thông, cải tiến quản lý kinh tế, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hoá, khoa học kỹ thuật, tăng cường quốc phòng - an ninh, làm tốt nhiệm vụ quốc tế.

Về nhiệm vụ công tác tổ chức, tập trung triển khai 6 vấn đề chính: đẩy mạnh công tác tư tưởng, kiện toàn các cấp ủy đảng; kiện toàn và phát huy hiệu lực quản lý của bộ máy chính quyền; xây dựng huyện, kiện toàn cơ sở; tăng cường kỷ luật, mở rộng dân chủ, xây dựng chế độ làm việc; phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động và xác định chức năng của đoàn thể.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 45 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ngày 26/01/1981, Ban Chấp hành họp phiên đầu tiên phân công nhiệm vụ cho từng Tỉnh ủy viên và bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí: Bùi San, Thái Bá Nhiệm, Vũ Thắng, Trần Văn Ân, Nguyễn Đình Bảy, Nguyễn Trung Chính, Ngô Duy Đàm, Lê Văn Hoan, Trần Hoàn, Hoàng Lanh, Nguyễn Văn Lương, Lại Văn Ly, Trần Sự, Lê Minh Tâm, Lê Ngọc Uynh. Đồng chí Bùi San được bầu lại giữ chức Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Thái Bá Nhiệm và đồng chí Vũ Thắng được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy; 5 đồng chí được bầu vào Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy do đồng chí Lê Ngọc Uynh, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm.

Bước vào thực hiện kế hoạch 05 năm 1981-1985 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, nhân dân Bình Trị Thiên đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường “vì cả nước, với cả nước”, vượt qua khó khăn gian khổ, hăng hái thi đua sản xuất và tiết kiệm, quyết tâm đạt được yêu cầu: “với phương tiện, vật tư do Nhà nước cung ứng bằng hoặc ít hơn trước, phải sản xuất tốt hơn, làm ra nhiều của cải vật chất hơn trước”. Nỗ lực theo tinh thần đó, nền kinh tế - xã hội của tỉnh có bước phát triển mới ngay trong năm 1981.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, những năm 1976-1980, cùng với việc mở rộng cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp ở những huyện phía bắc, công cuộc tập thể hoá nông nghiệp được triển khai ở các huyện phía nam, tuy có đạt được một số kết quả

nhất định nhưng cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Tài sản cố định của các hợp tác xã bị mất mát, hư hỏng nghiêm trọng, bộ máy quản lý phình to, hạch toán kinh tế non yếu, sản xuất kém phát triển. Năng suất, sản lượng sụt giảm, thu nhập của xã viên giảm sút. Ở các huyện phía nam, việc chỉ đạo tập thể hoá nông nghiệp có nơi làm ô ạt, gò ép, thiếu chuẩn bị nên lúc đầu xây dựng được nhiều tập đoàn sản xuất, hợp tác xã, nhưng sau đó phần lớn bị tan rã. Cũng như ở các nơi khác, người nông dân Quảng Trị không gắn bó với ruộng đồng, không nhiệt tình hăng hái lao động đã kìm hãm việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất dẫn đến năng suất cây trồng giảm, đặc biệt là lúa giảm từ 15,4 tạ/ha năm 1976 xuống còn 12,2 tạ/ha năm 1980; sản lượng lương thực quy thóc giảm 8,3%. Đời sống của nhân dân và cán bộ, công nhân, viên chức cực kỳ khó khăn.

Nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 21/02/1981, Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết số 02-NQ/TV, nêu rõ: “hoàn chỉnh hơn nữa chế độ “ba khoán”, có thưởng, phạt công minh của hợp tác xã đối với đội sản xuất (khoán chi phí, khoán công điểm, khoán sản phẩm). Đồng thời phải tích cực, chủ động và chỉ đạo chặt chẽ để mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động

và người lao động trong tất cả các hợp tác xã nông nghiệp (cả hợp tác xã tiên tiến và hợp tác xã kém ở phía nam và phía bắc) đối với cây trồng (lúa, màu, cây công nghiệp), chăn nuôi và ngành nghề khác của hợp tác xã. Kiên quyết khắc phục tình trạng “khoán trắng”.

Quán triệt Chỉ thị của Trung ương và Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy, đầu tháng 3/1981, Ban vận động củng cố hợp tác xã và xây dựng huyện mở hội nghị tập huấn cho lãnh đạo chủ chốt các huyện, các ngành cấp tỉnh và các đồng chí Bí thư, Chủ tịch, chủ nhiệm của tất cả các hợp tác xã huyện Triệu Hải (huyện điểm) và chọn hợp tác xã Trung Kiên chỉ đạo thí điểm. Thường vụ Huyện ủy các huyện đã ra Nghị quyết và tổ chức tập huấn cho trên một vạn cán bộ chủ chốt các ngành cấp huyện, xã và cán bộ hợp tác xã, đội sản xuất. Các đảng bộ cơ sở tổ chức cho đảng viên học tập nhằm quán triệt tinh thần chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, nắm vững phương pháp và những quy định về khoán sản phẩm, phổ biến tinh thần cơ bản của các văn bản đến quần chúng, xã viên, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng.

Trong vụ đông - xuân 1980-1981, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương mở rộng khoán sản phẩm đến hộ xã viên, nhóm lao động và người lao động đối với toàn bộ diện tích màu, cây công nghiệp, chăn nuôi lợn; riêng cây lúa thì mở rộng khoán sản phẩm đối với những diện tích khó quản lý, đồng thời mỗi huyện chỉ đạo làm thử một hợp tác xã khoán sản phẩm đối với toàn bộ diện tích lúa. Tiếp đến, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương mở rộng khoán đối với hai

khâu sản xuất còn lại (chăm sóc, thu hoạch) của cây lúa ở những nơi có điều kiện. Năm 1981, đã có 80% hợp tác xã vùng đồng bằng và gò đồi khoán sản phẩm từ 30-100% diện tích màu, 79,1% hợp tác xã khoán sản phẩm chăn nuôi lợn.

Chỉ trong một thời gian ngắn, toàn tỉnh có 535 hợp tác xã khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, trong đó có 267 hợp tác xã phía bắc, 268 hợp tác xã phía nam.

Việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động thực sự tạo ra một luồng sinh khí mới ở vùng nông thôn. Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng ra đời phản ánh đúng tâm tư, tình cảm của người nông dân đã tạo nên bước chuyển lớn trong nông nghiệp toàn tỉnh cũng như trên địa bàn Quảng Trị. Cách quản lý mới đã kích thích nông dân hăng say sản xuất, gắn bó với đồng ruộng hơn. Cùng với việc phát huy hiệu quả của một số công trình thủy lợi lớn là Nam Thạch Hãn, La Ngà, Hà Thượng; việc mở rộng hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh. Trên địa bàn toàn tỉnh, năng suất, sản lượng nông sản tăng rõ rệt, việc kết hợp ba lợi ích (Nhà nước, hợp tác xã, xã viên) được thực hiện tốt hơn. Năm 1981, có 37 hợp tác xã đạt năng suất lúa 5 tấn/ha trở lên (7 hợp tác xã đạt 7 tấn/ha trở lên, trong đó có 2 hợp tác xã thuộc huyện Triệu Hải là An Phú Tài, Long Hưng và hợp tác xã Đông Giang - huyện Bến Hải). Đông - xuân 1981-1982, có 54 hợp tác xã đạt năng suất lúa 3 tấn/ha. Sản lượng lương thực quy thóc năm 1981 đạt 42 vạn tấn,

tăng và vượt kế hoạch 5 vạn tấn so với năm 1980. Trong đó, tổng sản lượng lương thực các huyện, thị thuộc Quảng Trị đạt 115.307 tấn¹. Năm 1982, sản lượng lương thực đạt 46 vạn tấn. Các huyện, thị trên địa bàn Quảng Trị đạt 114.866 tấn². Sản lượng lương thực để phân phối trong vụ đông - xuân 1981-1982 so với bình quân 5 năm trước tăng 64%, làm nghĩa vụ nhà nước tăng 91%, chia cho xã viên tăng gần 70%. Hình thức “khoán sản phẩm” đã kích thích nhiệt tình lao động của người nông dân trong sản xuất, thâm canh, mở rộng diện tích, tăng năng suất lao động. Đồng thời, tiềm năng vật tư, tiền vốn của nhân dân được huy động cho sản xuất là nguồn bổ sung quan trọng ở các hợp tác xã trong điều kiện khả năng cung ứng của Nhà nước có hạn. Một số xã yếu kém qua thực hiện khoán sản phẩm bước đầu có chuyển biến. Những biểu hiện lệch lạc được tập trung chỉ đạo khắc phục.

Diện tích các loại cây trồng đều tăng, cây thực phẩm tăng 9,5%, cây công nghiệp ngắn ngày tăng 3,3%. Các huyện Triệu Hải, Bến Hải, Hướng Hoá và thị xã Đông Hà, diện tích cây lương thực là 70.524 ha, riêng lúa đạt 49.048 ha.

Các loại cây xuất khẩu cũng tăng cả diện tích và sản lượng. Trên địa bàn Quảng Trị, cây lạc, ớt, vừng được xác

1. Triệu Hải: 60.613 tấn, Bến Hải: 40.882 tấn, Đông Hà: 1.259 tấn, Hướng Hoá: 12.553 tấn.

2. Triệu Hải: 58.102 tấn, Bến Hải: 33.361 tấn, Đông Hà: 9.540 tấn, Hướng Hoá: 13.863 tấn.

định là ba loại cây xuất khẩu có tốc độ phát triển nhanh, mang lại nguồn thu nhập đáng kể, chủ yếu tập trung ở huyện Triệu Hải. Năm 1981, sản lượng ớt toàn huyện là 674 tấn, năm 1982 tăng lên 2.085 tấn quả tươi.

Sản xuất nông nghiệp phát triển đã thúc đẩy ngành chăn nuôi tăng trưởng, đàn lợn có 481.494 con, tăng 3,4% (các huyện, thị xã thuộc Quảng Trị có 136.304 con); đàn bò có 92.847 con, tăng 6,3% (các huyện, thị xã thuộc Quảng Trị có 23.572 con); đàn trâu có 69.207 con, tăng 3,5% (các huyện, thị xã thuộc Quảng Trị có 20.049 con).

Trên địa bàn Quảng Trị, sự phát triển của sản xuất đã từng bước tháo gỡ những khó khăn lớn trong nông nghiệp. Lợi ích của ba khu vực Nhà nước, hợp tác xã, xã viên đều tăng. Đặc biệt tăng nhanh là lợi ích của người lao động. Đời sống nhân dân có bước cải thiện. Nhân dân, Nhà nước, hợp tác xã có tích lũy. Hướng tư duy mỗi năng động, nếp làm ăn có hiệu quả bắt đầu đi vào trong nông dân, ngành nghề mở rộng, sản xuất sản phẩm xuất khẩu trở thành phong trào. Nhiều hợp tác xã kinh doanh tổng hợp ra đời như Vĩnh Kim, Vĩnh Tân, Triệu Thuận, Long Hưng...

Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển một bước. Mặc dù gặp khó khăn lớn nhiều mặt, vật tư, nguyên liệu do Nhà nước cung ứng chỉ bảo đảm 30-40% yêu cầu, điện cung ứng cho sản xuất hạn chế và không ổn định..., nhưng sau khi thực hiện các Quyết định số 25, 26 và 64 của Chính phủ về trả lương sản phẩm, lương khoán, tiền thưởng và mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho các xí nghiệp quốc doanh, tình hình sản xuất

công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp dần chuyển biến tốt. Những tháng cuối năm, nhiều ngành, nhiều xí nghiệp đã vươn lên hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1981. Đáng chú ý là không có xí nghiệp nào phải ngừng sản xuất dài ngày, công nhân phải nghỉ việc, hưởng lương 70% hàng tháng như các năm trước. 8/11 cơ sở, 13/16 sản phẩm chủ yếu đạt và vượt kế hoạch giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện; giao nộp sản phẩm vượt kế hoạch 30-40%. Một số mặt hàng, loại hình mới ra đời, có giá trị như đất đèn, bơm thuốc trừ sâu phục vụ sản xuất và chè hương (Bến Hải) để xuất khẩu.

Trong xây dựng cơ bản, nhờ đẩy mạnh thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” nên nhiều địa phương, nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã tự vay và huy động vốn tự có xây dựng thêm các công trình thủy lợi, đường sá, trường học, bệnh xá, nhà trẻ trên 20 triệu đồng trong tổng số vốn đầu tư là 43,5 triệu đồng. Trong đó đã đầu tư 7 triệu đồng xây dựng 106 công trình thủy lợi vừa và nhỏ, tưới cho 4.110 ha, tiêu úng được 180 ha, ngăn mặn cho 4.200 ha ruộng đất.

Xuất khẩu đạt 24 triệu đồng, vượt kế hoạch 6% và tăng 33,3% so với năm 1980. Thu ngân sách đạt 121 triệu đồng, vượt kế hoạch 8 triệu đồng.

Những thay đổi về cải tiến quản lý trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp của Đảng và Nhà nước đã thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhưng tác động vào đời sống vẫn chưa đủ mạnh. Nền kinh tế của tỉnh vẫn còn mất cân đối lớn, sản xuất chưa đủ tiêu dùng. Tài chính bội

chi lớn, thị trường giá cả vẫn có nhiều biến động phức tạp. Giá cả không còn khả năng làm tốt chức năng thanh toán, phân phối và đôn bẩy, gây trở ngại cho sản xuất và lưu thông. Ngân sách nhà nước bù lỗ bất hợp lý ngày càng nhiều. Đời sống công nhân, viên chức gặp khó khăn.

Trước tình hình đó, ngày 19/5/1981, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 109-CT/TW về việc tiếp tục thi hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về cải tiến công tác phân phối, lưu thông. Cùng với các biện pháp đẩy mạnh sản xuất, nắm nguồn hàng mở rộng kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý thị trường, phụ cấp lương cho công nhân..., Bộ Chính trị quyết định điều chỉnh hệ thống giá nhằm đảm bảo hạch toán kinh tế.

Thực hiện chủ trương đó, Tỉnh ủy tăng cường các biện pháp đẩy mạnh sản xuất, nắm nguồn hàng. Huy động lương thực cả năm đạt 4,76 vạn tấn, cao nhất trong các năm 1976-1981; thu mua nông sản như lạc vỏ, vừng, ớt, tiêu tăng hơn năm trước.

Lĩnh vực giáo dục, văn hoá, y tế, bảo vệ bà mẹ trẻ em, hoạt động thể dục thể thao tiếp tục phát triển. Thực hiện cải cách giáo dục, toàn tỉnh chuyển hệ võ lòng thành lớp 1.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa được triển khai có hiệu quả. Chính sách xã hội được quan tâm thực hiện. Đến ngày 15/10/1981, Ty Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, thực hiện chế độ chính sách cho 8.106 thương binh, 193 bệnh binh, 12.179 quân nhân phục viên, 3.649 quân nhân chuyển ngành, 37.707 gia đình liệt sĩ, 444 người và gia đình có công với cách

mạng, 17.803 người nghỉ hưu, mất sức. Toàn tỉnh có 39.935 liệt sĩ.

Năm 1981, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh phát động nhiều phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặc biệt là lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, bầu cử Quốc hội khoá VII. Qua phong trào, nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện và được nhân rộng như các hợp tác xã Long Hưng, Trung Kiên (Triệu Hải). Đó là những hợp tác xã có năng suất lúa cao, làm nghĩa vụ và cải thiện đời sống nhân dân tốt. Trong các xí nghiệp quốc doanh, phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất diễn ra liên tục; 597 sáng kiến được đưa vào áp dụng, làm lợi cho Nhà nước nhiều triệu đồng. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các Đảng bộ trên địa bàn Quảng Trị tập trung chỉ đạo tổ chức bầu cử Quốc hội khoá VII thành công¹.

Ngày 22/7/1981, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Quyết định số 06 về chế độ công tác của Tỉnh ủy nhằm

1. Địa bàn Quảng Trị có ba đại biểu trúng cử là:

- Đồng chí Lê Văn Hoan - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Triệu Hải.

- Đồng chí Hồ Thị Hương - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hướng Hóa, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Bình Trị Thiên, Ủy viên Hội đồng Dân tộc Quốc hội.

- Đồng chí Nguyễn Chí Phi - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Ủy viên Thường vụ Thị ủy Đông Hà, Đại tá, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Đông Hà.

phát huy trách nhiệm của cá nhân, kiện toàn tổ chức, không ngừng hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Các cấp ủy đảng tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị, nhất là việc học tập Hiến pháp mới, bầu cử Quốc hội, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Công tác phát triển Đảng đã làm tăng chất lượng đảng viên, chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Đến ngày 02/9/1981, có 907 đảng bộ, chi bộ trong toàn tỉnh tiến hành xong công tác phát triển Đảng, đạt 77,9%. Trong đó, thị xã Đông Hà đạt 85,2%, huyện Triệu Hải đạt 85%, huyện Bến Hải đạt 71%, huyện Hướng Hóa đạt 71%.

Nhằm đáp ứng yêu cầu mới về củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, phát triển văn hoá, đảm bảo đời sống nhân dân; thực hiện Quyết định số 64-HĐBT ngày 11/9/1981 của Hội đồng Bộ trưởng, tỉnh điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Triệu Hải, Bến Hải, Hướng Hóa và mở rộng thị xã Đông Hà. Thị xã Đông Hà mới có thêm hai xã của huyện Triệu Hải và tám xã của huyện Bến Hải¹.

Sau điều chỉnh địa giới hành chính, công tác củng cố tổ chức bộ máy cũng nhanh chóng được tiến hành, đảm bảo

1. Hai xã của huyện Triệu Hải là Triệu Lương và Triệu Lễ. Tám xã của huyện Bến Hải là Cam Giang, Cam Thanh, Cam Thành, Cam Hiếu, Cam Thủy, Cam Tuyên, Cam Chính, Cam Nghĩa và nông trường Tân Lâm.

Hai xã Mô Ó và Hướng Hiệp thuộc huyện Bến Hải nhập vào huyện Hướng Hóa.

thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ III

Đại hội Đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ III được tiến hành hai vòng. Đại hội Đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ III (vòng 1) diễn ra từ ngày 12/01 đến 19/01/1982. Tham dự Đại hội có 422 đại biểu chính thức thay mặt cho 51.443 đảng viên toàn Đảng bộ. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh từ năm 1983 đến năm 1985, đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra chiến tranh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nỗ lực xây dựng Bình Trị Thiên thành một tỉnh giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng và an ninh, đẹp về văn hoá và du lịch. Đại hội đã nghe báo cáo tổng hợp ý kiến đảng viên từ cơ sở và đánh giá cao kết quả các đại hội đảng bộ cơ sở, huyện, thành phố, thị xã, đảng bộ trực thuộc.

Đại hội đã thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo báo cáo chính trị, dự thảo báo cáo xây dựng Đảng và đề nghị sửa đổi một số điểm trong Điều lệ của Ban Chấp hành Trung ương trình bày tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V với 1.544 ý kiến trao đổi nhóm, 587 ý kiến phát biểu ở tổ và 61 bản tham luận tại hội trường. Đại hội nhất trí cao với nội dung các dự thảo văn kiện và bày tỏ sự tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Đại hội bầu Đoàn đại

biểu gồm 35 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội V của Đảng. Đại hội đã thảo luận và thông qua chương trình hành động nhằm thực hiện những nhiệm vụ của kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1982 và biểu dương những điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội V của Đảng.

Ngày 15/3/1982, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu cũng như khuyết điểm, yếu kém của nền kinh tế - xã hội nước ta, Đại hội xác định: “Trong 5 năm 1981-1985 và những năm 80, cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công nông nghiệp hợp lý. Đó là những nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt”.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, ngày 27/01/1983, Đại hội Đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ III vòng 2 chính thức khai mạc. Đại hội thông qua báo cáo tình hình nhiệm vụ chung và báo cáo về xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh do đồng chí Vũ Thắng trình bày. Báo cáo tự phê bình tại Đại hội, Tỉnh uỷ nêu rõ khuyết điểm: “lãnh đạo công tác tổ chức chưa tập trung đúng mức, chưa tạo được chuyển biến đáng kể, chưa dồn sức vào những vấn đề mấu chốt và cấp bách

nhất trước mắt nhằm thúc đẩy xây dựng tổ chức và hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Đối với việc xây dựng huyện, kiện toàn cơ sở, quy hoạch, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ tuy đã có nghị quyết, trong chỉ đạo cụ thể đã vượt qua khó khăn, đạt được một số kết quả, nhưng vẫn còn những biểu hiện thiếu mạnh dạn, bảo thủ, trì trệ, quan liêu, không sát thực tế. Công tác tư tưởng và công tác tổ chức xây dựng Đảng chưa bám sát và chưa chuyển kịp nhiệm vụ chính trị, còn dừng lại ở chủ trương chung, chưa đặt yêu cầu cụ thể cho từng loại tổ chức cơ sở”¹.

Nghị quyết Đại hội nêu rõ: “Nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp phải tập trung sức giải quyết vấn đề ăn của xã hội, tăng nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Các ngành kinh tế, văn hoá phải xoay quanh mặt trận nông nghiệp mà phục vụ nhằm giải quyết trước hết cho được vấn đề ăn”.

“Thực hiện đồng bộ các biện pháp: phân bố lao động và dân cư, sinh đẻ có kế hoạch, giữ mức dân số hợp lý và ổn định. Phát triển sản xuất cả lúa, màu và cây thực phẩm, đẩy mạnh chăn nuôi, không ngừng tăng sản lượng lương thực, thực phẩm. Tổ chức mọi tầng lớp dân cư ngoài nông dân tham gia sản xuất, tự giải quyết một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm. Tạo nguyên liệu cho công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp phát triển, tăng nhanh hàng xuất khẩu để nhập vật tư phục vụ sản xuất; có nhiều hàng công

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Bình Trị Thiên: *Báo cáo tự phê bình tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III*, 1983, tr.9.

nghiệp để trao đổi với nông dân lấy lương thực. Tổ chức tốt việc thu và mua lương thực, bảo đảm cho tỉnh, huyện nắm chắc được khối lượng lương thực theo yêu cầu kế hoạch”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành mới gồm 45 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp phiên thứ nhất bầu Ban Thường vụ gồm 15 đồng chí: Vũ Thắng, Thái Bá Nhiệm, Nguyễn Văn Lương, Phạm Bá Diễn, Nguyễn Đình Bảy, Nguyễn Trung Chính, Nguyễn Trọng Dân, Ngô Duy Đàm, Lê Văn Hoan, Trần Hoàn, Nguyễn Đức Hoan, Hoàng Lanh, Lê Ngọc Uynh, Lê Minh Tâm, Trần Sự. Đồng chí Vũ Thắng được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Thái Bá Nhiệm và đồng chí Nguyễn Văn Lương được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ngày 22/02/1983, Ban Chấp hành Đảng bộ họp bầu Ủy ban Kiểm tra gồm 7 đồng chí do đồng chí Lê Minh Tâm làm Chủ nhiệm.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đồng chí Lê Duẩn nhiều lần về thăm quê hương. Đồng chí rất phấn khởi trước sự thay da đổi thịt của vùng đất đã bị hủy diệt trong chiến tranh. Lần về thăm quê ngày 23/3/1983, đồng chí nói: “bây giờ có nước của công trình thủy lợi Nam Thạch Hãn, ruộng cấy được hai vụ và năng suất trên 08-10 tấn/ha. Đời trước, ông, bà chúng ta chưa bao giờ nghĩ ruộng đồng làng ta có nước đầy đủ như hiện nay, bây giờ có nước là hay lắm, hạnh phúc có rồi, dân ta cần cù, nhất định ta làm nên giàu có”... Đồng chí căn dặn: “cần phải phấn đấu đưa năng suất lên 15-20 tấn/ha. Phải coi trọng cái vườn, vườn phải có nhiều loại cây phong phú. Từ vườn,

từ ruộng đồng mà phát triển chăn nuôi và phải có nghề nghiệp khác nữa. Phải có nghề, ví dụ trồng mây, đan mây xuất khẩu. Tôi đề nghị tất cả mọi người phải cố gắng đi sâu vào kỹ thuật để tăng năng suất lao động. Năng suất lao động của ta còn thấp lắm. Tôi nghĩ rằng, nhất thiết phải có điện, có máy móc mới có năng suất lao động cao được. Một điều nữa là phải thương nhau, phải đoàn kết. Con người sống với nhau là phải thương nhau, là lao động, tình thương và lẽ phải"... Lời căn dặn của đồng chí tiếp thêm sức mạnh tinh thần để Đảng bộ và nhân dân trên địa bàn Quảng Trị vượt qua gian khổ, khó khăn, quyết tâm biến lòng mong muốn của đồng chí thành hiện thực.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, *sản xuất nông nghiệp* có bước phát triển mới. Để tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo vụ mùa, coi trọng thâm canh, xác định các vùng lúa trọng điểm của tỉnh, huyện, chỉ đạo sâu sát việc thực hiện khoán mới, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, mở rộng diện tích trồng giống lúa mới, tăng cường bảo vệ thực vật... Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, các ngành, các cấp đã có sự kết hợp chặt chẽ trong chỉ đạo sản xuất, tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân thực hiện. Năng suất lúa toàn tỉnh từ 15,95 tạ/ha năm 1981 tăng lên 21,5 tạ/ha năm 1984; 46% diện tích gieo trồng 2 vụ lúa đạt 5 tấn/ha.

Tuy nhiên, liên tục các năm 1983, 1984, 1985, tỉnh Bình Trị Thiên bị thiên tai nặng nề, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống. Sản lượng lương thực năm 1983 chỉ đạt khoảng 37 vạn tấn, năm 1984 là 46,3 vạn tấn

(các huyện, thị xã trên địa bàn Quảng Trị đạt 132.138 tấn¹), năm 1985 chỉ có 25,4 vạn tấn.

Ngành lâm nghiệp đẩy mạnh cung cấp giống và hướng dẫn cho các đơn vị ra sức phát triển vốn rừng. Năm 1983 trồng mới 710 ha rừng tập trung, năm 1984 trồng 2.000 ha rừng và 28 triệu cây phân tán. Điển hình là hợp tác xã Hiếu Nam, xã Cam Hiếu (Đông Hà) có 110 ha rừng, xã Triệu Vân (Triệu Hải) bình quân mỗi hộ có 6.000 cây. Huyện Bến Hải trồng được 2,6 triệu cây phân tán, năm 1984 huyện phát động phong trào xã một triệu cây (có 12 xã đạt và vượt). Từ phong trào "xã triệu cây", huyện phát động phong trào "hợp tác xã triệu cây". Đến năm 1985, phong trào xã một triệu cây lan rộng toàn tỉnh. Toàn tỉnh trồng được 3.000 ha rừng tập trung và 15 triệu cây phân tán. Sau bão lụt, trồng cây phòng hộ được nhân dân quan tâm và tích cực thực hiện.

Vừa tập trung sức giải quyết nhiệm vụ trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, Tỉnh ủy đã coi trọng đổi mới cơ cấu cây trồng. Thực tế việc bám sát cơ sở, thử nghiệm nhiều loại hình sản xuất đã xác định được cơ cấu cây, con thích hợp với mỗi vùng, từ đó phá vỡ thể độc canh, đi vào sản xuất có kế hoạch hơn. Nhiều huyện, nhiều xã đã đi lên từ cây công nghiệp ngắn ngày như: ớt, lạc, mía, thuốc lá, cói... tạo điều kiện nhập vật tư, phân bón và một phần hàng tiêu dùng phục vụ cho thâm canh lúa màu, mở mang

1. Triệu Hải: 62.545 tấn, Bến Hải: 40.882 tấn, Đông Hà: 12.322 tấn, Hướng Hóa: 16.389 tấn.

ngành nghề, phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật và trồng cây công nghiệp dài ngày. Trong ba năm 1982-1984, sản lượng ớt tăng 4 lần, lạc tăng 2,5 lần, thuốc lá tăng 3,9 lần, cói, chè khô tăng 5,8 lần. Bước đầu xây dựng vùng nuôi rau câu và tôm ở vùng đầm phá với diện tích 400 ha. Triệu Hải và Bến Hải là những vùng trọng điểm của Bình Trị Thiên về phát triển cây ớt. Tổng diện tích tăng từ 275 ha năm 1982 lên 1.221 ha năm 1985. Sản lượng ớt tươi tăng từ 2.313 tấn năm 1982 lên 9.690 tấn năm 1984. Năm 1985, mặc dù bị thiên tai nặng, sản lượng ớt của hai huyện vẫn đạt 4.843 tấn. Diện tích cây lạc từ 168 ha năm 1981 lên 316 ha năm 1985; sản lượng lạc từ 80 tấn năm 1981 tăng lên 357 tấn năm 1983 và 244 tấn năm 1985, góp phần quan trọng vào việc tạo nguồn hàng xuất khẩu theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ngày càng gắn bó với nông nghiệp, hướng vào việc phát triển nông nghiệp làm mục tiêu phục vụ. Ngành cơ khí tuy chưa trang bị được các loại máy móc chế biến nông sản, thực phẩm nhưng đã đảm bảo tương đối đầy đủ công cụ cầm tay. Công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm bước đầu hướng vào khai thác thế mạnh của địa phương. Việc mở rộng các cơ sở sản xuất xi măng, vôi thủy, vôi nung, đất đèn... thực sự là hướng đi đúng, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá. Tỷ trọng công nghiệp địa phương chiếm 40% sản lượng công - nông nghiệp, tỷ trọng công nghiệp phục vụ nông nghiệp 20%, hàng xuất khẩu 7%, so với năm 1981 tăng 2%.

Với tinh thần chủ động, nỗ lực vượt khó khăn, các huyện, thị xã trên địa bàn Quảng Trị đã cùng các đơn vị cơ sở chủ động nguồn vật tư, tiền vốn, liên doanh, liên kết để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đề ra. Các phong trào thi đua trong sản xuất nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giữa các huyện, thị diễn ra sôi nổi. Thị xã Đông Hà phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp như sản xuất chổi đót, sản xuất thép (Xí nghiệp 20-12), kéo cán thép (Hợp tác xã cơ khí 19/5), làm phấn viết, sản xuất xi măng. Thị xã còn tranh thủ sự giúp đỡ của Bộ Điện than và Bộ Thủy lợi xây dựng trạm bơm điện 1.000 KVA và đường dây 35 KV.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, toàn tỉnh đã khai thác có hiệu quả lao động, đất, rừng, biển để sản xuất hàng xuất khẩu. Năm 1982, kim ngạch xuất khẩu là 7 triệu rúp - đôla, năm 1985 tăng lên 15 triệu, góp phần đáng kể giúp phát triển nông nghiệp toàn diện, giải quyết một phần vật tư cho công nghiệp.

Đến năm 1985, trong cả nước, vấn đề giá cả trở nên hết sức nóng bỏng, tác động đến mọi mặt đời sống xã hội. Trước tình hình đó, từ ngày 01/6/1985 đến ngày 07/6/1985, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ tám bàn về giá - lương - tiền. Hội nghị chủ trương dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, trong hai ngày 25 và 26/6/1985, Thường vụ Tỉnh ủy họp và quyết định phải khẩn trương chuẩn bị chu đáo về mọi mặt

để trong một thời gian ngắn triển khai đồng bộ và thống nhất với cả nước. Trước hết là quán triệt sâu sắc Nghị quyết trong các cấp, các ngành, trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Chuẩn bị các phương án cụ thể về giá - lương - tiền và các chính sách; chuẩn bị lực lượng vật chất, ít nhất đảm bảo chi dùng trong một quý (lương thực, hàng hoá, tiền mặt) và phương thức phân phối, phục vụ. Đẩy nhanh công tác cải tạo tư thương, quản lý thị trường, đồng thời khẩn trương tiến hành cải tạo công nghiệp, tiểu công nghiệp tư nhân, bảo đảm cho Nhà nước nắm được hàng, tiền. Sử dụng nhiều hình thức linh hoạt để hợp tác kinh doanh giữa Nhà nước và tư nhân, sắp xếp lại người buôn bán nhỏ. Chuẩn bị cho việc tính đủ chi phí hợp lý vào giá thành sản phẩm. Sau thử nghiệm tại Xí nghiệp Long Thọ, Xí nghiệp xi măng Đông Hà cũng được triển khai thực hiện.

Về tổ chức cán bộ: tất cả các cấp quản lý, các tổ chức sản xuất, kinh doanh và cơ quan hành chính phải rà soát lại đội ngũ của mình trên cơ sở lấy hiệu quả kinh tế, năng suất lao động, hiệu suất công tác làm thước đo chung. Kiên quyết xoá bỏ những tổ chức, cơ quan mà chức năng, nhiệm vụ không rõ ràng, cắt giảm những bộ phận thừa, công kênh, chồng chéo, có định biên mà không có việc làm.

Tiếp đó, Hội nghị Tỉnh ủy họp vào tháng 7/1985 ra Nghị quyết số 10 về thực hiện cuộc điều chỉnh giá - lương - tiền và chuyển sang hạch toán kinh doanh trong các xí nghiệp.

Cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền bắt đầu từ ngày 14/9/1985, trước hết là đổi tiền (1 đồng tiền mới = 10

đồng tiền cũ), thực hiện chế độ một giá kinh doanh, xoá bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại sổ gạo cho những người ăn lương.

Tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 đã đạt được một số kết quả. Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành nhận thức được yêu cầu cơ bản là phải xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trước hết là xoá bỏ quan liêu bao cấp trong giá và lương - đó là khâu đột phá có tính quyết định để chuyển sang cơ chế mới.

Cán bộ, nhân viên các ngành phân phối, lưu thông, ngân hàng, tài chính, vật giá đã có sự chuyển biến về ý thức trách nhiệm, đổi mới tổ chức bộ máy, mở rộng mạng lưới, đổi mới phương thức kinh doanh, phong cách phục vụ, tích cực nắm hàng, nắm tiền, nhất là những nơi đã gắn thu nhập của công nhân, viên chức với định mức doanh thu. Công tác sắp xếp, quản lý thị trường có tiến bộ.

Những xí nghiệp đã tiến hành hạch toán kinh tế có nhiều tiến bộ về sắp xếp lại tổ chức, quản lý lao động, giảm định mức tiêu hao vật tư, năng lượng, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất có lãi, làm nghĩa vụ với Nhà nước, tích lũy cho xí nghiệp, cải thiện đời sống cho công nhân; phát huy quyền làm chủ của người lao động, trách nhiệm của giám đốc, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ và cấp ủy cơ sở. Cán bộ, công nhân nhận lương bằng tiền, đã chủ động trong chi tiêu, không lệ thuộc tem phiếu thủ tục phiền hà nên phấn khởi hơn.

Song song với quá trình tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực, Tỉnh ủy đã chỉ đạo sâu sát nhiệm vụ tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong giai đoạn mới.

Cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất được tiến hành sớm, hoàn thành về cơ bản hợp tác hoá nông nghiệp, tạo điều kiện tổ chức lại sản xuất ở nông thôn đồng bằng. Cùng với việc xây dựng kinh tế tập thể, các cấp ủy, chính quyền đã coi trọng phát triển kinh tế gia đình, kinh tế vườn. Tính ưu việt của hợp tác xã đã mở đường cho việc liên kết sản xuất kinh doanh, hỗ trợ, góp vốn làm giao thông, thủy lợi, tạo điều kiện cho các xã phát huy tiềm năng như các xã vùng màu, vùng ruộng trũng, vùng gò đồi đi vào chuyên trồng cây công nghiệp, cây thực phẩm xuất khẩu; vùng lúa đi vào thâm canh. Cùng với việc hoàn thành cải tạo công thương nghiệp, toàn tỉnh xây dựng được 630 hợp tác xã nông nghiệp, 150 hợp tác xã ngư nghiệp, 500 hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tiểu thủ công nghiệp, 300 hợp tác xã mua bán và 300 hợp tác xã tín dụng.

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh tiến lên một bước mới về chất. Trong nông nghiệp, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh cây lúa đã trở thành phong trào rộng rãi trong quần chúng. Các hợp tác xã đi đầu phong trào như Long Hưng (Triệu Hải) đã mở rộng thành những vùng lúa thâm canh ứng dụng kỹ thuật mới. Hợp tác xã Vĩnh Thủy (Bến Hải) liên kết với Trường Đại học Nông nghiệp đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, trồng 200 ha dưa hấu cho năng

suất từ 34 tạ lên 39 tạ/ha, trở thành lá cờ đầu trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Trường Trung cấp Nông nghiệp (đóng tại thị xã Đông Hà) là lá cờ đầu trong 180 trường của toàn quốc thực hiện tốt liên kết với nông dân và hợp tác về ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Trong công nghiệp, tiến bộ khoa học và quản lý bước đầu có tác động đến năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các ngành xây dựng cơ bản, bưu điện, điện lực, thủy lợi, y tế, giáo dục đều có những công trình nghiên cứu thực nghiệm. Nhiều công trình đã được đưa vào sử dụng mang hiệu quả thiết thực về kinh tế - xã hội như hệ thống hồ đập đê kè ở Triệu Hải, hệ thống cầu đường ở Bến Hải, thủy lợi nhỏ ở Đông Hà...

Cuộc cách mạng tư tưởng văn hoá có những chuyển biến tích cực. Sự thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tác động mạnh mẽ đến nếp nghĩ và cách làm ăn của mỗi người. Trong ba năm 1982-1984, mặc dù thiên tai khắc nghiệt làm đảo lộn cuộc sống nhưng đa số nhân dân vẫn vững lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Phong trào hành động cách mạng của quần chúng phát triển sâu rộng với nhiều hình thức phong phú, thu hút mọi giai tầng trong xã hội tham gia. Từ phong trào, con người mới xã hội chủ nghĩa giàu tình thương, trọng lễ phải, hăng say lao động sản xuất xuất hiện ngày càng nhiều. Các hoạt động văn học, nghệ thuật, hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình đã góp phần nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, khơi dậy truyền thống cách

mạng quý báu của dân tộc, nâng cao năng lực cảm thụ, trình độ thẩm mỹ của nhân dân, đẩy lùi một bước các tàn dư văn hoá phản động, đồi trụy, các hủ tục lạc hậu. Trong hoàn cảnh thiên tai liên tiếp, đời sống gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với truyền thống hiếu học, toàn tỉnh đã ra sức khắc phục thiệt hại, duy trì việc học tập cho con em. Năm học 1985-1986, Bình Trị Thiên được Bộ Giáo dục đánh giá là một trong những tỉnh khá của toàn quốc. Đã có 6,6 vạn cháu vào mẫu giáo, hơn 3,5 vạn học sinh phổ thông cơ sở, 2,4 vạn học sinh phổ thông trung học, hơn 1,1 vạn người học bổ túc văn hoá.

Công tác quốc phòng - an ninh, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa được chú trọng. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các ngành công an, kiểm sát, tư pháp, toà án đã có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường các biện pháp nhằm hạn chế các loại tội phạm. Ngành tư pháp tỉnh phối hợp với Sở Văn hoá - Thông tin và Báo *Dân* - cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên đẩy mạnh cuộc tuyên truyền giáo dục pháp luật. Tình hình an ninh chính trị cơ bản được giữ vững. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo chống người trốn ra nước ngoài; thu hồi vũ khí cất giữ trái phép; chống các phần tử cực đoan lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng. Đồng thời, tăng cường chỉ đạo các cấp tiếp tục phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh chống các hoạt động phá hoại nhiều mặt của địch; bảo vệ nội bộ và củng cố lực lượng. Các huyện lập đoàn xây dựng cơ sở những vùng ven biển, nên các vụ vượt biển, vượt biên và xâm nhập

trái phép giảm dần. Năm 1981, phát hiện 7 vụ trốn ra nước ngoài và 109 tên phản động do địch cài cắm trở lại hoạt động chống phá ở các địa bàn; truy xét 14 vụ trong tổng số 27 vụ tở rơi, khẩu hiệu phản động. Phát hiện, ngăn chặn 15 vụ, 34 người vượt biên trái phép và 112 vụ, 1.513 người vượt biển trốn ra nước ngoài. Năm 1983 có 101 vụ, nhưng năm 1984 có 48 vụ, năm 1985 có 37 vụ.

Công tác xây dựng Đảng đạt được những kết quả đáng khích lệ. Các đợt sinh hoạt chính trị, báo công, lập công trong các ngày lễ lớn đã khơi dậy niềm tự hào và ý thức cách mạng trong cán bộ, đảng viên. Đặc biệt là trong thử thách của thiên tai và tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, dù đời sống còn rất khó khăn, đa số đảng viên vẫn giữ vững phẩm chất cách mạng, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, tiên phong, gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật, có trách nhiệm trước nhân dân. Nhiều đảng viên không quản nguy hiểm, quên mình cứu dân, cứu tài sản Nhà nước.

Nền kinh tế toàn tỉnh có bước phát triển, công tác chính trị, tư tưởng đã tập trung tuyên truyền các điển hình tiên tiến, các phong trào nổi bật như Hợp tác xã Long Hưng, đơn vị dẫn đầu của huyện Triệu Hải; phong trào làm thủy lợi ở huyện Triệu Hải, Bến Hải, phát triển cây cao su ở địa bàn Quảng Trị, phát triển cây xuất khẩu..., động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân lao động, sản xuất, nhằm tập trung giải quyết vấn đề lương thực.

Cấp ủy các huyện, thành, thị xã được củng cố và tăng cường hơn, bước đầu thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo trong

tổ chức thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy. Quan tâm bồi dưỡng lý luận chính trị và quản lý kinh tế cho cán bộ bằng nhiều hình thức như huyện Hướng Hoá chia cụm, mở lớp tại chỗ tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên tham gia học tập. Phong trào học tập lý luận chính trị diễn ra sôi nổi, thu hút đông đảo cán bộ cấp huyện và cấp xã tham gia. Ở Triệu Hải, lớp đông nhất có trên 100 học viên.

Công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh được chú ý. Trong năm 1984 đã bổ sung 53 cấp ủy viên vào Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (1 chủ tịch, 7 phó chủ tịch, 4 ủy viên thư ký). Các xã đã thay thế 41,9% chủ tịch, 32% phó chủ tịch do thiếu năng lực, có sai lầm, sức khoẻ kém.

Từ phong trào sâu rộng của quần chúng, trong ba năm 1983-1985, Đảng bộ kết nạp thêm 5.170 đảng viên mới. Công tác phát triển Đảng đúng hướng, tăng thành phần công nhân, nữ, dân tộc thiểu số, trẻ hoá đội ngũ và cán bộ khoa học kỹ thuật. Số đảng viên không còn đủ tư cách bị đưa ra khỏi Đảng là 1.300 người.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể quần chúng đã bám sát nhiệm vụ chính trị, có sự phối hợp chặt chẽ với nhau và với các ngành liên quan để đề ra nội dung sinh hoạt thiết thực, có hình thức tập hợp quần chúng linh hoạt, phong phú hơn. Trong năm 1984, Đoàn Thanh niên đã phát triển thêm 17.854 đoàn viên, giới thiệu 9.938 đoàn viên thanh niên ưu tú cho Đảng, kết nạp được 902 đồng chí. Hội Liên hiệp Phụ nữ thu hút 90% chị em tham

gia. Tổ chức Công đoàn tập hợp được 89% cán bộ, công nhân, viên chức.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng tình hình kinh tế còn nhiều mặt khó khăn gay gắt, hàng hoá khan hiếm đã làm giá cả ngày càng diễn biến phức tạp. Đời sống nhân dân, nhất là người hưởng lương rất khó khăn. Nhằm từng bước ổn định tình hình, Tỉnh ủy đã triển khai thực hiện nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cố gắng huy động lương thực tại chỗ, nhất là thu mua lương thực, tăng xuất khẩu, tăng thu ngân sách, giảm bội chi tiền mặt, mở rộng trao đổi và hợp tác kinh tế trong và ngoài tỉnh, thực hiện hợp đồng kinh tế hai chiều, tăng tỷ lệ tiền thưởng trong quỹ lương, cải tiến phân phối trong các hợp tác xã, nỗ lực cung cấp 9 mặt hàng theo định lượng cho công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang.

Trong lúc toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh Bình Trị Thiên đang nỗ lực thực hiện những nhiệm vụ của năm 1985 thì hai cơn bão số 7, số 8 (tháng 10/1985) liên tiếp ập xuống, làm xáo trộn mọi mặt đời sống, sản xuất, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản của nhân dân và Nhà nước. Trong thiên tai, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, nhất là cấp cơ sở đã thể hiện tính tích cực, khẩn trương, năng động, bám sát địa bàn, nên nhiều nơi đã hạn chế được tổn thất. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên, đoàn viên ở cơ sở dũng cảm, tận tụy, lăn lộn, xông pha, nêu cao trách nhiệm trước Đảng, trước dân lúc gian nan hiểm nghèo. Đoàn

Thanh niên huy động 810 đội xung kích đi cứu dân, cứu tài sản. Đội thanh niên xung kích bệnh viện A Bến Hải xông pha trong mưa bão đưa 138 bệnh nhân ra khỏi bệnh viện trước khi nhà sập...

Mặc dù các cấp, các ngành đã chỉ đạo phòng chống kịp thời, nhưng bão, lũ quá lớn đã gây tổn thất nặng trên địa bàn toàn tỉnh cả về người và tài sản. Hàng trăm người chết, mất tích và bị thương. Nhà cửa của hàng chục vạn gia đình bị sập đổ, bị nước cuốn trôi. Bão, lũ đã phá hủy nghiêm trọng cơ sở vật chất - kỹ thuật của cả tỉnh, thiệt hại lên đến hàng chục tỷ đồng (tiền mới). Thiên tai nối tiếp thiên tai làm phá vỡ kế hoạch nhà nước năm 1985 của tỉnh, làm đảo lộn cuộc sống nhân dân, nhất là dân cư đầm phá, ven biển. Cuộc sống của nhân dân vốn đã vất vả, gian nan lại chồng chất khó khăn mới.

Ngày 29/10/1985, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị bất thường ra nghị quyết về những nhiệm vụ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, công tác khắc phục hậu quả bão lụt được các cấp ủy, chính quyền, các lực lượng và nhân dân triển khai tích cực.

Trước thiệt hại nghiêm trọng của tỉnh Bình Trị Thiên do thiên tai gây ra, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trong cả nước cứu trợ kịp thời. Nhiều nước trên thế giới viện trợ hàng hoá cho tỉnh. Tỉnh thành lập Ban Tiếp nhận viện trợ để phân bổ hàng hoá kịp thời đến nhân dân. Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi sát tình

ình, tích cực ổn định đời sống, trong lúc Trung ương chưa có quyết định mới về phụ cấp đất đỏ.

Ngày 07/12/1985, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V về giá - lương - tiền gắn chặt với khắc phục hậu quả thiên tai.

Mười năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong tỉnh Bình Trị Thiên hợp nhất, cùng các địa phương, nhân dân trên địa bàn Quảng Trị gặp muôn vàn khó khăn. Cơ sở vật chất quá nghèo nàn, lạc hậu; trên 80% lao động sản xuất nông nghiệp nhưng làm vẫn chưa đủ ăn; tiền vốn, vật tư, năng lượng, nhiên liệu, vận tải... ngày càng mất cân đối nghiêm trọng, giá cả tăng cao. Trong lúc đó, thời tiết biến đổi thất thường, rét đậm, hạn hán, bão lụt dồn dập xảy ra, nhất là các năm 1983, 1984, 1985 gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giúp đỡ tận tình của Trung ương, bạn bè trong nước và quốc tế, Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành đã lãnh đạo, động viên quần chúng phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, ý chí tự lực, tự cường, tình đoàn kết toàn Đảng, toàn quân, toàn dân để tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất và đời sống. Bộ mặt quê hương Quảng Trị cùng cả tỉnh Bình Trị Thiên thay đổi một bước. Từ nền kinh tế tự cung, tự cấp đã bước sang sản xuất hàng hoá; từ độc canh cây lương thực chuyển sang phát triển nông nghiệp toàn diện; từ chỗ bao cấp, ỷ lại bắt đầu biết hạch

toán kinh tế, phát huy tiềm năng ở cơ sở. Đã xuất hiện nhiều nhân tố mới thúc đẩy kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển đi lên đúng hướng, có mặt đạt được tiến bộ rõ rệt, tạo tiền đề bước sang giai đoạn mới.

III. NHỮNG NĂM ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986-1989)

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ IV

Thực hiện Chỉ thị số 80-CT/TW ngày 11/3/1986 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đại hội đảng bộ các cấp, trong phiên họp ngày 06/7/1986, Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập tiểu ban tổng kết kinh tế, xây dựng kế hoạch 5 năm 1986-1990 và tiểu ban tổng kết và xây dựng đề án về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức cán bộ và công tác dân vận chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV.

Song song với công tác chuẩn bị, Tỉnh ủy triển khai sâu rộng kế hoạch tiến hành tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng bộ với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật.

Từ ngày 20/8/1986 đến ngày 20/9/1986, 38 đảng bộ trực thuộc đã hoàn thành Đại hội, lựa chọn, bầu những đại biểu xứng đáng đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ IV được tiến hành từ ngày 21/10/1986 đến ngày 26/10/1986. Dự Đại hội có 457 đại biểu, thay mặt cho hơn 6 vạn đảng

viên thuộc 1.234 chi bộ, đảng bộ cơ sở ở 38 đảng bộ huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan trực thuộc trong toàn tỉnh.

Đại hội tập trung thảo luận Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ III và khẳng định: “Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương, thực hiện nghiêm túc đường lối và quan điểm của Đảng, với tinh thần tự lực, tự cường, “cùng cả nước, với cả nước”; Đảng bộ ta đã đoàn kết một lòng, phát huy tư tưởng cách mạng tiến công, từng bước nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, 4 mục tiêu kinh tế - xã hội và hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra. Điểm nổi bật là chúng ta đã đứng vững trước những thử thách nghiêm trọng của tình hình, vừa khắc phục khó khăn trước mắt, vừa tạo điều kiện để đi lên, đi vào thế ổn định và giành được những thắng lợi có ý nghĩa trên nhiều mặt”.

Về công tác xây dựng Đảng, Đại hội nhận định: “Những thắng lợi trên nhiều mặt của chúng ta, việc xuất hiện ngày càng nhiều những nhân tố mới trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, quốc phòng, an ninh, không tách rời với công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức của đảng bộ ta từ tỉnh đến cơ sở”. Hệ thống tổ chức cơ sở đảng được quan tâm xây dựng, củng cố. Mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng ngày càng gắn bó.

Trước những âm mưu thâm độc, thủ đoạn xảo quyệt của địch trong việc tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều

mặt hàng gây khó khăn cho ta; việc giáo dục nhân dân tham gia làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh địa phương luôn được chú trọng. Phong trào xây dựng xã, phường an toàn làm chủ, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát huy tương đối đều khắp. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững trên địa bàn tỉnh.

Báo cáo chính trị nêu rõ 5 bài học:

(1) Quán triệt đường lối và vận dụng đường lối cách mạng của Đảng vào thực tiễn địa phương.

(2) Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản.

(3) Kết hợp phát triển kinh tế với làm tốt công tác tư tưởng và văn hoá, nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

(4) Nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng, nắm vững bản chất giai cấp công nhân, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

(5) Tổ chức thực hiện nghị quyết, ra nghị quyết đúng chỉ mới là yếu tố ban đầu, tổ chức thực hiện có kết quả các chủ trương đề ra mới là vấn đề quyết định.

Căn cứ vào đường lối kinh tế của Đảng và nhiệm vụ chung của cả nước, căn cứ vào thực tiễn, tiềm năng đa dạng, phong phú của địa phương, Đại hội đề ra nhiệm vụ, mục tiêu của tỉnh trong thời kỳ 1986-1990 là phát triển mạnh mẽ, vững chắc, toàn diện nông nghiệp; ra sức phát huy vai trò của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đẩy mạnh xuất nhập khẩu gắn với sản xuất công - nông

nghiệp; củng cố và không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thúc đẩy sản xuất phát triển; huy động mọi nguồn lực tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật; cải tiến mạnh mẽ các hoạt động phân phối, lưu thông; tăng cường hợp tác kinh tế, hạn chế tỷ lệ tăng dân số; đẩy mạnh các hoạt động văn hoá - xã hội, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; tăng cường công tác quốc phòng, an ninh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV gồm 45 ủy viên chính thức và 14 ủy viên dự khuyết.

Ngày 27/10/1986, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ nhất (khoá IV) bầu Ban Thường vụ gồm 15 đồng chí: Vũ Thắng, Thái Bá Nhiệm, Nguyễn Văn Lương, Phạm Bá Diễn, Trần Sự, Nguyễn Trung Chính, Phan Chung, Nguyễn Khoa Diễm, Nguyễn Quốc Khánh, Lê Văn Hoan, Nguyễn Đức Hoan, Ngô Tứ Linh, Trần Đình Luyến, Võ Nguyên Quảng, Ngô Yên Thi. Đồng chí Vũ Thắng được bầu lại giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Hai đồng chí Thái Bá Nhiệm và Nguyễn Văn Lương được bầu lại giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí do đồng chí Phan Chung, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm.

Trong không khí thi đua sôi nổi lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, toàn tỉnh dồn sức khắc phục hậu quả nghiêm trọng của bão, lụt, nỗ lực phấn đấu nên năm 1986 đạt được những kết quả đáng kể.

Trên mặt trận nông nghiệp, cây lương thực cả hai vụ đông xuân và hè thu tương đối được mùa. Năng suất lúa bình quân cả năm là 24,2 tạ/ha, tăng 2,7 tạ/ha so với năm 1984 (năm được mùa nhất trong 10 năm 1976-1985). Dẫn đầu là huyện Triệu Hải vượt kế hoạch 10,5% và vượt năm 1984 là 17,8%. Huyện có 4/8 hợp tác xã của tỉnh đạt năng suất 10 tấn/ha. Riêng Long Hưng đạt 10,8 tấn/ha/năm, được tham gia vào câu lạc bộ 10 tấn của toàn quốc. Sản lượng lương thực quy thóc của các huyện, thị xã trên địa bàn Quảng Trị đạt 125.014 tấn¹.

Diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày được mở rộng. Cao su trồng mới 2.000 ha, đưa tổng diện tích lên 5.150 ha. Hồ tiêu có 711 ha, tập trung nhiều ở huyện Bến Hải. Cà phê có 457 ha, được mở rộng trong khu vực gia đình ở huyện Hướng Hoá. Cây công nghiệp ngắn ngày như lạc tăng 1.903 ha, cói tăng 83 ha.

Chăn nuôi có phát triển nhưng chậm. Đàn bò có 143.881 con (địa bàn Quảng Trị có 47.712 con), tuy vượt kế hoạch 2% nhưng chất lượng đàn bò kém, bò lai Sind đạt tỷ lệ thấp. Trâu có 76.419 con (địa bàn Quảng Trị có 23.764 con), giảm 2%. Đàn lợn có 512.161 con (địa bàn Quảng Trị có 138.982 con), giảm 15.026 con, do phong trào nuôi lợn trong cán bộ, công nhân viên giảm mạnh.

Phong trào trồng cây lâm nghiệp chuyển biến đều trong khu vực quốc doanh và tập thể. Đến năm 1986,

1. Triệu Hải: 73.847 tấn, Bến Hải: 31.290 tấn, Đông Hà: 11.571 tấn, Hướng Hoá: 8.306 tấn.

trồng được 30,9 triệu cây, trong đó trồng tập trung hơn 17,7 triệu cây. Nhiều địa phương tích cực triển khai chương trình PAM. Một số nơi có phong trào trồng cây phát triển như Hợp tác xã Nhan Biều (Triệu Hải), Trường phổ thông cơ sở Vĩnh Cháp (Bến Hải), Trường phổ thông trung học vừa học vừa làm Cồn Tiên.

Ngư nghiệp có chuyển biến tích cực. Sau bão số 8 năm 1985, nghề đánh bắt tôm, cá, các loại hải sản sớm được khôi phục và đẩy mạnh, đạt và vượt chỉ tiêu: đánh bắt được 19.500 tấn, vượt 21,9% kế hoạch. Nuôi trồng rau câu thu được 100 tấn. Nuôi cá nước ngọt thu hoạch 450 tấn. Trong năm, xuất khẩu hải sản đạt 1,5 triệu đôla (vượt 40% kế hoạch). Thu mua hải sản và làm nghĩa vụ cho Nhà nước đạt 5.600 tấn, vượt 13% kế hoạch.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xây dựng và củng cố một bước. Hội nghị Chủ nhiệm hợp tác xã vùng đồng bằng đã giúp các hợp tác xã uốn nắn lệch lạc, nâng cao trình độ quản lý, tiếp tục phát huy tác dụng của khoán sản phẩm, tạo được chuyển biến trong sắp xếp lại cây con, mùa vụ, tăng thêm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật thâm canh, ứng dụng các tiến bộ khoa học, sản xuất có hiệu quả và làm nghĩa vụ tốt hơn, có thêm lương thực bán cho Nhà nước. Việc xây dựng mô hình nông - công - thương - tín ở Vĩnh Kim (Bến Hải), Long Hưng, Triệu Thuận (Triệu Hải) đạt được kết quả bước đầu.

Chuyển sang cơ chế mới, trên địa bàn Quảng Trị có 7 đơn vị quốc doanh nông, lâm nghiệp: Lâm trường Bến Hải, Lâm trường đường 9, Lâm trường Triệu Hải,

Lâm trường Hướng Hoá, Xí nghiệp hồ tiêu Tân Lâm, Nông trường Quyết Thắng, Nông trường Bến Hải. Các nông, lâm trường đã hình thành một số vùng cây chuyên canh như hồ tiêu 129,65 ha, cao su 598,04 ha, rừng trồng 3.340 ha. Năm 1986, giá trị tổng sản lượng của 7 đơn vị đạt 60,46 triệu đồng; tổng giá trị vườn cây 680,35 triệu đồng; rừng trồng 8,24 triệu đồng. Mặc dù còn nhiều khó khăn trong bước đầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế; chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa được cụ thể hoá, nhưng thực hiện Quyết định số 217/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng; các đơn vị đã tiến hành quy hoạch lại đất để sản xuất, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Trong quản lý, bước đầu thực hiện chính sách khoán đối với hộ công nhân. Điển hình là Xí nghiệp hồ tiêu Tân Lâm tiến hành khoán công đoạn đến hộ công nhân 81,5 ha tiêu, 34,8 ha cao su. Tuy chưa hoàn thiện, hiệu quả chưa cao, nhưng qua thực tiễn đã rút ra được những kinh nghiệm cần thiết, đó là khoán phải đi đôi với quản; phải gắn trách nhiệm của người lao động với sản phẩm cuối cùng mới phát huy hiệu quả. Trong lâm nghiệp sớm hoàn chỉnh lại quy hoạch trên ba loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất); từ đó các lâm trường xây dựng quy trình kỹ thuật và định mức sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề cho sự phát triển sau này.

Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp duy trì nhịp độ phát triển. Quán triệt Nghị quyết số 306 về phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và tự chủ về tài chính của cơ sở, nhiều xí nghiệp đã liên kết, chủ động

phương tiện vật tư duy trì sản xuất. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 1.785 triệu đồng, vượt 1,5% kế hoạch năm và tăng 10,3% so với năm 1985 (địa bàn Quảng Trị đạt 273,3 triệu đồng; quốc doanh 46,7 triệu đồng, ngoài quốc doanh 226,6 triệu đồng). Trong đó, công nghiệp quốc doanh: 443 triệu đồng, tăng 20,7% so với năm trước. Tiểu thủ công nghiệp đạt 1.342 triệu đồng, bằng 104% kế hoạch năm, tăng 8,8% so với năm 1985; 10/14 huyện, thành phố, thị xã hoàn thành và vượt kế hoạch năm, trong đó có Đông Hà và Triệu Hải.

Xây dựng cơ bản đạt 969 triệu đồng, địa bàn Quảng Trị đạt 361,7 triệu đồng.

Thương nghiệp quốc doanh, thương nghiệp tập thể đã mở rộng giao lưu hàng hoá, kinh doanh có tính đa dạng, linh hoạt hơn, vừa đảm bảo 6 mặt hàng chủ yếu vừa bán thêm 13 mặt hàng không định lượng theo giá ổn định cho cán bộ, công nhân viên, bán hàng tiêu dùng cho nhân dân, nhất là sau bão, lụt, các ngày lễ, Tết. Tổng giá trị hàng mua vào là 4,1 tỷ đồng, bán ra là 4,5 tỷ.

Xuất khẩu đạt 17 triệu rúp - đôla. Hầu hết các sản phẩm xuất khẩu nông, lâm, hải sản, thủ công mỹ nghệ đều vượt chỉ tiêu. Các địa phương ở khu vực Quảng Trị xuất khẩu đạt 200.000 rúp - đôla.

Tuy nhiên, giá cả thị trường tiếp tục tăng nhanh. Giá cả tháng 11/1986 so với cùng kỳ năm 1985 tăng 8 lần, so với đầu năm tăng 5 lần. Đồng lương thực tế của cán bộ, công nhân viên chức đến cuối năm 1986 chỉ đảm bảo được khoảng 30% nên đời sống hết sức khó khăn.

Văn hoá, xã hội có tiến bộ. Phong trào văn hoá văn nghệ phát triển, hội diễn văn nghệ quần chúng diễn ra sôi nổi và đều khắp, động viên nhân dân lao động, sản xuất, xây dựng nếp sống mới. Ngành giáo dục tiếp tục phát triển, năm học 1986-1987, ở địa bàn Quảng Trị có 691 lớp mẫu giáo với 17.430 cháu; 151 trường với 92.789 học sinh phổ thông. Lực lượng y tế tập trung chống 4 đợt dịch bệnh lớn xảy ra liên tục, hạn chế tử vong ở mức thấp nhất.

Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Năm 1986, tỉnh Bình Trị Thiên gặp nhiều khó khăn do thiên tai cuối năm 1985, sự biến động về giá - lương - tiền, cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa hai con đường và chống tiêu cực trong nội bộ diễn biến phức tạp. Các hoạt động chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch diễn ra gay gắt. Nhờ có chủ trương đúng đắn, sự phối hợp liên ngành giữa công an, viện kiểm sát, thanh tra, tư pháp và giữa 3 ngành công an, quân sự, biên phòng ngày càng chặt chẽ nên công tác đấu tranh chống phá hoại của các phần tử chống đối có hiệu quả hơn, ngăn chặn luận điệu chiến tranh tâm lý, bảo vệ chặt chẽ các mục tiêu, bảo đảm được an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ an toàn đại hội đảng các cấp.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy, cuối năm 1986, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 128, Chỉ thị số 93 và số 83 của Hội đồng Bộ trưởng về những biện pháp cấp bách để bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Ba năm 1984-1986, cùng với những chuyển biến trong

sản xuất, công tác bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ vững trật tự an toàn xã hội có tiến bộ. Nhiều ngành đã coi trọng công tác bảo vệ nội bộ nên kiên quyết củng cố lại tổ chức, sắp xếp lại nhân sự, đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng và ra khỏi cơ quan. Các năm 1984-1986, phát hiện 1.639 cán bộ, công nhân viên có sai phạm về phẩm chất, đưa ra khỏi cơ quan nhà nước 364 người; đưa ra khỏi Đảng 57 đảng viên không đủ tư cách. Đồng thời, các ngành củng cố được 395 phòng, ban bảo vệ, bổ sung và xây dựng 574 bản chế độ, nội quy bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, chấn chỉnh lại lực lượng tuần tra, canh gác, nên giảm bớt được các hiện tượng tiêu cực.

Cuộc đấu tranh bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội gắn liền với đấu tranh chống địch phá hoại kinh tế, chống đầu cơ, buôn lậu, trấn áp tội phạm. Trong 3 năm 1984-1986, đã xử lý 887 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa (1.567 đối tượng); 2.100 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội (3.059 người); 1.575 vụ buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, thu hồi cho Nhà nước hàng trăm triệu đồng.

Công tác quản lý xã hội cũng có những thay đổi mới trong việc giáo dục, quản lý thanh, thiếu niên hư hỏng, bộ đội đào ngũ. Các cơ quan chính quyền đẩy mạnh phát động phong trào quần chúng thu hồi vũ khí, quản lý chất nổ, chất cháy, cam kết không tàng trữ vũ khí, không cất dây điện thoại, điện đèn; xây dựng xã, phường, đơn vị an toàn... Thu hồi 3.407 khẩu súng các loại, 31.497 viên đạn, 2.620 kg thuốc nổ và nhiều loại vũ khí khác.

Các ngành tuyên huấn, báo chí, phát thanh, truyền hình cũng có nhiều cố gắng phản ánh thực trạng tiêu cực trong đời sống xã hội, góp phần giáo dục nhân dân chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong công tác xây dựng Đảng, bằng nhiều biện pháp tích cực và đồng bộ, Đảng bộ các cấp tập trung chỉ đạo quán triệt các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, tăng cường công tác tư tưởng, tạo sự nhất trí cao về chính trị, chuyển biến trong hành động. Đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình theo tinh thần Chỉ thị số 79-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng tiến hành nghiêm túc, có chỉ đạo chặt chẽ, đem lại kết quả thiết thực.

Qua đại hội Đảng các cấp, nhận thức về đường lối, quan điểm của Đảng, sự vận dụng vào thực tiễn địa phương của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên được nâng cao hơn. Dân chủ trong Đảng và nhân dân được phát huy rộng rãi nên có nhiều ý kiến đóng góp vào dự thảo báo cáo chính trị của các đảng bộ. Đây là đợt sinh hoạt chính trị có tác động sâu rộng trong Đảng và quần chúng nhân dân.

Công tác giáo dục lý luận chính trị được đẩy mạnh. Trường Đảng tỉnh mở 2 khoá và 4 lớp tại chức cho 540 học viên. Các địa phương và cơ sở mở 14 lớp theo chương trình phổ thông với 189 học viên; 55 lớp với 3.194 học viên cho đảng viên mới và đối tượng phát triển Đảng; 9 lớp với 445 học viên, là cán bộ cơ sở từ đội trưởng sản xuất trở lên, được bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế.

Năng lực lãnh đạo, điều hành của các tổ chức đảng khá hơn. 33 cơ sở yếu kém được tập trung củng cố và đã có chuyển biến. Đảng bộ Triệu Hải và Hương Điền được Ban Bí thư Trung ương Đảng công nhận 2 đơn vị trong sạch, vững mạnh. Đội ngũ đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, đảng viên đạt loại 1 chiếm 63,7%. Năm 1986, toàn tỉnh kết nạp thêm 1.753 đảng viên mới. Tuy vậy, vẫn có 25 đảng bộ, 5 chi bộ 5 năm không kết nạp được đảng viên mới.

Công tác kiểm tra được coi trọng. Trong năm, đã kiểm tra 893 đảng viên, nhiều hơn năm 1985 là 381 đảng viên; giải quyết 350 thư tố cáo. Xử lý kỷ luật 832 vụ, trong đó khiển trách 200, cảnh cáo 324, cách chức 90, lưu Đảng 122, khai trừ 96 đảng viên và xử lý kỷ luật 18 tổ chức đảng.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng phối hợp với các ngành thực hiện tốt 3 cuộc vận động lớn. Cuộc vận động gửi tiền tiết kiệm trong 11 tháng đạt trên 83 triệu đồng. Phong trào quần chúng và hoạt động của các đoàn thể phát triển. Hơn 5 vạn đoàn viên, thanh niên tham gia lao động trên 920 công trình cấp cơ sở, 46 công trình cấp huyện. Nhiều công trình hoàn thành đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng, trong đó có hệ thống kênh mương thủy lợi Kinh Môn (Bến Hải). Ở các công, nông trường, xí nghiệp, Đoàn Thanh niên đóng vai trò nòng cốt trong hoàn thành kế hoạch nhà nước trước thời hạn. 63 đơn vị hoàn thành kế hoạch nhà nước trước một tháng. Qua phong trào đã củng cố 66 cơ sở đoàn, kết nạp 23.580

đoàn viên. 82.000 đoàn viên được trao thẻ Đoàn. 86,6% cơ sở đoàn vững mạnh và khá... Phong trào thi đua làm thêm giờ, tăng thêm ca kíp, nhận thêm công trình sản phẩm sôi nổi trong giai cấp công nhân. Có 245 sản phẩm mới tham gia hội chợ triển lãm thành tựu kinh tế - kỹ thuật toàn quốc để chào mừng Đại hội Đảng. 8 đơn vị xây dựng 3.750 định mức. 2.000 công nhân làm việc gián tiếp chuyển sang trực tiếp sản xuất. Có 1.379 sáng kiến, trong đó có 529 sáng kiến có giá trị làm lợi cho Nhà nước trên 21 triệu đồng, 68 sáng kiến được Tổng Công đoàn cấp bằng lao động sáng tạo. Mặc dù điều kiện đời sống khó khăn, các cấp Hội Phụ nữ tích cực giáo dục, động viên chị em tổ chức đời sống gia đình, phát huy trách nhiệm trong tham gia thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, giúp đỡ gia đình chính sách, động viên thanh niên nhập ngũ, đỡ đầu nuôi dưỡng 3.573 con, cháu của liệt sĩ.

Những chuyển biến tích cực trong năm 1986 tạo điều kiện thuận lợi để toàn tỉnh bước vào thực hiện công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

2. Bước đầu thực hiện đường lối đổi mới

Những năm đầu thập kỷ 80, xu thế cải cách, cải tổ trở thành yêu cầu tất yếu của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa. Ở nước ta, 10 năm tìm tòi, thử nghiệm đã cho Đảng ta hiểu sâu hơn về thực trạng đất nước, có thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo nhân dân tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Bác Hồ và Đảng đã lựa chọn.

Bước sang năm 1986, những sai lầm, khuyết điểm trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội và cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền năm 1985 không thành công đã tác động mạnh đến tình hình mọi mặt của đất nước, mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân, trước hết là trên lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm, bội chi ngân sách lớn. Lạm phát tăng vọt, năm 1986 là 774,7%. Đồng tiền Việt Nam mất giá nghiêm trọng làm ảnh hưởng sâu sắc đến sản xuất và đời sống nhân dân. Phân phối, lưu thông rối ren, ách tắc. Các mặt văn hoá, giáo dục, chất lượng y tế giảm sút, cơ sở vật chất xuống cấp nghiêm trọng...

Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. Đổi mới là đòi hỏi hết sức bức thiết.

Trong tình hình chung của đất nước, Bình Trị Thiên cũng đứng trước những thách thức, khó khăn gay gắt. Giá cả thị trường không ổn định. Ngân sách tỉnh bội chi ngày càng tăng cao. Công tác củng cố và cải tạo quan hệ sản xuất còn nhiều yếu kém. Trong nông nghiệp, những khuyết điểm, sai lệch về khoán sản phẩm làm nông dân không phấn khởi sản xuất, có nơi trả lại ruộng đất cho hợp tác xã. Đời sống nhân dân thấp kém, bình quân lương thực đầu người mới chỉ đạt 240 kg. Văn hoá, giáo dục, y tế xuống cấp, chất lượng giảm sút. Một số dịch bệnh có nguy cơ bùng phát. Một bộ phận đảng viên thoái hoá, biến chất.

Tuy nhiên, Bình Trị Thiên cũng có những nhân tố mới, thuận lợi mới:

Việc tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Trung ương 6, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương khoá V; Nghị quyết số 10, 11, 12 khoá III của Đảng bộ tỉnh có tác động tích cực đến sản xuất và đời sống. Trải qua 10 năm xây dựng, tỉnh Bình Trị Thiên đạt được những thành tựu đáng kể, nhất là sự phát triển toàn diện của nông nghiệp, cơ sở vật chất kinh tế - kỹ thuật được xây dựng đã tạo thêm năng lực mới cho sản xuất. Trong năm 1986, Tỉnh ủy có những chủ trương bước đầu thực hiện đổi mới về quản lý kinh tế - xã hội. Ngày 08/01/1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 27 về việc làm thủ bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh và tự chủ về tài chính ở cơ sở. Thường vụ Tỉnh ủy chọn 5 đơn vị thực hiện trong đó có Nông trường Tân Lâm (Quảng Trị). Ngày 19/6/1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 82 về tăng cường nắm hàng, quản lý chặt chẽ hàng hoá, tiền tệ nhằm khắc phục thực trạng vật tư chuyển về chưa kịp thời để đối lưu với nông dân, một số tư thương về nông thôn gom hàng; giữa các địa phương, các công ty của Nhà nước cũng có tình trạng tranh mua, tranh bán, sự quản lý của các cấp chính quyền chưa chặt chẽ.

Tháng 12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội xác định đổi mới là xu thế tất yếu của thời đại. Phải đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới công tác kế hoạch hoá, công tác cán bộ và đổi mới phong cách làm việc. Đại hội đề ra phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế - xã hội: “Trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, trước mắt là

trong kế hoạch 5 năm 1986-1990, phải thật sự tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về *lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*”.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, ngày 28/01/1987, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ hai khoá IV đã ra Nghị quyết về nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1987, nêu rõ: “Chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội VI, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, thực hiện một bước 5 mục tiêu kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đã đề ra, tập trung sức phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; đưa công tác quản lý đi vào hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; tập trung vào các ngành sản xuất mũi nhọn, tạo nhanh ngân sách từ cơ sở đến tỉnh...”.

Công tác phân phối, lưu thông có bước phát triển mới. Ngày 01/3/1987, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 80-CT quy định: không đặt trạm kiểm soát cố định hoặc lưu động trên các đường giao thông thủy bộ, tạo điều kiện lưu thông hàng hoá; đồng thời tăng cường chống đầu cơ, buôn lậu, chống thất thu thuế. Tỉnh ủy nhanh chóng chỉ đạo các ngành, các cấp giải toả toàn bộ các trạm kiểm soát theo quy định, tạo điều kiện cho việc đối lưu hàng hoá dễ dàng, được quần chúng nhân dân hoan nghênh, phấn khởi. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, việc chuyển đổi phương hướng công tác mới của các ngành liên quan không theo kịp nên nảy sinh nhiều tiêu cực, nhất là việc

tư thương đầu cơ, buôn lậu, Nhà nước không quản lý được giá cả, nguồn hàng.

Ngày 09/4/1987, Hội nghị Trung ương khoá VI ra Nghị quyết giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, ngày 30/4/1987, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên khoá IV ra Nghị quyết số 04-NQ/TU giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Tỉnh ủy khẳng định: Dựa vào giác ngộ chính trị của quần chúng, tỉnh đã tìm mọi cách khắc phục hậu quả của thiên tai, thúc đẩy sản xuất, thu mua nắm cho được lương thực, hàng nông sản khác và hàng công nghệ phẩm sản xuất tại địa phương; cố gắng kìm giá, giữ giá, duy trì tính ổn định của mức giá bán lẻ chỉ đạo đối với hàng hoá thiết yếu bán theo định lượng và tăng thêm mặt hàng với giá thấp hơn giá thị trường, để giảm bớt khó khăn trong đời sống cán bộ, công nhân và đối tượng chính sách; đẩy mạnh hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, nhất là các hợp tác xã mua bán, tìm mọi cách phát triển giao lưu, tăng thêm hàng hoá để bán tận tay người tiêu dùng, nhất là sau bão lụt, các ngày Tết cổ truyền và những tháng giáp hạt với giá đảm bảo kinh doanh trước mắt, đồng thời tìm cách gia tăng thu nhập bằng tiền của dân cư; đẩy mạnh xuất nhập khẩu để tạo vốn, tăng thêm vật tư, thiết bị, cùng với động viên nguồn vốn trong nhân dân để mở rộng sản xuất hàng hoá; dựa vào các tổ chức quần chúng, sử dụng nhiều hình thức quỹ tiết kiệm để thu hút tiền trong nhân dân.

Tình hình diễn biến phức tạp, trong hoàn cảnh tỉnh mất mùa nặng, nguồn chi viện của Trung ương hạn chế dần; nhờ những biện pháp tháo gỡ khó khăn cụ thể nên tình hình không đảo lộn, việc cung ứng lương thực đảm bảo đầy đủ. Thu ngân sách và tiền mặt cơ bản đảm bảo nguồn chi, thực hiện vượt chỉ tiêu mua công trái đợt 1, giá cả không biến động đột xuất.

Song song với việc tập trung thực hiện các mục tiêu kinh tế là trọng tâm, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh Bình Trị Thiên hưởng ứng mạnh mẽ *việc mở rộng dân chủ*.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc lãnh đạo đảm bảo cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội được tiến hành thật sự dân chủ, những đại biểu được bầu phải thật sự có phẩm chất và năng lực; cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân 2 cấp trong tỉnh được tiến hành nghiêm túc, trật tự, an toàn và đảm bảo đúng theo luật định; đạt kết quả tốt. 988.713 cử tri đi bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII¹, bầu bổ sung

1. Địa bàn Quảng Trị có 3 đại biểu trúng cử: đồng chí Hồ Văn Bảy - Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hoá, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Trị Thiên; đồng chí Lê Văn Hoan - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Trị Thiên, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng chí Trương Thị Khuê - Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Bình Trị Thiên, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và bầu cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã đạt 99,4%.

Sau loạt bài “Những việc cần làm ngay” đăng Báo *Nhân Dân* của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, toàn tỉnh dấy lên phong trào hưởng ứng sôi nổi. Ngày 06/7/1987, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 10 về việc hưởng ứng những việc cần làm ngay trên Báo *Nhân Dân*; nhằm tiếp tục nâng cao trình độ sinh hoạt dân chủ trong Đảng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, biến các nghị quyết của Đảng thành hiện thực, tạo ra những tiến bộ mới trên lĩnh vực đời sống xã hội. Chỉ thị cũng yêu cầu phê phán, ngăn ngừa những người lợi dụng cơ hội để đả kích, vu khống, xuyên tạc, làm tình hình thêm phức tạp... Đồng thời, Tỉnh ủy quyết định tăng số lượng phát hành Báo *Dân* lên 3 số/tuần.

Những bài điều tra, phóng sự về các hiện tượng tiêu cực của báo chí thực sự góp phần làm tăng không khí dân chủ, cởi mở trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Tuy nhiên, vẫn có những bài báo viết không đúng sự thật làm giảm lòng tin của quần chúng, Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo cho các cơ quan báo chí rút kinh nghiệm, nhằm phục vụ tốt hơn nhiệm vụ chính trị mà Đảng đề ra.

Ngày 17/6/1987, Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông báo số 18 về việc tăng cường tiếp dân, bắt đầu từ tháng 8 thực hiện tiếp theo lịch và phân công tiếp dân hàng tuần.

Tháng 7/1987, Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh lần thứ III đạt kết quả tốt, thể hiện tinh thần xung kích, sáng tạo, tính dân chủ, đoàn kết nhất trí,

đổi mới nội dung, nêu cao quyết tâm là lực lượng xung kích trong thực hiện 3 chương trình kinh tế, việc làm cho thanh niên. Tháng 8/1987, Đại hội Hội Nông dân tập thể cũng diễn ra tốt đẹp.

Tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã bắt đầu đi vào đời sống xã hội toàn tỉnh, đem lại hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội năm 1987. Ở các đơn vị, đã có một số nhân tố mới, mô hình làm ăn năng động, sáng tạo, có giải pháp tích cực, góp phần tháo gỡ khó khăn để phong trào tiếp tục đi lên. Các hoạt động xây dựng cơ bản bước đầu được sắp xếp lại theo hướng phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng.

Ngày 10/11/1987, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ năm đã thông qua đề án 3 chương trình mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; nhằm: Bảo đảm lương thực đủ ăn cho toàn xã hội và có dự trữ, đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm. Mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm phải đảm bảo tái sản xuất sức lao động; sản xuất đáp ứng cho nhân dân về những sản phẩm công nghiệp thiết yếu; tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, tăng kim ngạch đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và hàng hoá cần thiết.

Hội nghị Tỉnh ủy nhấn mạnh: Giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm phải theo phương hướng tận dụng mọi khả năng để sản xuất lương thực tại chỗ là chính, đồng thời khắc phục khuynh hướng giải quyết lương thực theo lối khép kín, gấn chặt việc giải quyết lương thực,

thực phẩm với phát triển nông nghiệp toàn diện; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chuyển mạnh vào phục vụ sản xuất nông nghiệp toàn diện, ra sức phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến nông - lâm - hải sản, tập trung vào những mặt hàng có tiềm năng, thế mạnh của địa phương, mặt hàng gia công có nguồn nguyên liệu ổn định, mặt hàng truyền thống có kỹ thuật cao và mặt hàng thu hút nhiều lao động giải quyết công ăn việc làm; coi trọng chính sách khuyến khích người lao động, địa phương và cơ sở làm hàng xuất khẩu. Lập lại trật tự trong mua và bán hàng xuất khẩu. Công bố rõ chính sách khuyến khích các mặt hàng xuất khẩu: tiêu, ớt, lạc, tôm, mực, rau câu... Hợp tác, liên kết với nước ngoài chặt chẽ và nghiêm chỉnh để tạo tín nhiệm lâu dài. Tăng cường hợp tác, liên kết với Savannakhet và Khămmuôn trong khai thác gỗ, tổ chức chế biến nâng cao sản xuất xuất khẩu. Khai thác và nâng cao hiệu quả các nguồn viện trợ quốc tế, các nguồn kiều hối. Mở rộng du lịch và dịch vụ khách nước ngoài.

Những biện pháp trên đã làm cho tình hình đỡ rối ren, nhưng do sản xuất và kinh doanh phát triển chậm, quản lý kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém và do tác động chung của tình hình cả nước, giá cả vẫn tăng với tốc độ nhanh, tiền lương thực tế giảm sút mạnh, bội chi ngân sách lớn. Điều đó đã tác động xấu đến toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt xã hội và bộc lộ rõ các mâu thuẫn trong đời sống kinh tế, đòi hỏi cấp bách phải có biện pháp giải quyết.

Nguyên nhân của tình hình trên là do giữa cung và cầu chênh lệch nhiều. Là địa phương bị chiến tranh phá hoại khốc liệt, sản xuất hàng hoá kém phát triển, giao lưu không thuận lợi, thường xuyên bị thiên tai tàn phá gây thiệt hại lớn về người và tài sản, cơ sở vật chất - kỹ thuật ít và lạc hậu, dân số tăng nhanh, nhu cầu tại chỗ ngày càng lớn, làm cho tình hình càng thẳng hơn.

Nguyên nhân sâu xa là duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, vi phạm quy luật khách quan trong quản lý kinh tế.

Tỉnh ủy đề ra 8 biện pháp cụ thể để giải quyết vấn đề nóng bỏng đang đặt ra. Đặc biệt, Tỉnh ủy chú trọng đến việc chỉ đạo thực hiện thu thuế nông nghiệp, tỷ giá trao đổi hàng hoá (bên cạnh giá quy định của Nhà nước, cần có giá thoả thuận thu mua lương thực ngoài hợp đồng theo điều kiện cụ thể ở mỗi địa phương).

Để giải quyết khó khăn về đời sống, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, các ngành coi trọng chỉ đạo chặt chẽ thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” như: thực hiện chính sách xã hội, nhất là điều hoà lương thực cho các đối tượng chính sách trên địa bàn huyện, làm thủy lợi, cầu đường, nhà trẻ, trường học, nghĩa trang. Nhất thiết phải làm cho nhân dân hiểu rõ lợi ích của chủ trương để tham gia tích cực, hiệu quả. Đối với những người hưởng lương, thực hiện bù giá vào lương. Trợ cấp khó khăn bằng một tháng lương cơ bản có thêm 75% phụ cấp ở thành phố, 69% ở nông thôn. Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán vào giá thành và phí lưu

thông: thực hiện rộng rãi chế độ lương khoán, lương sản phẩm, đi đôi với rà soát lại định mức và nghiệm thu sản phẩm chặt chẽ. Đối với lực lượng vũ trang cấp bằng hiện vật, đúng thời gian và địa điểm. Ưu tiên cho các lực lượng ở biên giới và hải đảo. Đối với sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp, thực hiện bù giá vào lương như cán bộ, công nhân, viên chức.

Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, giảm mạnh biên chế trong các cơ quan đã ổn định tổ chức biên chế để rút kinh nghiệm, trả lương cho cán bộ, công nhân đã nghỉ hưu kịp thời. Các đối tượng chính sách khác, trợ cấp thêm bằng mức phụ cấp một tháng. Những người đã được Nhà nước cấp lương thực theo giá lẻ ổn định, tạm thời giữ giá 4,5 đồng/kg gạo. Các cán bộ xã, phường không có sổ mua gạo Nhà nước thì được mua lương thực ở hợp tác xã theo giá nội bộ do xã và hợp tác xã quy định.

Tỉnh còn động viên cán bộ, công chức tăng thu nhập bằng lao động ngoài giờ...

Tỉnh ủy cũng yêu cầu các cơ quan, đơn vị khi quán triệt Nghị quyết phải năng động, sáng tạo, tháo gỡ khó khăn từ điều kiện cụ thể để cùng cả tỉnh, cả nước từng bước vượt qua thời kỳ thử thách cam go nhất.

Trong nông nghiệp, cơ cấu cây trồng tiếp tục thay đổi đúng hướng, diện tích cây công nghiệp và cây có giá trị xuất khẩu chiếm tỷ trọng 11,7%, tăng 16% so với năm 1986. Chăn nuôi phát triển khá: đàn bò tăng 9,9% (địa bàn Quảng Trị có 54.623 con), đàn trâu tăng 2,5% (địa bàn Quảng Trị có 24.761 con), đàn lợn tăng 2,9% (địa bàn

Quảng Trị có 142.947 con). Năm 1987 đánh bắt 18.000 tấn hải sản. Xuất khẩu hải sản đông lạnh đạt 545 tấn, giá trị hải sản xuất khẩu là 2,7 triệu đôla, tăng 58% so với năm 1986, đạt 135% kế hoạch.

Đặc biệt, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và lời căn dặn của đồng chí Lê Duẩn, đồng bào các dân tộc Hướng Hoá từng bước tiếp thu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là phát triển cây lúa nước và cây công nghiệp. Điển hình như xã Hướng Phùng có 49 ha lúa nước; xã Húc có 53 ha, thu hoạch 400 tấn lương thực, làm nghĩa vụ 20,8 tấn. Các xã Mò Ó, Pa Tầng, năng suất lúa đạt 23 tạ/ha. Toàn huyện có 4.670 con bò, 16.600 con lợn. Định canh định cư được 16/24 xã. Diện tích cây công nghiệp tăng đáng kể, toàn huyện có 225 ha thuốc lá, 157 ha lạc, 50 ha gừng, 23 ha mía, 500 ha cà phê. Kinh tế vườn của các hộ gia đình hình thành và phát triển.

Sự phát triển của công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Quảng Trị đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng của ngành trong toàn tỉnh. Giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cả năm đạt trên 2,15 tỷ đồng, tăng 17,6% so với năm 1986. Trong đó, công nghiệp quốc doanh đạt 624 triệu đồng, địa bàn Quảng Trị đạt 68,2 triệu đồng. Tỷ trọng công nghiệp phục vụ nông nghiệp đạt 18%, phục vụ tiêu dùng 56%, phục vụ xuất khẩu 8%. Khu vực tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh hơn. Ở huyện miền núi Hướng Hóa, máy xay sát lúa đã vào tận vùng bản. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp như lò gạch, sản xuất công cụ cầm tay, làm chổi đót xuất khẩu tiếp tục phát triển. Sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công

nghiệp phát triển đã làm tăng hàng hoá xuất khẩu. Toàn huyện xuất khẩu được 24,3 tấn cà phê, 9,5 tấn tiêu, 14,2 tấn lạc, 48,4 tấn đồng và 245 tấn sắt phế liệu, 196 tấn bông dót, 5,5 tấn song, 30.000 chổi dót. Các xã Mò Ó, A Ngo, Hướng Hiệp còn phát triển thủy điện nhỏ phục vụ sản xuất và đời sống.

Xây dựng cơ bản đạt 3,5 tỷ đồng, địa bàn Quảng Trị đạt 487,5 triệu đồng. Thực hiện chủ trương sắp xếp và cơ cấu lại vốn đầu tư, tỉnh đã đình hoãn 21 công trình, đưa vào sử dụng 25 công trình.

Trên lĩnh vực thương nghiệp, tổng doanh số mua vào đạt 10,5 tỷ đồng, bán ra là 11,4 tỷ đồng. Tuy vượt kế hoạch đề ra nhưng so với năm 1986 thì mua vào chỉ đạt 81%, bán ra là 85%. Nguyên nhân chủ yếu là do thiên tai nên nông nghiệp mất mùa; hàng của Trung ương đưa vào không đảm bảo số lượng.

Xuất khẩu đạt 18,2 triệu rúp - đôla, trong đó hàng nông sản là 4,5 triệu, hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 5,3 triệu. Các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp được mở rộng. Những sản phẩm xuất khẩu truyền thống đều hoàn thành vượt mức kế hoạch như: chổi dót 4.650.000 cái, đạt 116,3% kế hoạch, tăng 14,6%; mặt mây 317.000 m², đạt 127% kế hoạch, tăng 22,1%; thêu ren: 17.500 bộ, đạt 175% kế hoạch, tăng 28,1%; điêu khắc mỹ nghệ 5,3 triệu đồng, đạt 107% kế hoạch.

Tổng thu ngân sách địa phương đạt 6 tỷ đồng, vượt 28,9% kế hoạch. Tổng thu tiền mặt là 15,23 tỷ đồng, bội chi tiền mặt là 1,1 tỷ đồng, giảm so với trước.

Các hoạt động văn hoá, xã hội tiếp tục được duy trì. Trong năm đã giải quyết việc làm cho 9.000 người. Tuy nhiên, vẫn còn hàng vạn lao động dư thừa trong khu vực nhà nước chưa được sắp xếp, bố trí.

Kỷ niệm 40 năm Ngày Thương binh, liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/1987), mặc dù tình hình kinh tế - xã hội hết sức khó khăn, cả tỉnh vẫn phát huy đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, thể hiện những việc làm đáng trân trọng. Nhiều địa phương tích cực rà soát giải quyết dứt điểm việc xác nhận những người thoát ly tham gia kháng chiến nghỉ việc trước ngày ban hành chế độ bảo hiểm xã hội, đủ điều kiện hưởng chế độ theo Thông tư số 11/NV và Nghị định số 10/NĐ-76, trong đó có Triệu Hải, Đông Hà.

Trong năm, toàn tỉnh đã tổ chức xác nhận và giải quyết quyền lợi cho 954 liệt sĩ và gia đình liệt sĩ; 653 thương binh; 1.585 bệnh binh; 1.998 người có công với cách mạng; 2.100 người nghỉ hưu; 582 người nghỉ mất sức; 121 người hưởng theo Thông tư số 11/NV và Nghị định số 10/NĐ-76. Đã quản lý và thực hiện chính sách cho 27.409 gia đình liệt sĩ; 8.867 thương binh; 7.225 bệnh binh; 4.297 người có công giúp đỡ cách mạng; 25.016 hưu trí; 6.313 người nghỉ mất sức; 2.395 người hưởng chế độ tuất từ trần; 6.930 đối tượng xã hội hưởng trợ cấp thường xuyên theo Thông tư số 12-TBXH. Tổng số các đối tượng tăng hơn năm 1986 trên 9.000 người.

Công tác chăm sóc, giúp đỡ gia đình chính sách bằng điều hoà, bán bù lương thực được các địa phương chú trọng. Phong trào giúp đỡ gia đình chính sách ổn định về

nhà ở; công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng thương binh; đỡ đầu và sắp xếp việc làm cho con liệt sĩ được quan tâm đầy mạnh. Trong các đơn vị điển hình có Triệu Hải và Đông Hà. Cuộc vận động xây dựng “người công dân kiểu mẫu” và “gia đình cách mạng gương mẫu” được duy trì và phát triển. Đã có 7.737 người và 7.556 gia đình đạt 2 danh hiệu này. Mặc dù đời sống khó khăn, nhân dân toàn tỉnh vẫn nhiệt tình đóng góp công, của quy tập mộ liệt sĩ, xây dựng, sửa sang và chăm sóc các nghĩa trang liệt sĩ. Những hoạt động mang đậm truyền thống nhân văn đó đã góp phần rất lớn vào ổn định tình hình chính trị - xã hội, từng bước thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Trên mặt trận quốc phòng, an ninh, Bình Trị Thiên luôn là địa bàn mà các thế lực phản động nước ngoài qua Thái Lan và từ Lào xâm nhập về Việt Nam. Điển hình là lực lượng phản động do Hoàng Cơ Minh cầm đầu. Nhờ sự cảnh giác và kịp thời phát hiện của nhân dân, sự phối hợp chặt chẽ của các lực lượng trong tỉnh và nhân dân tỉnh Savannakhet, các toán xâm nhập do Hoàng Cơ Minh cầm đầu đã bị đập tan.

Trên biển, hoạt động của tàu nước ngoài gia tăng. Trong tổng số 920 lần chiếc hoạt động, có 310 lần chiếc vi phạm hải phận, vừa đánh bắt hải sản, móc nối ngư dân thu thập tin tức, đón người vượt biên, thăm dò phòng thủ trên đảo và trên bờ. Các vụ vượt biên, vượt biển tăng hơn năm 1986.

Ở nội địa, kẻ thù vẫn ráo riết lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng. Các phần tử xấu lợi dụng tình hình

kinh tế - xã hội khó khăn, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, nói xấu cán bộ; tung tin sắp đổi tiền để ghim hàng nâng giá, phá rối thị trường, làm quần chúng nhân dân hoang mang. Các vụ cắt dây điện thoại, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, phạm pháp hình sự tăng hơn năm 1986, làm thiệt hại tài sản Nhà nước và nhân dân hàng chục triệu đồng, làm chết và bị thương hàng chục người.

Trước tình hình diễn biến phức tạp, Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Trong năm đã rà soát 848 cơ sở lực lượng dân quân tự vệ (284 xã, 37 phường, 527 cơ quan tự vệ); phát triển thêm 27.090 người, nâng tổng số lên 168.701 người, tăng gần 16% so với năm 1986. Tỷ lệ đảng viên là 14%, cao hơn trước. Lực lượng dự bị được các cấp ủy, chính quyền quan tâm hơn. Bộ đội địa phương, biên phòng được kiện toàn, phát huy truyền thống Bộ đội Cụ Hồ, sẵn sàng chiến đấu, giữ vững chủ quyền an ninh biên giới, hải đảo.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo 2 tuyến xung yếu là đường 9 và vùng trọng điểm. Tổ chức thêm 4 hải đội ở Gio Việt (Bến Hải), nâng tổng số hải đội lên 22 đơn vị, hoạt động hiệu quả hơn. Hầu hết các phường, xã có từ một tiểu đội đến một trung đội dân quân thường trực chiến đấu, có trang bị vũ khí, huấn luyện và hoạt động có nền nếp.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo tinh thần đổi mới. Ngày 29/9/1987, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra

Chỉ thị số 16-CT/TW hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Quán triệt tinh thần Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 10/11/1987, Tỉnh ủy ban hành kế hoạch thực hiện, nêu rõ đây là cuộc vận động có quy mô rộng lớn, vì vậy phải nắm vững cốt lõi của cuộc vận động là xây dựng phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước, làm trong sạch, nâng cao sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước; xây dựng con người mới, nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, lập lại kỷ cương trong Đảng, bộ máy nhà nước và xã hội. Xử lý dứt điểm, nghiêm minh, chính xác, có trọng điểm những vụ vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước còn tồn đọng và mới phát hiện, những vụ việc nghiêm trọng đã nêu trên báo, đài mà dư luận xã hội đang quan tâm.

Quán triệt Chỉ thị của Trung ương, trong năm, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra các cấp tăng cường hoạt động. Đã kiểm tra 2.369 đảng viên, xử lý kỷ luật 984 người. Công tác phát triển Đảng được chú trọng, trong năm kết nạp 1.954 đồng chí, tăng 201 đồng chí so với năm 1986.

Năm 1987, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, trong điều kiện tỉnh và đất nước còn nhiều khó khăn, với sự cố gắng điều hành lãnh đạo của Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Bình Trị Thiên đã tạo ra được một số nhân

tố mới, thúc đẩy quá trình phát triển tiếp theo của tỉnh. Tuy vậy, từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cái cũ còn chi phối nặng nề, cái mới đang bắt đầu hình thành nên chưa thể tác động mạnh vào đời sống kinh tế - xã hội. Trong khi đó, nền kinh tế quá nghèo nàn nên nhiều vấn đề xã hội bức xúc đặt ra chưa thể cùng một lúc giải quyết.

Từ ngày 12 đến ngày 18/3/1988 diễn ra Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Hội nghị kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh trong hơn một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Tỉnh ủy.

Với trách nhiệm cao trước Đảng bộ, trước nhân dân, Tỉnh ủy đã làm việc nghiêm túc, thẳng thắn để đánh giá đúng đắn những việc làm được và chưa được trong chỉ đạo thực hiện công cuộc đổi mới. Nghị quyết của Tỉnh ủy nêu rõ: “Ai là hiện thân của sự đổi mới thì tồn tại và phát triển. Ai không thể là hiện thân của sự đổi mới sẽ là trở lực cho quá trình đổi mới”.

Hội nghị nhận định: thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, Thường vụ Tỉnh ủy đã có những quan điểm, chủ trương và hành động đổi mới, thể hiện như: xác định quan điểm và đã cố gắng đẩy mạnh sản xuất hàng hoá trong xây dựng 3 chương trình kinh tế lớn; tập trung chỉ đạo một số ngành sản xuất hàng công

nghiệp mũi nhọn để tạo ra hàng hoá, tạo ngân sách; chuyển cơ cấu mặt hàng xuất khẩu; nghiên cứu giải quyết vấn đề quan hệ sản xuất trên từng vùng: đồng bằng, miền núi, gò đồi, miền biển, đầm phá, tiểu thủ công nghiệp ở thành phố, thị xã; giải quyết một số việc cụ thể trong phân phối, lưu thông, bảo đảm các mặt hàng định lượng cho cán bộ, công nhân, lực lượng vũ trang. Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quốc phòng, an ninh. Do đó, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội cơ bản được giữ vững trong tình hình có nhiều phức tạp.

Trong công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy luôn khẳng định vai trò quan trọng của cấp huyện. Các cấp ủy đã làm tốt việc tổ chức nghiên cứu, phổ biến Nghị quyết Đại hội VI trong Đảng và trong nhân dân.

Tuy vậy, công tác chính trị, tư tưởng thiếu sắc bén, kịp thời, chưa làm tốt công tác chính trị, tư tưởng từ cơ sở, nắm tâm tư tình cảm của các tầng lớp nhân dân chưa sâu, hướng dẫn công luận phân rõ đúng sai thiếu kịp thời, chặt chẽ. Bộ máy của các cơ quan làm công tác tư tưởng còn yếu, một số cán bộ còn bảo thủ về quan điểm và thiếu thực tiễn.

Đổi mới công tác tổ chức cán bộ chậm, chưa đáp ứng kịp với tình hình đổi mới về kinh tế - xã hội. Một số trường hợp kỷ luật cán bộ, đảng viên không kịp thời.

Tỉnh ủy xác định đổi mới là sự nghiệp to lớn, mới mẻ, một cuộc tìm tòi tích cực, và cần nhận thức rằng không có cuộc tìm tòi nào lại không có những vấp vấp.

Điều quan trọng là phải nghiêm túc xem xét để hạn chế thiếu sót. Vì vậy, tập thể Tỉnh ủy thống nhất là trong quá trình đổi mới cần mở rộng quyền chủ động hơn cho cơ sở, không nên yêu cầu mọi cơ sở phải theo một khuôn mẫu nhất định. Cần phát huy những nhân tố tích cực, khuyến khích, ủng hộ những cán bộ làm ăn năng động, sáng tạo, mặt khác cũng phải kịp thời nhắc nhở, ngăn ngừa những hành động lệch lạc, thiếu chặt chẽ.

Tỉnh ủy cũng nhấn mạnh công tác mở rộng dân chủ hoá, công khai hoá nhằm góp phần thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy năng lực sáng tạo của quần chúng, thúc đẩy chống tiêu cực, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng...

Trong phương hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 1988, Tỉnh ủy nhấn mạnh các nhiệm vụ:

- Điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, đặc biệt là chương trình lương thực - thực phẩm.

- Củng cố, tăng cường kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, có chính sách phát huy những khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của Đại hội VI; mạnh dạn điều chỉnh hình thức, điều chỉnh quy mô cho phù hợp với trình độ sản xuất, trình độ quản lý ở từng vùng (nông thôn, đồng bằng, miền biển, miền núi...), cải tiến và hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp.

- Chuyển các hoạt động kinh tế sang cơ chế quản lý hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền

chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở và làm tốt chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; làm tốt công tác phân phối, lưu thông để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển và giảm bớt dần khó khăn về đời sống của người hưởng lương.

- Chú trọng giải quyết việc làm cho người lao động.
- Ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh.
- Mở rộng và nâng cao chất lượng xuất nhập khẩu, hợp tác kinh tế với nước bạn, tỉnh bạn.
- Triệt để thực hành tiết kiệm.
- Thực hiện tốt các chủ trương về đổi mới tổ chức và cán bộ, tinh giản biên chế hành chính.
- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, Nhà nước và đoàn thể theo Thông báo số 46/TB-TW ngày 12/12/1987 của Ban Bí thư, bố trí đúng cán bộ...

Chủ trương của Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tiễn và đường lối của Trung ương Đảng về xác định đổi mới kinh tế là trọng tâm, trước mắt tập trung sức thực hiện 3 chương trình kinh tế, nông nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu.

Ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Nghị quyết số 10-NQ/TW là sự bổ sung, hoàn thiện Chỉ thị số 100-CT/TW. Nghị quyết đã đề ra một cơ chế khoán mới trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thay thế cho cơ chế khoán theo Chỉ thị số 100-CT/TW, xác định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ gia đình xã viên là

đơn vị nhận khoán với hợp tác xã (thường gọi là “Khoán 10” hoặc “Khoán hộ”).

Ngày 10/10/1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Trị Thiên ra Nghị quyết về hoàn thiện khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị nhằm thực sự giải phóng sức sản xuất; giải quyết đúng đắn 3 lợi ích; mở rộng dân chủ, đề cao pháp chế, xây dựng nông thôn mới; đổi mới tổ chức cán bộ và tăng cường xây dựng Đảng đủ sức lãnh đạo và quản lý hợp tác xã theo yêu cầu đổi mới.

Cơ chế “Khoán 10” được nông dân hoan nghênh và hưởng ứng, bởi vì cơ chế “Khoán 100” vẫn mang tính quan liêu và phân phối bình quân, chưa giải quyết thỏa đáng mối quan hệ 3 lợi ích. Phần Nhà nước, hợp tác xã ngày càng phình to, lợi ích của người lao động ngày càng thu hẹp (cả về phần trả công và phần vượt khoán). Nhà nước chủ trương giảm bao cấp phía trên, thì người nông dân phải hứng chịu mọi khoản bao cấp ở cơ sở như đài thọ cán bộ xã, chi phí cho nhà trẻ, mẫu giáo, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, quân sự, thương binh, gia đình liệt sĩ, bộ đội... và “bao cấp qua giá” thu mua nông sản và các nghĩa vụ khác. Hiện tượng rong công phóng điểm, giá trị ngày công quá thấp diễn ra ở nhiều hợp tác xã. “Khoán 100” vẫn chưa giải quyết được những điểm mấu chốt trong nông nghiệp, vẫn tách rời người nông dân với tư liệu sản xuất. Hiện tượng chán ruộng, trả ruộng ngày càng nhiều. Các năm 1985-1987, trên địa bàn Quảng Trị, diện tích lúa giảm bình quân mỗi năm là 8,55%. Ruộng hoang hoá, đất

không có chủ sử dụng phổ biến. Chính vì vậy, Nghị quyết số 10-NQ/TW đã đáp ứng yêu cầu cấp bách của sản xuất và đời sống; hợp với lòng dân hơn, trước hết là người nông dân. Việc giao khoán ruộng đất theo năng lực sản xuất; việc đa dạng hoá cách quản lý tư liệu sản xuất chủ yếu như: máy móc, vật tư, trâu bò, nông cụ...; công khai hoá lợi ích kinh tế ngay từ đầu và dân chủ hoá công tác kế hoạch, phân phối; coi trọng các thành phần kinh tế và các hình thức liên kết, hiệp tác năng động đã góp phần tạo nên động lực mới trong sản xuất, nông dân lại bám ruộng, thích làm ruộng. Nhiều gia đình trước đây xin ra hợp tác xã đã trở vào nhận ruộng khoán; tài sản trâu bò, nông cụ được bảo vệ tốt hơn và được sử dụng có hiệu quả hơn. Quy mô khoán theo Nghị quyết số 10-NQ/TW diễn ra trên diện rộng. Triệu Hải 100% số hợp tác xã, Bến Hải 50% số hợp tác xã và đến vụ đông - xuân 1988-1989, trên địa bàn Quảng Trị 100% số hợp tác xã thực hiện khoán theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW. Dựa trên cơ sở vật chất và năng lực hiện có, nhiều hợp tác xã đã tự điều chỉnh mô hình và tổ chức sản xuất, từ 194 hợp tác xã năm 1987 (riêng địa bàn Quảng Trị) đã tăng lên 226 hợp tác xã vào năm 1989. Công tác quản lý chuyển biến nhanh chóng. Việc thâm canh và tăng năng suất cây trồng phát triển mạnh. Vấn đề lương thực, thực phẩm và các nhu cầu khác của nhân dân ngày càng được đảm bảo. Đối với các gia đình chính sách, neo đơn, các hợp tác xã giao khoán ruộng ít, tốt, gần nơi ở; được miễn thuế nông nghiệp và thủy lợi phí. Những khâu canh tác nặng nhọc, khẩn trương, hợp

tác xã động viên con cháu hoặc bà con trong thôn giúp đỡ. Các đối tượng này rất phấn khởi, tin tưởng vào sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và hợp tác xã; tình làng nghĩa xóm thêm gắn bó. Một trong những điển hình của công tác này là hợp tác xã Phan Hiền (Vĩnh Sơn, Bến Hải).

Riêng huyện Bến Hải, diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu tăng lên 1.000 ha, trồng mới thêm 100 ha tiêu. Phong trào xã một triệu cây tiếp tục phát triển. Các hợp tác xã mua bán Vĩnh Cháp, Gio Mỹ, các hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Tú, Vĩnh Lâm năng động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, đổi mới cơ cấu cây trồng và sản xuất hàng hoá.

Bước đầu thực hiện cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp, đã xuất hiện nhiều nhân tố mới sản xuất có hiệu quả. Ở huyện Triệu Hải, nổi lên là hợp tác xã Thành Công 3 (xã Triệu Trạch). Sau hai năm thực hiện cơ chế khoán mới, từ một hợp tác xã yếu kém, Thành Công 3 đã vươn lên thành hợp tác xã khá. Đội ngũ cán bộ quản lý của hợp tác xã giảm hơn một nửa. Hợp tác xã thanh toán xong nợ 100 tấn thóc và trích 12 tấn đóng góp vào xã để xây dựng các công trình phúc lợi. Tình trạng nợ đọng chấm dứt. Xã viên có của cải tích lũy. Cơ sở vật chất của hợp tác xã được tăng cường.

Cùng với việc mở đường cho phát triển nông nghiệp, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương khuyến khích phát triển các phần thành kinh tế bằng việc ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 15/7/1988 về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các

thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Nghị quyết thể hiện rõ những quan điểm đổi mới của Đảng về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: “Đồng thời với việc củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, làm cho kinh tế quốc doanh thật sự giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể ngày càng vững mạnh, cần phát triển mạnh mẽ, không hạn chế kinh tế gia đình, các đơn vị sản xuất công tư hợp doanh, tiểu chủ, tư bản tư doanh ở thành thị và nông thôn, xóa bỏ những định kiến, những khuynh hướng độc quyền hoặc phân biệt đối xử và thiếu bình đẳng trước pháp luật đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh”.

Tinh thần Nghị quyết số 16 nhanh chóng đi vào đời sống xã hội, tạo ra bầu không khí mới trong nhân dân, nhất là vùng thành phố, thị xã. Tỉnh ủy sớm có hướng dẫn, chỉ đạo khuyến khích nhân dân bỏ vốn kinh doanh, thu hút lao động, áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ động vật tư, nguyên liệu, tạo ra nhiều mặt hàng mới. Số lao động ngoài quốc doanh tăng lên nhanh. Năm 1988, toàn tỉnh có gần 10.000 lao động ở các cơ sở công nghiệp ngoài quốc doanh bao gồm hơn 2.500 người thuộc kinh tế tập thể, gần 150 người thuộc các doanh nghiệp tư nhân, gần 7.000 người lao động cá thể. Các cơ sở sản xuất tập thể huy động được 1.187 tỷ đồng đầu tư cho sản xuất, mở thêm 24 cơ sở sản xuất mới với tổng kinh phí 460 triệu đồng. 887 hộ gia đình mạnh dạn đầu tư 667 triệu đồng để phát triển sản xuất, tạo việc làm cho 3.383 lao động. Kinh tế ngoài quốc doanh đã góp phần đáng kể thúc đẩy

nền kinh tế toàn tỉnh phát triển. Trong 6 tháng đầu năm 1988, doanh thu của các cơ sở tiểu thủ công nghiệp là 1.150 triệu đồng, bằng 113,1% cùng kỳ năm trước, đạt 74,8% kế hoạch năm.

Những năm 1986-1989, thị trường Đông Âu và Liên Xô khá ổn định nên các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp xuất khẩu đa dạng, phong phú. Các đơn vị như Hợp tác xã chổi đót, dệt chiếu Hậu Kiên mở rộng các mặt hàng sản xuất: đan tre, mặt mây, khăn mặt thu hút toàn bộ lao động địa phương. Mỗi năm, hợp tác xã làm được 120.000 chiếc chiếu, 1-2 triệu chiếc khăn mặt, nâng cao thu nhập cho xã viên. Một số đơn vị kinh tế quốc doanh ở huyện Bến Hải như xí nghiệp cơ khí, công ty vật tư tổng hợp, xí nghiệp vôi, nông trường Bến Hải đã chuyển sang cơ chế hạch toán xã hội chủ nghĩa và phát triển tốt.

Trên địa bàn Quảng Trị, có 36 xí nghiệp quốc doanh, trong đó Trung ương quản lý 1, địa phương quản lý 35. Quy mô của các xí nghiệp nhỏ, chủ yếu dưới 100 lao động. Số lao động trong công nghiệp quốc doanh là 2.807 người, tập trung nhiều nhất ở ngành khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, tiếp đến là chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp sản xuất và sửa chữa máy móc, thiết bị. Được sự đầu tư hỗ trợ của Trung ương, các tỉnh bạn, sự nỗ lực của địa phương, ngành công nghiệp khu vực Quảng Trị đã có bước phát triển. Tốc độ tăng trưởng bình quân 10-12% về giá trị tổng sản lượng và sản phẩm làm ra, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Trong điều kiện khó khăn chung của cả nước, kinh tế ngoài quốc doanh chưa thể phát triển mạnh và ổn định do giá vật tư ngày càng tăng cao, kéo theo việc nâng giá thành sản phẩm; sức mua của nhân dân còn hạn chế nên hàng hoá tồn đọng nhiều.

Liên doanh hợp tác kinh tế và sử dụng quỹ viện trợ của các nước và tổ chức quốc tế có bước chuyển biến. Đối với các nước anh em, nhất là 2 tỉnh kết nghĩa của Lào đã mở ra một hình thức hợp tác liên doanh trong cả sản xuất, lưu thông (Công ty kinh doanh lâm nghiệp Việt - Lào, Công ty liên doanh thương nghiệp tổng hợp Việt - Lào)...

Các tổ chức quốc tế đã đầu tư cho tỉnh trong 3 năm (1986-1988) 10 triệu USD, phát triển 17 dự án về y tế, lâm nghiệp, thủy lợi.

Về văn hoá, xã hội, trong điều kiện chuyển từ chế độ bao cấp sang hạch toán kinh doanh, bước đầu gặp nhiều khó khăn, nhưng các ngành, các cấp vẫn cố gắng vươn lên đáp ứng yêu cầu đời sống tinh thần của nhân dân. Các địa phương trong tỉnh phối hợp với ngành giáo dục chăm lo xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp cho học sinh. Năm học 1988-1989, toàn tỉnh huy động trên 300 triệu đồng xây mới hơn 200 phòng học. Số cháu vào nhà trẻ, mẫu giáo tăng nhanh, toàn tỉnh có 6,4 vạn cháu mẫu giáo (địa bàn Quảng Trị có 12.814 cháu). Tổng số học sinh phổ thông là 36,6 vạn em (địa bàn Quảng Trị có 89.026 em). Chất lượng giáo dục được nâng lên. Tuy vậy, hiện tượng học sinh bỏ học còn diễn ra phổ biến.

Ngày 12/12/1988, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 33-CT/TV về việc tổ chức lao động sang làm việc ở Magilốp (Liên Xô), đến tháng 4/1989 đã đưa sang nước bạn 1.500 người nhằm giải quyết một phần công ăn việc làm cho thanh niên, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai tỉnh và hai nước.

Công tác quốc phòng, an ninh có những thử thách mới. Tình hình thế giới diễn biến hết sức phức tạp. Đặc biệt là quá trình cải cách, cải tổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu có chiều hướng xấu dần, tác động đến tư tưởng cán bộ, đảng viên, nhân dân ta. Kẻ địch không ngừng thực hiện chiến tranh phá hoại nhiều mặt làm tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội thêm rối ren. Chúng tăng cường tung tình báo, gián điệp, biệt kích vào nội địa tỉnh. Nhiều tên trà trộn trong các đoàn xe quá cảnh theo tuyến đường 9 và toả ra các địa bàn, một số đã bị bắt. Lợi dụng sơ hở của ta ở tuyến biên giới, người vượt biên qua Lào đi Thái Lan ngày càng tăng. Số đi tìm trầm, đào đãi vàng không giảm. Địch còn dùng “chiến tranh hàng hoá” gây rối loạn thị trường, làm tha hóa không ít cán bộ, chiến sĩ và gây ra nhiều phức tạp khác về trật tự xã hội.

Ở tuyến biển, tàu thuyền Trung Quốc thường xuyên xâm nhập hải phận của tỉnh dưới dạng đánh cá để thu thập tình báo, quét đi nhiều ngư lưới cụ của nhân dân, ảnh hưởng đến việc làm ăn trên biển và đời sống của số đông nhân dân vùng biển. Thông qua hoạt động của đài phát thanh và báo chí phản động, thư tín, tiền hàng, địch đã tuyên truyền lôi kéo, kích động và tổ chức tàu đón

người vượt biển trốn ra nước ngoài. Số người vượt biển năm 1987 tăng 72% so với năm 1986, quý I/1988 bằng cả năm 1987; chỉ riêng tháng 7/1988 xảy ra 55 vụ, gồm 913 đối tượng. Một số phần tử phản động trong các tôn giáo cũng ráo riết hoạt động. Một bộ phận sĩ quan ngụy cầm đầu các tổ chức ngụy quyền, đảng phái phản động cũ chưa chịu cải tạo, ngấm ngầm hoạt động chống đối. Một số nơi, chúng thả tờ rơi, dán khẩu hiệu phản động, cấm cò “quẻ ly”, cất giấu vũ khí, trang phục ngụy, đón “thời cơ”, nhất là khi nghe tin Hoàng Cơ Minh xâm nhập.

Tình hình xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, đầu cơ buôn lậu, phạm pháp hình sự, tai nạn giao thông, tai nạn cháy nổ, các tệ nạn và tiêu cực xã hội khác có chiều hướng tăng.

Nhằm đảm bảo công cuộc đổi mới giành thắng lợi, ngày 11/01/1988, Tỉnh ủy Bình Trị Thiên ban hành Chỉ thị số 16-CT/TU về tăng cường bảo vệ an ninh, trật tự, chống buôn lậu ở vùng biên giới và tuyến đường 9 - Lao Bảo. Ngày 10/5/1988, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 11-NQ/TU về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới, yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo an ninh, trật tự phải đảm bảo 5 vấn đề:

(1) Nâng cao cảnh giác, chủ động phát hiện và đánh trúng những âm mưu và hành động phá hoại của địch trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, tư tưởng và những tổ chức, những lực lượng gián điệp, tình báo, phản động của địch đã và đang xâm nhập và xây dựng ở nội địa ta.

(2) Xây dựng, củng cố phòng tuyến an ninh nhân dân, tập trung là ở tuyến biển, biên giới, đường 9 - Lao Bảo, chống địch xâm nhập, chống trốn đi nước ngoài, chống “chiến tranh hàng hoá” của địch; bố trí xây dựng lực lượng biên phòng vững chắc, kết hợp sức mạnh của quần chúng với hoạt động của các ngành, các đoàn thể và hoạt động của lực lượng an ninh.

(3) Bảo vệ các cơ quan đảng, nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh, chống địch lấy cắp bí mật quốc gia, chống địch lũng đoạn, gây chia rẽ nội bộ, mua chuộc, ám hại cán bộ, đảng viên, bảo vệ an toàn về kinh tế, bảo vệ tốt tài sản xã hội chủ nghĩa.

(4) Phát động mạnh mẽ phong trào phòng gian bảo mật, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc ở mọi ngành, mọi cấp, ở cơ sở chăm lo quyền lợi thiết thân của quần chúng, chống mọi hành vi gây thiệt hại đến quyền lợi của nhân dân. Hoàn chỉnh công tác quản lý hộ khẩu, nhân khẩu.

(5) Khẩn trương đổi mới công tác tổ chức cán bộ trong lực lượng công an, coi trọng chất lượng, xây dựng đội ngũ cán bộ an ninh vững vàng về chính trị, tinh thông nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức tốt, vừa phục vụ tốt công tác an ninh, vừa đảm bảo phục vụ tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy phối hợp với các ngành công an, hải quan, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng và Huyện ủy Hướng Hoá thành lập các đoàn đến các xã vùng cửa khẩu Lao Bảo và trên trục đường 9 kiểm tra tình hình xây dựng lực

lượng quân chúng bảo vệ an ninh biên giới, từng bước đưa việc quản lý hộ tịch, hộ khẩu vào nền nếp.

Trước tình hình vượt biển ngày càng tăng, ngày 20/7/1988, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 25 đề ra những biện pháp ngăn chặn kịp thời. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, toàn tỉnh mở chiến dịch ngăn chặn tình trạng vượt biển. Tỉnh còn đầu tư thêm kinh phí, phương tiện, huy động các ngành, các lực lượng tham gia. Chỉ trong 2 tháng đã phát hiện 6 nhóm gồm 72 tên chuyên móc nối tổ chức người trốn ra nước ngoài.

Với việc tiến hành đồng bộ 4 biện pháp, vừa giáo dục nhân dân, vừa xử lý nghiêm tội phạm, tình hình vượt biển giảm hẳn trong những tháng cuối năm 1988.

Tháng 10/1988, Hội nghị biên giới được tổ chức tại thị xã Đông Hà. Ban chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới tỉnh, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hoá đã thống nhất đề ra nhiều biện pháp để ổn định tình hình biên giới, nhất là tuyến đường 9:

- Tổ chức học tập, quán triệt chủ trương của Hội nghị biên giới trong các xã thuộc khu vực biên phòng.

- Tổ chức đăng ký, kiểm tra và đưa số người các địa phương khác đến cư trú bất hợp pháp ra khỏi khu vực biên phòng; lập trạm kiểm soát công an; chuyển chợ Tân Phước ra vị trí mới trên tuyến đường 9, tiện việc đi lại cho nhân dân và quản lý chặt chẽ hơn.

- Cho phép dân 3 xã biên giới ở cửa khẩu Lao Bảo, có giấy chứng minh nhân dân khu vực biên phòng được qua về biên giới thăm thân nhân, mua bán, trao đổi hàng hoá.

Công an tỉnh phối hợp với Công an huyện Hướng Hoá phát động quần chúng học tập, thực hiện Quy định số 1347 và Quy chế tạm thời “Bảo vệ khu vực biên phòng” của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp chặt chẽ với việc chống vượt biên, buôn lậu, làm trâm. Nhờ vậy, tình hình an ninh biên giới cơ bản được giữ vững.

Chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước làm xuất hiện nhiều nhân tố tích cực nhưng đồng thời bộc lộ sơ hở nên tội phạm kinh tế ra sức lợi dụng. Trong năm 1988, các ngành nội chính đã phát hiện 338 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, thiệt hại ước tính trên 15 tỷ đồng, từng bước xử lý, thu hồi tài sản cho Nhà nước. Đồng thời, phát hiện 543 vụ buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, thu hồi hàng hoá trị giá 500 triệu đồng, xử lý 1.157 đối tượng.

Tuy nhiên, tình hình an ninh chính trị, kinh tế vẫn rất phức tạp, có mặt nghiêm trọng, do những khó khăn về kinh tế - xã hội, việc thực hiện các chính sách trên các lĩnh vực đang ở dạng “làm thử”; trong khi đó, sự phối hợp giữa ngành nội chính và các ngành chủ quản chưa thường xuyên, chặt chẽ.

Công tác xây dựng Đảng được tăng cường theo tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Để đảm bảo cho Đảng đủ sức cheo lái con thuyền đổi mới đi đến thắng lợi, từ ngày 14 đến ngày 20/6/1988, Hội nghị Trung ương 5 khoá VI thông qua Nghị quyết một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng, đề ra chủ trương: Phát huy bản chất và truyền thống tốt đẹp của Đảng, quán triệt

và thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, đổi mới tư duy, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo, nâng cao giác ngộ cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng, phẩm chất, kiến thức và năng lực lãnh đạo chính trị của cán bộ, đảng viên, mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, bảo đảm cho Đảng vươn lên ngang tầm nhiệm vụ mới.

Trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, thông qua việc quán triệt đường lối đổi mới, Đảng bộ đã khắc phục một bước tư tưởng bao cấp, ỷ lại, bảo thủ, trì trệ, phát huy tính năng động, sáng tạo, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Đông đảo cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, vượt qua khó khăn, gian khổ, quan tâm đến lợi ích của nhân dân. Với tinh thần dám nghĩ, dám làm của cán bộ, đảng viên, nhiều địa phương, đơn vị nhanh chóng thực hiện cơ chế quản lý mới, phát huy quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn, tạo nguồn vốn, mở rộng sản xuất.

Dân chủ hoá xã hội chủ nghĩa phát triển trong sinh hoạt Đảng và trong đại hội các đoàn thể quần chúng. Sự đóng góp tích cực của các cơ quan báo chí trong việc dân chủ hoá, công khai hoá các vụ việc tiêu cực, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, nêu gương những nhân tố điển hình có tác dụng thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực

quản lý của bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội được triển khai, góp phần nâng cao ý chí, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên.

Công tác phát triển đảng viên được quan tâm theo hướng trẻ hoá đội ngũ. Trong năm 1988, kết nạp trên 1.000 đồng chí đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên toàn tỉnh lên trên 67.000 đồng chí.

Tổ chức cơ sở đảng từng bước tiến bộ trong xác định mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ chính trị, chấn chỉnh chế độ sinh hoạt, công tác, lề lối làm việc; giáo dục, rèn luyện đảng viên; đấu tranh ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực. Toàn tỉnh có 1.268 tổ chức cơ sở đảng. Qua phân loại tổ chức cơ sở đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khoá VI, số tổ chức cơ sở đảng vững mạnh chiếm 25%, loại khá chiếm 64%, còn gần 11% yếu kém.

Thường vụ Tỉnh ủy và nhiều cấp ủy đã xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra Đảng hướng vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm, hàng quý, hoặc đột xuất theo yêu cầu lãnh đạo các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng; tập trung vào những mặt, những nơi khó khăn, yếu kém; góp phần xây dựng phong cách lãnh đạo mới, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát huy những mặt tốt, nhân tố mới, khắc phục những mặt còn yếu kém, trì trệ; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tích cực đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình dân chủ hoá, công khai hoá, hưởng ứng “những việc cần làm ngay”. Kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng ở 143 cơ sở

với gồm 4.013 đảng viên cho thấy trong điều kiện còn nhiều khó khăn, phức tạp, nhưng đa số đảng viên vẫn tỏ rõ ý thức kỷ luật cao, góp phần quan trọng vào việc giữ vững lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng. Đồng thời, các cấp ủy đảng cũng nghiêm túc xử lý kỷ luật những đảng viên vi phạm. Có 1.375 đảng viên bị kỷ luật, 40 người phải khai trừ khỏi Đảng. Tuy nhiên, trong công tác kiểm tra, việc xem xét, xử lý kỷ luật chưa thật nghiêm minh, còn có biểu hiện nể nang, tránh né, ỷ lại.

Công tác tổ chức cán bộ được rà soát và phát triển theo hướng đổi mới. Đội ngũ cán bộ toàn tỉnh khá đông đảo, trong đó có 6.290 cán bộ lãnh đạo và quản lý; 7.700 cán bộ cấp xã; 11.396 người có trình độ đại học và cao đẳng; 18.084 người có trình độ trung cấp. Thường vụ Tỉnh ủy đã chú ý đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành nhằm không ngừng nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất của cán bộ, đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới. Trong hai năm, có 5.000 cán bộ được cử đi đào tạo và đào tạo lại trong và ngoài nước; 120 cán bộ được đề bạt các chức vụ chủ chốt ở tỉnh và huyện. Nhìn chung đội ngũ cán bộ của tỉnh nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, năng động, sáng tạo trong vận dụng chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý mới để điều hành và phát triển sản xuất, chăm lo đời sống cho người lao động. Tuy chưa mạnh mẽ, đồng đều nhưng đây là chuyển biến bước đầu có ý nghĩa quan trọng trong quá trình nâng cao năng lực đổi mới của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và khoa học kỹ thuật toàn tỉnh.

Bộ máy chính quyền bước đầu được tinh giản. Thực hiện Nghị quyết số 09 ngày 16/4/1988 về sắp xếp tổ chức bộ máy và cán bộ các ban của Tỉnh ủy, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các đoàn thể quần chúng cấp tỉnh, đến cuối năm 1988, số đầu mối của Tỉnh ủy đã giảm từ 12 xuống 8 đơn vị; các sở, ban và đơn vị trực thuộc của Ủy ban nhân dân tỉnh giảm từ 59 xuống 35, biên chế quản lý hành chính gián tiếp cũng giảm bớt. Bộ máy cấp huyện đầu năm 1987 có 443 phòng, ban, năm 1988 giảm xuống còn 227.

Bộ máy cấp xã, ban quản lý các hợp tác xã giảm bớt người làm gián tiếp. Sau khi sắp xếp lại bộ máy, thị xã Đông Hà giảm 7 phòng, ban, bộ máy quản lý hợp tác xã nông nghiệp giảm 50% (530/1.060). Huyện Triệu Hải, cán bộ các ban quản lý hợp tác xã và các ban chỉ huy đội sản xuất giảm 2.000/4.000 cán bộ.

Việc giải quyết đơn, thư khiếu tố, tổ chức tiếp dân và xử lý các vụ việc tiêu cực được đẩy mạnh. Từ tháng 10/1987 đến tháng 8/1988, toàn tỉnh tiếp nhận 6.447 đơn, thư, giải quyết dứt điểm được 5.161 đơn, thư, chiếm 80,05%, tạo dư luận tốt trong cán bộ, nhân dân.

Ý thức tuân thủ pháp luật ngày càng được nâng lên trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện. Trong hai năm 1986-1988, Sở Tư pháp đã tiến hành rà soát, thẩm tra tính hợp pháp của các văn bản pháp quy do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của 14 huyện, thị xã, thành phố và một số ngành chuyên môn cấp tỉnh ban hành. Trong số 3.562 văn bản được thẩm tra, có 533 văn bản vi

phạm pháp luật và áp dụng quy phạm pháp luật có sai sót về nội dung lẫn hình thức, hoặc ban hành không đúng thẩm quyền. Sau khi có kiến nghị, các cơ quan ban, ngành đã tiến hành thu hồi, sửa đổi hoặc bãi bỏ, ra văn bản để thay thế.

Từ ngày 23/01/1989 đến ngày 26/01/1989, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên tổ chức Hội nghị lần thứ chín để kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Hội nghị đánh giá: “Hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, tuy tình hình còn nhiều khó khăn, lúng túng, nhưng nhìn chung là có bước phát triển. Những dấu hiệu tốt, những nhân tố mới, điển hình tiên tiến, tuy chưa nhiều nhưng xuất hiện trên mọi lĩnh vực, thể hiện rõ tinh thần quyết tâm đổi mới và tiếp tục tạo ra những tiền đề vật chất, tinh thần cho những năm sau. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy được phương hướng đi lên phù hợp, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Nguyên vọng thiết tha nhất là mong Đảng, tổ chức chính quyền nhanh nhạy, sâu sát, trong sạch, vững mạnh, để tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ đã thống nhất và chấp hành nghiêm túc các nghị quyết của Đảng về đổi mới, sáng tạo, bình tĩnh trước khó khăn, giữ vững mục tiêu, lý tưởng; xây dựng sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng bộ, giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, có lúc rất gay gắt. Song nhìn tổng quát thì đổi mới còn chậm”.

Từ ngày 20/3/1989 đến ngày 29/3/1989, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI đã kiểm điểm hai năm thực hiện

Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và đề ra phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới. Hội nghị chỉ rõ: “từ nhiều năm nay, nước ta đã lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội; cho đến nay, chúng ta vẫn chưa ra khỏi tình trạng đó”. Tuy vậy, Hội nghị khẳng định những thành quả trong hai năm 1987-1988 là rất quan trọng và từ thực tiễn đất nước cho thấy, đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra là đúng đắn. Hội nghị kết luận: chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Hội nghị xác định 5 nguyên tắc cơ bản của công cuộc đổi mới.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa VI đã cổ vũ cán bộ, đảng viên tỉnh Bình Trị Thiên vững tin, nâng cao trách nhiệm tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối đổi mới. Nhân dân an tâm, phấn khởi, mạnh dạn đầu tư sản xuất, hướng đến làm giàu cho gia đình và xã hội.

Đến đầu năm 1989, “Khoản 10” đã được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, tác động mạnh đến sản xuất nông nghiệp. Nông dân yên tâm và phấn khởi sản xuất. Kinh tế gia đình trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp phát triển mạnh. Nhiều hộ gia đình đã quy hoạch, mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế. Nạn đói giáp hạt triền miên ở một số vùng đã được khắc phục.

Tuy nhiên, “Khoản 10” bắt đầu bộc lộ những hạn chế. Nhiều địa phương cơ sở, hợp tác xã chưa nhận thức đầy đủ Nghị quyết số 10-NQ/TW. Nhiều ban quản lý hợp tác xã không làm tốt chức năng quản lý, xây dựng cơ sở vật chất

kỹ thuật, mở mang ngành nghề để nâng cao thu nhập cho xã viên. Giá cả nông sản thấp nên người nông dân không có lãi trong sản xuất. Điểm đáng chú ý là các hoạt động văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục ở vùng nông thôn xuống cấp nghiêm trọng. Một số nơi, tổ chức đoàn thể quần chúng như thanh niên, phụ nữ, nông dân hầu như tê liệt. Các hiện tượng mê tín dị đoan, các tập tục lạc hậu gia tăng. Nguyên nhân cơ bản là chính sách kinh tế - xã hội không đồng bộ, Đảng và Nhà nước mới quan tâm đến sản xuất mà chưa giải quyết được hàng loạt vấn đề nông dân và nông thôn.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gặp nhiều khó khăn. 60/97 xí nghiệp quốc doanh chuyển sang hoạt động dịch vụ, lưu thông buôn bán hoặc sản xuất phụ để giải quyết việc làm và trả lương cho công nhân.

Mặc dù vậy, tình hình giá cả thị trường có phần ổn định, nhất là giá lương thực và các mặt hàng thiết yếu, nên đời sống cán bộ, công nhân viên và người lao động đỡ căng thẳng hơn trước.

IV. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO VIỆC CHIA TÁCH TỈNH BÌNH TRỊ THIÊN, LẬP LẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ tận tình của các bộ, ban, ngành Trung ương, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của tỉnh đạt những thành tựu có ý nghĩa

lớn mà 4 kỳ đại hội đảng bộ tỉnh và 5 kỳ đại hội các đảng bộ huyện, thành phố, thị xã đã khẳng định.

Sau hai năm thực hiện công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, để phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội trong tình hình mới, Thường vụ Tỉnh ủy đã nhiều lần xin ý kiến Trung ương về thay đổi quy mô tỉnh.

Trong lúc chưa có chủ trương của Trung ương, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đồng lòng, đồng sức, nỗ lực phấn đấu, nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, làm tốt nhiệm vụ chính trị, đưa tỉnh Bình Trị Thiên vươn lên cùng với phong trào cả nước.

Do yêu cầu của thời kỳ mới, ngày 07/4/1989, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 (bất thường) đã nhất trí kiến nghị lên Trung ương cho chia lại tỉnh Bình Trị Thiên thành 3 tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế nhằm mục đích:

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát theo yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội trong điều kiện mới.

- Khai thác mọi năng lực sản xuất, tiềm năng, thế mạnh của mỗi tỉnh.

- Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân.

Trong hai ngày 08 và 09/4/1989, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá III, kỳ họp thứ 16 đã thông qua tình hình thực hiện kế hoạch quý I/1989 và nghe báo cáo những ý kiến, kiến nghị của các địa phương, đơn vị, cơ sở và cử tri đề nghị lên Trung ương xem xét lại quy mô tỉnh, xin phân chia lại địa giới hành chính của tỉnh.

Kiến nghị của Tỉnh ủy, của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên về chia tỉnh đã được Bộ Chính trị chấp nhận.

Ngày 14/4/1989, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 86-QĐ/TW về chia tỉnh Bình Trị Thiên và ngày 08/5/1989, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 87-QĐ/TW về chia tỉnh Bình Trị Thiên thành 3 tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước trực tiếp chỉ đạo việc tách tỉnh Bình Trị Thiên.

Bộ Chính trị yêu cầu: “Việc chia tỉnh phải được chuẩn bị thật chu đáo về tư tưởng, tổ chức, cán bộ, kinh tế, xã hội, chế độ, chính sách, bảo đảm phát huy thế mạnh và khả năng của các địa phương, giải phóng mọi năng lực sản xuất, giữ vững an ninh, trật tự, củng cố quốc phòng, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường đoàn kết nhất trí trong các đảng bộ và nhân dân”.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị, ngày 18/5/1989, Hội nghị Tỉnh ủy Bình Trị Thiên lần thứ 12 khoá IV đã ra Nghị quyết số 18-NQ/TU về lãnh đạo thực hiện quyết định của Bộ Chính trị về chia tỉnh Bình Trị Thiên. Tỉnh ủy xác định:

Về tư tưởng:

- Việc chia tỉnh là một nhiệm vụ đột xuất, có nhiều khó khăn, cần tiến hành khẩn trương, nghiêm túc. Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt phải nắm vững các yêu cầu trong khi chia tỉnh, phải có tinh thần vô tư, trong sáng, đoàn kết.

- Mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, chiến đấu, kiên cường bất khuất, nghĩa tình chung thủy từ trước đến nay, củng cố lòng tin cây lẫn nhau, không để bị kích động bởi những lời nói, việc làm không trong sáng.

Về tổ chức: Phải đảm bảo cho bộ máy hoạt động chuyển tiếp được chặt chẽ, liên tục, có hiệu lực theo hướng đổi mới, hạn chế đến mức thấp nhất những xáo trộn ảnh hưởng đến quản lý kinh tế - xã hội.

Về tài sản và ngân sách: Việc phân chia phải công khai, rõ ràng, hợp tình, hợp lý, thoả đáng và theo hướng phát triển, có quan tâm đến khó khăn của mỗi tỉnh, nhưng phải xử lý đúng nguyên tắc, chế độ quản lý của từng nguồn ngân sách (ngân sách Nhà nước, ngân sách Đảng, ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, quỹ quốc tế) và từng nguồn vốn (vốn tự có, vốn ngân sách cấp, vốn liên doanh liên kết), không được xé lẻ, không gây đảo lộn sản xuất, công tác và đời sống, không làm thiệt hại lợi ích chung; nơi nào, cơ sở nào có điều kiện phát triển thì phải để ổn định.

Ngày 30/5/1989, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 698-NQNS/TW chỉ định đồng chí Nguyễn Đức Hoan, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, giữ chức Quyền Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị.

Ngày 05/6/1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 705-QĐNS/TW chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ của ba tỉnh. Ban Chấp hành lâm

thời Đảng bộ tỉnh Quảng Trị gồm 20 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 5 đồng chí.

Ngày 30/6/1989, Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 5 đã thông qua Nghị quyết về việc phân vạch địa giới hành chính của các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh và Bình Trị Thiên. Tỉnh Bình Trị Thiên được tách thành 3 tỉnh là Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Tổ chức bộ máy mỗi tỉnh dự kiến có khoảng 42 đầu mối trực thuộc tỉnh, trong đó có 4 ban của Tỉnh ủy, 5 đoàn thể chính trị - xã hội, 26 sở, ban, ngành chuyên môn, 5 công ty sản xuất kinh doanh trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 07/7/1989, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên họp phiên cuối cùng thông qua các đề án chia tỉnh và dự kiến phân bổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được phân bổ về ba tỉnh như sau: Quảng Bình có 37 đại biểu, Quảng Trị có 27 đại biểu, Thừa Thiên Huế có 51 đại biểu. Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên kêu gọi nhân dân Bình Trị Thiên phát huy truyền thống đoàn kết, gắn bó keo sơn trong suốt trường kỳ lịch sử, nhất là 13 năm chung sức chung lòng trong tình hợp nhất để phấn đấu xây dựng Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế không ngừng phát triển.

Tỉnh Quảng Trị lập lại có 4 đơn vị hành chính cấp huyện là: thị xã Đông Hà, huyện Bến Hải, huyện Triệu Hải và huyện Hướng Hoá.

Từ đây, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị bước sang giai đoạn phát triển mới.

CHƯƠNG XVII

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ ĐƯỢC LẬP LẠI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (7/1989-1995)

I. NHỮNG NĂM ĐẦU LẬP LẠI TỈNH QUẢNG TRỊ (7/1989-1991)

Sau ngày được lập lại, tỉnh Quảng Trị có những thuận lợi cơ bản. Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định và cụ thể hóa đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo của Đảng. Các cơ chế, chính sách về kinh tế - xã hội đang từng bước được hoàn thiện. Tình hình chính trị ổn định. Vai trò các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể được nâng cao. Đặc biệt, cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Trị đoàn kết, cần cù, sáng tạo, phấn đấu vượt qua khó khăn, tạo thế và lực để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo đời sống, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Tỉnh Quảng Trị có đất đai tự nhiên tương đối phong phú, đa dạng, có nguồn lao động dồi dào để phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy thuận lợi; có đường 9 với cửa khẩu quốc tế Lao Bảo; có hệ thống di tích lịch sử cách mạng, văn hóa phong phú, đa dạng để phát triển du lịch. Một số cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và đời sống được xây dựng trong thời kỳ tỉnh Bình Trị Thiên đã phát huy hiệu quả.

Đi lên từ xuất phát điểm thấp so với các tỉnh bạn, sau 13 năm xây dựng, Quảng Trị vẫn là một tỉnh thuần nông. Diện tích, năng suất và sản lượng nông, lâm nghiệp còn thấp và chưa ổn định. Công nghiệp rất nhỏ bé, công nghệ lạc hậu, máy móc cũ kỹ, quản lý yếu, nhiều cơ sở thua lỗ. Kết cấu hạ tầng thấp kém. Lợi thế về hấp dẫn đầu tư nước ngoài so với các tỉnh trong khu vực còn hạn chế. Công tác quản lý, điều hành của cán bộ doanh nghiệp và tay nghề của công nhân chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế. Tập quán canh tác lạc hậu, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Hậu quả của một thời kỳ dài bao cấp, tâm lý ỷ lại vẫn ăn sâu trong tư duy của không ít cán bộ, đảng viên. Những tiêu cực trong kinh tế - xã hội phát sinh do tác động từ mặt trái của cơ chế quản lý mới có chiều hướng phát triển.

Cán bộ từ tỉnh Bình Trị Thiên trở về xây dựng quê hương khá đông¹, trong lúc đó bộ máy tổ chức của tỉnh phải sắp xếp lại theo tinh thần đổi mới, giảm biên chế, tăng chất lượng, nên số lượng cán bộ dồi thừa nhiều². Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cũng như nơi ăn, chốn ở của cán bộ, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang khó khăn.

Ngày 28/6/1989, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh họp ra Nghị quyết số 01-NQ/TU về việc phân công trong cấp ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 5 đồng chí: Nguyễn Đức Hoan, Phan Chung, Nguyễn Bường, Lê Văn Hoan, Ngô Tử Linh. Đồng chí Nguyễn Đức Hoan giữ chức Quyền Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Bường giữ chức Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh³.

1. Gồm 1.627 người, trong đó khối hành chính sự nghiệp 612 người (khối đảng 64 người), khối đoàn thể 56 người, khối nhà nước 492 người, khối sản xuất kinh doanh 1.015 người. Đảng bộ toàn tỉnh có 15.858 đảng viên. Đoàn Thanh niên có 23.410 đoàn viên, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh có 71.342 hội viên, Hội Nông dân có 120.000 hội viên, Liên đoàn Lao động tỉnh có 30.120 đoàn viên (Báo cáo tình hình tháng 8/1989, Văn phòng Tỉnh ủy).

2. Đến đầu tháng 9/1989, toàn tỉnh có 23.446 cán bộ, công nhân viên (trong đó tỉnh quản lý 10.968 người, huyện quản lý 12.478 người). Số người được bố trí công tác là 21.009 người, còn lại 2.437 người chưa có việc làm, chiếm 10,4% tổng số cán bộ, công nhân viên toàn tỉnh (Báo cáo tình hình tháng 9/1989, Văn phòng Tỉnh ủy).

3. Ngày 14/7/1989, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 85-HĐBT về việc phê chuẩn kết quả bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khoá I, kỳ họp thứ nhất. Theo đó, đồng chí Nguyễn Bường giữ chức Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cùng ngày 28/6, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 02-NQ/TU về các nhiệm vụ chủ yếu trước mắt trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, tư tưởng và tổ chức.

Về tư tưởng: xác định bản lĩnh chính trị vững vàng, thực hiện phương châm khấn trương, tích cực, vững chắc không để cho khuynh hướng bảo thủ hoặc nóng vội chi phối. Kịp thời phát huy những nhân tố tích cực, uốn nắn những lệch lạc, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh lúc chia tỉnh, kiên quyết đấu tranh để tháo gỡ những khó khăn theo cơ chế mới, không chập chờn, dao động quay lại cơ chế cũ.

Về tổ chức: nhanh chóng sắp xếp và từng bước ổn định bộ máy Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và các tổ chức sản xuất kinh doanh, sớm đưa các cơ quan vào hoạt động đồng bộ, có hiệu lực, để kịp thời chỉ đạo tổ chức thực hiện những nhiệm vụ trước mắt.

Việc sắp xếp bộ máy phải gọn, nhẹ, theo tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực; tránh định kiến, hẹp hòi, cục bộ địa phương, cá nhân, cơ hội. Phải đổi mới công tác tổ chức và đổi mới công tác cán bộ, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, bảo đảm yêu cầu lãnh đạo và chỉ đạo.

Về nông nghiệp: bảo đảm các điều kiện cho sản xuất, làm tốt vụ hè - thu, tích cực chuẩn bị vụ đông - xuân 1989-1990. Phải thu đủ thuế nông nghiệp, thanh toán dứt điểm các khoản nợ tồn đọng trong dân và các hợp tác xã.

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Hội nghị Trung ương 6 khoá VI, tháo gỡ dần các

khó khăn, ách tắc trong sản xuất kinh doanh, cả kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh, thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Về văn hóa, xã hội: bám sát nhiệm vụ chính trị, hướng về cơ sở để đưa nhanh các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến quần chúng nhân dân, phản ánh kịp thời ý kiến và những nhân tố tích cực thực hiện công cuộc đổi mới, nhằm tạo sự đoàn kết nhất trí, quyết tâm xây dựng Quảng Trị từng bước tiến lên.

Về quốc phòng, an ninh: tiếp tục phát động và nâng cao phong trào quần chúng bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng phòng tuyến an ninh tuyến biển, tuyến núi, đặc biệt là dọc đường 9, đảo Cồn Cỏ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động trong mọi tình huống.

Đồng thời, Hội nghị đã bàn, xây dựng đề án về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1990 và 5 năm 1991-1995.

Ngày 22/7/1989, Quảng Trị tổ chức mítting chào mừng tỉnh nhà được lập lại, phát động phong trào cách mạng quần chúng phát huy truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn, ổn định tình hình, vươn lên giành thắng lợi mới. Diễn văn của đồng chí Nguyễn Đức Hoan, Quyền Bí thư Tỉnh ủy nhấn mạnh: “Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, quê hương này, non sông này từ thế hệ này đến thế hệ khác, con người đã đổ mồ hôi và đổ máu để xây dựng nên. Chúng ta hết sức trân trọng yếu tố con người... Chúng ta nguyện đồng cam cộng khổ với nhân dân, làm

việc hết sức mình cho Quảng Trị ngày một phát triển..., xứng đáng với lòng mong mỏi của Trung ương Đảng và Chính phủ, đáp ứng sự tin cậy của đồng bào và chiến sĩ cả nước”. Cuộc mít tinh mừng Quảng Trị lập lại là ngày hội mở đầu cho giai đoạn phát triển mới của tỉnh.

Trước khó khăn trong những ngày đầu lập lại, tỉnh Quảng Trị luôn nhận được sự động viên của các cơ quan Trung ương. Nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương đã vào làm việc, giúp tháo gỡ khó khăn, gọi mở nhiều vấn đề quan trọng. Các đồng chí lãnh đạo ở Trung ương đã khẳng định: Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất cùng diễn văn mừng tái lập tỉnh đã thể hiện tinh thần kiên định của Đảng bộ Quảng Trị về chủ nghĩa xã hội, về những nguyên tắc của công cuộc đổi mới đúng với quan điểm chỉ đạo của Trung ương, phát huy truyền thống, tăng cường đoàn kết nội bộ, giữ gìn sự đoàn kết giữa 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội đã khẩn trương sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, phù hợp với một tỉnh vừa mới lập lại, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và hiệu quả công tác. Các ban Đảng: Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra và Văn phòng Tỉnh ủy được lập lại. Các cơ quan, ban, ngành sớm tập kết về địa điểm mới, nhanh chóng đi vào hoạt động. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định bố trí 67 cán bộ chủ chốt vào các cương vị lãnh đạo và hình thành bộ máy các ngành trực thuộc Ủy ban. Cán bộ mới được đề bạt phân

lớn trẻ, có năng lực, nhiệt tình trong công tác, thể hiện quyết tâm tháo gỡ những vướng mắc, cùng nhau xây dựng quê hương giàu đẹp.

Trước yêu cầu cấp bách, Đảng bộ thị xã Đông Hà kịp thời chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, kể cả doanh nghiệp thu hẹp nơi làm việc, nhường cho cơ quan cấp tỉnh trụ sở làm việc thuận lợi nhất.

Sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên từ Huế chuyển ra dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân, cơ bản giải quyết khó khăn bước đầu. Để ổn định cuộc sống cho cán bộ, tỉnh đã đề ra chủ trương cấp đất, cho vay tiền làm nhà. Đến cuối năm 1990, gần 700 hộ đã được cấp đất và vay tiền. Đây là quyết định đúng đắn, kịp thời góp phần giải quyết khó khăn trước mắt về nhà ở, được cán bộ, công nhân viên đồng tình, hưởng ứng.

Nhằm nâng cao năng lực hoạt động của Hội đồng nhân dân, các cấp ủy đảng đã tiến hành giới thiệu cho chính quyền những cán bộ đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn. Hội đồng nhân dân các cấp tuy mới kiện toàn bộ máy nhưng có nhiều tiến bộ trong nội dung và phương thức hoạt động, đề cao vị trí của cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, từng bước phát huy hiệu lực trong việc quyết định, giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách do Đảng và Nhà nước đề ra. Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân được chuẩn bị tốt, phát huy tính dân chủ, quyết định những vấn đề quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh ở địa phương.

Ngày 19/11/1989, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp tỉnh Quảng Trị khóa II (nhiệm kỳ 1989-1994) thành công, với 99,09% số cử tri trong toàn tỉnh đi bầu cử. Đã bầu được 60 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 206 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thị xã và 3.370 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II ngày 12/12/1989 đã bầu đồng chí Lê Văn Hoan giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Bường được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 17/02/1990, được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị tiến hành bầu Bí thư và Phó Bí thư. Đồng chí Nguyễn Đức Hoan, Quyền Bí thư Tỉnh ủy được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Phan Chung, Ủy viên Thường vụ trực được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Để phù hợp với điều kiện quản lý và phát huy thế mạnh, truyền thống của các địa phương; sau khi lập lại tỉnh, Tỉnh ủy đã sớm có chủ trương đề nghị Trung ương cho sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn. Ngày 16/9/1989, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 134/HĐBT về việc lập lại thị xã Quảng Trị. Ngày 23/3/1990, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 91/HĐBT chia huyện Bến Hải thành 2 huyện Vĩnh Linh và Gio Linh, huyện Triệu Hải thành 2 huyện Triệu Phong và Hải Lăng. Các đơn vị hành chính mới thành lập nhanh chóng sắp xếp bộ máy, bố trí biên chế, phát huy trách nhiệm và tính chủ động bảo đảm sự chỉ đạo, lãnh đạo

thông suốt. Điều chỉnh quy mô các huyện, thị là việc làm kịp thời, phù hợp với tình hình đổi mới của quê hương, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của nhân dân.

Các nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy ban hành đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của nhân dân, làm tăng thêm niềm phấn khởi, phát huy truyền thống đoàn kết, tập trung tâm lực và trí tuệ để xây dựng quê hương.

Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển. Trong quá trình chỉ đạo, tỉnh vừa coi trọng vụ đông - xuân, vừa chú trọng vụ hè - thu và các biện pháp thâm canh, từng bước đổi mới cơ chế quản lý, từ đó tạo bước chuyển biến tích cực trên nhiều mặt. Đã khơi dậy tiềm năng trong nông thôn, phát huy quyền làm chủ của người lao động trong sản xuất, thúc đẩy nông nghiệp phát triển toàn diện. Sản lượng lương thực, đặc biệt là lúa tăng khá. Vụ đông - xuân 1990-1991 được mùa tương đối toàn diện. Vụ hè - thu gieo cấy vượt diện tích và sớm hơn các năm trước. Các loại cây công nghiệp, cây thực phẩm phát triển. Đã có trên 600 ha tiêu, trên 4.500 ha cao su, trong đó một số diện tích cho khai thác mủ¹.

1. Sản lượng lương thực 5 năm 1986-1990 cao hơn 5 năm trước gần 5 vạn tấn; sản lượng lương thực bình quân hàng năm so với những năm thực hiện “Khoán 100” tăng 10,9%, so với thời kỳ 1976-1980 tăng 11,2%, riêng sản lượng thóc bình quân hàng năm so với thời kỳ “Khoán 100” tăng 27,48%, so với những năm 1976-1980 tăng 47,7%. Một số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, hộ nông dân thâm canh lúa giỏi, đạt năng suất ổn định 40-50 tạ/ha/vụ.

Chăn nuôi phát triển rộng cả ở nông thôn lẫn thành thị. Đàn gia súc, gia cầm tăng nhanh. Đàn lợn có 160.000 con, đàn trâu bò có 16.500 con.

Nhiều công trình thủy lợi được nâng cấp, xây dựng mới và tu sửa kịp thời sau thiên tai, nâng cao năng lực tưới tiêu và ngăn mặn.

Công tác bảo vệ thực vật, giống, thú y, cung ứng vật tư nông nghiệp có nhiều tiến bộ.

Nghề rừng có bước tiến bộ, phát triển, nhất là các khâu: quản lý, bảo vệ, trồng mới, khai thác và chế biến lâm sản. Phong trào trồng cây khá phát triển. Đã có gần 2 vạn ha rừng trồng, trong đó gần 8.000 ha thông, một số diện tích đã bắt đầu đưa vào khai thác nhựa. Riêng hai năm 1989-1990, đã trồng trên 4.000 ha rừng và 10 triệu cây phân tán.

Hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản có chuyển biến tích cực. Ngư dân đã mạnh dạn mua sắm thêm phương tiện đánh bắt. Sản lượng khai thác trong 2 năm đạt một vạn tấn. Nuôi tôm bán công nghiệp đã thành công bước đầu. Xí nghiệp đông lạnh Cửa Tùng và Đông Hà được xây dựng và phát huy hiệu quả khi đi vào hoạt động. Kim ngạch xuất khẩu thủy hải sản từ vài trăm ngàn đôla năm 1988 nâng lên 800.000 đôla năm 1990, một triệu đôla năm 1991. Đời sống của ngư dân được cải thiện.

Thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TV ngày 09/8/1990 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kinh tế - xã hội miền núi, tỉnh tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất lương thực tại chỗ. Tuyên truyền, vận động nhân dân khai hoang, mở rộng

diện tích lúa nước. Tập trung phát triển kinh tế vườn, bỏ nạn đốt rừng làm rẫy. Tỉnh tập trung tu sửa, nâng cấp các tuyến đường chính đi vào khu vực trọng điểm. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên.

Sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp từng bước hình thành và phát triển. Năng lực sản xuất được giải phóng mạnh mẽ. Tiềm năng, thế mạnh của từng vùng bước đầu được phát huy. Nhiều gia đình mạnh dạn đầu tư mua sắm máy móc, nông cụ... nên đã chủ động trong sản xuất, khai hoang mở rộng diện tích, mở mang ngành nghề. Những tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp như giống, thâm canh lúa cao sản được bà con nông dân ứng dụng rộng rãi, đưa lại năng suất cao. Nghị quyết số 10 đi vào cuộc sống đã tác động đến mọi mặt kinh tế - văn hoá - xã hội, đẩy lùi từng bước tư tưởng bao cấp, ỷ lại.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển. Thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh Quảng Trị tiến hành đổi mới phương thức quản lý các xí nghiệp quốc doanh; chuyển các xí nghiệp thuộc huyện, thị xã như: xi măng, gốm, xay xát gạo, chế biến thực phẩm, gạch ngói, sản xuất cơ khí lên tỉnh quản lý, tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm. Xây dựng mới một số xí nghiệp: đông lạnh, điện, bia, đá ốp lát. Công nghiệp quốc doanh từ chỗ có 34 xí nghiệp, sắp xếp lại còn 30 xí nghiệp, trong đó có 15 đơn vị làm ăn có hiệu quả. Tốc độ tăng bình quân của công nghiệp quốc doanh là 1,7%/năm. Sản xuất công nghiệp

đã có sự chuyển đổi về lượng và chất, sản xuất gắn với thị trường, đã có những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 30-CT/UBND đề ra chính sách khuyến khích hỗ trợ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Năng lực sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh tăng nhanh, kể cả số lượng cơ sở sản xuất, lao động, tài sản cố định, thiết bị, máy móc, vốn kinh doanh..., nhất là hai thành phần kinh tế tổ hợp tác và hộ tư nhân cá thể. Trong năm 1989, có 82 tổ hợp tác và 363 hộ tư nhân tự bỏ vốn mở các cơ sở sản xuất với 478 tổ viên và 691 lao động, đưa tổng giá trị sản xuất trong toàn tỉnh lên 68 triệu đồng, trong đó hợp tác xã tăng 23,27 triệu đồng, hộ tư nhân tăng 43,2 triệu đồng, gần bằng tổng giá trị sản xuất của các đơn vị quốc doanh thực hiện trong toàn tỉnh.

Về sản xuất điện năng, ngày mới lập lại tỉnh, ngoài 6 tổ máy GE66 vận hành từ năm 1973 ở thị xã Đông Hà, công nghệ lạc hậu; ở thị xã Quảng Trị, thị trấn Hồ Xá chỉ có máy phát cỡ nhỏ với sản lượng điện ít ỏi, bình quân đầu người không quá 10 kWh. Khắc phục khó khăn này, tỉnh đã tập trung củng cố và trang bị mới cụm điện diezen Đông Hà, xây dựng mạng lưới tiếp nhận điện quốc gia, xây dựng đường dây Cam Lộ - Khe Sanh. Đến năm 1991, điện lưới đã về đến các thị xã, thị trấn và một số xã đồng bằng. Sản lượng điện thương phẩm bình quân đầu người năm 1990 tăng 3 lần so với năm 1988.

Xác định tầm quan trọng của giao thông vận tải trong phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh đã tập trung củng cố, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, tăng ngân sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Đã tiến hành mở rộng, nâng cấp quốc lộ 1A, quốc lộ 9 và các tuyến đường nội tỉnh, nạo vét luồng Cửa Việt - Đông Hà, xây dựng nhiều tuyến đường liên xã, liên huyện, củng cố và xây dựng các tuyến đường đến các xã ven biển; sửa chữa tuyến đường 14B, đường đi Lìa, đường đi Hướng Lập. Nhiều cầu, cống được khẩn trương hoàn thành, đưa vào sử dụng. Triển khai xây dựng mới cầu Đông Hà, cầu Dài, cầu Vũng Kho... Các đơn vị vận tải được sắp xếp lại, phục vụ tốt hơn việc vận chuyển hàng hóa, đi lại của nhân dân.

Ngành bưu điện được củng cố và nâng dần chất lượng phục vụ, trang bị thêm các thiết bị kỹ thuật tương đối hiện đại, bảo đảm thông tin liên lạc trong và ngoài tỉnh, mở thêm nhiều tuyến liên lạc quốc tế.

Xây dựng cơ bản đã có bước đổi mới trong việc huy động và sử dụng nguồn vốn, tập trung ưu tiên cho những công trình trọng điểm, phục vụ sản xuất và đời sống như các công trình thủy lợi, giao thông, các xí nghiệp công nghiệp, xí nghiệp nước, nhà văn hoá, đài phát thanh, các trường học, cơ sở khám chữa bệnh. Thị xã Đông Hà, thị xã Quảng Trị và các thị trấn huyện lỵ từng bước được đô thị hoá. Nhiều huyện, thị xã và cơ sở đã huy động, kết hợp được nguồn vốn của Nhà nước, tập thể và nhân dân trong đầu tư xây dựng các công trình.

Hoạt động thương nghiệp có chuyển biến tích cực. Hàng hóa lưu thông thông suốt, mặt hàng phong phú, đa dạng về chủng loại. Cơ chế bao cấp trong phân phối tiếp tục được xóa bỏ, nhu cầu hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng được đáp ứng tốt hơn. Thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại, từng bước thích nghi với cơ chế thị trường.

Xuất nhập khẩu có bước phát triển. Trong tình hình thị trường thế giới và giá cả biến động phức tạp, thị trường xuất khẩu thu hẹp, tỉnh Quảng Trị đã tìm cách khai thác thế mạnh đường 9, tiêu thụ các sản phẩm địa phương và liên kết khai thác các nguồn hàng trong nước. Năm 1990, kim ngạch xuất khẩu đạt 7,5 triệu rúp - đôla.

Công tác quản lý tài chính, điều hành ngân sách có bước tiến bộ, huy động có hiệu quả các nguồn thu. Các ngành, các địa phương tích cực tạo nguồn thu và chống thất thu. Nhờ tăng thu, tiết kiệm chi và sự hỗ trợ của Trung ương, việc chi tiêu thường xuyên được đảm bảo. Nguồn thu tại địa phương tăng nhiều so với các năm trước.

Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng chuyên doanh đã kịp thời chấn chỉnh sai sót trong nạn chơi số đề. Các hoạt động lưu thông tiền tệ, tín dụng và quản lý tiền mặt đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống.

Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thông tin, báo chí, có nhiều tiến bộ. Các thiết chế văn hóa từng bước được hình thành. Một số loại hình văn hóa truyền thống được phục hồi. Phong trào văn hóa quần chúng phát triển. Đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ nhân

dân, nhất là trong các ngày lễ lớn. Sớm hình thành các cơ quan báo chí địa phương. Đài phát thanh đã phủ sóng toàn tỉnh. Tất cả các huyện, thị đều có đài truyền thanh¹.

Phục vụ đắc lực nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, các cơ quan báo chí đã đi đúng hướng, đúng quan điểm, đường lối của Đảng, uốn nắn những quan điểm lệch lạc, những nhận thức mơ hồ, phân tích, phê phán những luận điệu sai trái; đồng thời, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục truyền thống đoàn kết, anh dũng, kiên cường bất khuất trong đấu tranh cách mạng, góp phần tích cực vào việc giải quyết tư tưởng, ổn định tình hình, củng cố lòng tin đối với Đảng, với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tuyên truyền thắng lợi những kế hoạch, chỉ tiêu, biện pháp mà Nghị quyết của Đảng, chính quyền đã đề ra. Động viên và cổ vũ những đơn vị, cá nhân làm ăn giỏi, những điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt trong mọi lĩnh vực, giới thiệu những kinh nghiệm và tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, đăng tải những đề xuất ý kiến, kinh nghiệm của con em tỉnh Quảng Trị khắp mọi nơi trong nước gửi về nhằm góp phần vào công cuộc xây dựng quê hương. Báo chí đã đấu tranh

1. Báo *Quảng Trị* ra số đầu tiên ngày 13/7/1989, xuất bản một kỳ/tuần, sau đó tăng dần lên 2 kỳ/tuần và tăng số lượng phát hành với 2.200 tờ, từng bước nâng cao về chất lượng thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn dư luận xã hội. Đài phát thanh Quảng Trị phát sóng chương trình đầu tiên vào 5 giờ 30 ngày 01/7/1989, thời lượng phát sóng 6 giờ/ngày, tất cả các huyện, thị xã đều có đài truyền thanh.

kiên quyết, không né tránh trong việc chống tham nhũng, buôn lậu, phê phán các hiện tượng tiêu cực, sai trái trong xã hội. Những việc làm đó đã có tác dụng nhất định trong việc giáo dục, định hướng dư luận, góp phần lành mạnh hóa xã hội.

Hệ thống giáo dục được sắp xếp lại một bước, tập trung đầu tư, khắc phục tình trạng xuống cấp về cơ sở vật chất. Chỉ tính riêng năm 1990, đầu tư cho giáo dục trên 4 tỷ đồng; mở trường chuyên cấp 2 và lớp chuyên cấp 3 với hơn 200 học sinh. Tiến hành mở các lớp học “xóa mù chữ” cho số người trong độ tuổi ở miền núi. Đầu tư mở các lớp học cấp 1 ở từng bản và liên bản, xây dựng và mở trường cấp 2 ở khu vực, củng cố và phát triển các trường thanh niên dân tộc nội trú tỉnh, huyện. Đưa tin học vào dạy ở một số trường phổ thông trung học. Từng bước sắp xếp lại ngành học, thực hiện chủ trương chia tách cấp 1 và cấp 2 ở các trường trung học cơ sở; tổ chức tuyển sinh sát chỉ tiêu; triển khai đồng bộ các chương trình. Ngoài hệ chính quy được củng cố ổn định, hệ phi chính quy ở ngành học mầm non được hình thành và phát triển nhanh ở những nơi có nhu cầu, điều kiện. Đến năm 1991, Quảng Trị không còn xã trắng về giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên toàn ngành ổn định về tư tưởng, yên tâm công tác. Phong trào thi đua “hai tốt” được phát động liên tục. Việc tổ chức các hội thi, hội diễn, thao giảng đã có tác dụng cổ vũ, động viên người dạy, người học, người quản lý. Năm học 1989-1990, toàn tỉnh có 34 trường đạt danh hiệu trường tiên tiến; 13 xã,

phường, thị trấn tiêu biểu trong phong trào nhân dân chăm lo giáo dục.

Công tác y tế, nhất là việc chăm sóc sức khỏe ban đầu được chú trọng. Trên 90% số trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng vắc xin phòng bệnh. Nhiều trạm xá xã, phòng khám khu vực và trung tâm kế hoạch hóa gia đình được trang cấp mới dụng cụ y tế. Đầu tư một tỷ đồng nâng cấp bệnh viện tỉnh và các bệnh viện khu vực. Công tác khám và điều trị ở một số bệnh viện có tiến bộ. Đẩy mạnh chương trình chống sốt rét, bướu cổ và xây dựng các phòng khám khu vực đảm bảo việc khám và chữa bệnh thông thường cho nhân dân. Chăm lo tốt việc bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ y tế tại chỗ; đào tạo, bổ túc, tuyển chọn lại để có đội ngũ y tế miền núi phù hợp thực tế địa phương.

Các hoạt động khoa học kỹ thuật đã hướng vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, 3 chương trình kinh tế lớn. Ứng dụng có hiệu quả một số tiến bộ kỹ thuật, đưa giống mới vào sản xuất. Cùng với Viện Khoa học Việt Nam triển khai chương trình điều tra cơ bản trên một số vùng để tiến tới thành lập làng sinh thái.

Các chính sách xã hội được các cấp, các ngành quan tâm. Một số cơ sở sản xuất và dịch vụ thu hút được lao động tham gia. Gần một nửa số lao động dôi thừa trong các xí nghiệp được giải quyết chế độ theo Quyết định số 176-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về sắp xếp lại lao động trong các đơn vị kinh tế quốc doanh. Chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng,

cán bộ hưu trí được chú trọng. Lương hưu và các khoản phụ cấp được phát đúng kỳ hạn. Đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới nhiều nghĩa trang liệt sĩ. Quy tập hàng nghìn hài cốt liệt sĩ và nhiều hoạt động đền ơn đáp nghĩa được thực hiện.

Nhờ phát huy tốt tinh thần giúp đỡ lẫn nhau trong nhân dân cùng sự hỗ trợ của Trung ương và các hoạt động từ thiện, chữ thập đỏ... nên đã cứu trợ kịp thời những nơi bị thiên tai, những vùng gặp khó khăn trong giáp hạt và những người tàn tật, neo đơn, gặp hoạn nạn.

Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được chú trọng. Ngày 26/5/1990, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 60 về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Chỉ thị đã nhận định rõ tình hình diễn biến phức tạp của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô. Các thế lực thù địch và phản động quốc tế ráo riết triển khai chiến lược “vượt trên ngăn chặn”, “diễn biến hòa bình” nhằm mục tiêu đánh phá các Đảng Cộng sản và xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng chuyển trọng tâm hoạt động về châu Á, trọng điểm là Đông Dương, lấy Việt Nam làm mục tiêu số một, với các hoạt động chủ yếu: tăng cường thủ đoạn chiến tranh tâm lý bằng xâm nhập báo chí, dùng các phương tiện thông tin đại chúng có chương trình phát thanh tiếng Việt, thư từ, lời kêu gọi, tài liệu... với tên gọi “chuyển lửa về quê hương” để kích động nhân dân đòi đa nguyên, đa đảng; tập trung đả kích chủ nghĩa Mác - Lênin, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, kích động chia rẽ giữa Đảng và nhân dân, giữa quân đội và công an; xâm nhập gián điệp, tình báo,

khơi dậy và nhen nhóm lực lượng nhằm lật đổ Đảng Cộng sản Việt Nam và thủ tiêu chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Quán triệt Chỉ thị số 60-CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 03/7/1990, Tỉnh ủy Quảng Trị ra Chỉ thị số 11-CT/TV về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Nhận định tình hình ở địa phương, Tỉnh ủy nêu rõ một số đặc điểm riêng của tỉnh mà địch có thể lợi dụng để đánh phá là: Quảng Trị có đường biên giới chung với Lào khá dài, có rừng rậm, đường sá đi lại khó khăn, quản lý chưa chặt chẽ, địch có thể lợi dụng để đẩy mạnh hoạt động xâm nhập; trong khi đó, các cấp, các ngành chưa quan tâm đầy đủ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ nội bộ, chưa tăng cường giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng cho cán bộ và nhân dân, chưa phát động được phong trào bảo vệ an ninh quốc gia. Với nhận định trên, Thường vụ Tỉnh ủy đề ra một số nhiệm vụ cấp bách sau:

Trên lĩnh vực an ninh tư tưởng - văn hóa: các cấp ủy đảng phối hợp với các ngành văn hóa, giáo dục, các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường hơn nữa tính chiến đấu trong việc tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, quần chúng quán triệt các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, 7, 8 khoá VI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; phê phán những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch về công cuộc đổi mới và chống tiêu cực nhằm phá hoại cách mạng.

Về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội: đảm bảo an ninh biên giới, bờ biển và nội địa, những mục tiêu

trọng điểm về chính trị, quân sự, kinh tế ở trên địa bàn tỉnh, không để kẻ địch xâm nhập hoạt động phá hoại; xây dựng phương án sẵn sàng đối phó với các âm mưu gây rối, gây bạo loạn, lật đổ của địch, bảo vệ vững chắc an ninh, trật tự khi có tình hình đột xuất xảy ra.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, công tác chăm lo xây dựng và củng cố quốc phòng được quan tâm. Tỉnh đã đổi mới phương thức, nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang và thế trận chiến tranh nhân dân phù hợp với điều kiện và yêu cầu mới; tiến hành xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc, diễn tập thực binh các phương án tác chiến trong khu vực phòng thủ. Các huyện, thị xã, phường, xã, thị trấn lần lượt tổ chức diễn tập đạt kết quả cao. Cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu đã thấm nhuần đến tận cơ sở, ngày càng đi vào chiều sâu, đạt kết quả thiết thực; khơi dậy khí thế cách mạng trong nhân dân, nâng cao ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp diễn tập ở cấp xã, cấp ủy, chính quyền và lực lượng quân sự đã giải quyết các vụ việc tiêu cực ở địa phương, giữ vững an ninh chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở các xã ven biển và miền núi của tỉnh, đồng thời tập luyện các phương án sẵn sàng đối phó với các tình huống bất ngờ có thể xảy ra.

Đảng bộ đã xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương, từng bước nâng cao chất lượng toàn diện, coi

trọng chất lượng chính trị. Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức lại, huấn luyện thường xuyên và phát huy tác dụng tích cực trong giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở. Các đơn vị như huyện Vĩnh Linh, huyện Triệu Phong và thị xã Đông Hà... là những điển hình tốt trong việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân. Việc xây dựng lực lượng dự bị động viên được chú trọng, hoàn thành nhiệm vụ đăng ký quản lý quân nhân dự bị, tổ chức biên chế và huấn luyện, báo động, động viên đạt kết quả. Trong xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh ở cơ sở, tỉnh đặc biệt chú trọng công tác tư tưởng, công tác vận động quần chúng để tạo cơ sở chính trị trong nhân dân; từng bước làm cho nhân dân thấy được âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với nước ta, đồng thời nắm được những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp đổi mới. Từ đó, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở quan tâm chăm lo công tác động viên, tuyển quân. Việc giao quân hàng năm đều đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Thanh niên hăng hái lên đường làm nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

An ninh chính trị cơ bản được giữ vững. Đã phát hiện, đấu tranh làm thất bại nhiều âm mưu và thủ đoạn phá hoại của kẻ địch; ngăn chặn và giải quyết có hiệu quả các hoạt động xâm nhập; phối hợp tốt với bạn Lào

bảo vệ biên giới và thắt chặt thêm tình đoàn kết chiến đấu, tình hữu nghị đặc biệt giữa hai nước và tỉnh Quảng Trị với 2 tỉnh Savannakhet và Salavan. Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến tích cực nhờ sự nỗ lực của các lực lượng công an, quân sự và quần chúng nhân dân trong phong trào thực hiện Chỉ thị số 135-HĐBT. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội được phát động liên tục, các hoạt động nghiệp vụ được tăng cường, nên các loại tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội giảm.

Đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu được triển khai và bước đầu đem lại hiệu quả. Công tác kiểm sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử được tiến hành tương đối đồng bộ, phục vụ tốt nhiệm vụ của địa phương.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội có chuyển biến bước đầu. Những tháng cuối năm 1989 và đầu năm 1990, chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước Đông Âu liên tiếp sụp đổ, tác động bất lợi đến nước ta về nhiều mặt, làm nảy sinh tâm trạng băn khoăn, lo lắng về sự mất còn của chủ nghĩa xã hội. Những tác động tiêu cực ấy ít nhiều ảnh hưởng đến sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Do những sự kiện diễn ra khá dồn dập, có tính dây chuyền, trong lúc đó thông tin của ta chậm, chưa phân tích, đánh giá kịp thời, nên một bộ phận cán bộ, đảng viên có tâm lý hoài nghi, dao động, hoang mang. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương 7 khoá VI ban hành Nghị quyết

“một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình quốc tế và trong nước hiện nay.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế cũng như tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng, Nghị quyết đã đề ra 5 nhiệm vụ quan trọng:

Thứ nhất, khẳng định tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội và những thành tựu vĩ đại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Dù có vấp vấp, sai lầm, kể cả tổn thương, song sự ra đời, lớn mạnh của Liên Xô và sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là sự kiện trọng đại nhất của thế kỷ XX. Cuộc khủng hoảng ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay không phải nảy sinh từ bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, khẳng định tính tất yếu khách quan và phương hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình cải tổ, cải cách, đổi mới.

Thứ ba, nhận rõ bản chất con đường diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế.

Thứ tư, giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa trên cơ sở quán triệt những nguyên tắc và chính sách đổi mới.

Thứ năm, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự thống nhất ý chí và hành động trong xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực.

Nhận thức rõ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khoá VI đặc biệt quan trọng đối với công cuộc đổi mới cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh tình hình mới, Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc quán triệt và triển khai Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sau khi tổ chức quán triệt trong đội ngũ cán bộ cốt cán của tỉnh, đầu năm 1990, đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Trung ương 7 khóa VI được triển khai sâu rộng trong toàn Đảng bộ. Các đồng chí Tỉnh ủy viên, lãnh đạo các huyện ủy, thị ủy và các ban Đảng được phân công về cơ sở cùng các địa phương, cơ quan, đơn vị triển khai nghị quyết. Các đồng chí báo cáo viên đã kết hợp lồng ghép tuyên truyền những nội dung của Nghị quyết vào dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn, đại hội các đoàn thể; sơ kết, tổng kết của các ngành; chủ động nắm bắt tư tưởng trước những diễn biến cụ thể ở địa phương để kịp thời có những định hướng đúng đắn. Khi phát hiện những vấn đề nổi cộm, các đồng chí trong Thường vụ, các cấp ủy đến tận nơi xem xét, bình tĩnh, thận trọng, dân chủ tìm cách giải quyết.

Được học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, thông báo của Bộ Chính trị và những nhận định, phân tích khách quan, những quan điểm, định hướng tư tưởng đúng đắn của Đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức đúng tình hình, xác định rõ trách nhiệm của mình trong tình hình mới. Nhận thức đầy đủ hơn về bản chất, âm mưu và những thủ đoạn nham hiểm của chủ nghĩa đế quốc, nhân dân tỉnh Quảng Trị càng nêu cao tinh thần cảnh giác

cách mạng, kiên quyết chống lại những âm mưu và hành động xảo quyệt của kẻ thù. Những chuyển biến tích cực của đất nước, của tỉnh những tháng cuối năm 1989 và đầu năm 1990 đã làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh tin tưởng hơn vào chủ trương, đường lối, công cuộc đổi mới, vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước. Tự hào về truyền thống của một Đảng bộ có lịch sử đấu tranh cách mạng kiên cường, một địa phương có tổ chức đảng ra đời sớm, trong bối cảnh quốc tế phức tạp, cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Quảng Trị càng tỏ rõ bản lĩnh cách mạng, vững vàng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, dứt khoát bác bỏ đa nguyên chính trị, đa đảng, khẳng định những nguyên lý bất di, bất dịch của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nhân những ngày kỷ niệm lớn trong năm 1990, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng: thảo luận thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, góp ý dự thảo văn kiện Hội nghị Trung ương 8 về công tác dân vận và diễn văn kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập Đảng của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Vì vậy, ở Quảng Trị, số người xin ra Đảng không nhiều, số người tự nguyện xin vào Đảng ngày càng tăng.

Các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng đã chứng minh tính đúng đắn và mang lại kết quả, đời sống nhân dân tỉnh Quảng Trị được cải thiện, dân chủ trong xã hội được phát huy, niềm tin của đảng viên và nhân dân vào công cuộc đổi mới tăng lên. Song nhiều vấn đề gay gắt như việc làm, tệ nạn xã hội, nạn tham nhũng,

lạm phát chưa được đẩy lùi. Vấn đề mất đoàn kết trong nội bộ Đảng cũng như trong nhân dân dù chưa nặng nề, song đã có dấu hiệu đáng lo ngại. Sau khi chia huyện, chia hợp tác xã, rải rác có tình trạng tranh chấp đất đai, có biểu hiện thiếu xây dựng tình làng nghĩa xóm. Ở một vài nơi, cán bộ, đảng viên không đứng ra giải quyết mà còn trực tiếp hoặc gián tiếp xúi giục, làm cho nội bộ nhân dân thêm căng thẳng, đã có nơi xảy ra xô ẩu. Bên cạnh đại bộ phận cán bộ, đảng viên có ý thức phấn đấu, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, tận tụy với công tác, gương mẫu trong lối sống, thì một số ít cán bộ, đảng viên chưa phát huy hết tinh thần, trách nhiệm của người đảng viên.

Trước tình hình đó, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tám (tháng 7/1990) đã đề ra nhiệm vụ công tác tư tưởng:

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc những quan điểm của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới; trước mắt động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đề ra và chuẩn bị điều kiện cho những năm sau, nghiên cứu, tìm hiểu và đóng góp ý kiến vào các Văn kiện của Trung ương, của Tỉnh ủy; góp phần tích cực vào việc tiếp tục củng cố, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

- Tăng cường giáo dục về tư cách người đảng viên cộng sản, đề cao tự phê bình và phê bình, làm rõ một số vụ việc vi phạm về phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, có thái độ xử lý nghiêm túc để giáo dục và nâng cao niềm tin đối với Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tám, các cấp ủy đảng đã chú trọng làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tổ chức quán triệt các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, vận dụng kịp thời và sát đúng với thực tế của địa phương, đề ra những nghị quyết, chủ trương công tác đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Các nghị quyết của Đảng bộ các cấp đã dẫn đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả trên nhiều mặt, khẳng định sự trưởng thành một bước của Đảng bộ về đổi mới tư duy, năng lực lãnh đạo và hoạt động thực tiễn.

Tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân cơ bản ổn định, tâm lý bản khoăn, lo lắng, bi quan, dao động trong một số cán bộ, đảng viên và nhân dân giảm rõ rệt, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố, quan điểm đa nguyên chính trị, đa đảng bị bác bỏ.

Để nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 12 tiến hành đợt sinh hoạt chính trị và Chỉ thị số 05 về kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Các văn bản được triển khai sâu rộng, có trọng tâm, trọng điểm, đạt kết quả tốt.

Một số tổ chức đảng đã chủ động, sáng tạo tìm ra những nội dung, phương thức sinh hoạt phù hợp, từng bước khắc phục tình trạng Đảng bao biện làm thay chính quyền hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. Việc giải thể, sáp nhập, thành lập mới một số chi bộ đảng bộ đã tạo điều kiện thuận lợi để sự lãnh đạo của Đảng chuyển kịp với cơ chế quản lý kinh tế mới. Qua phân loại, có 24%

chi bộ, đảng bộ vững mạnh, 16% yếu kém. Các cấp ủy đã có kế hoạch chỉ đạo củng cố các tổ chức cơ sở đảng yếu kém kéo dài, xử lý cấp ủy viên mắc sai lầm, khuyết điểm, kiện toàn cấp ủy trước khi bước vào Đại hội.

Hầu hết tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng. Qua kiểm tra, phần lớn đảng viên đủ tư cách, nhưng số đảng viên tiên phong, gương mẫu chưa nhiều, gần 10% đảng viên vi phạm và không đủ tư cách; đã xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách đến khai trừ khỏi Đảng 652 trường hợp, trong đó có 20% là cán bộ chủ chốt các cấp.

Công tác phát triển đảng viên mới được các cấp ủy quan tâm, đã kết nạp 837 đồng chí. Phần lớn đảng viên mới kết nạp là lớp trẻ, có trình độ, năng lực và phẩm chất tốt.

Nhiều cấp ủy đảng làm tốt công tác bảo vệ Đảng, có kế hoạch chống lại sự phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch.

Theo phương châm “tinh gọn, thiết thực, hiệu quả”, tỉnh đã sắp xếp bộ máy, từng bước đổi mới công tác tổ chức và cán bộ. Đã thu gọn một số ban Đảng, giải thể trường Đảng cấp huyện, thành lập Ban xây dựng Đảng ở một số huyện, thị. Công tác đề bạt, bố trí những cán bộ trẻ, có kiến thức và năng lực thực tiễn được coi trọng. Đội ngũ cán bộ tỉnh, huyện được trẻ hóa một bước. Đã có 90% cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh và 68% cán bộ chủ chốt cấp huyện, thị xã có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học. Một số cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng về

lý luận chính trị, chuyên môn kỹ thuật ở trong và ngoài nước. Trường hành chính và Trường Đảng tỉnh đã tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, huyện, thị xã và cơ sở.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân bước đầu được đổi mới. Các cấp ủy đã từng bước khắc phục tình trạng bao biện, tạo điều kiện cho chính quyền và các đoàn thể nhân dân phát huy tính năng động trong quản lý, điều hành và hoạt động của mình. Hội đồng nhân dân tỉnh và một số địa phương từng bước phát huy hiệu lực trong việc quyết định và giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội. Việc điều hành, quản lý của Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ.

Công tác vận động quần chúng có đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Các cấp ủy đảng đã quán triệt Nghị quyết số 8B của Trung ương, tạo sự chuyển biến nhận thức về công tác quần chúng của Đảng. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã chủ động, sáng tạo, bước đầu tìm ra những phương thức tập hợp quần chúng và nội dung hoạt động thiết thực.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với các thành viên vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở các huyện, thị xã đã hình thành Ban công tác Mặt trận trên địa bàn dân cư, nhiều tổ phụ lão, tổ hòa giải, tổ bảo thọ... giải quyết những vụ việc mâu thuẫn, củng cố đoàn kết trong nhân dân. Toàn tỉnh có 17 câu lạc bộ hưu trí, 392 tổ Mặt trận, 26.856 cụ

tham gia hội phụ lão, có 47.204 hội viên hội bảo thọ với số quỹ gần 204 triệu đồng. Đã tổ chức tập huấn cho 50 cán bộ Mặt trận huyện, thị xã về chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận ở cơ sở và Nghị quyết số 24-NQ/BCT về công tác tôn giáo. Công tác tôn giáo, công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số được chú ý tăng cường.

Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức đợt sinh hoạt “theo con đường Bác Hồ đã chọn”, qua đó nâng cao lập trường của giai cấp công nhân, khẳng định không “đa nguyên chính trị, đa đảng, đa công đoàn”. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành hữu quan tổ chức tuyên truyền, quán triệt và thực hiện Luật Công đoàn. Tổ chức các hoạt động nhằm thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của công nhân, người lao động. Tổ chức các phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong công nhân.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tập trung tăng cường củng cố cơ sở, nâng cao chất lượng đoàn viên, thực hiện cuộc vận động xây dựng chi đoàn mạnh. Hội Liên hiệp Thanh niên tập hợp được 1,8 vạn thanh niên vào Hội. Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị nhân các tháng cao điểm để giáo dục tình hình nhiệm vụ, giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng, Đoàn cho tuổi trẻ.

Hội Liên hiệp Phụ nữ chủ động tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp thực hiện Quyết định số 163 của Hội đồng Bộ trưởng. Các phong trào: nuôi

con khỏe, dạy con ngoan, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch đạt kết quả tốt.

Hội Nông dân đẩy mạnh phong trào thi đua “sản xuất kinh doanh giỏi”, xây dựng nông thôn mới, tiếp tục hoàn thiện “Khoản 10” trong nông nghiệp. Hoạt động của Hội có chuyển biến đáng kể trong tổ chức, vận động nông dân tham gia hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Hội đã tập trung củng cố phát triển cơ sở hội, củng cố được 231 chi hội, tiến hành phát thẻ cho 595 hội viên.

Các hội quần chúng khác được thành lập với nhiều hoạt động thiết thực nhằm động viên quần chúng nhân dân tham gia phong trào “ích nước, lợi nhà”.

Sau hơn 5 năm đổi mới, đặc biệt sau 2 năm lập lại tỉnh, vượt qua muôn vàn khó khăn, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị bước đầu vận dụng cơ chế quản lý mới, đổi mới cơ cấu đầu tư, cơ sở vật chất - kỹ thuật và kết cấu hạ tầng được tăng cường, nền kinh tế của tỉnh có bước phát triển, đã giải quyết một bước quan trọng về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, tạo tiền đề, điều kiện đi lên cho những năm sau. Đời sống nhân dân mặc dù còn khó khăn nhưng đã từng bước ổn định và cải thiện. Hoạt động kinh tế chuyển dần sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang quản lý theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới,

Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị không ngừng phát huy thế mạnh, khơi dậy tiềm năng tài nguyên, lao động và các thành phần kinh tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế, nhất là nông, lâm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Sự nghiệp văn hóa - xã hội từng bước phát triển. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo. Thành quả đó bắt nguồn từ sự vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng và những chủ trương đúng đắn của các cấp ủy đảng, tinh thần đoàn kết, sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tỉnh.

Bên cạnh những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị đạt được sau gần hai năm lập lại, vẫn còn những hạn chế, yếu kém cần phải khắc phục.

Sản xuất nông nghiệp vẫn còn mang tính tự cấp, tự túc. Sản xuất lương thực chưa ổn định. Trình độ thâm canh và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật chưa đồng đều. Đất nông nghiệp quản lý chưa chặt chẽ, sử dụng chưa hợp lý, diện tích canh tác hàng năm giảm. Tình trạng tranh chấp ruộng đất còn xảy ra ở một số nơi, có vụ nghiêm trọng. Thiếu chính sách và biện pháp cụ thể để khai thác thế mạnh vùng gò đồi, vùng núi. Hệ thống dịch vụ nông nghiệp phát triển chưa rộng khắp. Thủy lợi chưa đảm bảo nhu cầu tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp. Mạng lưới bảo vệ thực vật, thú y ở cơ sở còn quá mỏng. Chất lượng đàn và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi còn thấp. Phong trào trồng cây phát triển chưa đồng đều. Việc bảo vệ, quản lý rừng còn sơ hở, nạn cháy rừng còn nhiều, việc giao đất, giao rừng còn ít. Định canh, định cư tiến triển chậm.

Trang thiết bị nghề cá còn thấp kém. Chưa ngăn chặn được tệ đánh bắt bừa bãi làm hủy hoại nguồn hải sản, nhất là các loại đặc sản quý hiếm. Phong trào nuôi trồng thủy hải sản xuất khẩu trong nhân dân phát triển chậm. Đời sống của đồng bào miền núi, miền biển còn gặp nhiều khó khăn.

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp công nghiệp quốc doanh chưa cao, một số công ty, xí nghiệp thua lỗ kéo dài, chậm được giải quyết. Thương nghiệp quốc doanh còn lúng túng về mô hình tổ chức, phương thức kinh doanh và quản lý thị trường. Hợp tác xã mua bán hầu hết kinh doanh không hiệu quả, phải ngừng hoạt động hoặc giải thể. Chưa tìm được thị trường xuất khẩu ổn định để đầu tư khai thác các nguồn hàng xuất khẩu của địa phương.

Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh còn nặng về dịch vụ, đầu tư cho sản xuất chưa nhiều. Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề chậm phát triển. Giao thông một số vùng ở miền núi, miền biển chưa được đầu tư. Công tác quản lý tài chính, quản lý xây dựng cơ bản có nơi thiếu chặt chẽ. Vốn, vật tư còn bị thất thoát. Chất lượng công trình còn thấp. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng thị xã, thị trấn còn nhiều thiếu sót.

Thu ngân sách tại địa phương chưa đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên.

Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh còn thiếu chiều sâu. Một bộ phận cán bộ và nhân dân còn mất cảnh giác. Trong lực lượng vũ trang, chất lượng các mặt còn nhiều

hạn chế. Đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của kẻ thù chưa thật sắc bén. Việc trấn áp tội phạm có lúc, có nơi thiếu kiên quyết. Trật tự, an toàn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc nhưng chưa đủ sức giải quyết.

Nhiều tổ chức cơ sở đảng lúng túng trong việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, còn bao biện làm thay chính quyền hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. Cá biệt có cơ sở đảng tê liệt ý chí chiến đấu, bất lực trước hiện tượng tiêu cực và các hoạt động chống đối gây mất ổn định.

Công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số chưa được coi trọng đúng mức. Việc thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ hành chính sự nghiệp, cán bộ nghỉ việc còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

Nhiều cấp ủy đảng chưa coi trọng công tác vận động quần chúng, chưa quan tâm đúng mức việc củng cố các đoàn thể nhân dân; nhiều tổ chức quần chúng hoạt động yếu, có tổ chức hầu như không hoạt động.

Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do sự lãnh đạo của Đảng bộ, công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp chưa theo kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ.

Tuy còn nhiều hạn chế, nhưng những thành tựu đạt được trong hai năm đầu lập lại tỉnh đã chứng minh ý chí và khả năng vượt qua khó khăn, thách thức vươn lên giành thắng lợi của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị.

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1991-1995)

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI

Bước sang năm 1991, tình hình quốc tế diễn biến ngày càng phức tạp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đứng trước thử thách lớn của thời đại.

Tình hình đó đã tác động đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Đất nước phải đương đầu với các hoạt động phá hoại của kẻ thù, bọn phản động lưu vong; trong khi đó, khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn gay gắt; lạm phát cao, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn; trật tự, kỷ cương xã hội có những diễn biến phức tạp. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta vẫn giữ vững bản lĩnh chính trị, trung thành với Đảng, song vẫn còn một bộ phận đảng viên, nhân dân có biểu hiện hoang mang, dao động, thiếu tin tưởng vào tiền đồ chủ nghĩa xã hội, vào đường lối cách mạng của Đảng.

Trong tình thế đó, các văn kiện dự thảo trình Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, là cơ sở để Đảng bộ tỉnh Quảng Trị tích cực chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

Thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW ngày 22/5/1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Chỉ thị số 65-CT/TW ngày 09/11/1990 của Ban Bí thư và Kế hoạch số 16-KH/TV ngày 16/11/1990 của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy về tổ chức thực hiện đợt sinh hoạt chính trị, góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội VII của Đảng; chuẩn bị cho Đại hội, từ tháng 12/1990 đến tháng 3/1991, Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng và 12 đảng bộ trực thuộc tổ chức thảo luận, góp ý và đã tập hợp được tám vạn lượt ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Cương lĩnh chính trị; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, báo cáo xây dựng Đảng. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng của toàn Đảng, toàn dân, biểu thị sự thống nhất cao với những quan điểm của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà dự thảo văn kiện Đại hội VII của Đảng đã xác định: kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, quyết tâm đưa sự nghiệp đổi mới của toàn Đảng, toàn dân đến thắng lợi.

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 11/4/1991 của Tỉnh ủy về triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 1991-1995 (vòng 1), từ ngày 18 đến ngày 20/4/1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 1991-1995 (vòng 1) được tổ chức. 210 đại biểu thuộc 12 đoàn đại biểu các huyện ủy, thị ủy và đảng bộ trực thuộc thay mặt cho 16.441 đảng viên trong tỉnh đến dự. Đây là sự kiện có ý nghĩa lịch sử trong đời sống chính trị của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa trọng đại của Đại hội Đảng lần thứ VII, phát huy kết quả đại hội cấp cơ sở và cấp trên của tổ chức cơ sở đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh (vòng 1) tiếp tục phát huy tinh thần dân chủ, trí tuệ của

toàn Đảng, toàn dân, tập trung thảo luận đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc vào các dự thảo văn kiện của Trung ương. Sau khi thảo luận, Đại hội thống nhất biểu quyết các nội dung sau:

Vấn đề thứ nhất: Đảng mắc sai lầm về đường lối cụ thể hay chỉ sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, đường lối chung có chỗ nào sai không; quan hệ biện chứng giữa đường lối chung và đường lối cụ thể. Vấn đề này có 179 đồng chí khẳng định đường lối chung của Đảng là đúng, Đảng chỉ sai lầm về đường lối cụ thể và chỉ đạo chiến lược, 31 đồng chí cho rằng đường lối chung của Đảng có chỗ sai.

Vấn đề thứ hai: Quyền sở hữu ruộng đất, quyền sử dụng, quyền thừa kế và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Đại hội đã nhất trí hoàn toàn việc giao quyền thừa kế ruộng đất; về việc giao quyền chuyển nhượng quyền sử dụng ruộng đất có 181 đồng chí đồng ý, 28 đồng chí không đồng ý.

Vấn đề thứ ba: Giữ nguyên hay xóa bỏ cụm từ “không bóc lột” ở Điều 1 Điều lệ Đảng, có 178 đồng chí nhất trí bỏ cụm từ “không bóc lột”, chỉ có 32 đồng chí đề nghị vẫn giữ nguyên.

Vấn đề thứ tư: Quyền lưu nhiệm¹ của đại biểu Đại hội có 158 đồng chí nhất trí, 38 đồng chí không đồng ý và 14 đồng chí chưa tỏ thái độ rõ ràng.

1. Quyền lưu nhiệm: Thời gian này Đại hội đảng bộ các cấp diễn ra 2 vòng (vòng 1 và vòng 2). Đại biểu được bầu đi dự Đại hội vòng 1 đương nhiên là đại biểu dự Đại hội vòng 2, trừ một số trường hợp đặc biệt.

Đại hội đã bầu đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị dự Đại hội VII của Đảng gồm 15 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết.

Từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra tại Thủ đô Hà Nội.

Trong những ngày này, cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Quảng Trị luôn dành sự quan tâm đặc biệt, theo dõi diễn biến và kết quả của Đại hội. Đại hội đã thông qua “Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000” và nhiều văn kiện quan trọng khác. Tại Đại hội, đồng chí Nguyễn Đức Hoan, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII.

Sau Đại hội VII của Đảng, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, phong trào cách mạng thế giới lâm vào thời kỳ thoái trào, ảnh hưởng sâu sắc đến nước ta. Cán bộ, nhân dân lo lắng, một số dao động, hoài nghi về tiền đồ chủ nghĩa xã hội. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn, trong khi đó Mỹ tiếp tục cấm vận Việt Nam. Một số thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động gây mất ổn định chính trị và bạo loạn lật đổ. Nước ta một lần nữa lại đứng trước thử thách hiểm nghèo. Cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị phải tìm ra những giải pháp, tổ chức, động viên toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, độc lập và sáng tạo, vượt qua thách

thức, tiếp tục sự nghiệp đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Ngày 24/8/1991, tại thị xã Đông Hà, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (vòng 2) khai mạc. Trên cơ sở phân tích tình hình trong nước, quốc tế, những yêu cầu khách quan đang đặt ra trên con đường đổi mới, đánh giá những thành tựu sau hơn 2 năm lập lại tỉnh, Báo cáo chính trị đã nêu rõ phương hướng, mục tiêu của tỉnh trong 5 năm 1991-1995:

Một là, đáp ứng nhu cầu cơ bản của nhân dân về lương thực, thực phẩm; thu hẹp diện thiếu đói trong giáp hạt, tăng thêm điều kiện chăm sóc sức khỏe, cải thiện một phần nhà ở, tăng thêm phương tiện và điều kiện đi lại cho nhân dân, giảm tỷ lệ người mù chữ và từng bước phổ cập giáo dục bậc tiểu học; nâng dần mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân; đẩy lùi tiêu cực, thực hiện công bằng xã hội.

Hai là, tạo thêm việc làm cho người lao động, phấn đấu hạ tỷ lệ tăng dân số xuống 2,1%.

Ba là, phấn đấu tăng nguồn thu ngân sách từ kinh tế địa phương, đến năm 1995 bảo đảm các nhu cầu chi thường xuyên và có một phần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

Bốn là, củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, chủ động ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động chống phá chủ nghĩa xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò và chức năng của các đoàn thể nhân dân. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, củng cố hệ thống chính trị vững chắc.

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên, Đại hội đặc biệt nhấn mạnh cần phải thực hiện tốt các quan điểm chỉ đạo sau:

- Nhận rõ thuận lợi, khó khăn của đất nước và của tỉnh, phát huy truyền thống đoàn kết, lao động sáng tạo, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, động viên các nguồn nội lực, đồng thời tranh thủ và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của Trung ương và các nguồn lực khác để đẩy nhanh công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện đổi mới sâu sắc, toàn diện, theo quan điểm, tư tưởng Đại hội VII của Đảng. Triệt để chống bảo thủ, trì trệ, giáo điều, y lại, kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp.

- Tổ chức lại nền kinh tế - xã hội, bố trí cơ cấu đầu tư phù hợp với cơ cấu kinh tế đã xác định, phát triển có chọn lựa một số cơ sở công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và kết cấu hạ tầng, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

- Nhảy bén với sự phát triển của tình hình, tiếp thu khoa học và công nghệ mới, vận dụng linh hoạt cơ chế và các chính sách đòn bẩy. Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, lợi ích trực tiếp của người lao động làm động lực thúc đẩy các tầng lớp nhân dân phát huy trí tuệ và tài năng, sức lực và của cải, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước.

- Phát triển văn hóa - xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ sản xuất, phòng chống lụt, bão, kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

Ý thức được sự đòi hỏi chung, nhất là sự tin cậy và chờ mong của cán bộ và nhân dân trong tỉnh, Đại hội đã tập trung trí tuệ, nêu cao trách nhiệm, phát huy dân chủ, sôi nổi thảo luận, khẳng định những kết quả bước đầu có ý nghĩa quan trọng của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh trong quá trình đổi mới, thẳng thắn chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm của Đảng bộ trong lãnh đạo và chỉ đạo, đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc để xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và công tác xây dựng Đảng trong những năm tới.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 1991-1995, gồm 37 đồng chí bảo đảm tiêu chuẩn, có tính kế thừa, đủ sức gánh vác trọng trách trước Đảng và nhân dân tỉnh Quảng Trị trong nhiệm kỳ mới.

Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XI đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 9 đồng chí: Nguyễn Đức Hoan, Phan Chung, Nguyễn Bường, Ngô Tứ Linh, Nguyễn Hoa Nam, Dương Quang Lưu, Trương Hữu

Quốc, Lê Phước Từ, Lê Hữu Thỏa. Đồng chí Nguyễn Đức Hoan - Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Phan Chung, Nguyễn Bường được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 5 đồng chí, đồng chí Dương Quang Lưu - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, các huyện ủy, thị ủy và đảng ủy trực thuộc đã triển khai quán triệt Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; đồng thời xây dựng kế hoạch, chương trình hành động. Đến ngày 11/7/1992, các huyện ủy, thị ủy và Đảng bộ trực thuộc đã thông qua chương trình hành động cụ thể và tiến hành xong Đại hội (vòng 2).

Các quan điểm, tư tưởng, đường lối của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI được các cấp ủy đảng vận dụng và cụ thể hóa trong nội dung báo cáo chính trị để đánh giá đúng tình hình chính trị, tư tưởng của cán bộ, đảng viên, cũng như thực trạng các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Đồng thời đã đề ra được những chủ trương, giải pháp đúng đắn tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới.

Việc tổ chức lấy ý kiến, tham gia báo cáo trình đại hội các cấp được tiến hành dân chủ, mở rộng thành phần nên đã tập hợp rộng rãi nhiều ý kiến với ý thức xây dựng thiết thực. Quy trình chuẩn bị nhân sự đại hội được cấp ủy chuẩn bị kỹ, dự kiến cơ cấu cũng như số lượng đại biểu đảng viên có cơ sở xem xét, lựa chọn. Nhờ vậy đã phát huy được tinh thần trách nhiệm của đại biểu, tạo không khí

thoải mái, không gò ép khi tiến hành bầu cử. Kết quả các cuộc bầu cử đạt khá tốt, đảm bảo tính kế thừa¹.

Đại hội Đảng bộ các cấp đã củng cố sự thống nhất về ý chí và hành động, ổn định tình hình chính trị, tư tưởng trong Đảng. Các cấp ủy đảng đã tập trung được trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân, phát huy dân chủ trong Đại hội. Các cấp ủy được đại hội tín nhiệm bầu ra đã có sự đổi mới về chất lượng, cơ cấu và số lượng, có khả năng thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Sau đại hội Đảng các cấp, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo công tác bầu cử Quốc hội khóa IX thành công tốt đẹp, nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đoàn đại biểu Quốc hội bầu tại tỉnh Quảng Trị có 4 đồng chí trúng cử là đại tướng Đoàn Khuê, Nguyễn Đức Hoan, Hồ Gò và Trương Thị Khuê².

1. Có 2/13 đảng bộ huyện, thị xã, đảng bộ trực thuộc có một phiếu bất hợp lệ. 7 đảng bộ huyện, xã thị có số người đủ điều kiện trúng cử cao hơn số lượng Đại hội quy định từ 1-4 người. 6/8 Bí thư huyện ủy, thị ủy là Tỉnh ủy viên.

2. Đồng chí Đoàn Khuê - Đại tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh. Đồng chí Nguyễn Đức Hoan - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị. Đồng chí Hồ Gò - Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trưởng Ban miền núi tỉnh, Phó Chủ tịch phân hội hữu nghị Việt - Lào, Quảng Trị - Savannakhet. Đồng chí Trương Thị Khuê - Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Ủy viên Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội.

Để khảo sát, đánh giá tình hình ở cơ sở, trong 3 ngày 05, 06 và 07/3/1993, đồng chí Đỗ Mười - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về thăm và làm việc với tỉnh Quảng Trị. Sau khi nghe báo cáo kết quả bước đầu qua 2 năm triển khai Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư ghi nhận và khen ngợi Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh đã phát huy truyền thống anh dũng kiên cường, tinh thần đoàn kết và ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu vượt qua khó khăn, từng bước ổn định đời sống nhân dân, đạt được nhiều tiến bộ về kinh tế - xã hội. Đồng chí chỉ rõ những định hướng mà tỉnh cần quan tâm chỉ đạo:

Tập trung khai thác kinh tế gò đồi, vùng cây công nghiệp ở Hướng Hóa và miền tây các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, mở hướng khai thác kinh tế biển và vùng cát ven biển.

Khai thác lợi thế đường 9, khai thông những ách tắc trên tuyến đường 9 để mở cửa với bên ngoài, chú ý quan hệ với Thái Lan, Lào. Mở hướng phát triển có tính chiến lược lâu dài, hình thành cảng Cửa Việt, khu chế xuất...

Nghiên cứu, xúc tiến xây dựng nhà máy thủy điện Rào Quán hòa với lưới điện quốc gia, đồng thời chế ngự được lũ lụt cho một vùng rộng lớn của tỉnh.

Phát triển cây cao su và một số cây công nghiệp khác trên cơ sở nghiên cứu mô hình giao khoán đến hộ gia đình, có kinh tế quốc doanh làm chỗ dựa. Chú ý công nghiệp chế biến cao su. Cùng với phát triển kinh tế cần quan tâm giải quyết tốt các vấn đề xã hội, phấn đấu đến năm 1995 đạt

70% số hộ gia đình có nhà ngói và 100% số trẻ em phải được đi học, không còn người mù chữ trong độ tuổi.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời tổ chức phổ biến, quán triệt những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư cho toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh.

2. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ

Thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 02/8/1993 của Ban Bí thư, trong hai ngày 15 và 16/10/1993, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng được tổ chức để tham gia ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị và bầu Đoàn đại biểu đi dự Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII. Hội nghị nhất trí cao với những nhận định của Trung ương Đảng: Với những cố gắng lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân, đất nước không những đứng vững, mà còn giành được những thành tựu nổi bật trong công cuộc đổi mới. Kinh tế đã chấm dứt được suy thoái, phát triển tương đối toàn diện và liên tục với nhịp độ cao. Cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đang trở thành cơ chế vận hành của nền kinh tế. Cơ cấu sản xuất và kinh doanh được chuyển đổi một bước. Cùng với phát triển kinh tế, việc giải quyết các vấn đề xã hội và thực hiện chính sách xã hội ngày càng được quan tâm hơn. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại... đạt được những kết quả đáng kể.

Về phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu, nhiều đại biểu đã đề cập về nâng cao hiệu quả đầu tư, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại

hóa, coi đây là một nhiệm vụ chiến lược. Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, tạo động lực và môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển nhanh và có hiệu quả cao; quan tâm, chăm lo các vấn đề xã hội, phát triển văn hóa, khoa học, công nghệ, bảo đảm quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, phát huy dân chủ và tăng cường hệ thống chính trị.

Cùng với quá trình chuẩn bị văn kiện, các cấp ủy đã quan tâm nhiều hơn đến công tác cán bộ, tạo ra một bước chuyển biến tích cực về thực hiện các nguyên tắc, đổi mới quan niệm và phương pháp công tác cán bộ. Quan điểm, nhận thức đối với việc phân cấp quản lý cán bộ, quy trình làm công tác cán bộ được đổi mới, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành được điều chỉnh, củng cố.

Hội nghị đã bầu 8 đồng chí đi dự Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII.

Từ ngày 20 đến ngày 25/01/1994, Hội nghị toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ họp tại Thủ đô Hà Nội. Hội nghị khẳng định những thành tựu quan trọng đã đạt được và đang tạo ra những tiền đề để đưa đất nước chuyển dần sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đường lối, chủ trương và chính sách lớn của Đảng về đổi mới là đúng đắn, bước đi là thích hợp. Các Nghị quyết Đại hội VI và VII đã và đang đi vào cuộc sống. Phân tích một cách toàn diện tình hình trong nước và ngoài nước, Báo cáo chính trị đã nêu ra 4 nguy cơ: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều

nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chênh lệch xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; nguy cơ nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Các nguy cơ này liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau.

Từ ngày 21 đến ngày 23/3/1994, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh Quảng Trị được tổ chức tại thị xã Đông Hà.

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu, yếu kém, những thuận lợi, khó khăn, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khẳng định những thành tựu đạt được trong nửa nhiệm kỳ có ý nghĩa nhiều mặt, là tiền đề quan trọng đưa kinh tế - xã hội của tỉnh chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ ổn định và phát triển.

Về nhiệm vụ chủ yếu 2 năm 1994-1995, Nghị quyết Hội nghị nêu rõ:

- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm mục tiêu tạo thêm nhiều việc làm, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện hơn nữa đời sống nhân dân. Phấn đấu đến năm 1995 có cơ cấu lao động trong nông nghiệp - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - thương mại, du lịch, dịch vụ là: 60% - 15% - 25%, tạo tiền đề hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - nông nghiệp - thương mại, du lịch, dịch vụ cho những năm sau. Coi trọng sản xuất nông nghiệp toàn diện. Phấn đấu đến năm 1995 đạt 15 vạn tấn

lượng thực; đẩy mạnh các chương trình kinh tế vùng gò đồi, miền núi. Tích cực mở rộng cây công nghiệp ở vùng gò đồi, miền núi, một phần ở đồng bằng và những nơi có điều kiện theo hướng tập trung, để tạo khối lượng hàng hoá lớn và nguồn nguyên liệu ổn định cho phát triển công nghiệp chế biến.

Khuyến khích nhân dân cải tạo đàn giống và phát triển các loại giống mới có năng suất và chất lượng cao, trước hết là đàn lợn và trâu bò.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về giáo dục và đào tạo, văn hóa văn nghệ, chăm lo sức khoẻ nhân dân và công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Tiếp tục làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược phải luôn luôn tiến hành đồng thời và đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Tăng cường giáo dục pháp luật, làm cho mọi công dân phải sống và làm việc theo pháp luật, giữ vững kỷ cương xã hội. Nâng cao cảnh giác, ra sức xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, làng xã chiến đấu vững chắc.

- Tiếp tục kiện toàn và củng cố bộ máy nhà nước các cấp đảm bảo khả năng quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, thực hiện từng bước củng cố tổ chức bộ máy. Làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, đảm bảo cho Nhà nước thực sự là người đại diện của nhân dân và vì nhân dân.

- Tiếp tục quán triệt các quan điểm và thực hiện các chủ trương, biện pháp của Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết số 8B và Chương trình hành động của Tỉnh ủy đề ra, nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Hội nghị đã dành nhiều thời gian thảo luận Báo cáo chính trị. Có 19 tham luận tại hội trường và 91 ý kiến thảo luận tại tổ. Các đại biểu đã phát biểu sôi nổi, thẳng thắn với ý thức xây dựng và tinh thần trách nhiệm cao. Hầu hết các ý kiến đều nhất trí với nội dung cơ bản của Báo cáo chính trị do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trình bày. Tuy nhiên, băn khoăn lớn nhất là làm sao vượt qua được đói nghèo, xây dựng tỉnh trở nên giàu có, đời sống nhân dân được ấm no. Nhiều ý kiến cho rằng: tiềm năng và điều kiện cụ thể ở tỉnh Quảng Trị để phấn đấu trở thành một tỉnh có mức phát triển trung bình của cả nước là điều có thể thực hiện được.

Hội nghị đã bầu bổ sung 5 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 1991-1995.

Đến ngày 10/5/1994, các đảng bộ trực thuộc đã tổ chức xong Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ. Vấn đề được các đại biểu quan tâm, tập trung thảo luận là chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn; chương trình khai thác kinh tế vùng gò đồi; kinh tế biển; khai thác trục kinh tế đường 9, Khe Sanh, Lao Bảo. Công tác xây dựng Đảng được Hội nghị đặc biệt quan tâm, coi đó là nhiệm vụ then chốt để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội.

3. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh

Vượt qua những thách thức, lúng túng của bước đi ban đầu, khắc phục những khó khăn về thiên tai, thực hiện Nghị quyết của Đảng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước ổn định và có tăng trưởng. Bình quân 5 năm 1991-1995, tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm đạt 6,0%, năm cao nhất (1995) đạt 8,7%, nông nghiệp tăng 3,5%, sản lượng lương thực năm 1995 đạt 15,3 vạn tấn, vượt chỉ tiêu 0,3 vạn tấn; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 12%, thương mại - dịch vụ tăng 15%, tổng thu ngân sách tăng 36%, cơ sở vật chất - kỹ thuật và kết cấu hạ tầng được tăng cường.

Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp được Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo. Ngày 20/4/1993, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp đã tập trung bàn và quyết định những chủ trương, biện pháp để khai thác, phát triển kinh tế vùng gò đồi, coi đó là nhiệm vụ có tầm chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đưa ra những định hướng: Tận dụng hết diện tích để phát triển nông, lâm nghiệp, thực hiện phương châm lấy ngắn nuôi dài, lấy kinh doanh tổng hợp nuôi mũi nhọn. Coi trọng các loại cây công nghiệp thích hợp như cao su, cà phê, tiêu, dâu tằm, chè, lạc, tạo nên những vườn nhà, vườn đồi, vườn rừng. Kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, nhất là gia súc ăn cỏ.

Tận dụng các ao, hồ, sông nước để nuôi trồng thủy sản. Với phương thức nông lâm hoặc lâm nông kết hợp, giữ rừng, giữ nước và bồi dưỡng đất đai, thực hiện rộng rãi việc trồng cây gây rừng xen kẽ với đồng ruộng, đồi nương, vườn nhà, nhằm điều hòa khí hậu, chống xói mòn, góp phần thâm canh nông nghiệp kết hợp thu hoạch gỗ củi. Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng; ngăn chặn tệ đốt rừng và chặt phá, khai thác bừa bãi.

Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng gò đồi, Tỉnh ủy liên tục triển khai nhiều chương trình kinh tế - xã hội, chỉ đạo ưu tiên bố trí vốn đầu tư và thường xuyên đôn đốc các ngành, địa phương thực hiện.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, kinh tế nông nghiệp đã đạt được những tiến bộ, nhưng vùng nông thôn vẫn gặp khó khăn. Triển khai Nghị quyết số 05-NQ/HNTW của Ban Chấp hành Trung ương khoá VII về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, từ ngày 30/9 đến ngày 02/10/1993, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng lần thứ sáu đã xây dựng Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ về thực hiện Nghị quyết với mục tiêu: Đến năm 2000 phải tạo được một bước chuyển biến đáng kể về cơ cấu kinh tế nông nghiệp, từng bước chuyển biến nền nông nghiệp mang tính độc canh, tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hoá; đa dạng hoá cơ cấu cây trồng, con nuôi và ngành nghề, dịch vụ; cơ cấu nông nghiệp và phi nông nghiệp là 60% - 40%, chuyển được 10-20% lao động nông nghiệp sang sản xuất phi nông nghiệp. Nâng cao đời sống nhân dân, tăng số hộ giàu, giảm hộ nghèo, không còn

vùng thiếu đói và hộ đói. Trước mắt đến năm 1995 tạo bước chuyển đáng kể trong cơ cấu nông nghiệp. Nâng giá trị nông sản hàng hoá trên một đơn vị diện tích. Thực hiện có hiệu quả việc mở mang kinh tế vùng gò đồi.

Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 được sự nhất trí cao trong toàn Đảng bộ, sự hưởng ứng sôi nổi trong nhân dân đã đi vào thực tiễn cuộc sống.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, năm 1993, Quảng Trị gặp thử thách lớn là hạn hán kéo dài chưa từng có trong vài chục năm qua làm cho nguồn nước các ao, hồ, đập, sông, suối bị cạn; nước phục vụ cho sản xuất vụ hè thu và đời sống thiếu nghiêm trọng. Môi trường bị ô nhiễm, dịch bệnh phát sinh cho cả người và gia súc, gia cầm, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống nhân dân. Trong những ngày đầu, các cấp, các ngành đều ra sức chống hạn, nhưng do hạn kéo dài nên đã làm cho 15.223 ha lúa và trên 1.000 ha màu bị khô, cháy, hàng ngàn ha ruộng bị nhiễm mặn. Trên 200 ha rừng cao su, bạch đàn, thông, cây ăn quả bị cháy. Ở nhiều vùng, người và gia súc không có nước uống. Tình hình đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1993. Thường vụ Tỉnh ủy đề ra chủ trương cho các cấp ủy đảng làm tốt công tác tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, chia sẻ khó khăn; đồng thời, đưa ra những biện pháp khẩn cấp, tập trung cứu hạn, nhất là giải quyết nước sinh hoạt.

Để tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 30/9/1994 của Tỉnh ủy về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách để đổi mới tổ chức, phương hướng hoạt động và cơ chế quản lý của hợp tác xã nông nghiệp đã chỉ rõ:

- Tiếp tục ổn định quy mô hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, không đặt ra việc chia tách hay sáp nhập. Tùy tình hình các hợp tác xã để lựa chọn hình thức tổ chức, số lượng ban quản lý, khẩn trương thực hiện việc chuyển giao quyền sử dụng đất.

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá lại toàn bộ nguồn vốn của hợp tác xã.

- Xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế để khuyến nghị các hộ xã viên thực hiện, xác định những lĩnh vực hợp tác xã cần làm phục vụ cho hộ xã viên.

Ngay sau khi có Chỉ thị của Tỉnh ủy, các huyện, thị ủy đã tập trung chỉ đạo, đến cuối năm 1995, các hợp tác xã đã từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và tổ chức được một số khâu dịch vụ cho các hộ xã viên. Vốn quỹ, tài sản của hợp tác xã được kiểm kê, xác định lại để xử lý nợ tồn đọng và giao vốn cho các tổ dịch vụ. Thông qua dịch vụ, các hợp tác xã nông nghiệp định hướng và tổ chức điều hành sản xuất nông nghiệp ở địa phương theo hướng sản xuất hàng hoá, tiến hành quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh, xác định cơ cấu mùa vụ, cơ cấu vật nuôi, cây trồng, hướng dẫn xã viên thực hiện các quy trình sản xuất. Vai trò hợp tác xã nâng lên rõ rệt.

Công tác định canh, định cư bước đầu mang lại hiệu quả, triển khai được 4 dự án ở các xã A Ngo, Hướng Phùng, Vĩnh Khê, Vĩnh Ô. Đã định canh, định cư được 2.367 hộ (58%), góp phần ổn định đời sống cho 2.464 hộ định cư nhưng còn du canh, đặc biệt là tạo cho đồng bào ở một số bản có vườn cây ăn quả biết trồng và kinh doanh cây công nghiệp ngắn và dài ngày. Xây dựng kinh tế mới cũng được đẩy mạnh với những mô hình thích hợp. 7 xã kinh tế mới ở huyện Hướng Hoá trên tuyến đường 9 đã nhanh chóng ổn định cuộc sống, xây dựng mô hình kinh tế vườn đồi và phát triển các hoạt động thương mại - dịch vụ, nhất là sau khi nâng cấp cửa khẩu quốc tế Lao Bảo. Ngoài ra, các vùng nam, bắc sông Bến Hải, tây Triệu Phong, Tân Lâm, Cửa, tây Cam Lộ... cũng đã xây dựng được một số dự án và đưa 428 hộ, trên 2.000 khẩu đến lập nghiệp.

Ở miền núi, bước đầu chuyển đổi cơ cấu sản xuất một số vùng từ độc canh sang chuyên canh và thâm canh tăng vụ; tổ chức sản xuất theo hướng nông - lâm kết hợp. Cơ cấu cây trồng đã được chọn và xác định kết hợp cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, diện tích kinh tế vườn tăng nhanh.

Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển tương đối toàn diện. Diện tích, năng suất đều tăng, trình độ thâm canh được nâng lên; áp dụng được một số tiến bộ kỹ thuật; cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở một số vùng có chuyển đổi. Một số giống mới có năng suất cao được đưa vào sản xuất có kết quả. Sản lượng lương thực bình quân 1991-1995 hàng năm đạt 12 vạn tấn.

Chăn nuôi giữ nhịp độ tăng trưởng đều, nhất là đàn lợn và trâu bò. Giá trị sản lượng tăng bình quân mỗi năm 2,5%, chiếm tỷ trọng 36% trong giá trị sản phẩm nông nghiệp. Công tác thú y, phòng ngừa dịch bệnh tiến bộ hơn trước. Một số hộ gia đình, hợp tác xã thực hiện đa nghề, đa ngành, đa cây, đa con đem lại hiệu quả khá.

Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày phát triển. Đã trồng mới trên 1.000 ha, chủ yếu là cây cao su và cà phê. Đến năm 1995 đã có trên 5.000 ha cao su, 1.100 ha cà phê, 700 ha hồ tiêu. Sản lượng cây công nghiệp năm 1995 đạt khá, cao su: 592,04 tấn, hồ tiêu: 219,64 tấn, cà phê: 324,6 tấn, cao hơn nhiều năm 1990¹. Cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị tiếp tục phát huy tác dụng, được nông dân hưởng ứng tích cực, vai trò tự chủ của kinh tế hộ gia đình được khẳng định, đã xuất hiện những nhân tố điển hình về sản xuất kinh doanh giỏi trong nông nghiệp. Nhiều hộ nông dân biết khắc phục điều kiện tự nhiên, xoay tìm đồng vốn, năng động, tìm hướng đi thích hợp, đầu tư có chiều sâu, có trọng điểm từng loại cây, con mũi nhọn để phát triển kinh tế gia đình đa dạng, hiệu quả cao. Toàn tỉnh đã có 90% số hộ nông dân vượt qua thiếu đói, trong đó có 9,15% số hộ bắt đầu làm giàu, thu nhập bình quân hàng năm của các hộ này là 15,5 triệu đồng. Trong đó, thu về ngành trồng

1. Năm 1990: Cao su 168 tấn, hồ tiêu 347,4 tấn, cà phê 54,46 tấn. *Niên giám thống kê Quảng Trị năm 2011*, tr.144.

trọt chiếm 36%, chăn nuôi 27,7%, dịch vụ và thủ công nghiệp 35,9%. Thu nhập bình quân một nhân khẩu trong năm là 1.365.000 đồng.

Về ngư nghiệp, ngư dân đã chủ động tạo vốn, mua sắm phương tiện làm nghề nên năng lực đánh bắt tăng khá nhanh (từ 7.400 CV năm 1991 lên 17.000 CV năm 1995). Sản lượng hải sản đánh bắt năm 1995 đạt 7.500 tấn, tăng 50% so với năm 1990. Nghề nuôi tôm, cá nước lợ, nước ngọt, sông đầm tự nhiên và bán tự nhiên được mở ra ở một số vùng. Riêng năm 1995, diện tích ao hồ nuôi cá đạt 450 ha, tăng 15,4%, diện tích nuôi tôm đạt 256 ha, tăng 21,9% so với năm 1994. Chế biến thủy hải sản tập trung và phân tán từng bước phát triển.

Thủy lợi đã chú ý tập trung cho những công trình trọng điểm, kịp thời tu bổ những công trình bị thiên tai làm hư hỏng. Trong năm 1995 hoàn thành công trình thủy lợi Trúc Kinh và ngọt hóa sông Cánh Hòm, đưa diện tích lúa nước toàn tỉnh được tưới lên trên 60%. Ngoài ra, thông qua các chương trình kinh tế quốc gia và vốn viện trợ quốc tế đã xây dựng thêm một số công trình thủy lợi nhỏ ở miền núi, đề kè ngăn mặn. Công tác thủy lợi đã góp phần đưa khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, cải tạo môi sinh, môi trường.

Về lâm nghiệp, trên cơ sở quy hoạch tổng thể, nhiều dự án trồng rừng được triển khai tích cực. Trồng cây phân tán, khoanh nuôi bảo vệ rừng tự nhiên, chăm sóc rừng trồng đã trở thành phong trào rộng khắp trong nhân dân. Đã trồng mới 13.000 ha rừng tập trung, 8 triệu cây phân

tán, giao 136.000 ha rừng và đất rừng cho các đơn vị quốc doanh, tập thể, hộ gia đình quản lý; hạ mức khai thác Trung ương giao, thực hiện nghiêm ngặt công tác quản lý, khai thác, phòng chống cháy rừng nên đã tăng tỷ lệ che phủ từ 18% năm 1990 lên 23% năm 1995. Việc khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên được chú ý. Công tác trồng rừng và bảo vệ rừng gắn liền với công tác định canh, định cư, giao đất, giao rừng cho tập thể và hộ xã viên. Đã giao 150.170 ha rừng cho 22.800 hộ, bình quân mỗi hộ 6,5 ha. Chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc (327) đưa 1.262 hộ với 5.754 nhân khẩu đến lập nghiệp. Tình trạng phá rừng làm nương, rẫy dần hạn chế. Một số mô hình nông - lâm nghiệp kết hợp được hình thành, hạn chế tình trạng phá rừng làm nương, rẫy đang phát huy tác dụng phục vụ sản xuất, đời sống.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VII và Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng lâu dài, đến cuối năm 1995, về cơ bản đất đai đã được điều chỉnh xong, đã giao 10.500 ha đất cho 20.250 hộ; 72 xã đồng bằng, trung du, 7 phường và 2 hợp tác xã nông nghiệp của 2 thị trấn (81 đơn vị); 39 xã vùng núi, 8 xã vùng cát ven biển; 10 phường, thị trấn. Nhân dân phấn khởi, hăng hái đầu tư vào sản xuất, thâm canh, ứng dụng những tiến bộ công nghệ mới, làm tăng hệ số sử dụng đất. Các địa phương tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra những hàng hóa có giá trị kinh tế cao. Tỷ lệ hộ nông dân đói nghèo giảm.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chuyển dần theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngày 31/8/1994, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 06 về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000. Phân tích những thuận lợi, khó khăn, Nghị quyết đã đề ra mục tiêu công nghiệp và công nghệ đến năm 2000 là: Nhằm cải biến nền nông nghiệp lạc hậu, khai thác tốt tài nguyên thiên nhiên ở địa phương, cải biến cơ cấu lao động, tạo ra cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - thương mại, dịch vụ hợp lý, góp phần tích cực vào sự tăng trưởng kinh tế, đưa giá trị sản lượng công nghiệp chiếm 25-30% GDP vào năm 2000; có nguồn thu ngân sách ổn định và không ngừng tăng lên, đời sống nhân dân được cải thiện, đảm bảo an ninh và quốc phòng, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hóa đất nước.

Để đạt được những mục tiêu trên, Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp cơ khí, điện tử, tin học, kết cấu hạ tầng, các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, phân bón, khai khoáng, coi trọng việc tiếp thu khoa học công nghệ, xây dựng mạng lưới đo lường, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Nghị quyết chỉ rõ những giải pháp cơ bản để xây dựng và phát triển công nghệ, công nghiệp là phải phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và bồi dưỡng lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn cách mạng mới; khai thác tốt, quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn; mở rộng thị trường, tạo hành lang thông thoáng cho sản

xuất và lưu thông; thăm dò, khai thác và sử dụng tốt tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Quan điểm chỉ đạo của Tỉnh ủy là phải xem công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình lâu dài, phức tạp, nhất là diễn ra trên một địa phương còn nhiều khó khăn về kinh tế. Do đó, mỗi cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể, mỗi địa phương, đơn vị phải nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 7, Nghị quyết của Tỉnh ủy để xây dựng Chương trình hành động, đồng thời tổ chức thực hiện tốt, đưa nhanh Nghị quyết vào cuộc sống.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, *ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp* từng bước thích ứng với cơ chế thị trường, có bước phát triển mới. Một số xí nghiệp quốc doanh được củng cố về tổ chức, đầu tư đổi mới trang thiết bị, công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã hàng hóa phù hợp với yêu cầu của người tiêu dùng. Sản xuất công nghiệp có nhiều khởi sắc, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp bình quân hàng năm tăng 12%, trong đó giá trị công nghiệp quốc doanh chiếm 47%. Đối với những ngành mũi nhọn có vị trí quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế như nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn, thủy lợi Trúc Kinh, cảng Cửa Việt..., tỉnh không chỉ lập Ban chỉ đạo mà còn tổ chức hội ý, trực báo định kỳ, tháo gỡ khó khăn, nhất là vốn. Nhờ vậy, một số sản phẩm chủ yếu phát triển nhanh như: xi măng, gạch ngói, thủy sản

đông lạnh, nước máy...¹. Tiểu thủ công nghiệp ở thị xã, thị trấn, thị tứ và một vài vùng nông thôn có bước phát triển. Các lĩnh vực dịch vụ, cơ khí sửa chữa, sản xuất nông cụ cầm tay được mở ra phục vụ một phần nhu cầu sản xuất, đời sống và giải quyết được việc làm cho một bộ phận người lao động. Cơ cấu kinh tế nông thôn bước đầu có sự chuyển đổi ở một số vùng, đặc biệt là vùng đồng bằng, điều kiện giao thông thuận lợi. Ở một số nơi, công nghiệp, dịch vụ đã trở thành ngành kinh tế chủ yếu, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân. Sự chuyển đổi kinh tế ở nông thôn đã hình thành nên một số thị trấn, thị tứ² bước đầu gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến và dịch vụ. Sự thay đổi đó đã tạo ra sự phân công lao động mới, tăng thu nhập, nâng cao dân sinh, dân trí. Một số ngành nghề truyền thống trong nông thôn được khôi phục và phát huy hiệu quả như: trồng hoa, làm bún, làm nón, nấu rượu...

1. Xi măng đạt 4 vạn tấn, bằng 66,6% kế hoạch năm 1995 và tăng 1,9 lần so với năm 1994; đá hộc các loại đạt 300.00 m³, tăng 1,4 lần so với năm 1994; nước sinh hoạt đạt 1,67 triệu m³, bằng 81% năm 1994; hải sản đông lạnh đạt 300 tấn, bằng 78,9% kế hoạch và chỉ bằng 85,7% năm 1994.

2. Ngày 27/4/1994, kỳ họp thứ 17 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá II, đã thông qua Nghị quyết xin lập 6 thị trấn và thống nhất tên gọi: thị trấn Lao Bảo (Hương Hoá), thị trấn Cam Lộ (Cam Lộ), thị trấn Ái Tử (Triệu Phong), thị trấn Gio Linh (Gio Linh), thị trấn Hải Lăng (Hải Lăng), thị trấn Bến Quan (Vĩnh Linh) và đổi tên thị trấn Vĩnh Linh thành thị trấn Hồ Xá (Vĩnh Linh).

Công nghiệp chế biến nông sản phát triển tương đối rộng khắp. Các loại hình dịch vụ của Nhà nước và tư nhân ngày càng có nhiều đổi mới.

Kết cấu hạ tầng đã được Đảng bộ và nhân dân tập trung nhiều công sức, tiền của, đồng thời huy động các nguồn lực khác nhau nhằm từng bước tạo dựng, đáp ứng yêu cầu bức thiết của nền kinh tế - xã hội. Tỉnh đã quy hoạch xây dựng cơ bản thị xã tỉnh lỵ, ưu tiên các trục đường chính để phát triển thương mại, dịch vụ, góp phần tăng thu cho ngân sách. Nhiều tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, hệ thống cầu cống được đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới. Nhiều tuyến đường nối với các cụm kinh tế, các xã miền núi, miền biển được xây dựng và nâng cấp như: Triệu Vân, Triệu Lăng, Gio Hải, Hải Khê, Hải An, Cửa Tùng, Lìa, Triệu Nguyên, Vĩnh Ô. Đặc biệt, năm 1995 đã khai thông tuyến đường từ Tà Rụt đến La Lay, nối thông với tỉnh Salavan (Lào), khởi công xây cảng Cửa Việt (xã Gio Việt - Gio Linh) với tổng số vốn đầu tư trên 30 tỷ đồng cho tàu 2.000-3.000 tấn ra vào. Giao thông nông thôn được coi trọng, trên cơ sở hỗ trợ một phần của Nhà nước, nhân dân đã góp nhiều công, của làm đường liên thôn, liên xã. Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm năm 1991-1995 là 660 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 84 tỷ đồng, chiếm 12,7%. Bộ mặt nông thôn, đô thị ngày càng khởi sắc.

Bằng nhiều hình thức huy động vốn, tỉnh đã đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động một số cơ sở vật chất quan trọng làm tiền đề cho tăng trưởng kinh tế như: chợ Đông

Hà, chợ thị xã Quảng Trị, nhà máy xi măng công suất 8,2 vạn tấn/năm, gạch tuy nen 20 triệu viên/năm...

Thực hiện việc chống thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong đầu tư xây dựng cơ bản theo Chỉ thị số 92/TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã ban hành quy định trong chuẩn bị đầu tư, thi công, nghiệm thu, cắt giảm, không thanh toán các hạng mục ngoài đầu tư. Nhiều công trình phúc lợi công cộng và văn hóa xã hội như hệ thống đèn đường, cấp thoát nước nội thị Đông Hà và thị xã Quảng Trị, một số công trình nước tự chảy, giếng nước sạch nông thôn đã được tạo dựng. Nâng cấp và xây dựng mới các trường học, bệnh viện tỉnh, bệnh viện khu vực, trạm xá, trung tâm kế hoạch hóa gia đình, các công trình văn hóa, di tích, trung tâm thể thao, hệ thống phát thanh - truyền hình...

Thực hiện “chiến dịch tăng tốc giai đoạn 1”, ngành bưu điện tập trung nhân tài, vật lực để phát triển nhanh mạng lưới một cách đồng bộ, vững chắc. Đến cuối năm 1995, mạng lưới bưu chính viễn thông được đầu tư hiện đại, 100% huyện, thị xã có hệ thống chuyển mạch số và truyền dẫn viba, tổng dung lượng 8.000 số và đã có 5.400 máy điện thoại sử dụng, bình quân 1 máy/100 dân, gấp hơn 10 lần so với năm 1990. Mạng lưới thông tin nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế thông suốt, thuận tiện hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Ngành điện phát triển khá nhanh, đã hoàn thành quy hoạch mạng lưới điện đến năm 1995. Lắp đặt và đưa

vào sử dụng 11 trạm biến áp trung gian với dung lượng 14.800 kVA, 221 trạm hạ thế và đường dây phụ tải đã đến các huyện, thị xã và cụm kinh tế, dân cư tập trung. Để đưa điện về nông thôn, trong điều kiện nguồn vốn còn hạn hẹp, với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, tỉnh đã tập trung chỉ đạo phát triển mạng lưới điện. Đến cuối năm 1995, có 91/136 xã, phường, thị trấn có điện. Sản lượng điện tiêu thụ năm 1995 là 33,8 triệu kW, tăng 30% so với năm 1994 và 4,2 lần so với năm 1990. Nhờ làm tốt công tác quy hoạch và phát triển, Quảng Trị được Trung ương chọn làm thí điểm điện khí hóa nông thôn một số xã.

Thương mại, dịch vụ phát triển, lưu thông hàng hóa thông thoáng, thị trường nông thôn mở rộng. Từ cơ chế quan liêu, bao cấp chuyển sang kinh tế thị trường, hạch toán kinh doanh, các lĩnh vực thương mại, xuất khẩu, tín dụng gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, nhiều công ty làm ăn thua lỗ phải giải thể. Sau khi sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn, ngành thương mại đã đổi mới phương thức kinh doanh, đưa tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng hàng năm lên 12%. Nhiều hoạt động dịch vụ phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh phát triển đa dạng, thu hút một bộ phận khá lớn lao động. Đã có 4 doanh nghiệp tư nhân và gần 6.000 hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ (trong đó có 4.900 hộ đã đăng ký). Thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại, năng lực kinh doanh được nâng lên, hoạt động có hiệu quả. Đặc biệt, việc nâng cấp cửa khẩu Lao Bảo thành cửa khẩu

quốc tế và mở thêm cửa khẩu La Lay đã thúc đẩy giao lưu hàng hóa qua biên giới.

Kinh doanh xuất nhập khẩu có những tiến bộ, với nhiều mặt hàng và chủng loại phong phú, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu năm 1995 đạt 9 triệu đôla Mỹ, bằng 90% kế hoạch đề ra và giảm 6,3% so với năm 1994.

Hoạt động du lịch, khách sạn, nhà hàng có nhiều cải tiến trong phương thức kinh doanh, từng bước phát huy hiệu quả.

Nguồn tích lũy nội bộ từng bước được nâng lên, góp phần giảm bớt sự căng thẳng quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng. Thu ngân sách trên địa bàn ngày càng ổn định và nâng cao tỷ trọng trong tổng thu ngân sách nhà nước. Tổng thu ngân sách nhà nước từ 44,44 tỷ đồng năm 1991 lên 249,34 tỷ đồng năm 1995. Thu ngân sách địa phương đạt tiến bộ rõ rệt, từ 20,26 tỷ đồng, năm 1991 lên 223,66 tỷ đồng, năm 1995. Thu từ kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh tăng khá. Mặc dù chưa có nguồn thu nào chiếm tỷ trọng lớn, song việc tăng cường kiểm tra, đôn đốc các nguồn thu, chống thất thu đã từng bước khích lệ việc thu đủ, thu đúng.

Hoạt động tài chính, tín dụng đã góp phần tích cực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Ngân hàng chuyển đổi phương thức kinh doanh, có nhiều biện pháp thu hút, huy động vốn và đáp ứng nhu cầu vay của xã hội, nhất là triển khai nhanh việc cho vay phục vụ chương trình định canh, định cư, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo. Mở rộng các hình thức tín dụng phù hợp với yêu cầu

phát triển sản xuất, thành lập ngân hàng phục vụ người nghèo, quỹ tín dụng nhân dân, mở rộng các hình thức huy động vốn, đưa công tác tín dụng phục vụ sát cơ sở hơn. Nghị định số 14/CP của Chính phủ về cho vay phát triển ngành nghề trong hộ sản xuất được triển khai thực hiện có hiệu quả. Hàng trăm dự án đầu tư phát triển kinh tế được thực thi. Từ hàng chục nghìn lượt người được vay vốn để sản xuất năm 1993 và số dư nợ vay lên tới 95,7 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn chiếm 63,5%, đến năm 1995 đã có hơn 50% số hộ, 170.000 lượt hộ được vay vốn. Cho vay trung hạn, dài hạn trong 5 năm 1991-1995 chiếm gần 20% tổng vốn đầu tư trên địa bàn. Bội chi tiền mặt giảm. Lưu thông tiền mặt thông thoáng, không có những cơn sốt do khan hiếm tiền mặt. Tổng thu tiền mặt qua ngân hàng mỗi năm tăng bình quân 49,7%. Bằng nhiều biện pháp, tỉnh đã chủ động tăng nguồn thu, cùng với sự hỗ trợ có hiệu quả của Trung ương, ngân hàng đã đáp ứng được nhu cầu chi tiền mặt trên địa bàn.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, công tác phòng bệnh được coi trọng. Các chương trình y tế quốc gia như tiêm chủng mở rộng, chống suy dinh dưỡng, phòng chống sốt rét, phong, bấu cổ đạt kết quả khá. Công tác xây dựng, củng cố và phát triển mạng lưới y tế đến cơ sở có nhiều cố gắng. Tỷ lệ suy dinh dưỡng và người mắc bệnh giảm, các bệnh dịch được dập tắt kịp thời, sức khỏe nhân dân được nâng lên. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em có bước chuyển biến. Các mục tiêu trong Chương trình hành động vì trẻ em được thực hiện có kết quả. 97,7% trẻ em

trong độ tuổi được tiêm đủ 6 loại vắc xin phòng bệnh; 100% trẻ em trong độ tuổi được uống vitamin A. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng được triển khai thí điểm ở 35 xã năm 1991 tăng lên 52 xã năm 1995. Kết quả tại các xã thực hiện dự án, số lần khám thai tăng từ 56% lên 98,4%; tỷ lệ tiêm phòng uốn ván tăng từ 27% lên 95% cho phụ nữ có thai, từ 18% lên 97% cho phụ nữ từ 18 đến 35 tuổi; số trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 48,5% xuống còn 39,2%, trong đó số trẻ suy dinh dưỡng nặng giảm từ 19,5% xuống 8,3%, hơn 97% trẻ em suy dinh dưỡng được phục hồi. Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên ở một số nơi còn có sáng kiến góp vốn cho mượn luân phiên, không lấy lãi để tổ chức sản xuất nhỏ, nhằm cải thiện bữa ăn hàng ngày cho trẻ. Với cách làm phù hợp, ít tốn kém này, chương trình phòng chống suy dinh dưỡng đã phủ khắp 136 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh.

Công tác dân số có chuyển biến rõ rệt. Chương trình quốc gia dân số - kế hoạch hoá gia đình được nhân dân đồng tình và hưởng ứng rộng rãi, nhất là từ năm 1993-1995. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình được tiến hành khá tích cực, chặt chẽ nhờ đại bộ phận cán bộ và nhân dân đã nhận thức được hạn chế phát triển dân số cũng chính là mục tiêu để xóa đói, giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Số người chấp nhận các biện pháp kế hoạch hóa gia đình ngày càng nhiều, hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,85% năm 1991 xuống 2,3% năm 1995, giảm tỷ suất sinh 0,8‰ theo đúng mục tiêu đã đề ra; đã xuất hiện một số đơn vị, cá nhân

điển hình trong việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình ở các huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh.

Lĩnh vực giáo dục - đào tạo có nhiều tiến bộ. Các ngành học đều phát triển, số lượng học sinh tăng nhanh, tỷ lệ bỏ học giảm. Đã có 7/8 huyện, thị xã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Đặc biệt, từ khi thực hiện Nghị quyết số 04 của Ban Chấp hành Trung ương, phong trào xã hội hóa giáo dục phát triển về chiều rộng lẫn chiều sâu, được các cấp, các ngành, các lực lượng hưởng ứng, có tác dụng tích cực thực hiện tốt mục tiêu bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và đào tạo nhân tài cho quê hương, đất nước. Phong trào phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ; vận động trẻ em trong độ tuổi đến trường được triển khai rộng khắp ở các địa bàn trong tỉnh, chỉ trong 3 năm 1993-1995 tăng từ 90% lên 99%, các xã miền núi tỷ lệ này tăng từ 32% (1992-1993) lên 42% (1993-1994). Bằng các nguồn ngân sách và sự đóng góp của nhân dân, đến đầu năm học 1995-1996, đã đưa vào sử dụng 34 trường kiên cố 2-3 tầng; nâng cấp và kiên cố hóa hàng chục trường khác, đã trang bị hàng trăm máy vi tính và nhiều thiết bị dạy học cho các trường học.

Việc dạy và học thêm ở các trường phổ thông công lập được chỉ đạo và quản lý chặt chẽ theo quy định của Chính phủ. Bước đầu thực hiện chính sách thu hút và ưu đãi cho giáo viên giảng dạy ở các vùng khó, vùng núi và giáo viên giỏi ở các cấp, nhờ vậy mà chất lượng giáo dục đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều học sinh của tỉnh đã đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

Lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt nhiều kết quả nổi bật. Các thiết chế văn hóa quan trọng đã từng bước được hình thành, đáp ứng nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ của nhân dân các vùng, miền. Việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa cho nhân dân hàng năm đều tăng, riêng trong 2 năm 1993-1994 tăng 4 lần so với các năm trước. Phương tiện hoạt động phục vụ nhu cầu văn hóa - thông tin tăng 3 lần, đã phát huy được tác dụng phục vụ quần chúng ở vùng núi, vùng nông thôn hẻo lánh.

Trên 390 di tích lịch sử - văn hóa đã được khảo sát, sưu tầm, trên 20 di tích lịch sử cách mạng đã được quy hoạch, gắn với sự phát triển du lịch của tỉnh. Một số di tích bước đầu phục vụ khách tham quan.

Sáng ngày 01/5/1992, tại Nhà văn hoá trung tâm tỉnh, lễ kỷ niệm 20 năm giải phóng tỉnh Quảng Trị đã được tổ chức trọng thể. Hơn 30 đoàn đại biểu, khách mời và hàng ngàn người đại diện cho các tầng lớp nhân dân đã tập trung đông đủ để dự lễ giữa rừng cờ hoa rực rỡ. Đây là dịp để cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Trị ôn lại truyền thống cách mạng hào hùng, những chiến công vang dội của quân và dân ta trong cuộc tiến công chiến lược xuân hè 1972 lịch sử. Trong niềm vui của ngày chiến thắng, nhân dân tỉnh Quảng Trị luôn ghi nhớ công ơn, sự đóng góp hết mình của quân và dân cả nước với ý chí tất cả vì miền Nam, vì Quảng Trị, tất cả để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Phát huy truyền thống cách mạng kiên cường của quê hương anh hùng, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị

nguyện cùng nhau đoàn kết xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Sau mít tinh là cuộc diễu binh, diễu hành. Nhiều cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã và cơ sở đã tổ chức các cuộc tọa đàm, gặp mặt những đồng chí đã tham gia kháng chiến; ôn lại những năm tháng kháng chiến gian khổ nhưng rất vẻ vang, oanh liệt, động viên mọi người phát huy truyền thống tốt đẹp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương. Nhiều hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức với nội dung phong phú. Những hoạt động kỷ niệm 20 năm Ngày giải phóng tỉnh Quảng Trị đã để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp trong lòng cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân.

Các hoạt động kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập Đảng, 20 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, 105 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được tổ chức trang trọng. Cuộc thi tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ được đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân hưởng ứng tham gia. Các địa phương, ban, ngành đã tổ chức các phong trào thi đua, các buổi tọa đàm, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ về Bác Hồ kính yêu, Đảng quang vinh. Tỉnh đã tổ chức cho đại biểu các già làng, trưởng bản mang họ Hồ của Bác về thăm quê Bác, viếng lăng và báo công với Bác. Hoạt động kỷ niệm những ngày lịch sử trọng đại của dân tộc thực sự là những cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, khơi dậy lòng yêu quê hương, đất nước, niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thông tin cổ động đã phục vụ đến cơ sở. Các đơn vị, tổ thông tin tuyên truyền lưu động được trang bị khá đồng bộ đáp ứng nhu cầu thông tin cho quần chúng. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật đã có hướng đi đúng. Phong trào văn hóa - văn nghệ ngày càng phát triển về lượng và chất. Đã quan tâm đầu tư, chỉ đạo và xây dựng nhiều chương trình nghệ thuật phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân.

Công tác xuất bản, in ấn từng bước ổn định, các ấn phẩm tăng dần về số lượng, nâng cao về chất lượng, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị và hưởng thụ văn hóa của quần chúng.

Triển khai thực hiện Nghị định số 87-CP, đồng thời với việc thanh tra, kiểm tra, ngành văn hóa - thông tin phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành tuyên truyền, hướng dẫn toàn dân thực hiện những quy định của pháp luật nhà nước về việc cấp phép hoạt động dịch vụ văn hóa, kiểm duyệt những ấn phẩm văn hóa và thanh tra, xử lý các vi phạm về văn hóa, dịch vụ văn hóa.

Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần chuyển biến tích cực, bộ mặt đô thị và một số nơi ở nông thôn miền núi, miền biển đã khởi sắc. Từ một địa phương hàng năm phải đối mặt với nạn đói giáp hạt, nhiều hộ gia đình nông dân đã vươn lên không những đủ ăn mà còn một phần lương thực dự trữ. Chất lượng bữa ăn được cải thiện. Số nhà ở kiên cố, bán kiên cố được xây dựng ngày càng nhiều (46,9%). Trên 50% số hộ có điện thấp sáng. Phương tiện đi lại trong nhân dân tăng khá nhanh. Một số gia đình đã

sắm được phương tiện vận tải cơ giới. Tiện nghi sinh hoạt gia đình được tăng thêm.

Hoạt động phát thanh, truyền hình, báo chí được tăng cường góp phần quan trọng đưa đường lối, chính sách đổi mới của Đảng đến với nhân dân, hướng dẫn, tổ chức đời sống văn hóa của quần chúng ở cơ sở. Truyền hình đã phủ sóng hầu khắp vùng đồng bằng và 3 trạm phát lại phục vụ một số vùng ở miền núi. Đài phát thanh đã phủ sóng toàn tỉnh. Mạng lưới truyền thanh ở một số xã, phường, thị trấn được duy trì, phương tiện tiếp nhận thông tin điện tử trong nhân dân ngày càng tăng. Báo *Quảng Trị* - cơ quan ngôn luận của Đảng bộ và nhân dân ra một tuần 2 số và tăng số lượng phát hành, đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần và nhận thức của nhân dân; kịp thời truyền tải các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh tới đông đảo nhân dân, góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Thể dục thể thao có bước phát triển. Cùng với những hoạt động mang tính quần chúng, đã tuyển chọn và bồi dưỡng một số vận động viên tham gia các giải quốc gia và khu vực ở một số môn mũi nhọn, có vận động viên đạt giải quốc gia và quốc tế. Thực hiện Kế hoạch số 158-KH/TV ngày 05/9/1994 của Tỉnh ủy về thể dục thể thao trong giai đoạn mới, công tác giáo dục thể chất trong nhà trường, tập trung bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ vận động viên các môn thể thao thể mạnh của tỉnh được chú ý.

Hoạt động khoa học - công nghệ đã đạt được những kết quả bước đầu. Một số dự án thuộc kế hoạch giai đoạn

1991-1995 đã hoàn thành, có chất lượng. Công tác điều tra điều kiện tự nhiên, tổng kết thực tiễn về kinh tế - xã hội cũng được quan tâm. Nhiều dự án điều tra chuyên ngành về dân số, việc làm, kinh tế hộ gia đình, y tế, các vấn đề xã hội được triển khai, là luận cứ khoa học quan trọng để cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống được phát triển rộng với quy mô ngày càng lớn hơn, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, hiệu quả sản xuất ở nhiều địa phương và cơ sở. Bằng kết quả nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật tiến bộ, ngành nông nghiệp đã xác định và đưa vào sản xuất một số giống mới phù hợp khí hậu, thổ nhưỡng, cho năng suất cao, chất lượng tốt. Một số ngành, nghề mới được hình thành, có triển vọng tốt như: nuôi cá, nuôi tôm sú, trồng cà phê, cao su trên đất bazan được khẳng định, phát triển với quy mô ngày càng lớn. Trong sản xuất công nghiệp, đã ứng dụng thành công nhiều tiến bộ kỹ thuật mới, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình dịch vụ, tiết kiệm nguyên vật liệu, nâng cao công suất thiết bị. Các sản phẩm: vật liệu xây dựng, hải sản, thực phẩm chế biến, phân bón phục vụ nông nghiệp chất lượng ổn định, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng ở địa phương và góp phần xuất khẩu. Một số lĩnh vực công nghệ mới có tính chiến lược, mũi nhọn của đất nước như đào tạo và phát triển tin học, ứng dụng công nghệ sinh học được hình thành và phát triển. Tiềm lực khoa học và công nghệ từng bước được củng cố, xây dựng và phát triển. Đội ngũ cán bộ

khoa học được tăng cường, bổ sung và từng bước được bồi dưỡng, đào tạo theo yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Cùng với những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý, sản xuất kinh doanh, phong trào lao động sáng tạo và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong các cơ sở sản xuất, trong nhân dân phát triển mạnh. Nhiều mô hình, nhân tố sản xuất giỏi, hiệu quả cao trên cơ sở ứng dụng thành công các kỹ thuật tiến bộ trong sản xuất ngày càng phát triển và nhân rộng. Nhận thức về vai trò và vị trí của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới của Đảng được khẳng định.

Chính sách xã hội và các hoạt động nhân đạo, từ thiện được các cấp, các ngành quan tâm hơn. Đã giải quyết tốt chế độ chính sách đối với gia đình thương binh - liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng và các đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội. Nhằm tôn vinh các bà mẹ đã âm thầm hiến dâng những người thân yêu nhất của mình cho nền độc lập, tự do của Tổ quốc, ngày 19/12/1994, Chủ tịch nước quyết định truy tặng và phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Quảng Trị có 30 Mẹ. Ngày 20/12/1994, Chủ tịch nước ký quyết định trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho 4 huyện: Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng. Ngày 22/12/1994, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức long trọng lễ trao tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Việc làm này mang ý nghĩa chính trị và tư tưởng, tình cảm sâu sắc, có tác dụng giáo dục, động viên, cổ vũ rất to lớn trong toàn

Đảng bộ và nhân dân. Công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đã được triển khai tích cực, có hiệu quả.

Hưởng ứng phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, bằng nhiều hình thức hoạt động phong phú, có ý nghĩa xã hội sâu sắc, Quảng Trị đã làm và đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Ngoài việc tôn tạo Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Trường Sơn, xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Đường 9, nhà đón tiếp thân nhân liệt sĩ, xây dựng nhà bia, tôn tạo, sửa chữa và nâng cấp nhiều nghĩa trang liệt sĩ trên toàn tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị đã thực hiện hàng loạt chính sách xã hội, vận động nhân dân tham gia làm việc nghĩa như nhận chăm sóc, phụng dưỡng các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, xây tặng nhà tình nghĩa..., hỗ trợ vốn, hướng dẫn cách làm ăn, ngày công lao động cho các gia đình chính sách khó khăn. Đến năm 1995, toàn tỉnh đã xây dựng trên 400 nhà tình nghĩa, tặng gần 3.000 sổ tiết kiệm cho các gia đình chính sách, 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được các cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng. Những việc làm, nghĩa cử cao đẹp đó đã được nhân rộng, lan tỏa trong toàn xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng chính sách, nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng và sự quản lý của Nhà nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Quốc phòng, an ninh được chú trọng. Đứng trước tình hình chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” trên nhiều lĩnh

vực với những phương pháp và thủ đoạn mới, quán triệt quan điểm của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị thường xuyên chăm lo việc giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ, đảng viên và nhân dân về hai nhiệm vụ chiến lược, về âm mưu “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc, về vị trí, nhiệm vụ của địa phương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, với cơ chế “Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các ngành, đoàn thể phối hợp tham gia, cơ quan quân sự làm tham mưu nòng cốt”, trong 5 năm (1991-1995) triển khai thực hiện, các địa phương, đơn vị đã có nhiều sáng kiến, tìm nhiều hình thức, biện pháp phát động, tập hợp quần chúng, củng cố và nâng cao nhận thức tư tưởng, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, gắn với quốc phòng toàn dân trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc, ngăn chặn, kìm chế hoạt động của bọn tội phạm trên các tuyến, các địa bàn trọng điểm.

Các phương án phòng thủ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được tăng cường. Đã tiến hành diễn tập, từng bước nâng cao trình độ lãnh đạo, chỉ huy, trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các lực lượng trên địa bàn huyện, trong từng khu vực, từng lĩnh vực ngày càng chặt chẽ và dần đi vào nền nếp. Việc rèn luyện chính quy hóa, ý thức tổ chức kỷ luật của lực lượng vũ trang địa phương được coi trọng. Chủ trương xây dựng

nền quốc phòng toàn dân, biên phòng nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế thực hiện bước đầu có hiệu quả. Đã giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, ngăn chặn các tệ nạn xã hội. Quần chúng nhân dân tích cực tham gia xây dựng cơ sở xã, phường, thị trấn an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu. Các cấp, các ngành cùng phối hợp với hộ gia đình làm tốt các cuộc vận động, nên công tác tuyển quân hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu. Các công trình phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu được củng cố và phát triển. Đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện và phương tiện làm việc của lực lượng vũ trang được đảm bảo khá hơn trước. Ban chỉ đạo các cấp đã kịp thời uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc, bồi dưỡng phát huy nhân tố mới, thu hút các ngành, các cấp, đoàn thể nhân dân tham gia, lấy kết quả của nội dung này để thúc đẩy hoạt động nội dung khác. Thông qua xây dựng cơ sở, công tác vận động quần chúng cũng được chú trọng. Ban chỉ đạo thường xuyên hướng dẫn các ngành phối hợp với nhau, vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, chủ động xây dựng phương án phòng thủ, kế hoạch bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; điều chỉnh, bổ sung diễn tập hàng năm phù hợp với tình hình. Đến năm 1995, đã xây dựng 37 cụm an toàn làm chủ ở 117 xã, phường, thị trấn và 145 cơ quan, xí nghiệp, trường học, 4.920 tổ an ninh nhân dân, 870 tổ hoà giải, 2.670 trưởng họ tộc, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo có uy tín trong nhân dân. Đã chủ động đấu tranh, phối hợp xử lý kịp thời một

số vụ việc “nóng” về tranh chấp đất đai, vụ các phần tử cực đoan lợi dụng tôn giáo gây rối ở thành phố Huế ngày 24/5/1993.

Nhân dân ở tuyến biên giới, tuyến biển đã cung cấp hàng ngàn nguồn tin cho công an, biên phòng về hoạt động xâm nhập, xuất cảnh trái phép, buôn lậu qua biên giới, giúp các lực lượng phát hiện, bắt giữ hàng trăm vụ làm ăn phi pháp, hàng ngàn vụ vượt biên trái phép sang Lào, thu và xử phạt hàng chục tỷ đồng. Đặc biệt, nhân dân còn giúp đỡ các lực lượng đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động xâm nhập của các tổ chức phản động lưu vong từ “Đông tiến 1” đến “Đông tiến 3”. Trong đó, nhân dân các xã Thanh, Thuận (Hương Hóa) đã hỗ trợ cho lực lượng công an, biên phòng bắt gọn toán gián điệp 4 tên trong tổ chức phản động của Đặng Văn Thanh.

Lợi dụng điều kiện khó khăn về tự nhiên, xã hội, phong tục, tập quán và trình độ dân trí của vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, những kẻ lợi dụng tôn giáo lôi kéo những phần tử thoái hóa, biến chất, bất mãn, tiêu cực đi theo chúng. Tỉnh nhận định đây là vấn đề phức tạp, có liên quan đến công tác vận động quần chúng và chính sách dân tộc của Đảng. Cùng với việc phát động phong trào Nhà nước và nhân dân cùng làm, tỉnh đã dành toàn bộ nguồn vốn 5 tỷ đồng do Trung ương trích lại từ nguồn thu vượt thuế xuất nhập khẩu năm 1993 để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các dự án, xây dựng cụm văn hoá miền núi gắn với đồn biên phòng, chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Các cấp ủy đảng, chính quyền ở các xã

miền núi phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể, tranh thủ già làng, trưởng bản, người có uy tín để tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng nhân dân nâng cao cảnh giác, không mắc mưu kẻ xấu; vận động nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, định canh định cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; phát động phong trào xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo... Nhận thức của đồng bào được nâng lên rõ rệt. Các xã nơi có hoạt động lợi dụng tôn giáo, tình hình an ninh chính trị vẫn giữ vững và ổn định, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển, duy trì truyền thống đoàn kết, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc như ở các xã Húc Nghi, A Bung, Mô Ó, Linh Thượng.

Phong trào bảo vệ an ninh trong cơ quan, xí nghiệp đã có sự phát triển với nội dung và phương pháp mới, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị. Thực hiện Nghị định số 203, đặc biệt là Nghị định số 36 và Chỉ thị số 317 của Thủ tướng Chính phủ, nhân dân đã xóa bỏ hàng ngàn lều quán, phát quang hàng chục kilômét đường; trật tự an toàn giao thông chuyển biến rõ nét, tai nạn giảm 50% số vụ, ý thức chấp hành luật lệ giao thông tốt hơn.

Các hoạt động kiểm tra, kiểm sát việc thi hành pháp luật, thực hiện các chủ trương của Đảng được coi trọng. Nhiều vụ vi phạm, các đơn, thư tố cáo, khiếu nại của công dân cũng như những mâu thuẫn tranh chấp trong nội bộ nhân dân được quan tâm giải quyết. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ ở các ngành trong khối nội chính được nâng lên, những hành vi vi phạm kỷ luật,

pháp luật, vi phạm phẩm chất, đạo đức được xử lý kịp thời và kiên quyết.

Hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật được đẩy mạnh. Thực hiện Quyết định số 240 của Hội đồng Bộ trưởng, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và thực hành tiết kiệm được triển khai sâu rộng. Tỉnh đã tập trung rà soát trên những lĩnh vực quan trọng như cấp đất, xây dựng cơ bản, sử dụng vốn của các công trình, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, đã phát hiện, giải quyết những vụ việc nổi cộm có nhiều dư luận lâu ngày, thu hồi một số lớn vật tư, tài sản, tiền bạc của Nhà nước. Phát hiện, xử lý kịp thời các vụ tiêu cực ở Phòng Tổ chức Lao động - Thương binh và xã hội thị xã Đông Hà, Công ty Du lịch, Phòng Tài chính huyện Hướng Hóa, tạo dư luận tốt, đem lại lòng tin trong các tầng lớp nhân dân.

Cùng với công tác đấu tranh chống tham nhũng, các ngành thuế, công an, hải quan và một số ngành liên quan¹ đã tập trung chống buôn lậu một cách tích cực; bắt, giữ, xử lý hàng trăm vụ buôn lậu có giá trị lớn; đã tiến hành điều tra trong nội bộ, phối hợp, thực hiện tốt

1. Điển hình là các huyện Hải Lăng, Triệu Phong tổ chức được nhiều cuộc thanh tra đem lại hiệu quả thiết thực. Công an tỉnh bên cạnh việc đấu tranh chống tham nhũng ngoài xã hội còn đi sâu làm tốt việc đấu tranh chống tham nhũng trong nội bộ, thu hồi tài sản và xử lý kỷ luật 77 trường hợp, trong đó có 16 trường hợp buộc thôi việc, 51 trường hợp bị cảnh cáo.

quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, góp phần ngăn chặn nạn buôn lậu.

Hoạt động đối ngoại trong 5 năm 1991-1995 có nhiều đổi mới, tích cực và đạt hiệu quả. Hiệp định quy chế biên giới Việt - Lào được thực hiện nghiêm chỉnh. Ý thức bảo vệ đường biên giới, mốc giới của nhân dân được nâng lên. Ý thức chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, tình hữu nghị đặc biệt Việt - Lào ngày càng được củng cố, phát triển.

Ngày 05/01/1994, nhân dân 2 tỉnh Quảng Trị - Savannakhet vui mừng đón nhận quyết định của Chính phủ 2 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nâng cấp Cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị) - Đensavann (Savannakhet) thành cửa khẩu quốc tế. Việc nâng cấp cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và khai trương cửa khẩu La Lay (ngày 05/5/1995) đã mang lại niềm vui lớn cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc hai bên biên giới, đặc biệt là việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện chương trình định canh, định cư, nhưng cũng đặt ra không ít những vấn đề cần được quan tâm, phối hợp giải quyết.

Quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa tỉnh Quảng Trị với các tỉnh Savannakhet, Salavan, Khăm Muộn tiếp tục được tăng cường. An ninh trật tự biên giới được giữ vững. Các bên thường xuyên thông báo cho nhau tình hình khu vực biên giới. Vì vậy, những vấn đề tranh chấp hoặc vi phạm

xảy ra như: xâm canh, xâm cư, khai thác lâm khoáng sản, nhập cảnh trái phép... đều được phát hiện và kịp thời phối hợp giải quyết theo thông lệ quốc tế. Thông qua các hoạt động đối ngoại, việc tăng cường hiểu biết giữa tỉnh Quảng Trị với các tỉnh, các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức nước ngoài cũng được chỉ đạo triển khai tích cực, đã thực hiện được một số dự án phát triển kinh tế - xã hội như tập đoàn NGO Hà Lan tại tỉnh Quảng Trị triển khai các dự án đầu tư trị giá 1,8 triệu đôla Mỹ.

Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tích cực. Ngày 11/9/1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 49-CTHĐ/TU thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII về chỉnh đốn Đảng, xác định: “Bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng, cán bộ, đảng viên ra sức rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh trong điều kiện kinh tế thị trường, giữ vững niềm tin vào lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Nâng cao cảnh giác cách mạng, chống âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, kiên quyết đấu tranh với những khuynh hướng cơ hội, giáo điều, những luận điệu sai trái phủ nhận quá khứ tốt đẹp của dân tộc”. Các cấp ủy đảng đã nâng cao nhận thức về vị trí quan trọng của công tác tư tưởng trong tình hình mới, đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách, quan điểm đổi mới của Đảng, xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn bộ

sự nghiệp cách mạng, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ những thuận lợi mới, thời cơ mới và những nguy cơ, thách thức đối với sự nghiệp đổi mới.

Nhiều hoạt động hướng về nguồn, tuyên truyền, phản bác những biểu hiện phủ nhận quá khứ tốt đẹp, hoài nghi, dao động trước những khó khăn của đất nước được chú trọng; góp phần ổn định tư tưởng trong Đảng bộ và nhân dân.

Thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh chống các thủ đoạn chiến tranh tâm lý, chiến tranh tư tưởng của các thế lực thù địch, góp phần ổn định tình hình, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Nhiệm vụ giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những định hướng lớn về con đường phát triển đất nước được triển khai sâu rộng.

Tổ chức bộ máy và công tác cán bộ từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Vừa tiếp tục điều chỉnh quy mô một số đơn vị, địa phương, vừa hình thành, sắp xếp, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan Đảng, thành lập Ban Dân vận, Ban Tài chính - Quản trị, Phòng Bảo vệ chính trị nội bộ, nhập Trường Đảng với Trường Hành chính thành Trường Chính trị Lê Duẩn. Ban cán sự, đảng đoàn tuy không phải là mô hình tổ chức mới nhưng được khôi phục lại và thành lập sớm tại Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện và nhiều ngành cấp tỉnh. Đến năm 1995, cấp tỉnh đã thành lập 6 đảng đoàn, 28 ban cán sự đảng;

ở cấp huyện, thị xã đã thành lập 26 đảng đoàn, 8 ban cán sự đảng, giải tán ban xây dựng đảng, thành lập lại các ban Đảng (Tổ chức, Tuyên giáo), Ủy ban Kiểm tra. Ban Dân vận huyện, thị xã được thành lập; 5/8 huyện, thị xã có trưởng hoặc phó Ban Dân vận chuyên trách, đi vào hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ. Đối với các tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn và doanh nghiệp, Thường vụ Tỉnh ủy đã ra chủ trương ổn định chi bộ theo địa bàn dân cư và đơn vị kinh tế ở nông thôn tại những xã, phường, thị trấn, cơ quan quản lý nhà nước mới thành lập. Các doanh nghiệp sắp xếp theo Nghị định 388 và tổ chức đảng ở cơ quan quân sự huyện nâng lên thành đảng bộ, nâng tổng số tổ chức cơ sở đảng từ 125 khi mới lập lại tỉnh lên 452 (163 đảng bộ, 289 chi bộ). Các tổ chức được xây dựng, sắp xếp, kiện toàn đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động. Chất lượng lãnh đạo ở các cơ quan, đơn vị, địa phương có tiến bộ.

Việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, thu hẹp diện yếu kém được các huyện, thị xã và đảng ủy trực thuộc đặc biệt quan tâm, nhờ vậy, số lượng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh năm sau cao hơn năm trước (năm 1994 so với năm 1992 tăng gần 10%, tổng số tổ chức cơ sở đảng yếu kém năm 1994 so với năm 1992 giảm chỉ còn một nửa). Hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng từng bước đi vào quy chế, khắc phục được một phần hiện tượng lơ lửng sinh hoạt Đảng. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị được tăng cường.

Nhận thức việc rèn luyện bản lĩnh chính trị, trí tuệ và phẩm chất cách mạng của người đảng viên có ý nghĩa quyết định đến năng lực và sức chiến đấu của tổ chức đảng; qua phân tích chất lượng hàng năm, cấp ủy cơ sở đã tổ chức cho cán bộ chủ chốt học văn hóa, nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý nhà nước; cung cấp kịp thời thông tin, thời sự để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên. Ý thức vươn lên trong học tập và tu dưỡng của đảng viên, nhất là đảng viên trẻ, chuyển biến rõ nét. Số đảng viên được bồi dưỡng nâng cao trình độ hàng năm đều tăng. Cùng với việc gửi cán bộ đi học ở các học viện, các trường của Trung ương, Trường Chính trị Lê Duẩn, trong 3 năm 1993-1995, đã đào tạo, bồi dưỡng 250 cán bộ có trình độ cao cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị, trên 200 cán bộ cơ sở có trình độ trung cấp chính trị, 500 cán bộ các cấp được bồi dưỡng công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, công tác vận động quần chúng. Hàng trăm cán bộ học bổ túc văn hóa, ngoại ngữ, đại học, trung học tại chức. Đã lựa chọn, đề bạt bổ nhiệm 92 đồng chí vào các cương vị cán bộ chủ chốt của tỉnh (chiếm 50% số cán bộ cấp tỉnh), 169 cán bộ chủ chốt cấp huyện (chiếm 36% cán bộ), thay thế 33% cán bộ cấp xã. Đội ngũ cán bộ các cấp được trẻ hóa, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số tăng lên. Chính sách đối với cán bộ trước Cách mạng Tháng Tám, cán bộ hưu trí, cán bộ đương nhiệm được chú trọng thực hiện. Chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên, số cán bộ có trình độ đại học và cao cấp lý luận chính trị chiếm tỷ lệ ngày càng cao ở cấp tỉnh và huyện,

thị xã. Nhiều cán bộ được rèn luyện trong thực tiễn đã trưởng thành, vững vàng hơn trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành công việc. Đặc biệt, năm 1995, trên 5.000 đảng viên được học tập chương trình lý luận phổ thông cơ sở; hơn 1.000 cán bộ được nghiên cứu học tập tập trung có hệ thống đường lối, quan điểm của Đảng ở trường, lớp.

Các tổ chức đảng không chỉ khuyến khích đảng viên làm giàu chính đáng mà còn quan tâm giúp đỡ những hộ đảng viên nghèo, gặp khó khăn về vốn, kinh nghiệm, các loại giống cây, con. Nhiều huyện, xã, phường, thị trấn lập quỹ xóa đói giảm nghèo để hỗ trợ cho đảng viên làm kinh tế. Số đảng viên giàu ngày càng tăng lên (tỷ lệ đảng viên giàu so với tổng số đảng viên từ 9,2% năm 1992 lên 13,5% năm 1994, đảng viên nghèo từ 30,6% năm 1992 giảm xuống 24,2% năm 1994). Phân công đảng viên phụ trách theo địa bàn dân cư, theo ngành, nghề phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng ngày càng tăng (từ 67% năm 1992 lên 87% năm 1994). Vai trò nòng cốt của đảng viên trong các phong trào cách mạng quần chúng được tăng cường.

Mặc dù đã có bước phát triển, nhưng đội ngũ cán bộ của tỉnh vẫn trong tình trạng vừa thiếu, lại không đồng bộ; tuổi đời bình quân quá cao (49,5), 132 đồng chí cán bộ cấp tỉnh quản lý, trong đó 77 đồng chí có trình độ cao đẳng, đại học, 19% có trình độ lý luận chính trị cao cấp, 75% trung, sơ cấp; 373 cán bộ cấp huyện, thị xã tuổi đời bình quân 42,2; 47% có trình độ cao đẳng, đại học; 327 cán

bộ chủ chốt cấp xã tuổi đời bình quân 42,9%, trình độ cao đẳng, đại học chỉ có 3,67%, văn hóa cấp 1, cấp 2 chiếm 70%. Khắc phục từng bước sự hẫng hụt này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 173-QĐ/TU ngày 15/9/1993 và Quy định số 177-QĐ/TU ngày 20/9/1993 về quản lý cán bộ và quy trình công tác cán bộ, đưa công tác cán bộ đi dần vào nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ theo chế độ tập thể và dân chủ trong việc ra quyết định về cán bộ; khắc phục một bước tình trạng phân tán, tùy tiện, thiếu dân chủ và thiếu khách quan trong công tác cán bộ. Trong đề bạt cán bộ, đã chú trọng các yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, quan hệ với quần chúng, tính Đảng và năng lực thực hiện chức trách được giao.

Thường vụ Tỉnh ủy vừa sử dụng và phát huy số cán bộ đương nhiệm, vừa tiến hành quy hoạch lại đội ngũ trên cơ sở tiêu chuẩn hóa chức danh cán bộ để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức. Qua khảo sát, đánh giá 193 cán bộ chủ chốt (cấp tỉnh 119, huyện 74) thuộc 60 đơn vị cấp tỉnh và 8 huyện, thị xã, đã giới thiệu 267 cán bộ đưa vào quy hoạch kế cận. Nhiều đảng bộ trực thuộc đã chủ động trong việc xây dựng quy hoạch như huyện Hải Lăng, huyện Hướng Hóa, thị xã Đông Hà, Công an, Quân sự và Biên phòng tỉnh. Đến năm 1993, có 50% đảng bộ trực thuộc tỉnh xây dựng quy hoạch cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ gắn với chuẩn bị nhân sự cho đại hội Đảng các cấp, bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Đã bầu bổ sung 3 đồng chí vào

Ban Thường vụ Tỉnh ủy¹, 1 đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, 1 đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; 7 đồng chí chủ tịch hội đồng nhân dân, 4 đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân và 10 đồng chí phó chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã. Chỉ định và bầu bổ sung 6 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 1991-1995 (Hội nghị giữa nhiệm kỳ bầu 5 đồng chí), 48 đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thị xã và đảng bộ trực thuộc (Hội nghị giữa nhiệm kỳ bầu 44) có tuổi đời trẻ, có năng lực và trình độ. Qua Đại hội nhiệm kỳ cơ sở (1993-1995), đã thay thế 127/394 bí thư chi bộ, đảng bộ cơ sở, riêng huyện Hải Lăng thay trên 50%. Tuổi đời bình quân cấp ủy khóa XI là 40,38 (khóa trước là 41,47).

Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy quan tâm. Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng với định hướng đúng và cố gắng của nhiều tổ chức cơ sở đảng nên số lượng đối tượng được bồi dưỡng và kết nạp vào Đảng hàng năm tăng. Trong 5 năm đã kết nạp 1.978 đảng viên.

Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng có nhiều tiến bộ. Quán triệt nội dung lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới, các cấp ủy đảng đã vận dụng vào thực tế, đề ra chủ trương, kế hoạch làm định hướng cho sự chỉ đạo, điều hành, tăng cường hiệu lực quản lý của cơ quan nhà nước, phát huy sức mạnh của đoàn thể nhân dân.

1. Ngày 20/4/1994, Tỉnh ủy bầu bổ sung 3 đồng chí: Nguyễn Thành, Nguyễn Minh Kỳ, Đào Xuân Thống vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nhiều cấp ủy từ tỉnh, huyện, thị xã và đảng bộ trực thuộc đã cải tiến lề lối làm việc giữa cấp ủy đảng, cơ quan chính quyền và các đoàn thể trên cơ sở xây dựng quy chế công tác. Việc đưa ra quyết định, các nghị quyết, chỉ thị về công tác cán bộ đã được xây dựng và tổ chức thực hiện đúng quy trình. Công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng được các cấp ủy đảng quan tâm. Phong cách làm việc sâu sát cơ sở hơn mà nét mới là tập thể Thường vụ, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đã xây dựng và tăng cường chế độ kiểm tra tình hình, kịp thời bổ sung những vấn đề cần chỉ đạo và xử lý những vấn đề phát sinh. Việc phối hợp giữa các ban Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận và đoàn thể trong việc triển khai nghị quyết, chỉ thị ngày càng chặt chẽ, chủ động hơn. Nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng được tôn trọng và thực hiện nghiêm túc.

Công tác kiểm tra được chú trọng. Hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp có tiến bộ. Các cấp ủy đảng đã gắn nội dung kiểm tra với mục tiêu, yêu cầu nội dung xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3, Chỉ thị số 15 của Bộ Chính trị, Nghị định số 114 của Thủ tướng Chính phủ, chú trọng kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, qua đó kịp thời bổ sung, điều chỉnh, phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm, góp phần thúc đẩy nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ xây dựng Đảng ở địa phương. Trong 5 năm 1991-1995, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 4.796 đảng viên, xử lý 1.523 trường hợp, trong đó khai trừ

và đưa ra khỏi Đảng 528 người, chiếm 3,2% tổng số đảng viên trong tỉnh, tiếp nhận và giải quyết 148 thư tố cáo, xử lý kỷ luật 38 đảng viên. Các cấp ủy đảng và ủy ban kiểm tra các cấp đã quán triệt quan điểm, đường lối, chính sách và vận dụng vào đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể của địa phương trong việc xem xét xử lý kỷ luật và kết luận sai phạm của chi bộ, đảng viên, đảm bảo công minh, chính xác, có tác dụng giáo dục chung trong Đảng bộ. Việc giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ đảm bảo đúng quy định.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, các cấp ủy đảng đã tăng cường chỉ đạo Mặt trận, các đoàn thể và chính quyền các cấp, đổi mới nội dung và hình thức hoạt động, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tổ chức học tập và tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm không ngừng nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về thực hiện nhiệm vụ kinh tế, phát triển văn hóa, tăng cường quốc phòng, an ninh, đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của kẻ địch, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết số 8B của Đảng, công tác dân vận được quan tâm và tăng cường. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được nhận thức đầy đủ, toàn diện hơn trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các cấp ủy đảng thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện

vọng, những vướng mắc, những vấn đề nảy sinh, kịp thời có chủ trương, biện pháp xử lý, đã tổ chức tốt việc lấy ý kiến của quần chúng nhân dân tham gia trước khi quyết định các chủ trương công tác. Vì vậy, các chủ trương lớn của Đảng nhận được sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng. Nhiều cấp ủy đảng đã tổ chức tốt các cuộc hội thảo, tiếp dân để lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, nghiên cứu góp ý cho Đảng các chủ trương trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực xây dựng Đảng, kịp thời phê bình, kiểm điểm nhằm nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Nhiều cấp ủy đảng đã ra nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo các đoàn thể quần chúng. Duy trì tương đối thường xuyên quy chế, lề lối làm việc với các tổ chức quần chúng, kịp thời nắm bắt tình hình để xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo. Các cấp ủy đảng đều thực hiện phân công phụ trách công tác quần chúng, cơ bản khắc phục tính áp đặt, mất dân chủ khi bố trí, sắp xếp cán bộ ở các tổ chức đoàn thể quần chúng.

Công tác dân vận chính quyền được các cấp quan tâm. Các cơ quan lập pháp và hành pháp lắng nghe ý kiến, nguyện vọng và chăm lo đến lợi ích của nhân dân. Thông qua các cuộc tiếp xúc với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được công khai, ý kiến của nhân dân được phản hồi hoặc kiến nghị lên cấp trên giải quyết; phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” từng bước được thực hiện. Vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò điều

hành của chính quyền, sự phối hợp giữa Mặt trận và các lực lượng đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi.

Công tác xây dựng bộ máy chính quyền, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương được coi trọng. Hội đồng nhân dân có nhiều đổi mới trong nội dung và phương thức hoạt động, từng bước phát huy vai trò cơ quan quyền lực ở địa phương; chức năng kiểm tra, giám sát được tăng cường. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho toàn dân được chú trọng. Chất lượng các kỳ họp được nâng lên. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đã phát huy trách nhiệm, đóng góp tích cực vào việc hoạch định các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương và giám sát hoạt động của chính quyền. Hoạt động các ban của Hội đồng nhân dân có nhiều tiến bộ. Từ việc tiến hành khảo sát tình hình ở nhiều địa phương, đã có những kiến nghị, biện pháp kịp thời nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thi hành pháp luật, chính sách của Nhà nước ở địa phương. Việc tổ chức đại biểu tiếp xúc với cử tri lấy ý kiến tham gia sửa đổi Hiến pháp năm 1980, các dự luật, các chủ trương công tác của các cấp chính quyền; chủ động giải quyết kịp thời các vấn đề tranh chấp trong nội bộ nhân dân, cứu trợ khi thiếu đói... từng bước đổi mới và có hiệu quả. Mối quan hệ giữa đại biểu Hội đồng nhân dân với cử tri ngày càng gắn bó. Nguyện vọng và những ý kiến của cử tri đều được xem xét, thảo luận tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp.

Hoạt động của các cấp chính quyền đã có bước đổi mới về nội dung, phương thức chỉ đạo, quản lý và điều hành.

Trên cơ sở tăng cường pháp chế, hiệu lực quản lý được nâng lên, kỷ cương, pháp luật được bảo đảm, dân chủ được phát huy. Nhiệm vụ kinh tế - xã hội từng bước đi vào nền nếp, kịp thời và sát thực hơn. Phong cách chỉ đạo, lề lối làm việc được cải tiến. Tệ quan liêu, mệnh lệnh hành chính được khắc phục từng bước. Chính quyền các cấp đã có những tiến bộ trong công tác quần chúng, nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc phát triển kinh tế, tổ chức đời sống của nhân dân, kịp thời xử lý những đơn, thư tố cáo, khiếu nại và những vấn đề vướng mắc trong nội bộ nhân dân.

Tỉnh đã khẩn trương tổ chức thực hiện Quyết định số 328-HĐBT ngày 12/10/1991 và Quyết định số 516-TCCP về điều chỉnh địa giới thị xã Đông Hà, thành lập huyện Cam Lộ và 2 phường mới thuộc thị xã Đông Hà là Đông Thanh và Đông Giang.

Hội đồng nhân dân các cấp đã coi trọng việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Các kỳ họp chuyên đề cụ thể hóa nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Quốc hội; công tác tiếp dân, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, khiếu tố của công dân được tổ chức thực hiện có kết quả, góp phần tích cực vào việc ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngày 20/11/1994, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp tỉnh Quảng Trị khóa III (1994-1999) thành công; bầu được 45 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 221 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và 2.596 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Tại kỳ họp thứ nhất, ngày 16/12/1994,

Hội đồng nhân dân tỉnh bầu đồng chí Nguyễn Đức Hoan - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Bường - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đổi mới hoạt động theo hướng đề cao vai trò quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội bằng kế hoạch, chương trình, dự án; biện pháp về chính sách đòn bẩy, hỗ trợ tài chính, tháo gỡ cơ chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi; sớm cụ thể hóa chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Tỉnh ủy, của Hội đồng nhân dân; chủ động ban hành các văn bản phục vụ công tác quản lý và điều hành thống nhất ở địa phương. Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể đã tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục nhân dân hiểu rõ các chủ trương, chính sách, pháp luật, tăng cường đoàn kết, động viên và tổ chức các phong trào hành động cách mạng của nhân dân, thực hiện chương trình kinh tế - văn hóa - xã hội, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh, trật tự.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng, mang lại hiệu quả thiết thực. Hàng năm, nhân dân đóng góp hàng tỷ đồng thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với nước, xây dựng, tu bổ nghĩa trang, thăm hỏi, giúp đỡ người gặp hoạn nạn, người già cô đơn, tàn tật. Phong trào ủng hộ nhân

dân đồng bằng sông Cửu Long bị lũ lụt, ủng hộ nhân dân Cuba... được đồng bào nhân dân đồng tình hưởng ứng. Các hoạt động tình nghĩa đã phát huy những nét đẹp trong đời sống cộng đồng, góp phần giảm bớt những khó khăn cho nhiều gia đình và cá nhân.

Mặt trận các cấp đã có nhiều hoạt động tích cực thực hiện cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo. Đến cuối năm 1994, tổng các nguồn vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho vay, các chương trình tài trợ quốc tế... đã lên tới gần 30 tỷ đồng, cho gần một vạn đối tượng vay thực hiện chương trình giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo. Mặt trận, các đoàn thể vừa tích cực thúc đẩy phong trào chung, vừa khai thác các nguồn vốn, vận động đoàn viên, hội viên giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình phù hợp với từng vùng, từng đối tượng. Phong trào đã góp phần thu hẹp diện đói, nghèo; một bộ phận vươn lên khá, giàu. Công tác vận động, tập hợp chức sắc, tín đồ tôn giáo, những người tiêu biểu trong đồng bào các dân tộc, công thương gia, trí thức được quan tâm.

Phong trào “công nhân lao động và sáng tạo” do Liên đoàn Lao động tỉnh phát động được các cấp công đoàn và người lao động trong tỉnh hưởng ứng sâu rộng. Từ những năm 1993-1995, có hơn 50 lượt hội thi lao động giỏi các cấp, có 3.500 lao động giỏi cấp cơ sở, 235 lao động giỏi cấp tỉnh, 182 công trình sản phẩm mới chào mừng các sự kiện lịch sử của dân tộc và quê hương. Tính đến năm 1995, đã huy động trên 700 triệu đồng, hỗ trợ vốn cho hơn 1.000

công nhân, lao động khó khăn; xây dựng quỹ tình nghĩa được gần 100 triệu đồng, tặng 20 sổ tiết kiệm trị giá 20 triệu đồng cho các mẹ có 2 con là liệt sĩ. Các cấp công đoàn tiến hành nhận phụng dưỡng 76 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, xây tặng 12 nhà tình nghĩa, hỗ trợ sửa chữa 390 nhà, tặng 460 sổ tiết kiệm.

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ nội bộ, cơ quan, xí nghiệp được tiến hành thường xuyên, tạo nên sức mạnh tổng hợp để phòng ngừa và trấn áp tội phạm, góp phần ổn định trật tự, kỷ cương xã hội, tạo điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tăng cường giáo dục chính trị, nâng cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội cho đoàn viên thanh niên; động viên thanh niên tham gia phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”; tổ chức học tập đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có trên một triệu lượt đoàn viên, thanh niên tham gia. Hàng năm, Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động nhân những ngày lễ lớn để giáo dục truyền thống yêu nước, chiến đấu kiên cường, bất khuất của quân và dân ta; thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt, tọa đàm, thảo luận, giúp đỡ đoàn viên, thanh niên nâng cao nhận thức và phẩm chất đạo đức. Phối hợp với các ngành chức năng, Đoàn huy động thanh niên xuống đường điều hành hưởng ứng các chủ trương: bảo vệ môi trường, phòng chống HIV/AIDS, giữ gìn trật tự giao thông, chống văn hóa đồi trụy và các tệ nạn xã hội... Đoàn cũng tăng cường các hình thức tọa đàm,

cắm trại, diễn đàn thanh niên, thi tìm hiểu, liên hoan văn nghệ, thi hỏi đáp để tập hợp thế hệ trẻ.

Hưởng ứng phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, đoàn viên, thanh niên ở các địa phương hăng hái tham gia học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, học nghề, tham gia xây dựng kinh tế. Đoàn Thanh niên đã chủ động khai thác các nguồn vốn vay từ các chương trình, dự án giúp thanh niên phát triển kinh tế, tạo nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập; bước đầu hình thành lớp thanh niên năng động, sáng tạo, làm kinh tế giỏi, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Trong phong trào “Tuổi trẻ giữ nước”, Đoàn Thanh niên các cấp luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, chỉ đạo thanh niên địa phương tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của kẻ địch, làm tốt công tác giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự, giáo dục truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam, thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng thanh niên nhập ngũ, hoàn thành tốt chỉ tiêu giao quân hàng năm.

Hội Nông dân tiếp tục đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Ban Chấp hành Tỉnh hội đã tăng cường chỉ đạo phong trào sản xuất, phát triển kinh tế hộ, kinh tế vườn, trồng cây công nghiệp và các loại cây ăn quả, phát triển chăn nuôi, áp dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh, sử dụng giống cây, con có năng suất cao, hỗ trợ vốn cho nông dân phát triển sản xuất, vận động đồng bào định canh, định cư. Với sự giúp đỡ của các cấp chính quyền, các đoàn

thể nhân dân và các ngành chức năng, hội đã đầu tư trên 30 tỷ đồng cho 3.052 hội viên vay với lãi suất ưu đãi.

Hội đã tổ chức các hội nghị nông dân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ giỏi, khuyến khích nhiều hội viên nông dân tham gia phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, nâng hộ đạt tiêu chuẩn cấp tỉnh từ 67 hộ năm 1993 lên 300 hộ năm 1995.

Phong trào xây dựng nông thôn mới đã có những chuyển biến tích cực, đặc biệt là cuộc vận động xây dựng 5 nội dung gia đình nông thôn mới được các cấp hội, hội viên nông dân hưởng ứng. Hội chủ trương hình thành các tổ hợp tác theo ngành nghề, giúp đỡ lẫn nhau cùng làm ăn để cải thiện đời sống gia đình, xã hội. Các chương trình phối hợp được hội hưởng ứng như: phong trào ủng hộ Cuba, công tác truyền thông dân số - kế hoạch hóa gia đình, chương trình hành động vì trẻ em nông thôn; vận động nhân dân đóng góp công, của cho phát triển giáo dục, xóa mù chữ, làm nhiệm vụ quốc phòng, giữ gìn trật tự trị an, thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tiếp tục vận động phát triển phong trào thực hiện các chương trình của Hội đề ra: nâng cao kiến thức, giúp nhau làm kinh tế gia đình, chăm sóc sức khỏe phụ nữ, trẻ em. Các cấp hội thường xuyên tuyên truyền và tổ chức cho cán bộ, hội viên học tập đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, động viên phụ nữ thực hiện nhiệm vụ xây dựng địa phương.

Việc thực hiện Nghị định số 163 của Hội đồng Bộ trưởng về phụ nữ tham gia quản lý nhà nước có chuyển biến.

Thông qua các đợt tiếp xúc định kỳ và đột xuất, các cấp Hội đã đề xuất kịp thời và đề nghị các cấp chính quyền giải quyết những vấn đề cấp bách đang đặt ra, bảo đảm đúng quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Việc tham gia ý kiến của Hội về những vấn đề có liên quan đến quyền lợi phụ nữ và trẻ em được chính quyền coi trọng. Hội tích cực vận động hội viên tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp, tuyên truyền giải thích cho hội viên luật bầu cử, chọn và giới thiệu người có đủ tiêu chuẩn để bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và vận động 100% cử tri đi bầu. Hội đã tích cực tuyên truyền, giáo dục chị em vùng sâu, vùng xa hiểu biết về Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Bộ luật Lao động; chỉ đạo các cấp làm tốt chính sách hậu phương quân đội, thăm và tặng quà thương binh, gia đình liệt sĩ, Mẹ Việt Nam Anh hùng... Những hoạt động thường xuyên của Hội đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện chính sách của Đảng đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Hội Cựu chiến binh mới thành lập đã đẩy mạnh phong trào xây dựng cơ sở Hội vững mạnh, hội viên Hội Cựu chiến binh gương mẫu và gia đình hội viên Hội Cựu chiến binh tiến bộ. Phong trào phát triển sâu rộng khắp các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn. Đến năm 1995, qua tổng kết phong trào thi đua, có 61 cơ sở Hội đạt loại khá, 5.046 hội viên gương mẫu và 2.977 gia đình hội viên đạt tiêu chuẩn giàu. Hội Cựu chiến binh tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận, lực lượng dân quân ở cơ sở. Có khoảng 70% số xã, phường, thị trấn có hội viên

Hội Cựu chiến binh tham gia chức vụ chủ chốt về công tác Đảng, chính quyền, Mặt trận, quân sự. Hội đã mạnh dạn tổ chức gần 100 câu lạc bộ cựu quân nhân để tập hợp thanh niên hoàn thành nghĩa vụ trở về. Hội vận động hội viên tham gia thực hiện xóa đói, giảm nghèo, cho hội viên vay vốn để phát triển sản xuất. Đời sống của gia đình nhiều hội viên được cải thiện.

Xây dựng quê hương trong bối cảnh của một tỉnh mới lập lại, điểm xuất phát thấp, khó khăn khách quan thường xuyên tác động bất lợi, nhưng bằng tinh thần đoàn kết, sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân, sự chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị căn bản ổn định và có bước phát triển quan trọng. Một số lĩnh vực đã tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu có ý nghĩa ấy, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cũng bộc lộ nhiều yếu kém, chưa thoát khỏi tình trạng nghèo và chậm phát triển.

Nền kinh tế có tăng trưởng, nhưng thiếu vững chắc. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Hiệu quả đầu tư chưa cao. Nguy cơ tụt hậu xa hơn đặt ra gay gắt. Kinh tế nông thôn còn mang đậm tính thuần nông, độc canh cây lúa, kết quả sản xuất bấp bênh. Không ít nơi chưa thoát khỏi sản xuất tự cung, tự cấp. Sản xuất hàng hóa chậm phát triển, chưa mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, diện tích cây công nghiệp ngắn và dài ngày, cây ăn quả phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tạo được những vùng chuyên canh nông sản hàng hóa tập trung lớn. Việc mở mang ngành nghề mới ở nông thôn còn

lúng túng. Công tác khuyến nông, chuyển giao công nghệ mới chưa thành phong trào rộng rãi. Thủy lợi nhỏ chưa được coi trọng đúng mức. Kinh tế vườn phổ biến vẫn là vườn tạp. Việc giao đất lâu dài cho nông dân tiến hành chậm. Chăn nuôi phát triển không đều, vẫn còn mang tính tự nhiên. Còn lúng túng trong việc đổi mới quản lý hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VII và Chỉ thị 07 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Việc bảo vệ rừng đầu nguồn chưa tốt, quản lý khai thác lâm sản chưa chặt chẽ, kinh tế gò đồi chưa phát triển mạnh; chỉ đạo và tổ chức công tác định canh, định cư thiếu đồng bộ. Khai thác tiềm năng thủy sản còn yếu, thiếu những đội tàu có khả năng đánh bắt xa bờ, dài ngày. Kỹ thuật khai thác, chế biến lạc hậu.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Quảng Trị còn nhỏ bé, manh mún, công nghệ, thiết bị lạc hậu, thiếu vốn kinh doanh, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu cạnh tranh để mở rộng thị trường. Tỷ trọng giá trị công nghiệp trong tổng giá trị kinh tế còn thấp. Thu, chi ngân sách vẫn còn mất cân đối lớn, thu ngân sách của địa phương chỉ đáp ứng 40-45% nhu cầu chi. Hoạt động ngân hàng chưa đáp ứng yêu cầu cho những vùng khó khăn, nhất là sản xuất nông nghiệp. Kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển chậm nên chưa khai thác tốt các nguồn lực trong xã hội. Kinh tế quốc doanh chưa phát huy được vai trò chủ đạo, số doanh nghiệp kinh doanh có lãi chưa nhiều, gần 40% doanh nghiệp thiếu vốn, tài sản thiết bị lạc hậu, không đủ sức đổi mới công nghệ, hoạt động

lúng túng trong cơ chế thị trường. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh có tăng lên về số lượng, nhưng năng lực kinh doanh nhỏ bé, phân tán, chủ yếu ở lĩnh vực xây dựng, lưu thông, dịch vụ.

Hoạt động văn hoá cơ sở yếu, các tệ nạn xã hội, một số hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, nhiều sản phẩm văn hoá không phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc chưa được ngăn chặn kịp thời. Biểu hiện tiêu cực về nếp sống văn hoá, đạo đức trong quan hệ gia đình và xã hội vẫn tồn tại. Một số di tích lịch sử, văn hoá, nhất là di tích chiến tranh chưa được bảo vệ, trùng tu. Các phương tiện thông tin đại chúng đã phát triển, nhưng chưa đáp ứng nhu cầu thông tin. Chất lượng thông tin chưa cao, chưa nhạy bén, thiếu sức hấp dẫn.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân vẫn còn hạn chế, điều kiện khám chữa bệnh còn thiếu, thiếu chuyên gia đầu ngành và cán bộ y tế cơ sở. Thái độ phục vụ người bệnh của một số cán bộ y tế chưa tốt. Việc thu viện phí và sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế chưa thật hợp lý.

Việc thực hiện chính sách khen thưởng kháng chiến, người có công với cách mạng còn chậm. Đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa chưa đảm bảo, có nơi còn yếu kém.

Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh còn có mặt chưa bảo đảm, kỷ cương pháp luật và trật tự, an toàn xã hội còn bị vi phạm. Nhận thức về 2 nhiệm vụ chiến lược cũng như âm mưu và thủ đoạn phá hoại của kẻ thù, nhất là âm mưu

“diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa thực sự sâu sắc, vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên mơ hồ và thiếu ý thức cảnh giác. Xây dựng thể trận và các phương án phòng thủ chưa đủ mạnh, nhất là ở các hướng chủ yếu. Cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu chưa đảm bảo, nhất là hệ thống giao thông, liên lạc, kho tàng và phương tiện cơ động. Điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tập trung ở một số đơn vị còn nhiều khó khăn.

Trong xây dựng Đảng, công tác chính trị, tư tưởng còn bộc lộ những yếu kém. Việc tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị của Đảng chưa kịp thời. Công tác đấu tranh chống luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch còn thụ động, thiếu sắc bén. Công tác giáo dục lý luận chính trị có chuyển biến nhưng còn chậm, nhất là về giáo dục lý luận phổ thông cho đảng viên. Công tác tổ chức, quy hoạch, đào tạo cán bộ vẫn còn những yếu kém làm ảnh hưởng không nhỏ đến sự lãnh đạo của tổ chức đảng, sự quản lý và điều hành của Nhà nước, sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh những kết quả đạt được, đáng lo ngại là đã có những biểu hiện cục bộ, bản vị địa phương, vụ lợi về chính trị trong một số cán bộ, đảng viên, viên chức nhà nước, ít nhiều đã làm tổn hại đến truyền thống đoàn kết của Đảng bộ, làm giảm sút sức mạnh của tập thể. Công tác kiểm tra còn có mặt yếu. Một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ vị trí, ý nghĩa của công tác kiểm tra.

Khả năng cấp ủy chưa thực hiện tốt chức năng lãnh đạo có kiểm tra. Đội ngũ cán bộ kiểm tra mặc dù được tăng cường, bổ sung song còn thiếu và yếu, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ mới. Công tác dân vận vẫn còn nhiều hạn chế. Nhận thức và hoạt động công tác dân vận chưa theo kịp với sự phát triển của tình hình. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu. Tình trạng quan liêu, cửa quyền, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác còn khá nặng nề, chậm được khắc phục. Có lúc, có nơi đề ra một số chủ trương, chính sách chưa thật sát với tình hình và nguyện vọng của nhân dân.

Hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể và các tổ chức xã hội chưa đồng đều. Phương pháp công tác, phương thức vận động kém hấp dẫn; còn lúng túng trong việc củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở ở các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh. Một số đoàn thể chưa phát huy được vai trò nòng cốt trong việc vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Sự phối hợp giữa Mặt trận và các đoàn thể với chính quyền các cấp có lúc thiếu chặt chẽ, chưa thật nền nếp nên đã hạn chế việc phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị.

Những yếu kém, khuyết điểm đó, ngoài nguyên nhân khách quan, còn bị tác động bởi những nguyên nhân chủ quan sau: Sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, nhất là lãnh đạo kinh tế chưa ngang tầm với sự nghiệp đổi mới. Công tác kiểm tra thực hiện các chủ trương thiếu tích cực và kịp thời. Vai trò quản lý, điều hành của chính quyền có mặt

còn yếu, trong đó có sự hạn chế của một số cán bộ chủ chốt trong một số ngành và lĩnh vực vốn là thế mạnh của tỉnh. Mặt khác, một bộ phận khá đông cán bộ và nhân dân lao động còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng và phương thức canh tác tiểu nông, bảo thủ, thiếu mạnh dạn trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, trong ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh.

Những thành tựu đạt được tuy chưa thể đưa Quảng Trị thoát ra khỏi một tỉnh nghèo, nhưng là những điều kiện, kinh nghiệm hết sức cơ bản để Đảng bộ thấu hiểu sâu sắc và toàn diện hơn thực trạng kinh tế - xã hội của địa phương, từ đó đề ra những chủ trương đúng đắn, sát hợp cho thời kỳ sau, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

CHƯƠNG XVIII

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000)

I. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII tiến hành từ ngày 07 đến ngày 09/5/1996 tại hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh (thị xã Đông Hà) với 269 đại biểu, đại diện cho hơn 16 ngàn đảng viên của 14 đảng bộ trực thuộc trong toàn Đảng bộ.

Đại hội có nhiệm vụ quan trọng là thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII trình Đại hội VIII; kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu thời kỳ 1996-2000; bầu Ban Chấp hành khoá XII và Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Sau khi phân tích, đánh giá những thành tựu đạt được và những khuyết điểm, yếu kém của tỉnh trong hơn 5 năm của nhiệm kỳ 1991-1996, Đại hội nêu rõ phương hướng và mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 1996-2000.

Mục tiêu tổng quát là: “Tập trung mọi lực lượng, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, tranh thủ thời cơ, phát huy lợi thế, phát triển kinh tế từng bước vững chắc; giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; phấn đấu không còn hộ đói, giảm bớt hộ nghèo, tăng hộ khá, sớm hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - nông nghiệp - thương mại, dịch vụ”. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng sản phẩm xã hội 10-12%/năm, nâng giá trị tổng sản phẩm nội tỉnh bình quân đầu người vào năm 2000 gấp 2,2 lần năm 1995, bắt đầu có tích lũy từ nội bộ. Đẩy mạnh tốc độ tăng bình quân hàng năm của các ngành kinh tế; công nghiệp - xây dựng: 15-18%; nông - lâm - ngư nghiệp: 5-6%; thương mại - dịch vụ và du lịch: 20-22%; giá trị xuất khẩu năm 2000 đạt 20-22 triệu USD; khai thác triệt để mọi nguồn lực, tập trung đầu tư có trọng điểm và đồng bộ, tạo nên khâu đột phá để chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phấn đấu đạt cơ cấu giá trị công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ 65-70%; nông - lâm - ngư nghiệp 30-35% vào năm 2000.

Đại hội đề ra 7 mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể: Tiếp tục đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng

hiện đại hóa, có trọng điểm, khai thác thế mạnh mũi nhọn vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, thủy sản và mở rộng công nghiệp hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; xây dựng kết cấu hạ tầng, tập trung vào các công trình quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài; phát triển thương mại - dịch vụ du lịch và tài chính ngân hàng; chăm lo giải quyết tốt các vấn đề xã hội; tăng cường nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp đổi mới.

Đại hội nhấn mạnh: “Từ vị trí lịch sử của thời kỳ chuyển tiếp nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000, các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên cần nắm vững các quan điểm, chủ trương của Đảng, đặc biệt cần thấu suốt tư tưởng: Đặt mục tiêu chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, quyết tâm vượt qua thách thức, đẩy lùi nghèo đói là nhiệm vụ trọng tâm làm cơ sở chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Coi đổi mới tổ chức và công tác cán bộ là yếu tố có tính quyết định đến tiến trình đổi mới”.

“Hơn lúc nào hết, phải ra sức tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, khai thác triệt để các nguồn lực vật chất và tinh thần, đẩy nhanh nhịp độ phát triển, thực hiện tốt nhiệm vụ và mục tiêu Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra, tạo thêm thế và

lực để bước vào thời kỳ mới - thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng quê hương Quảng Trị ngày một phồn vinh”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XII gồm 47 đồng chí và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng gồm 14 đồng chí (trong đó có một đồng chí dự khuyết).

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XII họp phiên thứ nhất đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí: Nguyễn Đức Hoan, Nguyễn Thành, Nguyễn Bường, Nguyễn Minh Kỳ, Lê Khuốc, Võ Duy Chất, Phạm Thị Lộc, Trần Sĩ Lừa, Nguyễn Viết Nên, Đào Xuân Thống, Võ Xuân Trữ. Đồng chí Nguyễn Đức Hoan được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Bường, được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy. Ngày 28/5/1996, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XII họp bầu đồng chí Nguyễn Thành giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy và bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 5 đồng chí. Đồng chí Phạm Thị Lộc, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Đến ngày 18/7/2000, Bộ Chính trị ra Quyết định số 928-QĐ/NSTW, theo đó, đồng chí Nguyễn Đức Hoan thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Thành được cử làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy¹.

1. Từ tháng 10/2000, đồng chí Nguyễn Đức Hoan chính thức bàn giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Thành.

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Từ ngày 28/6 đến ngày 01/7/1996 diễn ra sự kiện chính trị trọng đại của đất nước trong thập niên cuối của thế kỷ XX: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội đề ra mục tiêu ra sức phấn đấu để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 1996-2000, tỉnh Quảng Trị có nhiều *thuận lợi* rất cơ bản:

Các công trình kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng trong những năm trước lần lượt đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả nhiều mặt, tạo thêm nguồn lực mới thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn của địa phương.

Đời sống chính trị - xã hội ổn định, truyền thống đoàn kết của Đảng bộ và nhân dân được phát huy, cùng với những kinh nghiệm được tích lũy trong lãnh đạo và điều hành, cũng như hướng đi ngày càng rõ hơn, càng củng cố thêm niềm tin và quyết tâm đẩy mạnh công cuộc đổi mới, nhất là lĩnh vực kinh tế.

Cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước ngày càng hoàn thiện và đi vào cuộc sống, là động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, là điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ và mục tiêu 5 năm 1996-2000.

Tuy nhiên, tỉnh Quảng Trị cũng đứng trước những *khó khăn, thách thức*:

Thách thức lớn nhất vẫn là nguy cơ tụt hậu xa hơn so với sự phát triển của cả nước. Hậu quả của chiến tranh còn nặng nề, điểm xuất phát quá thấp, nền kinh tế mất cân đối lớn; lực lượng sản xuất phát triển chậm, đại bộ phận nhân dân sản xuất thuần nông, ngành, nghề nông thôn chậm phát triển, lao động thiếu việc làm còn nhiều; đời sống một bộ phận dân cư ở những vùng điều kiện sản xuất khó khăn và ở miền núi chưa được bảo đảm. Điều kiện tự nhiên, thời tiết khắc nghiệt luôn tạo ra những khó khăn, bất trắc.

Kết cấu hạ tầng thấp kém và thiếu thốn, đô thị mới hình thành, công nghiệp còn nhỏ bé, tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm và phân tán, chưa tạo ra được các mũi nhọn kinh tế có khả năng đóng góp nguồn thu lớn và ổn định cho ngân sách.

Mặt trái của cơ chế thị trường, những tiêu cực xã hội chưa được đẩy lùi.

Một số tổ chức, bộ máy và cán bộ chưa được kiện toàn và củng cố. Nhiều cán bộ còn nghèo tri thức khoa học và năng lực tổ chức thực tiễn. Trong nhiều ngành nghề chuyên môn còn thiếu cán bộ đầu đàn, chuyên gia và công nhân giỏi.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, trong bối cảnh tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp, đất nước chịu tác động mạnh của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực; tỉnh Quảng Trị bị ảnh hưởng nặng nề của

thiên tai, nhưng Đảng bộ và nhân dân vẫn nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) tăng bình quân 5 năm là 8,5%, mặc dù không đạt kế hoạch đề ra (10-12%), nhưng đây là một cố gắng lớn của tỉnh trong điều kiện nền kinh tế và đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Một số chỉ tiêu quan trọng do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra đã được hoàn thành. Tiềm lực kinh tế nhà nước của tỉnh và của nhân dân được tăng cường đáng kể.

Xác định nông nghiệp là ngành kinh tế có vai trò quan trọng trong ổn định và phát triển đời sống nhân dân, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy và chính quyền tập trung mọi nguồn lực đầu tư để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện.

Mặc dù gặp những đợt thiên tai lớn (hạn hán năm 1998, lũ lụt năm 1999), nhưng do triển khai đồng bộ các biện pháp như thủy lợi; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, chú trọng thâm canh; làm tốt công tác bảo vệ thực vật; chuyển đổi mạnh cơ cấu giống; đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; đồng thời có các chủ trương hỗ trợ cho nông dân về vật tư, tiền vốn, giống mới nên diện tích các loại cây trồng và sản lượng đều tăng.

Sản xuất lương thực chiếm vai trò chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu diện tích gieo trồng hàng năm (67-82%). Tốc độ tăng trưởng về diện tích cây lương thực trong 5 năm là 0,35%. Tốc độ tăng trưởng bình quân về diện tích lúa thời kỳ

1996-2000 là 1,15%. Tốc độ tăng bình quân về sản lượng lương thực là 13,6%. Trong đó, năng suất lúa từ 31,5 tạ/ha năm 1995 tăng lên 41,6 tạ/ha năm 2000. Sản lượng lương thực vượt chỉ tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra (21,7 vạn tấn/17-18 vạn tấn). Bình quân lương thực đầu người từ 287 kg tăng lên 369,5 kg/năm.

Cây thực phẩm tương đối ổn định. Cây công nghiệp ngắn ngày có chiều hướng tăng nhanh, nhất là cây lạc. Các loại cây này giữ vai trò tích cực trong việc gia tăng khối lượng sản phẩm hàng hoá nông sản, tăng thu nhập, trực tiếp giải quyết khó khăn tại chỗ cho nông dân.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về phát triển cây công nghiệp và kinh tế hộ gia đình, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chủ trương bù lãi suất vay ngân hàng cho những hộ nông dân vay tiền trồng cây công nghiệp nên diện tích, năng suất, sản lượng tăng nhanh; hình thành nhiều vùng tập trung chuyên canh. Cây cao su từ 4.900 ha tăng lên 9.815 ha, cà phê từ 1.380 ha tăng lên 3.400 ha, hồ tiêu từ 769 ha tăng lên 1.494 ha¹.

Trong 5 năm, công tác trồng rừng được chú trọng. Bằng nhiều nguồn vốn ở trong nước và các nguồn vốn viện trợ của các nước, các tổ chức quốc tế, diện tích trồng rừng hàng năm đạt từ 4.000 - 5.000 ha. Đã trồng 24.300 ha rừng tập trung và 16 triệu cây phân tán, đưa độ che phủ rừng từ 23% lên 30%; góp phần tích cực trong việc phòng

1. Riêng cây cao su, từ năm 1996-2000, số tiền lãi được ngân sách tỉnh cấp bù là 7.425 triệu đồng.

hộ, cải thiện và bảo vệ môi trường sinh thái, tạo điều kiện hạn chế thiên tai, thúc đẩy kinh tế phát triển. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung như gỗ giấy, sợi, nhựa thông... tạo tiền đề thuận lợi cho việc tổ chức khai thác, xây dựng các cơ sở chế biến gỗ, nhựa ổn định lâu dài.

Chăn nuôi ổn định và có bước phát triển. Đến năm 2000, tổng đàn trâu, bò có 98.044 con, đàn lợn có 185.574 con và đã “nạc hoá” 75% tổng đàn. Các loại gia cầm cũng tăng đáng kể. Chất lượng đàn gia súc, gia cầm được cải thiện. Các loại giống vật nuôi phong phú về chủng loại, năng suất tăng lên. Chương trình “nạc hóa” đàn lợn, “zê bu” đàn bò tiếp tục phát huy hiệu quả.

Thủy sản có tiến bộ. Chương trình khai thác hải sản xa bờ được đẩy mạnh giúp tăng nhanh năng lực đánh bắt. Trong 5 năm, công suất đã tăng từ 28.500 CV lên 41.800 CV. Sản lượng hải sản năm 2000 đạt 12.360 tấn (năm 1996 là 7.800 tấn). Diện tích nuôi thủy sản đạt 944 ha, tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt bình quân hàng năm 3,5 triệu USD.

Cùng với sự phát triển toàn diện của nông nghiệp, sự chuyển động của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngành, nghề, dịch vụ ở nông thôn ngày càng đa dạng. Nhiều cơ sở chế biến nông, lâm sản loại nhỏ ra đời; một số làng nghề truyền thống được phục hồi, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được coi trọng. Nhờ sự hỗ trợ tiền vốn của Nhà nước, vật tư, thiết bị của các tổ chức quốc tế và đóng góp của nhân

dân, nhiều công trình về nước sạch và vệ sinh môi trường được xây dựng, cung cấp nước sạch cho 13.000 dân.

Một bộ phận rất quan trọng của nông nghiệp tỉnh Quảng Trị là kinh tế trang trại. Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng xác định: “Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh”. Thực hiện chủ trương đó, cùng với việc Nhà nước ban hành các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất trong nông, lâm nghiệp, nông dân được giao đất lâu dài, đã phấn khởi, mạnh dạn nhận đất, đầu tư vào sản xuất, hình thành các trang trại trên nhiều địa bàn. Mô hình kinh tế trang trại nông, lâm, thủy sản có xu hướng tăng dần. Tuy hình thức, quy mô, tính chất sản xuất có khác nhau nhưng đã tạo nên mô hình kinh tế nông nghiệp hàng hoá mới có sức thuyết phục cả về kinh tế và xã hội trong chương trình khai thác đất trống, đồi núi trọc và khai thác bãi bồi, mặt nước hoang hoá ven biển phía đông của tỉnh. Đến năm 2000, toàn tỉnh có khoảng 1.002 trang trại, quy mô từ 2 ha đến trên 10 ha. Mặc dù phát triển một cách tự phát nhưng phần lớn các hộ gia đình làm kinh tế trang trại đều biết hạch toán kinh tế và sản xuất kinh doanh có lãi. 15 trang trại nông, lâm nghiệp ở huyện Triệu Phong doanh thu năm 1999 là 361 triệu đồng,

số lãi thực tế là 181 triệu đồng (50,1%); 4 trang trại nuôi trồng thủy sản doanh thu năm 1999 là 1 tỷ đồng, lãi thực tế là 530 triệu đồng (53%)... Nhờ làm kinh tế trang trại mà đời sống của nhiều hộ gia đình khá giả hơn, xây dựng nhà kiên cố, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đầu tư sản xuất.

Kinh tế trang trại còn góp phần vào việc thu hút lao động, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận nông dân. Hàng năm các trang trại trên địa bàn toàn tỉnh đã thu hút hàng ngàn lao động, là một kênh quan trọng sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cũng như vốn vay để sản xuất nông, lâm, thủy sản, làm cho ngành nông nghiệp của tỉnh phát triển toàn diện. Đó là một hướng đi đúng và hiệu quả trong chiến lược khai thác vùng gò, đồi, ven biển của tỉnh.

Nông nghiệp đã có bước đi vững chắc, tạo ra cơ cấu nông sản hàng hoá tương đối đa dạng, một số sản phẩm tăng nhanh và có quy mô đáng kể. “Trong điều kiện thiên tai liên tiếp xảy ra, nhất là hạn hán kéo dài năm 1998 và lũ lụt lịch sử cuối năm 1999 gây hậu quả nặng nề, nhưng với sự nỗ lực khắc phục của Đảng bộ và nhân dân, kinh tế nông nghiệp vẫn đạt được những thành tựu quan trọng. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp bước đầu chuyển dịch theo hướng tích cực. Thành tựu đó phản ánh hướng phát triển nông nghiệp những năm qua là đúng đắn và có hiệu quả”¹.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII*, 2001, tr.12.

Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng, bước đầu phát huy được thế mạnh, tiềm năng của tỉnh. Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng của Tỉnh ủy đã nêu rõ nhiệm vụ cụ thể: Chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả các cơ sở công nghiệp đã có, nhất là các doanh nghiệp nhà nước đã được đầu tư nâng cấp công nghệ, thiết bị... Tiến hành quy hoạch và thành lập Ban quản lý các dự án khu công nghiệp tập trung. Có cơ chế thích hợp huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế cho khu công nghiệp.

Với các chính sách đúng đắn đó, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong 5 năm đã vượt qua nhiều khó khăn, đạt được một số kết quả. Tỉnh đã đầu tư xây dựng được một số cơ sở hạ tầng kinh tế công nghiệp bước đầu mang lại hiệu quả. Một số công trình sản xuất công nghiệp mới được xây dựng như nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn/năm; dây chuyền gạch tuynen 20 triệu viên/năm; dây chuyền khai thác chế biến titan 3.000 tấn/năm; dây chuyền nghiền đá 50m³/h; dây chuyền chế biến cà phê 50 tấn/ngày, dây chuyền sơ chế cao su và một số cơ sở công nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giữ được nhịp độ tăng trưởng tương đối ổn định (13,6%), giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 11,9%. Hai sản phẩm chính là xi măng và gạch tuynen - thế mạnh về công nghiệp vật liệu xây dựng đã phát huy hiệu quả. Công nghiệp, thủ công nghiệp khai khoáng, chế biến phân lân vi sinh, chế biến thủy, hải sản được củng cố và đạt hiệu quả bước đầu.

Công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển ổn định, tăng trưởng vững chắc, chiếm 49,9% giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Một số sản phẩm được nâng cao chất lượng, ổn định thị trường tiêu thụ. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có tác động đến mức độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đều có mức tăng bình quân hàng năm khá cao: điện thương phẩm tăng 19%, xi măng tăng 10,3%, gạch tăng 13,8%, đá xây dựng tăng 11,7%, chế biến hải sản đông lạnh tăng 1,4%, nước máy tăng 15,9%.

Luật Doanh nghiệp ra đời đã tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần đăng ký kinh doanh theo quy định. Đến năm 2000, trên địa bàn tỉnh có 190 doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp ngành xây dựng và dịch vụ chiếm 68%, ngành công nghiệp chế biến chiếm 12%, các ngành khác chiếm 20%. Phần lớn các doanh nghiệp sau khi đăng ký kinh doanh đã hoạt động đúng quy định.

Các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh hoạt động ổn định và có bước phát triển, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Nhiều doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất, thường xuyên phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, mở rộng ngành nghề kinh doanh, từng bước thích nghi với cơ chế thị trường nên hiệu quả cao hơn. Kinh tế tư nhân là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nhiều doanh nghiệp mới ra đời, huy động thêm năng lực,

mở rộng quy mô, địa bàn hoạt động, có nhiều mặt hàng, sản phẩm có chất lượng, mẫu mã đẹp, tăng tính cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước, thể hiện khả năng vươn lên mạnh mẽ. Đến năm 2000 đã có 5.660 cơ sở sản xuất kinh doanh, tăng gấp 3,5 lần năm 1990.

Xây dựng cơ bản và xây dựng hạ tầng cơ sở đạt được những kết quả quan trọng. Tổng số vốn đầu tư 5 năm đạt 1.935 tỷ đồng.

Thực hiện công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tỉnh đã đầu tư mở rộng mạng lưới điện, đặc biệt là chương trình điện khí hoá nông thôn. Đến năm 2000, xây dựng được 16 trạm biến áp trung gian với dung lượng 72.776 KVA, gấp 2 lần so với năm 1996. Điện lưới quốc gia đã đến 115/136 xã, phường, thị trấn, với trên 10 vạn hộ sử dụng điện, đạt 85,5%.

Hệ thống giao thông được nâng cấp và xây dựng mới ở cả thành thị, nông thôn, miền núi, miền biển. Cùng với quốc lộ 1, quốc lộ 9 được nâng cấp, nhiều tuyến đường quan trọng được mở ra và phát huy hiệu quả. Phong trào xây dựng giao thông nông thôn được triển khai tích cực. Thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, các huyện, thị xã tích cực huy động nguồn vốn từ các chương trình, dự án, kết hợp với sức lao động của nhân dân, tận dụng vật liệu tại chỗ để xây dựng giao thông nông thôn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân và lưu thông hàng hoá. Đặc biệt một số huyện thường bị ngập lụt đã phát động phong trào kiên cố hoá giao thông nông thôn bằng bê tông xi măng. Sự nỗ lực to lớn của các

cấp ủy Đảng, chính quyền và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân đã tạo ra một hệ thống giao thông tương đối hoàn chỉnh nối liền thành thị với nông thôn, thị trấn, thị tứ với vùng sâu, vùng xa. Đến năm 2000, có 132/136 xã, phường có đường giao thông về trung tâm. Tổng vốn đầu tư phát triển giao thông vận tải trong 5 năm đạt khoảng 490,2 tỷ đồng, chiếm 25,34% tổng số vốn đầu tư trên địa bàn. Hệ thống giao thông phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các vùng. Các đơn vị vận tải đã chủ động khai thác các nguồn hàng tại địa phương và khu vực, đáp ứng nhu cầu việc làm cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Thủy lợi là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển nông nghiệp toàn diện nên toàn tỉnh đã tập trung đầu tư xây dựng. Nhiều công trình có quy mô khá lớn đã hoàn thành là Trúc Kinh, Bảo Đài, đập ngăn mặn Việt Yên. Công trình nam Thạch Hãn được củng cố và nâng cấp. Hệ thống hồ, đập, trạm bơm, đê kè, việc kiên cố hoá kênh mương, hệ thống thủy lợi miền núi, các chương trình chống cát bay, cát lấp... được thực hiện tích cực. Đến năm 2000, trên địa bàn toàn tỉnh có 237 công trình lớn, vừa và nhỏ; 10.000 km kênh mương chủ động tưới cho 70% diện tích lúa nước (tăng 10% so với năm 1995).

Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - văn hoá, mạng lưới bưu chính viễn thông phát triển khá nhanh. Đến năm 2000, 100% huyện, thị xã có hệ thống vi ba số. 100/136 xã, phường, thị trấn có điện thoại. Tỉnh đã xây dựng 33 bưu cục (tăng 43,5%), 77 điểm bưu điện văn hoá xã. Mạng viễn

thông công cộng với 26 tổng đài, số máy cố định trên mạng đạt 24.818 máy. Mật độ điện thoại đạt 2,8 máy/100 dân, tăng 2,5 lần so với năm 1995.

Cùng với sự đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo chính quyền chú trọng xây dựng các công trình phúc lợi xã hội nhằm đẩy mạnh chiến lược chăm lo phát triển con người. Bên cạnh việc sửa chữa các cơ sở hư hỏng, đã tập trung xây dựng trường học kiên cố và cao tầng (năm 1990 có 3 trường, đến năm 1996 có 56 trường và năm 2000 có 162 trường). Hệ thống y tế được củng cố và mở rộng, đã xây dựng mới bệnh viện đa khoa tỉnh, 6 trung tâm y tế huyện, 2 trung tâm kỹ thuật và 70 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Nâng cấp, xây dựng mới nhà văn hoá tỉnh, nhà văn hoá thiếu nhi, nhà văn hoá các huyện, thị xã và một số di tích lịch sử trọng điểm: di tích Nhà đày Lao Bảo, Thành cổ Quảng Trị, địa đạo Vịnh Mốc. Cơ sở vật chất của Đài phát thanh, truyền hình, báo Quảng Trị, các cơ sở thể dục thể thao được xây dựng và bổ sung trang thiết bị. Hệ thống chợ ở đô thị, nông thôn được đầu tư mở rộng. Hình thành 2 tuyến đô thị dọc tuyến quốc lộ 1 và quốc lộ 9. Diện mạo các thị xã, thị trấn, thị tứ và nhiều vùng nông thôn thay đổi sâu sắc. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Trên 60% nhà ở của nhân dân được kiên cố và bán kiên cố. Số hộ có xe máy, phương tiện nghe nhìn tăng nhanh.

Hoạt động dịch vụ - thương mại đã phục vụ tốt hơn đời sống xã hội, hình thành mạng lưới rộng hơn, hàng hoá phong phú, lưu thông thông suốt, tốc độ tăng trưởng hàng

năm đạt 14,4%. Hoạt động xuất nhập khẩu năng động, tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm thực hiện hơn 80 triệu USD, năm 2000 đạt 21,4 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu 5 năm đạt hơn 70 triệu USD.

Hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ - du lịch của các thành phần kinh tế ngày càng phát triển mạnh, không ngừng mở rộng, góp phần thúc đẩy sản xuất trong tỉnh phát triển. Các doanh nghiệp nhà nước đã giữ vững vai trò trên thị trường, có khả năng chi phối được tình hình lưu thông hàng hoá và chiếm phần lớn tỷ trọng kim ngạch xuất, nhập khẩu của cả tỉnh.

Các hoạt động kinh doanh phục vụ cung ứng vật tư hàng hoá, phục vụ sản xuất, xây dựng; phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa luôn được đảm bảo, tổ chức ứng cứu và phục vụ đồng bào bị lũ lụt nhanh chóng, kịp thời; góp phần tích cực trong việc ổn định tình hình giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ kinh doanh cá thể ngày càng phát triển với nhiều ngành nghề, loại hình, quy mô kinh doanh đa dạng, phong phú, tạo nên thị trường sôi động, chiếm trên 80% tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ xã hội. Nhờ đó đã kích thích sự cạnh tranh, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển giữa các thành phần kinh tế, thu hút một lực lượng lớn lao động. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 46 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, 11.500 hộ kinh doanh cá thể với gần 13.000 lao động.

Lĩnh vực tài chính - ngân sách có những chuyển biến tích cực, công tác thu, chi có tiến bộ. Nguồn thu ngân sách

hàng năm từ nội bộ nền kinh tế đều tăng; thu từ xuất nhập khẩu bình quân 5 năm đạt trên 300 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 1995. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2000 đạt 254,4 tỷ đồng, 5 năm đạt 1.734 tỷ đồng, tăng 1.177 tỷ đồng so với 5 năm 1991-1995. Tổng chi ngân sách địa phương 5 năm đạt 1.570 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 17,1%.

Các hoạt động dịch vụ về tài chính, ngân hàng được củng cố và phát triển. Công tác quản lý, lưu thông tiền tệ cơ bản ổn định. Phương thức hoạt động kinh doanh của ngân hàng có nhiều đổi mới và tiến bộ. Công tác huy động vốn được thực hiện bằng nhiều biện pháp nên nguồn vốn huy động tăng khá nhanh, đến năm 2000 đạt 600 tỷ đồng, tăng 2,4 lần so 5 năm trước, trong đó vay trung hạn và dài hạn chiếm 60%. Việc tập trung nguồn vốn cho vay trung và dài hạn đối với các ngành nghề sản xuất như: xi măng, gạch tuy nèn, cây công nghiệp dài ngày đã góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển.

Ngân hàng phục vụ người nghèo có dư nợ 66 tỷ đồng, với 32.175 hộ được vay. Tỷ lệ dư nợ quá hạn chỉ chiếm 2%, góp phần tích cực trong việc thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo.

Hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại có nhiều tiến bộ. Cùng với xu thế của cả nước, công tác đối ngoại nhằm đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ để hội nhập với thế giới và khu vực được Đảng bộ rất coi trọng. 5 năm

1996-2000, tỉnh đã đẩy mạnh quan hệ với các tổ chức quốc tế như UNICEF, PAM, HCR... và các tổ chức song phương như OECF, JICA, sứ quán nhiều nước. Hợp tác và xây dựng quan hệ với nhiều tổ chức như Plan, Tầm nhìn thế giới, Hội chữ thập đỏ Hà Lan, Cây hoà bình Mỹ... Đồng thời tập trung kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tạo điều kiện thuận lợi và tuân thủ các quy định của Nhà nước để tranh thủ tốt nhất sự hợp tác quốc tế, đẩy mạnh công tác vận động, tiếp xúc, xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án viện trợ có hiệu quả. Tổng số vốn đầu tư của các dự án vốn nước ngoài thực hiện trong năm 1998 khoảng 76 tỷ đồng, năm 1999 tăng lên gấp đôi. Năm 2000, khối lượng thực hiện khoảng 118 tỷ đồng.

Ngoài các dự án Chính phủ, tỉnh đã coi trọng việc kêu gọi, tiếp nhận và chỉ đạo triển khai có hiệu quả nhiều dự án phi chính phủ (NGO) tài trợ trên địa bàn hầu hết các huyện, thị xã trong tỉnh, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân, nhất là đã tranh thủ được sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế và Việt kiều ở nước ngoài một lượng tiền, hàng khá lớn để trợ giúp cho nhân dân khắc phục hậu quả lũ lụt...

Quan hệ truyền thống và hợp tác hữu nghị với các tỉnh bạn Lào được tăng cường, góp phần tích cực củng cố tình đoàn kết lâu đời giữa hai Đảng và hai Nhà nước. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng hàng năm tỉnh vẫn dành sự quan tâm, ưu tiên phát triển quan hệ với các tỉnh bạn Lào. Bên cạnh hai tỉnh kết nghĩa là Savannakhet, Salavan, tỉnh

còn mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh Champasak và Khămmuộn. Các cuộc viếng thăm của các đoàn đại biểu cấp cao tỉnh và các tỉnh bạn Lào cùng các cuộc hội đàm, ký kết các văn bản hợp tác cũng như quan hệ trực tiếp giữa các ban, ngành, địa phương trong tỉnh với cơ chế hợp tác ưu đãi đã góp phần phát triển năng động quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt - Lào. Hàng năm, tỉnh cũng dành ngân sách và hỗ trợ công tác tư vấn kỹ thuật cho hai tỉnh kết nghĩa về giáo dục - đào tạo, y tế, giao thông vận tải, phát triển nông nghiệp và cam kết cùng nhau xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị và hợp tác.

Về *phát triển vùng biển*, ngày 23/10/1996, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba khoá XII ra Nghị quyết số 02-NQ/TU về phát triển kinh tế - xã hội vùng biển đến năm 2000. Phân tích đặc điểm tình hình, tiềm năng và thế mạnh cũng như vị trí của vùng biển trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Nghị quyết đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 là: Phát huy mạnh mẽ các nguồn lực về kinh tế và xã hội của vùng biển, phấn đấu tạo nên bước phát triển vững chắc về kinh tế cả vùng cửa lạch và vùng bãi ngang, đảm bảo cho sản xuất và đời sống nhân dân vùng biển ổn định và có bước tiến bộ mới; văn hoá xã hội phát triển; quốc phòng - an ninh được giữ vững; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh đủ sức lãnh đạo phong trào, tạo tiền đề cơ bản để tiếp tục đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.

Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 02-NQ/TU

của Tỉnh ủy, kinh tế - xã hội vùng biển có những bước tiến đáng khích lệ. Năng lực đánh bắt hải sản tăng từ 28.500 CV năm 1995 lên 41.800 CV năm 2000 (tăng 1,46 lần). Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng từ 340 ha năm 1995 lên 944 ha năm 2000 (vượt 500 ha so với chỉ tiêu mà Nghị quyết đề ra); trong đó nuôi tôm sú tăng từ 120 ha năm 1995 lên 320 ha năm 2000. Sản lượng tôm nuôi tăng từ 25 tấn năm 1995 lên 100 tấn năm 2000.

Trong nông, lâm nghiệp, ngư dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con nuôi theo hướng trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, phù hợp với nhu cầu thị trường, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống. Mô hình làng sinh thái ngư - nông - lâm trên vùng cát được xây dựng ở các xã bãi ngang bước đầu mang lại kết quả khả quan. Hệ sinh thái vườn nhà kết hợp giữa trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm thu được kết quả tốt. Bằng nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước, công tác bảo vệ và phát triển vốn rừng vùng biển được chú trọng. Diện tích rừng trồng vùng biển năm 2000 tăng 1.500 ha so với năm 1995, góp phần quan trọng cải tạo môi trường, môi sinh vùng cát.

Kết cấu hạ tầng vùng biển không ngừng được đầu tư xây dựng. Đến năm 2000, 15/15 xã miền biển có điện. Hệ thống giao thông được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới, nhất là đường giao thông về trung tâm các xã. Nhiều tuyến đê cát ven biển và các tuyến đê ngăn mặn, chống lũ, chống xói lở ven sông, ven biển, bảo vệ sản xuất và các kênh tiêu nước được xây dựng. Kết hợp các biện

pháp lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi, 1.980 ha đất cát đã cải tạo thành đất trồng trọt, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và thay đổi tập quán canh tác của nhân dân.

Nhiều chương trình, dự án về đa dạng ngành nghề được thực hiện đã tạo thêm nhiều việc làm, đồng thời từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân có bước chuyển biến rõ. Thu nhập của nhân dân vùng biển ngày càng cao, cá biệt có hộ thu nhập bình quân một lao động 10-12 triệu đồng/năm. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 65% năm 1995 xuống còn 35,5% năm 2000 (theo tiêu chí mới). Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên giảm từ 2,7% năm 1995 xuống còn 1,9% năm 2000. Nhiều hộ gia đình đã kiên cố hoá nhà ở, nhiều hộ xây được nhà cao tầng. Khoảng 45% số hộ có ti vi, 15% số hộ có xe máy.

Y tế, giáo dục vùng biển có sự phát triển. 15 xã vùng biển có trạm y tế kiên cố, một số nơi nâng cấp thành phòng khám đa khoa khu vực, cơ sở vật chất được tăng cường. Số người mắc các bệnh xã hội như ho lao, sốt rét, đau mắt hột giảm dần. Tất cả các xã đều hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ đạt chuẩn quốc gia. Năm 2000, tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi vào trường tiểu học đạt 95%, vào trường trung học cơ sở đạt 85%, tăng cao so với những năm trước.

Phong trào xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá phát triển, đẩy lùi những tập tục lạc hậu và mê tín dị đoan, khôi phục và phát triển nhiều giá trị văn hoá truyền thống.

Cùng với Nghị quyết về phát triển kinh tế vùng biển, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba khoá XII ra Nghị quyết số 03-NQ/TU về *phát triển kinh tế - xã hội miền núi* đến năm 2000.

Nghị quyết đề ra mục tiêu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, đặc biệt là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Cụ thể là: chuyển nền kinh tế tự cung, tự cấp sang kinh tế hàng hoá, phát huy thế mạnh nông - lâm nghiệp, hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến và phát triển chăn nuôi. Huy động mọi nguồn lực tại chỗ kết hợp với việc tranh thủ các nguồn viện trợ quốc tế nhằm sử dụng có hiệu quả diện tích đất trống, đồi núi trọc. Khai thác đi đôi với việc bảo vệ, tái tạo nguồn tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường, đảm bảo lợi ích của đồng bào các dân tộc. Đẩy mạnh khai thác khoáng sản và thủy điện, đồng thời phát triển các trung tâm thương nghiệp. Hỗ trợ đầu tư để mở rộng giao thông; phát triển giáo dục, y tế, đào tạo cán bộ địa phương, thực hiện chính sách ưu tiên về tài chính, tín dụng, tiền lương.

5 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW của Tỉnh ủy, 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 72/HĐBT ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng, tỉnh đã liên tục triển khai nhiều chương trình kinh tế - xã hội, bố trí phù hợp vốn đầu tư cho phát triển miền núi. Tỉnh cũng xác định rõ quan điểm và đặt trọng tâm chỉ đạo, thường xuyên đôn đốc các ngành, các

địa phương triển khai thực hiện. Nhờ đó, vùng miền núi Quảng Trị đã đạt được những thành tích đáng kể.

Các dự án định canh, định cư; chuyển giao công nghệ; hỗ trợ đồng bào vùng đặc biệt khó khăn; chương trình xây dựng trung tâm cụm xã; chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã miền núi đặc biệt khó khăn và vùng sâu, vùng xa (Chương trình 135); chương trình xây dựng hạ tầng các xã biên giới; chính sách trợ cước, trợ giá hàng thiết yếu lên miền núi được các cấp, các ngành thực hiện một cách đồng bộ. Nhờ vậy, tình hình kinh tế - xã hội miền núi của tỉnh có bước phát triển mới. Đã thực hiện 16 dự án định canh, định cư, ổn định thêm 20 bản với 1.552 hộ gia đình. Tổng số vốn Nhà nước đầu tư là 15,55 tỷ đồng để ổn định và phát triển kinh tế miền núi. 6/17 trung tâm cụm xã được quy hoạch để từng bước đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu.

Các công trình kết cấu hạ tầng được xây dựng thêm nhiều, đặc biệt là việc xây dựng và nâng cấp 4 tuyến đường: Vĩnh Hà - Vĩnh Ô, 41 - Triệu Nguyên, Khe Sanh - Hướng Lập, Tân Long - Lìa. Đồng bào các dân tộc thiểu số được hỗ trợ về sản xuất và đời sống, tạo sự chuyển biến toàn diện trên các mặt. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm xuống, trình độ dân trí được nâng lên, mối quan hệ trong cộng đồng dân cư ngày càng mở rộng, các phong tục, tập quán lạc hậu từng bước bị đẩy lùi. Sản xuất đã có sự chuyển đổi từ phương thức quảng canh sang sản xuất thâm canh, lập vườn, trồng lúa nước. Một bộ phận chuyển sang sản xuất sản phẩm hàng hoá như cà phê, hồ tiêu, cao su... và phát

huy được thế mạnh của kinh tế vườn đồi, vườn nhà kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm. Lương thực quy thóc bình quân đầu người đạt 172 kg/năm. Các hoạt động xã hội có bước phát triển, an ninh chính trị ổn định. Cùng với việc hoàn thành tuyến đường Tà Rụt - La Lay và mở Cửa khẩu La Lay, việc khai thác tiềm năng, mở rộng giao lưu kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hoá và thực hiện các hoạt động văn hoá của người dân miền núi được giải quyết từng bước.

Khu kinh tế và thương mại Lao Bảo ngày càng sôi động, góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh, phát triển mối quan hệ với nước bạn Lào và các nước trong khu vực. Ngày 12/11/1998, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 219/1998/QĐ-TTg ban hành Quy chế khu vực khuyến khích phát triển kinh tế và thương mại Lao Bảo. Ngày 17/5/1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 24-CT/TU về việc đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển, quản lý hoạt động khu vực khuyến khích phát triển kinh tế và thương mại Lao Bảo. Ngày 28/3/2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Thông báo số 208-TB/TU về việc tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, xây dựng Khu Thương mại Lao Bảo. Dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo, đề ra nhiều biện pháp, tích cực xem xét cụ thể từng dự án để xác định đầu tư, chủ yếu là ưu tiên cho các công trình, hạng mục công trình chuẩn bị cho hoạt động lâu dài. Đã có 55 dự án được thẩm định, phê duyệt với tổng mức đầu tư 239.451 triệu đồng. Bước đầu, các hoạt động thương

mại đã có chuyển biến tích cực, 5 dự án đầu tư với số vốn trên 50 tỷ đồng và 2,5 triệu USD được thực hiện, trong đó có một dự án đầu tư nước ngoài.

Về kinh tế hợp tác và hợp tác xã, quán triệt Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 24/5/1996 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VII, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tám khoá XII ngày 17/4/1998 nêu rõ: “Quá trình phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã ở tỉnh ta phải được tiến hành từng bước, tích cực, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, không nóng vội chủ quan. Các hợp tác xã chuyển đổi phải tuân thủ các nguyên tắc, trước hết là nguyên tắc tự nguyện, có đóng góp cổ phần và hạch toán đầy đủ các hoạt động dịch vụ”.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch và chương trình hành động, thành lập Ban chỉ đạo 68 ở tỉnh và các huyện, thị xã để triển khai quán triệt nhận thức tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời xác định những việc cần phải tiến hành thực hiện đối với các cấp, các ngành, các địa phương, cơ sở. Vì vậy, kinh tế hợp tác và hợp tác xã đã đạt được nhiều thành tích.

Toàn tỉnh có 333 hợp tác xã¹ trong đó có 262 hợp tác xã chuyển đổi, chiếm 78,7%, 57 hợp tác xã mới thành lập chiếm 17,1%, 14 hợp tác xã chưa chuyển đổi, chiếm 4,2%.

1. Cơ cấu trong các ngành như sau:

Nông nghiệp	: 266 hợp tác xã	Xây dựng	: 2 hợp tác xã
Thủy sản	: 39 hợp tác xã	CN-TTCN	: 3 hợp tác xã
Tín dụng	: 11 hợp tác xã	Dịch vụ điện	: 1 hợp tác xã
Giao thông vận tải: 11 hợp tác xã			

Tổng số xã viên có khoảng 121.000 người, chiếm 50% tổng số lao động toàn tỉnh, trong đó, ngành nông nghiệp chiếm 80%, các ngành nghề khác 20%. Tính đến ngày 31/12/2000, tổng số vốn của các hợp tác xã là 78.893 triệu đồng, trong đó, vốn lưu động: 32.142 triệu đồng và vốn cố định là 46.751 triệu đồng.

Vị thế của hợp tác xã về mặt kinh tế mặc dù chưa tương xứng nhưng đã có vai trò quan trọng trong hỗ trợ một phần cho kinh tế hộ phát triển, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho xã viên, góp phần xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Sự tồn tại của hợp tác xã (kể cả số hợp tác xã chỉ tồn tại một cách hình thức) trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn đảm bảo giữ được ổn định ruộng đất trong khu vực nông nghiệp sau khoán hộ và triển khai Luật Đất đai, góp phần quan trọng ổn định tình hình chính trị, xã hội nông thôn.

Hợp tác xã đã có vai trò tích cực trong xây dựng mối quan hệ giữa xã viên hợp tác xã với các tổ chức, đơn vị kinh tế, sự nghiệp của Nhà nước. Tuy mức độ còn phụ thuộc vào từng hợp tác xã nhưng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước vẫn được chuyển tải đến tận xã viên. Thông qua hợp tác xã, nhân dân được tiếp cận, hưởng thụ các chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và được chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, giúp xã viên tiếp nhận các chương trình, dự án đầu tư phát triển như chương trình phát triển cây công nghiệp dài ngày, đánh bắt xa

bờ..., thực hiện việc quản lý nhà nước về giao thông vận tải, cung ứng dịch vụ điện trong sản xuất, sinh hoạt.

Trong 2 năm 1998-1999, thông qua các hợp tác xã, hơn 30 tỷ đồng vốn từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi thuộc quỹ hỗ trợ quốc gia đã được giải ngân để các huyện Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh có được một số tàu thuyền, ngư lưới cụ cần thiết phát triển nghề đánh bắt hải sản xa bờ.

Nhiều hợp tác xã chuyển đổi và thành lập mới đã thể hiện được các nguyên tắc cơ bản trong xây dựng và phát triển hợp tác xã, tinh giản được bộ máy quản lý, phát huy được vai trò tự chủ, dân chủ nội bộ, xác định địa vị chính đáng, quyền và nghĩa vụ của xã viên. Hợp tác xã từng bước được giải phóng khỏi sự ràng buộc cứng nhắc của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thích ứng với cơ chế kinh tế thị trường. Ban quản lý hợp tác xã chỉ cơ cấu một số lượng ít thành viên, nên trong các kỳ Đại hội hợp tác xã, việc tuyển chọn, bầu cử Ban quản lý cũng yêu cầu cao hơn về chất lượng, tránh được hiện tượng họ tộc, phe cánh, cục bộ.

Trong tổng số 333 hợp tác xã, có 76 hợp tác xã loại khá, chiếm 23%; trung bình: 156 hợp tác xã chiếm 47%; còn 101 hợp tác xã yếu kém, chiếm 30%. Nhiều hợp tác xã được Trung ương Liên minh hợp tác xã Việt Nam biểu dương khen thưởng tại Đại hội thi đua các hợp tác xã toàn quốc tổ chức trong năm 2000: Hợp tác xã Câu Nhi, Kim Giao (Hải Lăng); Linh Yên (Triệu Phong); Thanh Sơn

(Cam Lộ); Đông Thanh (Đông Hà); Hợp tác xã thủy sản An Đức I (Vĩnh Linh); Quỹ tín dụng Hải Phú (Hải Lăng) và Quỹ tín dụng Cửa Tùng (Vĩnh Linh).

Những kết quả trên khẳng định: kinh tế hợp tác, hợp tác xã giữ một vị trí, vai trò cần thiết và quan trọng trong nền kinh tế quốc dân nói chung, từng địa phương đơn vị và từng hộ gia đình nói riêng. Sự tồn tại của kinh tế hợp tác, hợp tác xã là tất yếu khách quan, có tác động thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

Lĩnh vực y tế có nhiều chuyển biến. Thực hiện đường lối chiến lược của Đảng trong sự nghiệp đổi mới là tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với đảm bảo công bằng xã hội, đầu tư phát triển con người, một trong những vấn đề nhằm đảm bảo cho mỗi người dân được phát huy tài năng, trí tuệ, sức lực để cống hiến cho đất nước là được chăm sóc sức khỏe ban đầu một cách tốt nhất. Vì vậy, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị nhằm không ngừng đầu tư, mở rộng và hiện đại hoá, đa dạng hoá hệ thống y tế từ Trung ương đến cơ sở. Trong điều kiện đó, công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tỉnh đã có những tiến bộ mới. Hệ thống y tế được củng cố và mở rộng. Số lượng bác sĩ tăng gấp 03 lần năm 1990. 100% thôn, bản có nhân viên sức khỏe cộng đồng; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có nữ hộ sinh; 40% có bác sĩ. Y tế dự phòng được triển khai tích cực. Các chương trình y tế quốc gia được thực hiện đạt hiệu quả cao. Bệnh xã hội giảm rõ rệt, bệnh bại liệt và bệnh phong

đã bị loại trừ. Năm 2000, Bộ Y tế chính thức công nhận Quảng Trị là tỉnh thứ 14 trong cả nước thanh toán được bệnh phong theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em được tiến hành với nhiều hình thức phong phú ở khắp 136 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh. Từ năm 1998, dự án “Làm mẹ an toàn” được triển khai thí điểm ở Cam Lộ và đến năm 1999 đã nhân rộng ra toàn tỉnh. Với những cố gắng tích cực đó, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đã đạt được kết quả có ý nghĩa: tỷ lệ trẻ dưới một tuổi tử vong giảm, ở đồng bằng từ 4‰ xuống 2,36‰ và ở miền núi từ 11,3‰ xuống 5,7‰. Chương trình tiêm chủng mở rộng được triển khai mạnh mẽ, hàng năm tỷ lệ trẻ em được tiêm phòng đạt từ 97-99%. Các dịch bệnh được khống chế và dập tắt kịp thời. Công tác khám và chữa bệnh có tiến bộ. Công tác quản lý được chấn chỉnh từng bước.

Ở vùng miền núi, đến năm 2000, 45/45 xã có trạm xá, tại các trung tâm cụm xã đã tiến hành xây dựng các phòng khám đa khoa khu vực. Đội ngũ cán bộ y tế có 257 người, trong đó có 22 bác sĩ. Số giường bệnh trên 1.000 dân là 1,3. Đa số các thôn, bản đã có cán bộ y tế cộng đồng. Hoạt động của ngành y tế và công tác phòng bệnh, chữa bệnh ở cơ sở đã có tác dụng thiết thực, sâu sắc đối với đồng bào. Từ đó, tập tục ma chay, đồng bóng từng bước được hạn chế. Đồng bào miền núi nói chung và đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng tin tưởng và phấn khởi trước sự quan tâm của Đảng và Nhà nước.

Chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Sau hơn 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; ngày 06/3/1995, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Chỉ thị số 50-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Ngày 17/01/1997, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 37/TTg về việc đẩy nhanh thực hiện chiến lược dân số đến năm 2000. Sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình của tỉnh có bước phát triển cao hơn.

Ngày 11/4/2000, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức Hội nghị kiểm điểm 07 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII về chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình nhằm phân tích, đánh giá một cách toàn diện, sâu sắc tình hình và kết quả đạt được, đồng thời chỉ rõ những mặt tồn tại, hạn chế; rút kinh nghiệm và định hướng chỉ đạo cho những năm tiếp theo.

Hội nghị khẳng định: thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng và chính quyền đã có nghị quyết chuyên đề xác định rõ vai trò, vị trí của công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình trong hệ thống mục tiêu kinh tế - xã hội hàng đầu của từng địa phương; từ đó đề ra những giải pháp tích cực, cụ thể nhằm huy động các nguồn lực đầu tư và các lực lượng xã hội tham gia thực hiện.

Ngoài phần ngân sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đã cố gắng dành một phần ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và hỗ trợ thêm cho các hoạt động dân số - kế hoạch hoá gia đình. Một số địa phương, đơn vị xác định đúng tầm chiến lược và tính hiệu quả kinh tế trực tiếp của công tác này nên đã có chính sách đầu tư thoả đáng và huy động được sự đóng góp của cộng đồng, nổi bật là Hải Lăng, Gio Linh, thị xã Quảng Trị. Huyện miền núi Hướng Hoá đã có nghị quyết dành 02% tổng thu ngân sách hàng năm của địa phương cho công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình và huyện Triệu Phong trích bình quân 2.000 đồng/người/năm để đầu tư cho công tác này.

Các cấp ủy, chính quyền đã ban hành và thực hiện một số chính sách, chế độ; khuyến khích, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng, tạo môi trường xã hội thuận lợi để thúc đẩy việc chấp nhận mô hình gia đình ít con trong cộng đồng.

Bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình được tập trung xây dựng, củng cố và từng bước nâng cao năng lực hoạt động. Đội ngũ cán bộ các cấp được tăng cường về số lượng và nâng cao chất lượng.

Công tác thông tin - giáo dục - tuyên truyền được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Đã nâng cấp và cải tạo 14 trung tâm liên xã và 65 trạm y tế xã; trang bị dụng cụ phục vụ kế hoạch hoá gia đình cho 100% trung tâm y tế huyện, cơ sở dịch vụ kỹ thuật tuyến tỉnh và 100% trạm y tế xã... Do đó, việc cung cấp dịch vụ ngày càng gần dân, thuận lợi và an toàn.

Với các hoạt động tích cực đó, chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình đã tạo được sự thay đổi mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của nhân dân. Tỷ lệ các cặp vợ chồng chấp nhận các biện pháp tránh thai hiện đại tăng từ 48,85% năm 1995 lên 70% năm 2000, bình quân mỗi năm tăng gần 5%. Tỷ lệ người sinh con thứ ba trở lên giảm từ 45% năm 1995 xuống còn 32% năm 2000, bình quân mỗi năm giảm gần 03%. Tỷ suất sinh giảm mạnh. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên đến năm 2000 là 1,66%, vượt mục tiêu kế hoạch của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ XII đề ra. Kết quả đó góp phần tích cực, hiệu quả và trực tiếp đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nâng cao mức sống của nhân dân.

Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, ngày 24/12/1996, Hội nghị Trung ương 2 khoá VIII ra Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000, trong đó nêu rõ nhiệm vụ: “Phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục các mặt yếu kém theo hướng: Chấn chỉnh công tác quản lý, khẩn trương lập lại trật tự, kỷ cương, kiên quyết đẩy lùi tiêu cực; sắp xếp và củng cố hệ thống giáo dục - đào tạo và mạng lưới trường lớp; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo; phát triển quy mô giáo dục - đào tạo, chuẩn bị tiền đề cho những bước phát triển mạnh vào đầu thế kỷ XXI”.

Thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về việc triển khai nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII, tại kỳ họp thứ năm, Ban Chấp

hành Đảng bộ tỉnh quyết định Chương trình hành động số 69-CTHĐ/TU ngày 19/4/1997 thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về chiến lược giáo dục - đào tạo đến năm 2000.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ra Nghị quyết số 8B và Nghị quyết số 09 về phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được triển khai đến tất cả cán bộ cốt cán huyện, thị xã và đảng bộ trực thuộc. Trên cơ sở đó, các huyện, thị ủy và các đảng bộ trực thuộc đều có nghị quyết, chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện nghị quyết của Trung ương và chương trình hành động của Tỉnh ủy. Các xã, phường, thị trấn, các cơ quan đơn vị đều tổ chức quán triệt nghị quyết và xây dựng kế hoạch, bản phương hướng, mục tiêu, giải pháp thực hiện.

Tỉnh đã đề ra chính sách phát triển nguồn nhân lực, với nhiều biện pháp bảo đảm cho giáo dục - đào tạo phát triển. Tiến hành quy hoạch và đề ra kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chú trọng quy hoạch lại các cơ sở dạy nghề. Chỉ đạo ngành giáo dục - đào tạo tập trung sức mạnh của toàn tỉnh chi viện cho 02 huyện miền núi Hướng Hoá và Đakrông làm tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ.

Phong trào xã hội hoá giáo dục phát triển mạnh cả diện rộng lẫn chiều sâu, bao gồm xã hội hoá nhận thức,

môi trường giáo dục, huy động nguồn lực và tác động mạnh đến công tác quản lý giáo dục. Trách nhiệm với sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo trở thành ý thức tự giác của mỗi người dân. Năm học 1996-1997, nhân dân đóng góp 4.761 triệu đồng/tổng kinh phí 54.126 triệu đồng (trong đó ngân sách tỉnh 41.451 triệu đồng, Trung ương 7.914 triệu đồng); năm học 1999-2000, nhân dân đóng góp 5.000 triệu đồng. 100% huyện, thị xã và cấp xã đã thành lập Hội đồng giáo dục và tổ chức đại hội giáo dục hàng năm để quyết định cho sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo của địa phương. Đã xây dựng được đề án phát triển giáo dục - đào tạo trên từng địa bàn, tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách phù hợp với từng địa phương. 8/9 huyện, thị xã có đề án kiên cố hoá và cao tầng hoá trường học (các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hoá, thị xã Quảng Trị, thị xã Đông Hà). Mối quan hệ giữa xã hội hoá giáo dục - đào tạo với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện tốt. Nhân dân còn tham gia giám sát quản lý toàn diện giáo dục - đào tạo, nhất là các trường ngoài công lập, làm cho giáo dục - đào tạo ngày càng phát triển. Các đơn vị sản xuất kinh doanh, các nhà hảo tâm, các tổ chức chính trị xã hội cũng đóng góp tích cực trong việc khuyến dạy, khuyến học, xây dựng cơ sở vật chất trường học.

Với những hoạt động tích cực, hiệu quả từ tỉnh đến cơ sở, mặc dù đời sống vật chất gặp nhiều khó khăn, nhưng giáo dục - đào tạo đã đạt được những thành tích đáng trân trọng. Quy mô ngành học, bậc học liên tục phát

triển. Mạng lưới trường lớp qua từng năm được sắp xếp, điều chỉnh hợp lý, nhất là vấn đề đa dạng hoá các loại hình trường lớp, tạo điều kiện thuận lợi cho con em đến trường. Hệ bán công, dân lập và tư thục phát triển mạnh. Giáo dục phổ thông năm học 2000-2001 có 146.635 học sinh, tăng 47.444 em so với năm 1995, trong đó có 963 học sinh dân tộc nội trú. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ được thực hiện hiệu quả. Năm 1996, Quảng Trị là tỉnh thứ 18/61 tỉnh, thành được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ. Năm học 2000-2001 có 134/136 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở được đẩy mạnh. Năm học 1996-1997 có 34/136 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Năm học 2000-2001 có 83/136 xã, phường, thị trấn với 03 huyện, thị (Vĩnh Linh, Gio Linh, thị xã Quảng Trị) đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục trung học cơ sở (theo chuẩn cũ). Chất lượng dạy và học ở các cấp học, ngành học, bậc học ở các loại hình trường, lớp chuyển biến cả ở diện đại trà và mũi nhọn. Số học sinh lên lớp và tốt nghiệp các cấp hàng năm đạt kết quả cao. Số học sinh giỏi quốc gia ổn định qua các năm học.

Đội ngũ giáo viên tiếp tục được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Năm học 2000-2001 có 5.614 giáo viên. Số lượng đảng viên chiếm tỷ lệ 23,8%.

Cơ sở vật chất kỹ thuật được quan tâm đầu tư. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 162 trường học kiên cố và cao tầng

với 1.547 phòng học, chiếm tỷ lệ 45% tổng số trường học. Ngân sách đầu tư cho sự nghiệp giáo dục tăng mạnh, từ 49 tỷ 368 triệu đồng năm học 1996-1997 lên 73 tỷ đồng năm học 1999-2000.

Riêng vùng miền núi, thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 23/10/1996 của Đảng bộ tỉnh, giáo dục - đào tạo có bước chuyển biến mạnh mẽ. Đến năm 2000 đã có 69 trường học (45 trường tiểu học, 17 trường trung học cơ sở, 2 trường phổ thông trung học, một trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, 4 trường phổ thông dân tộc nội trú huyện), 19.674 học sinh, 787 giáo viên. Tỷ lệ học sinh huy động đến lớp đạt 85% (năm 1996 chỉ đạt 56%), vượt chỉ tiêu Nghị quyết là 5%. Cùng với cả tỉnh, miền núi đã hoàn thành phổ cập tiểu học - xóa mù chữ năm 1996.

Tỉnh đã tăng cường đầu tư, củng cố và phát triển các trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp - dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, xây dựng 2 trung tâm trọng điểm ở cấp tỉnh, chỉ đạo các trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề và các trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động đúng hướng; tăng quy mô hướng nghiệp và học nghề. Mỗi năm các trung tâm dạy nghề và các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh đào tạo được khoảng 2.500 người, cùng với khoảng 4.500-5.000 học sinh được học nghề phổ thông hướng nghiệp ở khu vực nhà nước và hàng ngàn người học nghề ở khu vực tư nhân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Văn hoá - xã hội được đặt ra như một đòi hỏi cấp bách, nếu giải quyết tốt thì sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển

kinh tế - xã hội. Văn hoá được xác định là động lực, là sức mạnh nội sinh cho sự phát triển toàn diện. Từ nhận thức đúng đắn đó, cùng với sự nỗ lực đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ đạo sát sao việc xây dựng nền văn hoá vững chắc phù hợp với đặc điểm, điều kiện của tỉnh dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Thực hiện Nghị định số 87/CP và Chỉ thị số 814/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 64-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 03/01/1996, Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Thông tư số 03-CT/TW để triển khai chỉ đạo thực hiện một cách thống nhất và đồng bộ, rộng khắp trên toàn tỉnh nhằm đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội, lập lại kỷ cương, tăng cường sự quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực văn hoá và dịch vụ văn hoá. Ban chỉ đạo được thành lập từ tỉnh đến các huyện, thị xã và đồng loạt tổ chức công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng trong toàn thể nhân dân, nhất là việc tổ chức học tập Nghị định số 87/CP cho các cụm, xã, phường, thị trấn với hàng ngàn lượt người tham gia; đồng thời đưa nội dung thực hiện Nghị định vào tiêu chí cho cuộc vận động xây dựng làng văn hoá - gia đình văn hoá. Công tác tuyên truyền, vận động đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của nhân dân và cũng khẳng định cuộc đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội, bài trừ văn hoá phẩm độc hại là cuộc đấu tranh phù hợp với lòng

dân, được quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ, tham gia tích cực.

Ngày 20/6/1996, làng Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh được chọn làm làng thí điểm giống hồi trống đầu tiên phát động phong trào xây dựng làng văn hoá - gia đình văn hoá. Từ đó, phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hoá cơ sở đã được khơi dậy, trở thành phong trào rộng lớn, sôi động, có chiều sâu, tạo ra một sự chuyển động sâu sắc trong đời sống nông thôn, trong các địa bàn dân cư, góp phần tạo ra sự chuyển biến to lớn về đời sống tinh thần của nhân dân. Phong trào đã tập hợp, lôi cuốn được quần chúng tham gia vào những đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, phát huy cơ chế làm chủ để nhân dân tự nguyện tham gia vào công cuộc xây dựng đời sống mới; làm thất bại âm mưu lôi kéo quần chúng, phân hoá lực lượng cách mạng của các lực lượng thù địch. Từ chỗ phát động xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá, các làng đã tạo cơ hội huy động nhiều nguồn lực, nhiều sức mạnh để đầu tư xây dựng hạ tầng, đảm bảo quyền lợi dân sinh như sửa sang, xây dựng đường sá, cầu cống, xây dựng các thiết chế văn hoá, tu sửa di tích... Vệ sinh môi trường được chú ý. Từ các hương ước, quy chế của các thôn, bản, khu phố, các đơn vị mà trật tự kỷ cương được giữ vững từ nông thôn đến thành thị. An ninh trật tự tương đối giữ vững. Tệ nạn xã hội bị đẩy lùi, các hiện tượng tiêu cực khác cũng được ngăn chặn rất hiệu quả. Đạo đức truyền thống tốt đẹp được khơi dậy và giữ gìn, tình làng nghĩa

xóm được thắt chặt. Kinh tế các làng phát triển, tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh. Các chính sách xã hội, công tác đền ơn đáp nghĩa, chủ trương khuyến học, chính sách dân số đều chuyển biến tích cực.

Từ nội dung và hình thức vận động, đã hình thành những hoạt động văn hoá, văn nghệ, lễ hội mới, vừa tiến bộ, văn minh, vừa giữ gìn được bản sắc truyền thống. Nhiều huyện, xã, làng thông qua hương ước mới đã thực hiện một cách sáng tạo, nhuần nhuyễn Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Sinh hoạt văn nghệ ở nông thôn, ở các cơ quan xí nghiệp sau thời gian dài bị tê liệt được phục hồi mạnh mẽ.

Ngày 21/10/1998, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị bàn kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII. Hội nghị dành nhiều thời gian phân tích thực trạng văn hoá của tỉnh, đánh giá những thành tựu đạt được, những khuyết điểm yếu kém, nguyên nhân thành công và chưa thành công. Quán triệt các quan điểm của Đảng trên lĩnh vực văn hoá, hội nghị đề ra kế hoạch thực hiện với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể.

Về mục tiêu phấn đấu, hội nghị khẳng định: phát huy truyền thống tốt đẹp của con người Quảng Trị, đó là kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có tinh thần yêu nước, yêu quê hương, lòng tự tôn dân tộc, đề cao tinh thần tập thể, có nghị lực vươn lên trên mọi mặt, có lối sống trung thực, giản dị, giàu lòng nhân ái, trọng nhân nghĩa, cần cù lao động, có ý thức chấp hành pháp luật và quy ước của cộng đồng, thường xuyên nâng cao

trình độ, đóng góp ngày một nhiều hơn cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ quê hương.

Xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, từng bước tăng cường các thể chế văn hoá, nâng cao chất lượng hoạt động của các loại hình thông tin, văn hoá, nghệ thuật, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân.

Quán triệt những quan điểm chỉ đạo cơ bản mà Nghị quyết Trung ương đã đề ra, Hội nghị xác định nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hoá ở tỉnh tập trung vào các công việc: Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng; củng cố và xây dựng các thiết chế văn hoá; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh; phát huy sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ; phát triển tốt hệ thống thông tin đại chúng; phát triển văn học nghệ thuật; phát triển văn hoá trong các dân tộc; văn hoá trong tôn giáo và văn hoá đối ngoại.

Ngày 27/3/2000, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 32-CT/TU về việc thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở” trên cơ sở lồng ghép hai cuộc vận động lớn “Xây dựng làng văn hoá - gia đình văn hoá” và “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”. Ngày 29/9/2000, lễ phát động toàn tỉnh đã được tổ chức, là cột mốc rất ý nghĩa, đưa phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở lên tầm cao mới.

Qua quá trình thực hiện, thành công trước hết trên lĩnh vực này là công tác xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, thể hiện trên 3 mặt: công tác xây dựng làng văn hoá - gia

đình văn hoá; xây dựng các thiết chế văn hoá cơ sở; đưa ánh sáng văn hoá của Đảng, Nhà nước về cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng chiến khu cách mạng.

Sau 5 năm thực hiện Cuộc vận động xây dựng làng văn hoá - gia đình văn hoá (1996-2000), với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, điều hành của các cấp chính quyền, phối hợp đồng bộ giữa Mặt trận và các đoàn thể chính trị, được nhân dân hưởng ứng nhiệt tình, phong trào đã thật sự cắm rễ vững chắc, phát triển sâu rộng trên khắp 9 huyện, thị trong toàn tỉnh. Từ 10 làng điểm đầu tiên, đến năm 2000 đã có 259 làng, bản, khu phố và đơn vị phát động xây dựng làng văn hoá. 92 làng được công nhận đạt chuẩn. Có 25.800 hộ đạt gia đình văn hoá, trên 50 ngàn hộ đã đăng ký xây dựng gia đình văn hoá. Nhiều huyện, thị có phong trào mạnh như Vĩnh Linh, Hải Lăng, thị xã Đông Hà. Nhiều xã đã có 100% số làng phát động. Nhiều huyện, thị đã vượt trên 60% số đơn vị xây dựng làng văn hoá như thị xã Quảng Trị, huyện Hải Lăng. Nhiều làng văn hoá đã xây dựng tương đối toàn diện và bền vững, trở thành điển hình cho cả tỉnh như làng Tùng Luật, xã Vĩnh Giang (Vĩnh Linh); làng Đại An Khê, xã Hải Thượng (Hải Lăng); làng An Hà, thị trấn Lao Bảo (Hướng Hoá); khu phố 7, phường 1 và làng Điều Ngao, phường 2 (thị xã Đông Hà); khu phố 6, phường 1 (thị xã Quảng Trị); làng Thượng Nghĩa, xã Cam Nghĩa (Cam Lộ); làng Nam Đông, xã Gio Sơn (Gio Linh); làng Phú Thiêng, xã Mô Ó (Đa Krông)...

Toàn tỉnh cũng tập trung xây dựng các thiết chế văn hoá từ tỉnh đến cơ sở; hoàn thành trung tâm văn hoá thông tin, rạp chiếu bóng, thư viện, nhà văn hoá thiếu nhi, nhà thi đấu thể thao... cấp tỉnh; các bưu điện văn hoá xã, cụm văn hoá xã được xây dựng. Đặc biệt là nhiều làng văn hoá đã huy động được sức mạnh cộng đồng tạo nên các thiết chế, điểm sinh hoạt văn hoá, thể dục thể thao, thành lập các câu lạc bộ dân ca, thơ... Chú trọng công tác phục vụ nhiệm vụ chính trị, các đơn vị ngành văn hoá thông tin đã đưa hơn 18.913 quyển sách phục vụ miền núi, các trường học. Công ty Điện ảnh bằng hình thành lập 3 đội chiếu bóng lưu động phục vụ đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, chiến khu cách mạng với 2.240 buổi chiếu, 809.385 lượt người xem, 647 bộ phim; in, phát hành hàng chục nghìn băng video phục vụ mạng lưới gia đình. Đoàn nghệ thuật tổng hợp, đội thông tin lưu động đã phục vụ hàng trăm lượt tại vùng cao, vùng xa, vùng khó khăn... Đã cấp 2.234 lượt giấy phép các loại về hoạt động văn hoá. Chất lượng hoạt động văn hoá, văn nghệ được nâng cao, hình thức phong phú, nhất là các dịp lễ hội tạo ấn tượng sâu sắc. Ngoài ra, đã tiến hành kiểm tra 3.861 lượt, xử lý vi phạm 1.715 lượt cơ sở trên lĩnh vực văn hoá thông tin, dịch vụ văn hoá, kinh doanh văn hoá phẩm, các tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm; thu giữ 9.148 băng video, 4.535 đĩa CD, VCD, 322 băng catsét, 3.086 quyển sách, 981 ấn phẩm khác, 37 tivi, đầu video, 258 bảng biển, băng rôn quảng cáo. Đình chỉ hoạt động 79 cơ sở, thu hồi giấy phép 56 cơ sở, truy tố trước pháp luật 7 vụ, xử phạt hành chính

835,5 triệu đồng. Tỉnh ủy cũng chỉ đạo các ngành hữu quan sớm quy hoạch hệ thống di tích lịch sử và danh thắng. Đến năm 2000, Chính phủ phê duyệt 389 di tích lịch sử, văn hoá; có 24 di tích và cụm di tích được xếp hạng quốc gia. Một số di tích quan trọng được đầu tư tôn tạo như Thành cổ Quảng Trị, Nhà đày Lao Bảo, Đồi bò Hiên Lương - Bến Hải. Hệ thống di tích, đặc biệt là di tích lịch sử cách mạng phát huy hiệu quả cao trong giáo dục truyền thống và tham quan, du lịch. Vai trò của di tích tỉnh Quảng Trị ngày càng có vị trí xứng đáng trong di sản văn hoá Việt Nam.

Hoạt động thông tin, báo chí có nhiều đổi mới. Báo Quảng Trị được nâng lên 3 số/tuần, từng bước được cải tiến nội dung và hình thức. Hệ thống phát thanh và truyền hình nâng cao chất lượng và thời lượng. Đã phủ sóng phát thanh cho 124 xã, phường, thị trấn và sóng truyền hình cho 121/136 xã, phường, thị trấn. Trong quá trình phát triển của tỉnh, báo chí, xuất bản đã bám sát và phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đóng góp tích cực và hiệu quả vào sự thay đổi khá toàn diện về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Sau hơn 3 năm thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 17/10/1997 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản, hoạt động của báo chí, thông tin đã phát triển đúng hướng, phát huy tác dụng tích cực trong việc truyền bá đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa phương; phổ biến

những kiến thức, kinh nghiệm trong sản xuất, thường xuyên phát hiện, nêu gương điển hình tiên tiến trong đời sống xã hội, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Hoạt động xuất bản có bước phát triển đáng kể về chất và lượng, phong phú cả về nội dung và thể loại. Trong 5 năm, đã xuất bản được 260 loại ấn phẩm với 538.000 bản.

Lĩnh vực thể dục - thể thao tiến bộ từng bước. Tháng 4/1998, Thường vụ Bộ Chính trị khóa VIII ra Thông tri số 03/TT-TW về tăng cường lãnh đạo công tác thể dục thể thao ở các địa phương, các ngành, các cấp. Được sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, phong trào thể dục thể thao “khỏe vì nước” phát triển sâu rộng, đặc biệt là phong trào thể dục thể thao quần chúng. Đến năm 2000, đã có 76.000 người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, chiếm 13% dân số; có 7.300 gia đình thể thao, chiếm 6,5%. Số câu lạc bộ và điểm luyện tập thể dục thể thao tăng 350 điểm. Số trường học giảng dạy thể dục thể thao nội khoá đạt 100%, ngoại khoá là 35%. Tiêu biểu cho phong trào thi đua phát triển thể dục thể thao cơ sở về cấp huyện có: Vĩnh Linh, Hướng Hoá, thị xã Đông Hà; cơ quan đơn vị như Công ty xi măng, Ngân hàng Nhà nước, Công an tỉnh; cấp xã là các đơn vị: Vĩnh Hiền, thị trấn Hồ Xá (Vĩnh Linh), phường 1 (thị xã Đông Hà), xã Xi (Hướng Hoá), Hải Thọ (Hải Lăng), Triệu Phước (Triệu Phong), thị trấn Gio Linh (Gio Linh)...

Thông qua hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở, các giải thể thao, Hội khoẻ Phù Đổng và xây dựng các lớp nghiệp

dự, tỉnh đã đầu tư đào tạo đội ngũ vận động viên thi đấu thể thao thành tích cao ở trong nước và quốc tế. Trong 05 năm, ngành thể dục thể thao của tỉnh đã giành được 28 huy chương vàng, 22 huy chương bạc và 25 huy chương đồng. Nổi bật là vận động viên điền kinh Phan Văn Hoá đã giành được một Huy chương vàng và một Huy chương đồng tại Seagame 20. Nhiều vận động viên được xếp hạng vận động viên cấp I quốc gia.

Thực hiện Chỉ thị số 133/TTg và số 274/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Sở Thể dục thể thao cùng các ban, ngành liên quan tiến hành khảo sát, quy hoạch quỹ đất gồm 100 ha để xây dựng các công trình thể dục, thể thao, tạo sân chơi, bãi tập ở cơ sở. Nhiều cơ quan, đơn vị, cá nhân đã đầu tư hàng trăm triệu đồng xây dựng cơ sở vật chất phục vụ luyện tập thể dục thể thao.

Các chính sách xã hội được đẩy mạnh. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Đảng bộ tỉnh vẫn tập trung chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm thực hiện nên đạt được nhiều thành tích, tạo phong trào mang tính xã hội hoá, thu hút đông đảo cán bộ, nhân dân tham gia.

Thực hiện Pháp lệnh về người có công với cách mạng và Nghị định số 28/CP của Chính phủ trong 5 năm, việc giải quyết chính sách khen thưởng kháng chiến được tiến hành kịp thời. 28.000 đối tượng đã được hưởng chính sách ưu đãi người có công (trong đó: suy tôn 1.714 liệt sĩ, 1.716 thương binh và người hưởng chính sách như thương binh, 699 người có công giúp đỡ cách mạng, 17.700 người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, 545 người hoạt động

cách mạng bị tù đày, 46 cán bộ tiên khởi nghĩa, 36 cán bộ lão thành cách mạng, 821 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; giải quyết chế độ cho 434 trường hợp (vợ hoặc chồng) liệt sĩ tái giá, 2.276 trường hợp hưởng chế độ thờ cúng liệt sĩ, 261 người có công nuôi liệt sĩ); xét tặng Huân chương bạc cao cho 306 đồng chí.

Đến cuối năm 2000, toàn tỉnh có 56.998 hồ sơ các loại đối tượng có công với cách mạng, trong đó có 36.545 người được hưởng trợ cấp hàng tháng. Đời sống của đại đa số gia đình thuộc diện hưởng trợ cấp ưu đãi ngày càng được cải thiện.

Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với nước được thực hiện tốt. Trong 05 năm đã huy động gần 10,5 tỷ đồng cho công tác đền ơn đáp nghĩa, xây mới 658 ngôi nhà tình nghĩa trị giá 9,077 tỷ đồng; sửa chữa trên 500 nhà tình nghĩa trị giá gần 1,400 tỷ đồng. 93 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng của tỉnh còn sống đã được phụng dưỡng suốt đời, nhiều Mẹ được 2 đơn vị phụng dưỡng. Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” tăng nhanh, có 4.785 sổ tiết kiệm tình nghĩa với tổng số tiền trên 950 triệu đồng gửi tặng cho các gia đình chính sách gặp khó khăn. Công tác chăm sóc thương binh nặng được tổ chức chu đáo. Phong trào xã, phường, thị trấn làm tốt công tác chính sách được chính quyền và nhân dân các địa phương hưởng ứng tích cực; 75/136 xã, phường, thị trấn được công nhận làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công với nước. Toàn tỉnh đã tu sửa, xây dựng được 56 nghĩa trang liệt sĩ; tiến hành nâng cấp, cải tạo hai nghĩa trang

quốc gia là Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và Nghĩa trang liệt sĩ Đường 9.

Phát huy đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” cũng như tinh thần trách nhiệm, tình cảm đối với những người đã hy sinh, thực hiện chủ trương của Đảng, công tác quy tập mộ liệt sĩ được chú trọng. Sự phối hợp và tham gia nhiệt tình của các đơn vị quân đội, nhân dân, các ngành hữu quan đã đưa được gần 60 ngàn liệt sĩ về mai táng trong 72 nghĩa trang trong toàn tỉnh. Tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo đặc biệt thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Savannakhet (nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào) đưa về nước. Đoàn 584 là đơn vị chuyên trách của tỉnh trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ khảo sát, quy tập mộ liệt sĩ ở Lào và vùng rừng núi của tỉnh, đã phát huy truyền thống anh hùng, đề cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ với lực lượng của bạn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Đảng và nhân dân hai nước tin cậy, yêu mến. Từ mùa khô năm 1995 đến cuối năm 2000, đoàn đã phát hiện và tiến hành cất bốc, quy tập trên 1.000 mộ liệt sĩ. Việc làm này mang ý nghĩa chính trị sâu sắc, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của nhân dân ta, có tác động về tư tưởng, tình cảm, xoa dịu bớt nỗi đau cho những gia đình có người thân đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả; góp phần thắt chặt thêm tình đoàn kết, tình hữu nghị đặc biệt giữa hai Đảng, hai Nhà nước, hai dân tộc Việt - Lào anh em.

Tỉnh Quảng Trị cũng là nơi hội tụ nghĩa tình của cả nước. Trong gần 3 năm (1997-2000), Nhà đón tiếp thân

nhân liệt sĩ 27/7 đã đón gần 16.000 thân nhân trong nước đến thăm viếng, tìm kiếm mộ liệt sĩ tại tỉnh, được Trung ương và đồng bào, đồng chí các tỉnh bạn ghi nhận.

Từ những hoạt động hiệu quả, mang tính nhân văn sâu sắc đó, tỉnh Quảng Trị trở thành một điểm sáng trong phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” của cả nước. Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị mãi tự hào khi được thay mặt nhân dân cả nước chăm sóc phần mộ các anh hùng liệt sĩ đã chiến đấu, hy sinh trên chiến trường Quảng Trị và nước bạn Lào.

Bên cạnh đó, các chính sách xã hội như cứu trợ, bảo trợ xã hội, công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người già không nơi nương tựa, người bị nhiễm chất độc hoá học... được thực hiện hiệu quả. Với chủ trương đa phương hoá quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức trong và ngoài nước của Đảng bộ tỉnh, các ban, ngành hữu quan đã luôn kêu gọi các tổ chức nhân đạo, các tổ chức trong nước và quốc tế thực hiện thường xuyên và kịp thời công tác cứu trợ, cứu đói cho nhân dân khi bị thiên tai, lũ lụt, hạn hán và những lúc giáp hạt. Những năm 1996-1999, đã phân bổ cứu trợ gần 58,177 tỷ đồng, 3.835,781 tấn gạo và nhiều hàng hoá khác đến các vùng khó khăn. Toàn tỉnh có 2.146 người thuộc diện đối tượng xã hội được trợ cấp thường xuyên, trong đó có 2.067 người được hưởng chế độ chăm sóc tại cộng đồng, 79 người được nuôi dưỡng tập trung. Đời sống của các đối tượng này ngày càng được cải thiện.

Sau khi có Chỉ thị số 59-CT/TW về chăm sóc người cao tuổi, nhận thức về vai trò và vị trí của người cao tuổi trong các cấp ủy đảng, chính quyền được nâng lên. Từ đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi có những chuyển biến tích cực. Đi đôi với công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân chăm sóc người cao tuổi, các ngành trong tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động thăm hỏi, tặng quà, giúp đỡ tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, vui chơi, giải trí cho người cao tuổi; tổ chức tham quan, an dưỡng cho các cụ già làng, trưởng bản, các cựu tù chính trị yêu nước, các cán bộ lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; giải quyết chính sách cho 1.000 cụ già neo đơn. Tỉnh cũng tạo điều kiện tổ chức cho các cụ lão thành cách mạng, những người cao tuổi có uy tín và giàu kinh nghiệm tham gia góp ý vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Giải quyết việc làm luôn được xác định là vấn đề bức xúc. Bằng nhiều biện pháp và thông qua các chương trình, dự án đào tạo nghề, giải quyết việc làm mới và thu hút lao động, các cơ quan, ban, ngành hữu quan đã tạo điều kiện cho người lao động tự tìm nghề, tự tạo việc làm. Nền kinh tế tiếp tục duy trì sự tăng trưởng, vốn đầu tư xây dựng hạ tầng tăng khá nhanh nên đã giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp thành thị và tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn. Trong 05 năm đã cho vay 33.624 triệu đồng, thu hút và giải quyết việc làm cho 16.000 lao động.

Chương trình xoá đói, giảm nghèo được các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội triển

khai mạnh mẽ. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, tại kỳ họp thứ năm khoá III, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua “Chương trình xoá đói, giảm nghèo của tỉnh giai đoạn 1996-2000” với mục tiêu đến năm 2000 cơ bản không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống 15% (theo tiêu chí cũ).

Ngày 19/3/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị số 03/CT-UB về tổ chức triển khai thực hiện công tác xoá đói, giảm nghèo trên địa bàn toàn tỉnh: “Xoá đói, giảm nghèo vừa mang tính cấp bách vừa mang tính lâu dài, đòi hỏi các cấp, các ngành, các địa phương, các lực lượng tổ chức quần chúng, từng cộng đồng dân cư và từng hộ gia đình phải xem chương trình này là một trong những chương trình trọng điểm và là một mục tiêu có ý nghĩa quan trọng xuyên suốt trong cả quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh”.

Trong 5 năm, cùng với việc đẩy mạnh đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, công tác xoá đói, giảm nghèo của tỉnh trở thành nhiệm vụ chính trị quan trọng của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể quần chúng, tạo thành một phong trào rộng lớn, toàn diện từ nông thôn đến thành thị, từ đồng bằng đến vùng sâu, vùng xa. Tháng 02/1998, Ban chỉ đạo xoá đói, giảm nghèo tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tiến hành ký kết giao ước thi đua thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo giai đoạn 1998-2000 với các hội, đoàn thể cấp tỉnh. Phong trào thi

đua được triển khai rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở với nhiều hình thức và trở thành tiêu chí thi đua hằng năm của các địa phương, các cấp, các ngành, các hội, đoàn thể quần chúng gắn liền với Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đơn vị văn hoá ở cơ sở nên đạt kết quả thiết thực hơn. Từ 24.759 hộ đói, nghèo năm 1996, chiếm 22,75%, năm 2000 giảm còn 16.231 hộ, chiếm 13,2% (theo tiêu chí cũ). Trung bình mỗi năm giảm gần 2%, tương ứng 2.000 hộ/năm. Hiệu quả của chương trình đã mở ra cơ hội cho hàng ngàn hộ đói, nghèo có vốn để sản xuất, có việc làm để tăng thu nhập, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư, hạn chế một phần sự phân hoá giàu nghèo ở các địa phương. Từ đó, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền, vào sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng, tạo thế ổn định chính trị.

Thông qua chương trình xoá đói, giảm nghèo, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã thực sự đi vào cuộc sống, đến tận cơ sở, từng hộ gia đình. Năng lực hoạt động thực tiễn của các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và hội, đoàn thể ở cơ sở đã được nâng lên. Qua 05 năm thực hiện, nhiều đảng bộ, chi bộ, tổ đảng và cán bộ, đảng viên đều có chung quyết tâm xoá đói, giảm nghèo cho địa phương, cho gia đình, bà con lối xóm, khu phố, bản, làng thân yêu của mình. Nhiều đảng viên đã hoạt động không mệt mỏi với tinh thần “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, được quần chúng tin yêu, tín nhiệm và học tập.

Phong trào xoá đói, giảm nghèo ở Quảng Trị là quá trình phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, đồng thời mang tính chất xã hội hoá cao, góp phần quan trọng vào thành công chung của cả nước.

Trên lĩnh vực khoa học và công nghệ, thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ năm, ngày 19/4/1997 đã quyết nghị chương trình hành động về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000 với các mục tiêu:

Nâng cao mặt bằng khoa học và dân trí để tiếp thu, vận dụng các thành tựu khoa học, tiến bộ kỹ thuật trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm đạt được các chuyển biến trên các mặt.

Cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chủ trương, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư phát triển để khai thác tiềm năng đất đai, rừng, biển, tài nguyên khoáng sản, lợi thế so sánh nhằm thực hiện có hiệu quả các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ động đón đầu những thành tựu và xu thế phát triển mới.

Lựa chọn, tiếp thu và làm chủ các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, nâng cao trình độ khoa học và công nghệ trong sản xuất, trước hết là các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh về nông, lâm, ngư nghiệp, sản xuất vật liệu

xây dựng, tạo động lực phát triển nhanh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Phấn đấu nâng cao trình độ công nghệ lên mức trung bình ở những lĩnh vực sản xuất và dịch vụ chủ yếu.

Xây dựng đội ngũ trí thức có đủ phẩm chất, đạo đức tốt, ham tìm tòi học hỏi, có tâm huyết, có ý chí khắc phục khó khăn đưa tỉnh nhà đi lên cùng cả nước. Phấn đấu tăng thêm đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ ở các cấp, nhất là ở cơ sở và các lĩnh vực trọng yếu của tỉnh.

Tăng cường một bước cơ bản về cơ sở vật chất cho khoa học và công nghệ. Đầu tư xây dựng một số trạm, trại thực nghiệm, ứng dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học công nghệ mới; trung tâm giám sát môi trường. Nâng cấp trung tâm đo lường, thử nghiệm, các trung tâm tư vấn khảo sát, thiết kế, xây dựng trung tâm nghiên cứu phòng và chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe của tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, công tác khoa học và công nghệ đã góp phần to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội được triển khai có kết quả. Khảo nghiệm cây trồng, vật nuôi, xây dựng mô hình kinh tế sinh thái trên các tiểu vùng đã góp phần tăng năng suất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật được đẩy mạnh, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh có quy mô lớn của tỉnh: Hướng Hoá: cà phê và cây ăn quả; Vĩnh Linh, Cam Lộ: cao su, hồ tiêu, lạc trên 3 tiểu vùng gò đồi; Đông Hà: chuyển đổi

lúa sang rau, quả, cây cảnh ven đô; Triệu Phong, Hải Lăng, Gio Linh: lúa, các loại cây ngắn ngày và cải tạo vùng cát ven biển. Quy trình công nghệ gieo thẳng lúa, mạ ném, phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) được chuyển giao rộng rãi cho nông dân, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ vùng nông thôn và miền núi.

Nhiều kỹ thuật công nghệ tiến bộ được áp dụng có hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được tổ chức rộng khắp. Một số đề tài về khoa học xã hội và nhân văn bước đầu phát huy tác dụng trong thực tế. Vệ sinh môi trường được quan tâm với việc phát động rộng rãi nhân dân tham gia các phong trào “*Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường*”, “*Tháng vệ sinh an toàn thực phẩm*”, hình thành các đội quân “*Tình nguyện xanh*”, góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho nhân dân.

Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của tỉnh Quảng Trị 5 năm (1996-2000) thực hiện trong bối cảnh có nhiều thuận lợi cơ bản nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch tăng cường hoạt động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, lũng đoạn thị trường, làm xói mòn đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thanh thiếu niên, tác động xấu đến tình hình an ninh chính trị.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội diễn biến phức tạp. Các loại tội phạm và tai nạn, tệ nạn giảm chưa nhiều; đặc biệt là tội phạm kinh tế, tội phạm ma túy xảy ra khá nghiêm trọng. Tội phạm có bạo lực, có

tổ chức và cấu thành băng, ổ, nhóm phát triển. Bên cạnh các tội phạm kinh tế, tệ tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả, đã xuất hiện một số loại tội phạm mới như: bắt cóc, vi phạm nhân phẩm trẻ em, buôn bán phụ nữ, buôn bán vũ khí, chất nổ, ma túy có tính quốc tế. Thành phần tội phạm trong thanh thiếu niên chiếm tỷ lệ cao.

Ở bên ngoài, các tổ chức phản động lưu vong liên tục tổ chức các đợt xâm nhập qua biên giới để vào nội địa tỉnh. Tình hình xuất nhập cảnh, vượt biên trái phép, xâm canh, xâm cư và buôn lậu xảy ra ở trên tuyến biên giới còn diễn biến phức tạp.

Ở tuyến biển, hoạt động của tàu thuyền nước ngoài thường xuyên xâm phạm sâu vào lãnh hải ở Quảng Trị để thăm dò tình hình.

Ở nội địa, một số phần tử xấu (được các tổ chức và cá nhân bên ngoài giúp sức) đã lợi dụng vấn đề tôn giáo, có hành vi phát tán tài liệu với nội dung xấu, kích động, lôi kéo giáo dân chống lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; kích động quần chúng đòi lại số ruộng đất cũ, xây dựng, sửa chữa cơ sở tôn giáo trái phép; tăng cường các lễ hội với quy mô ngày càng lớn để tranh giành ảnh hưởng với chính quyền; tích cực quan hệ với các tổ chức tôn giáo trong và ngoài nước để tìm kiếm sự ủng hộ về mặt vật chất, tinh thần và đường lối hoạt động nhằm ngày càng thu hút nhiều người vào đạo, kể cả một số cán bộ, đảng viên.

Trong nội bộ, vẫn tồn tại những vấn đề nảy sinh liên quan đến an ninh chính trị - xã hội. Các tổ chức Đảng,

chính quyền và đoàn thể toàn tỉnh tuy đã được củng cố, kiện toàn, nhưng có nơi vẫn xảy ra những vấn đề phức tạp. Đội ngũ cán bộ, công chức trong một số ngành, địa phương, cơ sở còn yếu kém. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ còn sơ hở, mất cảnh giác, để lộ bí mật, còn chủ quan, lơ là trong việc tiếp xúc và làm việc với người nước ngoài. Lĩnh vực báo chí, xuất bản còn những yếu kém, khuyết điểm. Hàng ngàn loại tài liệu văn hoá phẩm không lành mạnh, trong đó có hơn 150 loại mang nội dung chính trị phản động đã tán phát vào địa bàn tỉnh nhằm tuyên truyền đa nguyên, đa đảng, kích động chia rẽ trong cán bộ và nhân dân.

Một số doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước liên tục thua lỗ, vi phạm pháp luật, đặc biệt là trong quản lý kinh tế, tài chính, tác động xấu đến an ninh nội bộ.

Tranh chấp, khiếu kiện về đất đai, hộ tịch, phân biệt chính cư, ngụ cư diễn ra một số nơi ở vùng nông thôn. Toàn tỉnh có hơn 100 điểm, trong đó có những điểm khá phức tạp, có một số cán bộ tham gia. Một số phần tử xấu, bất mãn, lợi dụng những khó khăn của ta để kích động quần chúng thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật, cản trở chính quyền thực hiện các chủ trương, chính sách.

Một số người nước ngoài trên địa bàn đã có các hoạt động móc nối với các đối tượng phản động cũ, gây dựng cơ sở để chống phá chế độ.

Trước diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, yêu cầu cấp bách của công tác quốc phòng, an

ninh, Bộ Chính trị khoá VIII ra Nghị quyết số 08-NQ/TW về Chiến lược an ninh quốc gia. Ngày 12/12/1999, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW với các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản:

1. Tăng cường công tác xây dựng Đảng kết hợp với bảo vệ Đảng, bảo vệ chặt chẽ an ninh chính trị nội bộ.
2. Đặc biệt coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ an ninh kinh tế.
3. Bảo vệ an ninh tư tưởng văn hoá.
4. Mở rộng hợp tác quốc tế, góp phần củng cố an ninh để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
5. Chủ động công tác phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia. Tiếp tục chỉ đạo và tổ chức có hiệu quả chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, ma túy, tăng cường củng cố quốc phòng, xây dựng thế trận an ninh nhân dân và thế trận quốc phòng toàn dân bền vững.

Ngày 28 và 29/12/1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị cho các đồng chí Tỉnh ủy viên, lãnh đạo các huyện, thị, lãnh đạo chủ chốt các sở, ban, ngành cấp tỉnh; sơ kết 7 năm (1992-1999) thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, chống diễn biến hoà bình và bạo loạn lật đổ của địch; thông qua Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Thấu suốt quan điểm của Đảng về hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở nhận định, đánh giá đúng tình hình và điều kiện cụ thể của địa phương, cấp ủy, chính quyền các cấp đã xác định công tác giáo dục quốc phòng toàn dân là một nhiệm vụ thường xuyên. Trong 05 năm (1994-1999), toàn tỉnh đã mở 56 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 3.853 lượt cán bộ chủ trì, lãnh đạo cơ quan, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở (trong đó 100% bí thư, chủ tịch, chỉ huy trưởng quân sự 2 cấp huyện và xã); đã có 43.200 lượt học sinh tham gia học theo chương trình quy định. Qua kiểm tra hàng năm đều có 100% đạt yêu cầu, trong đó có 65-70% khá, giỏi. Thông qua các hoạt động chính trị như lễ hội, kỷ niệm các ngày lịch sử trọng đại, đã tổ chức lồng ghép các chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm, nghĩa vụ, xây dựng niềm tin và lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước và tinh thần cảnh giác cách mạng cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

Tỉnh ủy chú trọng chỉ đạo việc xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh. Trong đó, coi yếu tố chính trị, tư tưởng là khâu then chốt, sức mạnh kinh tế giữ vai trò quyết định, lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt. Cùng với việc xây dựng kế hoạch phòng thủ, kế hoạch A, A2, A3, kế hoạch B, kế hoạch hoạt động tác chiến trị an - bảo vệ cơ quan xã, phường, cơ sở được bổ sung tương đối hoàn chỉnh. Tổ chức

được 44 cụm tuyến an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu. Các công trình quốc phòng được đầu tư xây dựng. Sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông, điện tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển, củng cố quốc phòng, an ninh.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương đã bám sát đường lối, chủ trương và phương châm của Đảng. Chú trọng đúng mức xây dựng đội ngũ cán bộ chỉ huy và cơ quan quân sự các cấp. Chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang địa phương được nâng cao, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, góp phần tích cực vào giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu, chất lượng ngày càng cao, từng bước giảm tỷ lệ gọi khám dự phòng. Trong 5 năm (1994-1999), gọi nhập ngũ 4.310 người. Toàn tỉnh đăng ký được 44.607 quân nhân dự bị, 635 sĩ quan dự bị, 22.224 công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ. Đảng bộ quân sự kết nạp thêm 198 đảng viên mới, đưa tỷ lệ đảng viên trong lực lượng thường trực lên 51,3% so với quân số biên chế, bảo đảm mỗi đại đội đều tổ chức được chi bộ đảng.

Lực lượng dân quân, tự vệ thường xuyên được rà soát, củng cố và không ngừng nâng cao chất lượng. Đến năm 1999, lực lượng dân quân toàn tỉnh chiếm tỷ lệ 1,7% dân số, tự vệ chiếm 31,43% cán bộ, công nhân viên. Hàng năm, 100% cơ sở đều được huấn luyện, hoàn thành chương trình cho các đối tượng theo đúng phân cấp, đảm bảo thời gian và chất lượng ngày càng cao. Trong 5 năm, tổng số dân

quân, tự vệ được huấn luyện là 42.105 lượt người. Lực lượng dân quân, tự vệ các địa phương, cơ quan, đơn vị đã phối hợp với công an tích cực bảo vệ trị an, bảo vệ sản xuất ở từng địa phương, cơ sở; xung kích trong lao động sản xuất, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, được nhân dân tin tưởng, xứng đáng là lực lượng được “dân cử, dân nuôi, sử dụng cho dân”.

Cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội hết sức khó khăn, phức tạp, nhưng với sự nỗ lực của toàn Đảng bộ, được nhân dân đồng tình, ủng hộ và quyết tâm thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực, từng bước đẩy lùi và làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, hoạt động của các loại tội phạm.

Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ được coi trọng. Các cấp ủy đảng, các cơ quan, ban, ngành xây dựng kế hoạch bảo vệ chính trị nội bộ trên tinh thần “Giữ bên trong là chính”. Đồng thời, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện chỉ thị về bảo vệ bí mật quốc gia, về công tác bảo vệ Đảng trong tình hình mới. Sau khi Ban Bảo vệ chính trị nội bộ được thành lập, Tỉnh ủy tiến hành xây dựng nhiều quy chế phối hợp hoạt động; quan tâm công tác phòng, chống nội gián, gắn chặt công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác bảo vệ an ninh kinh tế và văn hoá tư tưởng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên. Nhờ áp dụng những biện pháp đồng bộ, mặc dù tình hình phức tạp nhưng không có một tổ chức cơ sở đảng

hoặc cán bộ, đảng viên nào đi ngược lại quan điểm chính trị của Đảng, đầu hàng và làm việc cho địch.

Sau Hội nghị tổng kết 7 năm xây dựng lực lượng công an xã (1990-1997) và 3 năm xây dựng lực lượng bảo vệ dân phố (1995-1998), cấp ủy đảng, chính quyền xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ an ninh trật tự ở cơ sở, nhất là bảo đảm ổn định an ninh nông thôn trong tình hình mới. Vì vậy, đã không ngừng củng cố lực lượng này và thay thế, bổ sung 238 trưởng, phó công an xã, gần 350 công an viên ở 119 xã. Toàn tỉnh có 235 trưởng, phó công an xã, 1.379 công an viên, đảng viên chiếm 46%. Ở địa bàn đô thị, đã xây dựng 169 ban bảo vệ khu phố gồm 719 thành viên, trong đó có 43% là cựu chiến binh, cựu công an. Nghị định số 40/CP của Chính phủ về công an xã được các cấp, các ngành triển khai thực hiện nghiêm túc.

An ninh nông thôn ngày càng ổn định. Các cấp ủy và chính quyền thông qua việc thực hiện các chủ trương của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông thôn, về các chính sách khoán, giao đất, giao rừng và các chính sách kinh tế - xã hội khác để giải quyết các vấn đề nảy sinh. Những hoạt động kích động, lôi kéo quần chúng tụ tập khiêu kiện, tranh chấp về tín ngưỡng, về tập tục nổi lên như ở Gia Đăng, Sắc Tứ và Ái Tử (huyện Triệu Phong); Hải Xuân, Hải Chánh (huyện Hải Lăng); Gio Châu (huyện Gio Linh)... đều được giải quyết kịp thời. Các cấp ủy đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 135 của Hội đồng Bộ trưởng,

đặc biệt là Nghị quyết số 14 của Bộ Chính trị và Quyết định số 114 của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống tham nhũng.

Các địa phương đồng loạt phát động quần chúng mở các chiến dịch, huy động sức mạnh của cán bộ và nhân dân ra quân tấn công trấn áp tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, lập lại trật tự kỷ cương xã hội. Nhiều địa phương, đơn vị mở cuộc vận động toàn dân giáo dục người lầm lỗi đạt hiệu quả cao. Từ năm 1992-2000, đã phát hiện và xử lý trên 4.000 vụ phạm pháp hình sự, 406 vụ trọng án, hơn 3.000 vụ buôn bán hàng cấm, thu giữ hơn 50 tỷ đồng, bắt giữ, xử lý hàng ngàn đối tượng phạm pháp, triệt phá hàng chục băng ổ, nhóm lưu manh, xử lý 1.285 vụ tai nạn, tệ nạn.

Ở tuyến biên giới, các lực lượng an ninh, biên phòng đã triển khai hàng loạt biện pháp, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng tỉnh bạn Savannakhet, Salavan của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào đấu tranh làm thất bại âm mưu của các nhóm phản động lưu vong như Hoàng Cơ Minh, Đặng Văn Thanh, Nguyễn Hữu Chánh... với các chiến dịch “Đông tiến 1-2-3”, “kế hoạch Vượt sóng”... thâm nhập vào địa bàn để tiếp tế, tổ chức các hoạt động chống phá, lật đổ. Tỉnh cũng giải quyết tốt tình hình xâm canh, xâm cư, xuất nhập cảnh trái phép trên biên giới, phát hiện, đấu tranh, bắt và xử lý hàng chục đối tượng của các tổ chức đưa đón người trốn ra nước ngoài qua biên giới và cửa khẩu; đảm bảo vững chắc công tác bảo vệ an ninh biên

giới và chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững mối quan hệ hữu nghị với nước bạn Lào.

Ở tuyến biển, song song với việc đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, các cấp ủy đã phát động quần chúng ngăn chặn có hiệu quả tình hình vượt biển trốn ra nước ngoài, xoá các tụ điểm mất an ninh trật tự, củng cố lực lượng nòng cốt ở cơ sở, ổn định tình hình.

Những vấn đề tôn giáo và dân tộc được các cấp ủy địa phương hết sức coi trọng. Tình đoàn kết giữa các dân tộc trên địa bàn tỉnh được vun đắp, củng cố thông qua các hoạt động kinh tế - xã hội như chủ trương xây dựng miền núi tiến kịp miền xuôi, phong trào xóa đói, giảm nghèo, phong trào định canh định cư... Các hoạt động tôn giáo được Đảng và chính quyền các địa phương chăm lo, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dân sinh hoạt tín ngưỡng. Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tranh thủ những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo để giáo dục, vận động đồng bào dân tộc, đồng bào có đạo hăng hái góp sức xây dựng quê hương, đấu tranh chống lại những hành động lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc thực sự được Đảng, chính quyền các cấp chú trọng, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi phục vụ công cuộc đổi mới. Kết hợp với các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, phong trào “ngày biên phòng toàn dân”, nhiều địa phương

đã đưa nội dung bảo vệ an ninh trật tự vào các hoạt động trong các địa bàn dân cư, từng bước xã hội hoá công tác bảo vệ an ninh trật tự và quốc phòng.

Điểm nổi bật là qua thực hiện các phong trào, các địa phương đã kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hoá, xoá đói giảm nghèo, công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao hiểu biết về pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, củng cố lòng tin của quần chúng. Qua phong trào đã xuất hiện hàng chục mô hình tiên tiến tiêu biểu ở cấp huyện, xã, và ở một số ngành.

Cuối năm 1999, lũ lụt lớn đã gây hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản của Nhà nước và nhân dân. Toàn tỉnh có 56 người chết, 43 người bị thương; 58.861 ngôi nhà bị ngập lụt, trong đó 29.721 nhà bị ngập nặng, 5.000 nhà xiêu vẹo, 2.186 nhà bị đổ, 309 nhà bị trôi; tổng thiệt hại lên đến 550 tỷ đồng; đời sống của nhân dân vùng bị ngập lũ lâm vào cảnh “màn trời, chiếu nước” trong nhiều ngày. Hàng chục nghìn người không có nơi ở, đói, rét, ốm đau, dịch bệnh đe dọa. Môi trường sinh thái bị ô nhiễm và hủy hoại nghiêm trọng. Học sinh nghỉ học. Các tầng lớp nhân dân lo lắng sâu sắc về đời sống, sức khoẻ, học hành, phục hồi sản xuất.

Trong gian nan, thử thách càng nổi rõ vai trò lãnh đạo của Đảng bộ và tính tiên phong, gương mẫu, bám dân, vì dân của cán bộ, đảng viên. Tỉnh ủy cũng như các huyện, thị ủy và chính quyền đã có những chủ trương, biện pháp kịp thời để lãnh đạo nhân dân đoàn kết, gắn

bó, giúp đỡ nhau kiên cường đấu tranh chống lũ và khắc phục hậu quả.

Ngày 02/11/1999, Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão tỉnh dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã họp, chỉ thị cho các ngành, các cấp, các địa phương khẩn cấp áp dụng ngay các biện pháp xử lý cần thiết, trước hết ưu tiên cứu dân ra khỏi các vùng bị ngập lụt sâu, đưa dân đến nơi an toàn. Phân công chỉ đạo, tổ chức cứu hộ các hồ, đập và đoạn đê xung yếu, di dời dân các vùng ngập lụt, thông tin cho các địa phương biết tình hình lũ lụt xảy ra để nhân dân chủ động phòng chống là chính. Động viên sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang, nhân dân tại chỗ với phương tiện và quân số cao nhất, sẵn sàng áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục các sự cố xảy ra. Các cơ quan y tế, lương thực, lao động - xã hội, giao thông, bưu chính viễn thông, thủy lợi... và các ngành liên quan cùng lãnh đạo các địa phương bám sát địa bàn chỉ đạo xử lý tình huống nhanh chóng, hiệu quả. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy giao trách nhiệm cụ thể cho Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban, ngành, các huyện, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, huy động tối đa nhân lực và phương tiện sẵn có tập trung cho công tác chống lũ lụt. Đồng chí nhấn mạnh: phải xem đây là nhiệm vụ trọng tâm đột xuất và hết sức cấp bách, đòi hỏi các ngành, các cấp, các địa phương phải nêu cao tinh thần chủ động, nhằm làm giảm thiệt hại đến mức thấp nhất.

Ngày 05/11/1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 27-CT/TU về những nhiệm vụ cấp bách trước mắt phòng

chống lũ lụt, trong đó nhấn mạnh đến việc phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, khơi dậy phong trào tương thân, tương ái trong nhân dân để vượt qua khó khăn.

Sáng ngày 06/11/1999, Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức phiên họp đột xuất. Cùng dự có các đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, bí thư các huyện, thị ủy, đại diện Bộ Quốc phòng. Tại cuộc họp, các đồng chí bí thư các huyện, thị ủy đã biểu thị quyết tâm cao trong công tác chủ động cứu trợ, khắc phục hậu quả lũ lụt trong phạm vi địa phương mình. Đặc biệt chú trọng đến cả công việc trước mắt và lâu dài, vừa tập trung cứu đói cho dân, xử lý ô nhiễm môi trường nguồn nước, có biện pháp khắc phục nhanh hư hỏng ở các công trình thủy lợi, cung cấp đủ nguồn giống, phân bón, tạo điều kiện thuận lợi nhất để khi nước rút, nhân dân có thể tiến hành sản xuất vụ đông - xuân 1999-2000 đúng tiến độ.

Cũng tại phiên họp, Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để quyết định một số cơ quan, ban, ngành tạm thời làm việc vào các ngày thứ bảy, chủ nhật để tập trung cho công tác cứu hộ, cứu trợ, khắc phục lũ lụt. Ban tiếp nhận viện trợ tỉnh đã thành lập, thực hiện hoạt động tiếp nhận, quản lý các nguồn viện trợ, chi viện đúng địa chỉ, đến tận tay người dân và địa phương bị hậu quả của thiên tai với tinh thần tuyệt đối không dùng nguồn viện trợ vào mục đích khác, nghiêm cấm tình trạng tham ô, tham nhũng.

Đồng thời, lãnh đạo tỉnh chia thành nhiều đoàn xuống địa bàn chỉ đạo, cứu hộ, tập trung bảo vệ các công trình

đầu mối, hồ chứa nước, triển khai nhanh các phương án cứu hộ với phương châm “4 tại chỗ”¹ nhằm thực hiện cứu trợ khẩn cấp cho các địa phương, gia đình bị nạn.

Trong cơn lũ, nhân dân được sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang trên địa bàn tập trung cứu người, cứu tài sản, đùm bọc, yêu thương nhau, bình tĩnh, chủ động đối phó với thiên tai. Xuất hiện nhiều tấm gương sáng, hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” hết lòng vì dân, được nhân dân khen ngợi và thán phục.

Hưởng ứng thư kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cán bộ, đảng viên, quân, dân toàn tỉnh dấy lên phong trào “Nhường cơm, sẻ áo” mạnh mẽ, sâu rộng. Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lực lượng vũ trang, nhân dân cả nước, kiều bào ở nước ngoài, bạn bè quốc tế đã dành những tình cảm đặc biệt và kịp thời chi viện sức người sức của cho miền Trung, trong đó có Quảng Trị.

Đáp lại tình cảm, tấm lòng của cả nước, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo sát sao Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão tỉnh huy động tối đa lực lượng và phương tiện, bằng mọi cách kịp thời đưa hàng cứu trợ đến người bị nạn. Lực lượng tàu, bè, các loại xe của Công an, Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Sư đoàn 968 cùng các phương tiện cứu trợ các huyện, thị, nhân dân địa phương đồng loạt

1. 4 tại chỗ: chỉ đạo tại chỗ, phương tiện tại chỗ, nhân lực tại chỗ, nguồn vốn tại chỗ.

vượt qua lũ dữ, vượt qua mọi khó khăn, dù có hy sinh cả tính mạng cũng kiên quyết không để dân chịu đói, rét. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh ngày đêm bám dân, bám địa bàn; đồng thời, tỉnh chỉ đạo cấp phát lương thực, thuốc men cho hàng trăm hành khách trên các chuyến tàu và xe khách Bắc - Nam đang bị kẹt lại Quảng Trị. Tại hàng trăm điểm tiếp nhận hàng hoá, lương thực, thực phẩm viện trợ ở cơ sở, các cấp ủy và chính quyền địa phương trực tiếp chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể xã hội phân công người gánh, gửi kịp thời đưa đến từng hộ để cứu đói, chống rét. Tỉnh còn chỉ đạo các cấp có kế hoạch khắc phục hậu quả sau lũ, ổn định đời sống lâu dài cho nhân dân.

Với tinh thần trách nhiệm cao, các đoàn cứu hộ kịp thời chuyển cho nhân dân vùng bị lũ lụt số hàng viện trợ của Trung ương, các địa phương, đơn vị trong và ngoài tỉnh, tổ chức quốc tế gồm: 9.194 tấn lương khô, 521,051 tấn gạo, 31.293 bộ quần áo, 13.709 quyển vở, 616 cơ sở thuốc, 2.000 kg xăng dầu và một số vật phẩm khác trị giá 715 triệu đồng. Tiến hành phân bổ 2.800 tấn gạo Chính phủ hỗ trợ cho các huyện, thị xã để chủ động cứu trợ kịp thời cho nhân dân. Phân bổ hơn 40 tỷ đồng (bao gồm 29,8 tỷ đồng của Chính phủ hỗ trợ, 2.180 triệu đồng tiền ngân sách tỉnh, 8.254 triệu đồng tiền cứu trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước) cho các ngành, các huyện, thị xã để cứu trợ, khắc phục hạ tầng thiết yếu trước mắt.

Tỉnh đã bố trí 10 tỷ đồng nguồn vốn của ngân hàng cho vay với lãi suất 0,3%/tháng để nông dân vay mua

giống sản xuất năm 2000 và ngân sách tỉnh sẽ trả phần lãi suất cho ngân hàng trong 10 tháng.

Thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, chỉ thị của Thường vụ Tỉnh ủy, bám sát kế hoạch khắc phục hậu quả lũ lụt của Ủy ban nhân dân tỉnh, toàn tỉnh tập trung dựng lại nhà ở, làm vệ sinh môi trường, phòng trừ dịch bệnh, tiếp tục đưa trạm xá, trường học trở lại hoạt động, giải quyết lương thực chống đói để sớm ổn định đời sống cán bộ, nhân dân. Trên 6.000 cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và hàng ngàn cán bộ, nhân dân tình nguyện đến giúp dân khắc phục hậu quả. Các phóng viên báo chí, phát thanh, truyền hình nỗ lực bám sát tình hình, truyền phát tin tức cập nhật hàng ngày cho cộng đồng cả nước biết, góp phần tạo nên phong trào ủng hộ sâu rộng. Đồng thời, cả tỉnh cũng dồn sức để phục hồi sản xuất, nêu cao ý chí kiên cường trong khắc phục hậu quả như lúc chống lũ để nhanh chóng làm thay đổi bộ mặt vùng lũ. Kịp thời biểu dương, động viên phong trào, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trao bằng khen cho 4 tập thể và 27 cá nhân có thành tích cứu người, cứu tài sản, bảo vệ nhân dân trong lũ lụt lịch sử.

Ngày 14/11/1999, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị được đón Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu vào thăm. Tại các vùng rốn lũ, đồng chí thăm hỏi, động viên, tặng quà cho các gia đình neo đơn, gia đình chính sách. Đến thôn Phú Kinh (xã Hải Hoà huyện Hải Lăng), được nghe nhân dân kể về gương đảng viên sẵn sàng từ bỏ tài sản gia đình để lấy chỗ trên tầng hai nhà mình đưa hàng chục người dân

lên trú ngụ, đồng chí biểu dương, khen ngợi: Thế đúng là đảng viên của chúng ta trong lúc nguy nan nhất của dân đã nghĩ về dân trước hết. Nếu bảo vệ được dân cũng chính là bảo vệ được mình, bảo vệ Đảng. Qua cuộc chiến đấu với lũ lụt lần này, dân càng hiểu Đảng và Đảng càng hiểu dân hơn. Dân càng quý trọng Đảng và Đảng càng thấy trách nhiệm nặng nề trước dân hơn. Tôi mong toàn thể đảng viên của Đảng chúng ta ngày càng có nhiều những hành động cao đẹp như vậy. Tổng Bí thư căn dặn chính quyền các cấp phải làm hết sức mình để ổn định cuộc sống lâu dài cho nhân dân.

Với sự nỗ lực cao độ của Đảng và nhân dân, đến ngày 13/11/1999, học sinh các vùng lũ lụt nặng được đến trường. Từ đầu tháng 12, điện lực, bưu điện đã thông suốt đến tất cả các vùng trong tỉnh. Vệ sinh môi trường cơ bản được xử lý, bệnh dịch bước đầu được khống chế. Phần lớn các đường giao thông thông suốt đến tất cả các địa bàn. Nguồn giống đủ cung cấp cho vụ đông - xuân 1999-2000.

III. ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

Thực hiện cải cách hành chính: Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khoá VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính và Nghị quyết số 38/CP ngày 04/5/1994 của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết

công việc của công dân và tổ chức, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành và đạt được một số kết quả trên các lĩnh vực: cải cách thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy và đào tạo đội ngũ cán bộ.

Ngày 24/6/1997, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 723-QĐ/UB thành lập Ban chỉ đạo tổng rà soát và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh. Đến ngày 15/11/1999, đã tập hợp 963 văn bản do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành từ 31/12/1996 đến 01/7/1998, trong đó đề nghị bãi bỏ 590 văn bản, bổ sung, sửa đổi 67 văn bản, có hiệu lực 306 văn bản. Sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chấn chỉnh lại quy trình dự thảo, soạn thảo, lấy ý kiến, quyết định và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đúng với các quy định được ghi rõ trong Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 10/9/1999, được sự đồng ý của Chính phủ, Quảng Trị ký kết Hiệp định riêng dự án Cải cách hành chính công thí điểm tỉnh Quảng Trị giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Thụy Điển.

Một trong những vấn đề mà nhân dân quan tâm là thủ tục giao đất và cấp giấy phép xây dựng. Để giảm phiền hà cho dân, tỉnh cho thực hiện thí điểm cơ chế “một cửa” (phường 5, thị xã Đông Hà) và phân cấp quyền giao đất đô thị ở thị xã Đông Hà, giao đất nông - lâm nghiệp nông thôn ở huyện Cam Lộ. Thực hiện thống nhất quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy đỏ) cho dân trong khi việc thực thi giao giấy hồng (theo Nghị định

số 60/CP của Chính phủ) còn gặp nhiều khó khăn do phải nộp lệ phí trước bạ nhà ở.

Công tác quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất đã đi vào nền nếp, đúng quy định của Trung ương. Các quy trình, biểu mẫu, phí, lệ phí giao các loại đất được làm rõ, cụ thể hoá và niêm yết công khai tại những điểm dân đến làm thủ tục giao đất. Việc cấp giấy phép xây dựng được thống nhất giao cho ngành Xây dựng thực hiện và trình tự, thủ tục được thiết lập, tuân thủ theo các quy định của Nhà nước. Sau khi đối chiếu với các văn bản của Bộ Xây dựng, đã loại bỏ thủ tục xin cấp chứng chỉ quy hoạch ở các thị trấn (đô thị loại 5), được nhân dân hoan nghênh, đồng tình.

Thủ tục tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được cải tiến và từng bước đi vào nền nếp. Từ năm 1995-1999 đã tiếp 6.239 lượt người đến các cơ quan để phản ánh kiến nghị liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách, các tiêu cực, tệ nạn trong xã hội và trong nội bộ cán bộ, công chức ở các cấp, các ngành. Tiếp nhận và cơ bản giải quyết kịp thời 1.028 đơn khiếu nại, 374 đơn tố cáo (trong số 1.491 đơn, thư), thu về cho Nhà nước và nhân dân 232 triệu đồng; giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, vướng mắc của nhân dân, chấn chỉnh những việc làm thiếu trách nhiệm, vi phạm quy trình, quy chế quản lý của một số cán bộ công chức, cán bộ quản lý các doanh nghiệp nhà nước. Đã giải quyết được 327/346 đơn, thư thuộc thẩm quyền các cấp, đạt tỷ lệ 94%. Qua giải quyết, đã khôi phục quyền lợi cho người khiếu nại 190 triệu đồng

và 15.197m² đất, thu hồi cho ngân sách nhà nước 116,975 triệu đồng, xử lý kỷ luật 16 cán bộ. Tổ chức tiếp 308 lượt gồm 408 người, giải quyết hợp lý các thắc mắc của người dân trên các lĩnh vực như đền bù giải toả đất, thực hiện chính sách xã hội, phân phối hàng cứu trợ lũ lụt...

Ngày 17/12/1996, Chính phủ ban hành nghị định thành lập huyện mới Đakrông nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và đảm bảo giữ vững quốc phòng, an ninh. Từ đó, Quảng Trị có 09 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 07 huyện và 02 thị xã.

Về tổ chức bộ máy: Năm 1996, ở cấp tỉnh có 18 sở, 08 ban, ngành, 02 chi cục, 02 phòng trực thuộc và 13 tổ chức tương đương sở thuộc ngành dọc quản lý. Cấp huyện có 10 đến 12 phòng, ban, bộ phận. Thực hiện việc điều chỉnh, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định của Chính phủ, tỉnh đã thành lập Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên cơ sở sáp nhập 03 sở: Nông nghiệp, Thủy lợi, Lâm nghiệp; đổi tên Chi cục Điều động dân cư và phát triển kinh tế mới thành Ban Di dân và phát triển kinh tế mới; chuyển phòng Công chứng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh vào trực thuộc Sở Tư pháp và chỉ đạo thành lập Ban Quản lý khu Thương mại Lao Bảo. Ở cấp huyện, thành lập thêm 02 phòng Dân tộc - Định canh định cư và Kinh tế mới ở hai huyện miền núi là Hướng Hoá và Đakrông.

Trước yêu cầu đổi mới, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên và đảm bảo chất lượng trong các kỳ họp. Việc chất vấn và trả lời chất vấn tại các

kỳ họp ngày càng được chú trọng. Những nghị quyết, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Hội đồng nhân dân các cấp cơ bản phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế địa phương, đảm bảo tính thực thi, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như các nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp được kịp thời điều chỉnh, bổ sung; khắc phục hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và chấp hành pháp luật ở địa phương.

Ngày 20/7/1997, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá X trên địa bàn toàn tỉnh diễn ra thành công¹. Ngày 21/11/1999, cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành đúng luật, dân chủ, an toàn và thành công, với tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,68%; tăng hơn nhiệm kỳ 1994-1999 là 0,3%. Đặc biệt có 82/136 xã, phường, thị trấn và 03 huyện có 100% cử tri đi bầu. An ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được đảm

1. Có 5 đại biểu bầu tại Quảng Trị trúng cử: Đồng chí Nguyễn Đức Chính - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp; Đồng chí Nguyễn Đức Hoan - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Đồng chí Hồ Thị Hồng - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đakrông; Đồng chí Đoàn Khuê - Đại tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đồng chí Phan Quang - Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Quốc hội.

bảo. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm 45 người, cấp huyện 238 người, cấp xã 2.659 người. Ngày 10/12/1999, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IV họp phiên thứ nhất bầu đồng chí Nguyễn Thành - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Minh Kỳ - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Một trong những nội dung chính của cải cách hành chính là xây dựng đội ngũ công chức nói chung, công chức hành chính nói riêng ngang tầm yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Từ năm 1995 đến năm 2000, tỉnh đã đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở. Bên cạnh những lớp đào tạo dài hạn đại học, sau đại học chuyên ngành và những lớp trung cấp, cử nhân chính trị, tỉnh còn mở nhiều lớp đào tạo bồi dưỡng về quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, pháp luật, quản lý kinh tế... Nhờ đó, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và quản lý Nhà nước của đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng tăng lên.

Đến năm 2000, toàn tỉnh có 1.377 cán bộ, công chức hành chính, trong đó: trình độ đại học 646 người chiếm 47%, trình độ trung cấp 426 người chiếm 31%. Cán bộ lãnh đạo quản lý gồm giám đốc, phó giám đốc sở, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp huyện có 107 người, trong đó trình độ đại học 96 người chiếm 90%, qua bồi dưỡng trung cao quản lý nhà nước 59 người chiếm 56%; có trình độ ngoại ngữ cơ sở 35 người, chiếm 33%.

Công tác thi đua - khen thưởng có nhiều đổi mới. Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 03/6/1998 của Bộ chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới khẳng định: “Trong giai đoạn xây dựng đất nước hiện nay, trước những thời cơ và thách thức vô cùng to lớn, công tác thi đua - khen thưởng càng có vị trí hết sức quan trọng”.

Quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương, nhân kỷ niệm tỉnh Quảng Trị 10 năm đổi mới và phát triển, dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết biểu dương điển hình tiên tiến 10 năm (1989-1999) với 150 đại biểu tiêu biểu về tham dự. Công tác thi đua - khen thưởng trong thời kỳ mới thực sự trở thành động lực thúc đẩy phong trào yêu nước, cách mạng trên mọi lĩnh vực.

Hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội đạt nhiều kết quả. Đáp ứng yêu cầu mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng xác định: “Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương pháp hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”¹.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nêu rõ: “Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể phải thực sự bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, tập trung vào các phong trào xây dựng kinh tế, văn hoá, xoá đói giảm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd*, t.55, tr.405.

nghèo, giải quyết việc làm, các hoạt động tương trợ để hội viên coi tổ chức của mình là chỗ dựa tin cậy và cần thiết. Tích cực đóng góp trí tuệ, sức lực vào việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền lợi cơ bản và lợi ích hợp pháp của nhân dân”¹.

Thực hiện nghị quyết của Đảng, trên cơ sở các Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và chương trình hành động được Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xác định; các cấp Mặt trận trong tỉnh đã tập trung bám sát nhiệm vụ chính trị của Trung ương và địa phương để tổ chức hoạt động có hiệu quả.

Hệ thống Mặt trận từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được củng cố. Hình thành 1.005 Ban Mặt trận, mỗi Ban từ 5 đến 7 cán bộ. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, huyện, thị xã được bố trí, sắp xếp đủ biên chế. Hoạt động cộng tác viên tư vấn được chú ý. Lễ lối làm việc của tổ chức Mặt trận quy củ hơn, chất lượng công tác được nâng lên.

Việc tổ chức triển khai thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của hệ thống Mặt trận. Đây là cuộc vận động trung tâm, là điều kiện và tiền đề để lồng ghép, thực hiện các cuộc vận động khác có hiệu quả. Thông qua tổ chức cuộc vận động,

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh* lần thứ XII, 1996, tr.74.

Mặt trận đã hướng hoạt động về cơ sở, từ đó nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm giải quyết lợi ích hợp pháp của cơ sở, nhằm góp phần thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền và các thành viên về hoạt động của Mặt trận cơ sở ngày càng rõ hơn, từ đó đã xác định rõ trách nhiệm đối với đời sống, sản xuất của nhân dân. Cán bộ, đảng viên được phân công nhiệm vụ cụ thể hơn. Quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng và phát huy, quy chế dân chủ được quan tâm thực hiện.

Cuộc vận động đã động viên nhân dân đoàn kết gắn bó với nhau, góp phần phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo, mở rộng ngành nghề, nâng cao phúc lợi xã hội nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc và yêu cầu thiết yếu của cộng đồng dân cư. Việc hỗ trợ vốn cho người nghèo sản xuất được thực hiện với nhiều hình thức phong phú, với tổng số vốn lên đến 22 tỷ đồng. Đồng thời, ở khu dân cư, nhân dân còn giúp nhau thành lập thêm các tổ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, giúp nhau cấy giống, con nuôi để chuyển đổi cơ cấu cây, con. Số vốn nhân dân giúp nhau không lấy lãi là 786,2 triệu đồng, 118 chỉ vàng, 20 tấn giống lúa, 1.500 con lợn... Phong trào xây dựng các tổ hợp sản xuất, chăn nuôi, cải tạo vườn tạp, khôi phục các ngành nghề truyền thống, mở thêm ngành nghề mới phát triển mạnh. Nghề trồng rau xanh và hoa quả ở An Lạc, xã Đông Giang, huyện Đông Hà là một trong những điểm chuyển đổi có hiệu quả.

Từ những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế ở các khu dân cư, các mặt văn hoá, giáo dục có điều kiện để thực hiện. Phong trào tương thân, tương ái, “đền ơn đáp nghĩa” phát triển mạnh mẽ. Từ năm 1996 đến năm 2000, Mặt trận cơ sở đã vận động quyên góp được 50 triệu đồng để giúp đỡ những gia đình khó khăn, hoạn nạn đột xuất. Các gia đình chính sách được cấp ruộng tốt, ruộng gần, miễn giảm các khoản đóng góp, có điều kiện vươn lên ổn định cuộc sống. Tình làng nghĩa xóm càng thêm gắn bó. Cuộc vận động ủng hộ nhân dân Cuba 20.000 tấn gạo được nhân dân sôi nổi hưởng ứng. Chỉ trong vòng 2 tháng, toàn tỉnh đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao với số tiền là 564 triệu đồng. Năm 1997, nhân dân miền Tây Nam Bộ bị cơn bão số 5 gây thiệt hại nặng nề về người và của. Với tinh thần “lá rách ít đùm lá rách nhiều”, hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, nhân dân toàn tỉnh đã quyên góp ủng hộ được 500 triệu đồng.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì và phát huy có hiệu quả. Theo tinh thần Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), Mặt trận các cấp đã phối hợp với lực lượng Công an vận động nhân dân xoá bỏ các hủ tục, tệ nạn xã hội, thống nhất các biện pháp để phòng và chống tội phạm, đối tượng gây rối, bắt giữ và truy tố trước pháp luật các đối tượng phạm pháp; tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, góp phần nâng cao ý thức cảnh giác và trách nhiệm công dân trong việc thực

hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác an ninh trật tự. Để thực hiện tốt công tác này, Mặt trận coi trọng biện pháp giáo dục tại cộng đồng thông qua các hình thức thuyết phục, phê bình, tự phê bình, kiểm điểm trước dân, phân công giúp đỡ đối tượng gắn với phong trào “Người lớn gương mẫu, trẻ em chăm ngoan”; “Sống, làm việc theo Hiến pháp, pháp luật”.

Các tổ hoà giải, các ban công tác Mặt trận, tổ nhân dân tự quản ở khu dân cư phối hợp giải quyết hàng trăm vụ xích mích, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không để xảy ra tình trạng mất đoàn kết. Từ đó, hạn chế đến mức thấp nhất việc tranh chấp, mâu thuẫn trong thôn xóm, khiếu kiện đến chính quyền, giúp chính quyền có nhiều thuận lợi trong quản lý, điều hành xã hội. Đồng thời, các hộ gia đình tự giám sát, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở con em mình thực hiện tốt trách nhiệm, nghĩa vụ với Nhà nước, lập lại trật tự, kỷ cương ở khu dân cư.

Cũng thông qua cuộc vận động, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, giữ gìn thuần phong mỹ tục, bảo vệ môi trường, xây dựng cuộc sống văn hoá ngày càng được chú trọng. Nhiều khu dân cư xây dựng hương ước, quy ước gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị. Có 50% khu dân cư tổ chức việc cưới, việc tang theo quy định mới, 70% khu dân cư có nơi sinh hoạt vui chơi, 80% khu dân cư có đội bóng đá, bóng chuyền. Phong trào đường thông hè thoáng, giữ gìn vệ sinh chung trở thành ý thức tự giác của nhân dân, bộ mặt các khu dân cư ngày càng sạch đẹp. Phong trào “Ông bà mẫu mực,

con cháu hiếu thảo” được các gia đình trong khu dân cư và Hội người cao tuổi hưởng ứng mạnh mẽ.

Năm 2000, toàn tỉnh đã có 98% khu dân cư thực hiện cuộc vận động trên tổng số 1.407 khu dân cư. Toàn tỉnh có 219 khu dân cư được công nhận tiên tiến; 70 khu dân cư tiên tiến xuất sắc, trao huy chương “Vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc” cho 31 người.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống văn hoá ở khu dân cư” là cuộc vận động của ý Đảng lòng dân, đáp ứng nhu cầu đổi mới công tác Mặt trận theo tinh thần Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về đại đoàn kết dân tộc.

Đối với đồng bào có đạo, thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về công tác tôn giáo, các cấp Mặt trận đã coi trọng công tác vận động đồng bào, cùng với các địa phương tạo điều kiện để nhân dân phát huy đoàn kết, tham gia xây dựng chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội; hưởng ứng các cuộc vận động do Mặt trận, chính quyền và các đoàn thể xã hội phát động. Mặt trận đã tổ chức gặp mặt, trao đổi với các chức sắc của các tôn giáo về chính sách, pháp luật của Nhà nước; khuyến khích họ tham gia ý kiến với các cấp chính quyền về việc đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân. Phát động nhân dân đấu tranh chống các hành vi lợi dụng tôn giáo hoạt động trái phép và chống phá chế độ, tạo môi trường sống “tốt đời đẹp đạo”.

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, trước tình hình mới có nhiều chuyển biến, các cấp Mặt trận thường xuyên vận

động nhân dân đoàn kết, chú trọng phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, quan tâm giải quyết những tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, làm tốt công tác bảo vệ trị an và biên giới kết hợp nâng cao đời sống văn hoá, thay đổi tập tục lạc hậu. Truyền thống cách mạng một lòng một dạ theo Đảng, Bác Hồ của đồng bào được phát huy, góp phần quan trọng cùng Đảng, chính quyền giải quyết khó khăn, từng bước xây dựng quê hương trở thành các điểm phát triển, an toàn, làm chủ.

Đối với người cao tuổi, Mặt trận hướng dẫn, các cụ tham gia tổ chức và chỉ đạo hoạt động có hiệu quả. Đến năm 2000, đã có 63.331/73.502 cụ tham gia sinh hoạt ở 116 hội cơ sở. Ở tỉnh thành lập Ban đại diện và xây dựng quy chế hoạt động. Vai trò của người cao tuổi ngày càng được phát huy.

Song song với việc triển khai thực hiện các cuộc vận động lớn, Mặt trận còn phối hợp chặt chẽ với các tổ chức thành viên phát động các phong trào thi đua yêu nước rộng rãi trong mọi giai tầng của xã hội.

Liên đoàn Lao động tỉnh tiến hành thường xuyên công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, viên chức người lao động và xây dựng giai cấp công nhân ngày càng vững mạnh.

Các cấp Công đoàn tích cực hưởng ứng 03 phong trào thi đua do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành, nghề, địa phương, đơn vị, với nhiều hình thức

đa dạng, phong phú như “Thi đua lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo”, “Thi đua phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển nông thôn”, “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, nổi bật là phong trào thi đua “Lao động giỏi” - một phong trào xuyên suốt các hoạt động Công đoàn.

Phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn được các cấp Công đoàn quan tâm chỉ đạo và đạt được nhiều kết quả. Liên đoàn Lao động trực tiếp chỉ đạo các Công đoàn cơ sở chuyển nhanh hướng phục vụ sản xuất nông nghiệp, phù hợp với cơ chế thị trường. Hướng phong trào tập trung vào xây dựng hạ tầng cho nông thôn, nông dân như “điện, đường, trường, trạm, thủy lợi”; các dự án cải tạo môi sinh, môi trường, các chương trình khai thác vùng đất hoang hoá, chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đất thấp, xoá đói, giảm nghèo... Đặc biệt là việc hướng dẫn, chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây, con, kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, chế biến sản phẩm cho nông dân, góp phần tăng sản lượng, chất lượng hàng hoá nông sản, xây dựng nông thôn mới.

Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” đã phát huy vai trò của lực lượng nữ công nhân, viên chức, người lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội và xây dựng gia đình “No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”. Phong trào không chỉ thu hút đông đảo lực lượng nữ công nhân, viên chức, người lao động tham gia mà còn góp phần nâng cao nhận thức, đề cao trách nhiệm của các cấp ủy

đảng, chính quyền và toàn xã hội đối với vị trí của lao động nữ.

Các phong trào thi đua đã khơi dậy ý thức trách nhiệm, nhiệt tình cách mạng, tinh thần lao động sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, dám nghĩ, dám làm, vượt qua khó khăn, thử thách trong cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động. Công đoàn đã làm tốt công tác chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động, tạo động lực cho người lao động vươn lên trong cuộc sống và công tác, gắn bó đoàn viên với tổ chức Công đoàn, nâng cao vị thế của Công đoàn; đồng thời góp phần thực hiện chủ trương xoá đói, giảm nghèo của Đảng, Nhà nước trên địa bàn.

Hệ thống Công đoàn các cấp được thường xuyên củng cố, kiện toàn. Công đoàn cấp huyện, thị xã thành lập lại, từng bước đi vào ổn định và khẳng định vị trí của mình trong hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Công tác xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh được coi trọng. Tỷ lệ Công đoàn cơ sở vững mạnh hàng năm là 70%, đạt chỉ tiêu của Đại hội VIII Công đoàn đề ra, trong đó khu vực ngoài quốc doanh là 35%.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII về công tác thanh niên trong thời kỳ mới và chương trình hành động của các cấp ủy đảng về công tác thanh niên trong thời kỳ mới, *công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi* toàn tỉnh trong 5 năm 1996-2000 có chuyển biến tích cực. Nội dung, phương thức hoạt động của Đoàn từng bước được đổi mới. Vị trí, vai trò của Đoàn Thanh niên

được khẳng định, thể hiện vai trò nòng cốt trong nhiều hoạt động, thu hút, tập hợp đông đảo thanh, thiếu nhi tham gia, góp phần tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Bằng sự chủ động tìm kiếm, khai thác nguồn lực, tạo sức mạnh tổng hợp, hai phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước” thực sự đi vào cuộc sống của tuổi trẻ.

Thanh niên trong trường học, các đơn vị, công sở, xí nghiệp và vùng nông thôn hăng hái tham gia phong trào học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp. Các quỹ hỗ trợ thanh niên học tập, các cuộc thi trí tuệ, khoa học thu hút đông đảo thanh niên tham gia. Đến năm 2000 đã có 157,1 triệu đồng quỹ bạn nghèo hỗ trợ cho 10.723 thanh niên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Phong trào học nghề, xoá mù chữ, phổ cập tiểu học, đẩy mạnh phổ cập trung học cơ sở và phổ thông trung học được các cấp bộ Đoàn quan tâm thực hiện. Các năm 1998-2000 có 8.215 thanh niên theo học các lớp bổ túc, 11.300 thanh niên theo học ở trung tâm dạy nghề của tỉnh.

Chương trình “Thanh niên giúp nhau lập nghiệp, tham gia phát triển kinh tế - xã hội” tiếp tục được triển khai sâu rộng, góp phần xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho đoàn viên, thanh niên. Bên cạnh việc đẩy mạnh nhân rộng các mô hình, điển hình, đã xuất hiện nhiều cách làm mới, tạo đà đẩy mạnh phong trào thanh niên lập nghiệp trong thời gian tiếp theo.

Thanh niên ở nông thôn, thị xã, thị trấn chủ động ứng dụng khoa học kỹ thuật, vay vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, từng bước hiện đại hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn. Trong 3 năm 1998-2000, toàn tỉnh tiến hành 129 lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 6.605 đoàn viên thanh niên, xây dựng 61 mô hình hoạt động khoa học kỹ thuật, với 93 tổ hợp thanh niên, trang trại thanh niên; triển khai 2.553 dự án với tổng số vốn huy động là 5,86 tỷ đồng, thu hút và giải quyết việc làm cho hơn 6.000 lao động trẻ. Thanh niên đảm nhận 3.113 công trình trị giá 21,1 tỷ đồng. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 2.000 thanh niên nông thôn có thu nhập trên 10 triệu đồng/năm.

Hưởng ứng các phong trào thi đua, thanh niên công nhân, viên chức đã có 157 đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm có giá trị kinh tế trên 5,9 tỷ đồng. Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, ban khoa học kỹ thuật trẻ tiếp tục hoạt động tốt, khẳng định được vị trí của thanh niên trong thời kỳ mới.

Song song với phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, phong trào “Tuổi trẻ giữ nước” được các cấp bộ Đoàn triển khai sâu rộng, thu hút sự tham gia tự giác của đông đảo đoàn viên thanh niên. Trong 3 năm (1998-2000) đã có 1.500 thanh niên lên đường nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu và chất lượng tốt. Các mô hình cụm an toàn làm chủ, địa bàn không có tội phạm trong thanh thiếu niên, các tổ đội cờ đỏ, thanh niên xung kích được duy trì và phát triển có hiệu quả. Đoàn viên thanh niên trong lực lượng Công an, Biên phòng, Hải quan tích cực phối hợp chống xâm nhập trái phép, buôn lậu và gian lận thương mại...

Phong trào “Xúng danh Bộ đội Cụ Hồ” trong thanh niên quân đội tiếp tục được đẩy mạnh, tiêu biểu là ba phong trào thi đua “Giành 3 đỉnh cao quyết thắng”; “Học tập tốt - Hành động giỏi” - “Đoàn kết tốt - kỷ luật nghiêm”; “Đẹp người, đẹp doanh trại, đẹp tình quân dân”.

Thanh niên trong lực lượng Công an duy trì tốt phong trào thi đua học tập và làm theo 6 điều Bác dạy. Nhiều đoàn viên, thanh niên được chỉ huy các đơn vị, ngành Công an khen thưởng.

Tỉnh đoàn và Công an tỉnh đã ký kết chương trình hành động liên ngành về phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh, thiếu niên. 460 đội thanh niên xung kích, sao đỏ, dân phòng với 7.000 thanh niên hoạt động có hiệu quả, đảm bảo an ninh trật tự địa bàn. Đặc biệt trong đợt lũ cuối năm 1999, các đội thanh niên xung kích đã thể hiện vai trò tiên phong trong cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ và khắc phục hậu quả lũ lụt. 42 đội thanh niên xung kích, 168 cá nhân được tặng bằng khen, 13 đoàn viên thanh niên được Trung ương Đoàn tặng huy chương “Tuổi trẻ dũng cảm”.

Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” và các hoạt động xã hội - nhân đạo được đoàn viên thanh niên thực hiện thường xuyên, tự nguyện, tự giác. Trong 3 năm (1998-2000), tuổi trẻ toàn tỉnh đã huy động được 98.100 ngày công tu sửa và làm sạch đẹp nghĩa trang liệt sĩ; 4.700 ngày công giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công; thăm và tặng quà các lực lượng vũ trang trên 85 triệu đồng; tổ chức 854

cuộc hành hương về nguồn; phát hiện và tham gia quy tập 163 mộ liệt sĩ; tặng 138 sổ tiết kiệm cho các mẹ liệt sĩ trị giá 138 triệu đồng.

Trên cơ sở đẩy mạnh các phong trào thi đua, công tác xây dựng tổ chức đoàn và chăm lo phát triển Đoàn được tăng cường. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, từ năm 1998-2000, Đoàn đã củng cố được 148 chi đoàn và 17 Đoàn cơ sở yếu kém, thành lập mới 270 chi đoàn, có 81% Đoàn cơ sở vững mạnh và khá; kết nạp mới 22.543 đoàn viên, tổ chức cấp thẻ Đoàn cho 18.130 đoàn viên.

Đoàn Thanh niên ngày càng tăng cường công tác tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự phối hợp của các ban Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã tổ chức sơ kết 5 năm phát triển Đảng trong đoàn viên thanh niên (1993-1997), triển khai phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 1998-2000; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII về công tác thanh niên. Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, thanh niên ngày càng nhận thức được lý tưởng cao đẹp của Đảng, tỷ lệ đoàn viên thanh niên vào Đảng tăng lên. Từ năm 1993-1997 có 1.326 đoàn viên ưu tú đứng vào hàng ngũ Đảng và từ năm 1998-2000 có 1.150 đoàn viên được kết nạp Đảng.

Đoàn Thanh niên tỉnh đã tổ chức đội hình trí thức trẻ tình nguyện, tuyển chọn 52 trí thức trẻ đến công tác tại 13 xã đặc biệt khó khăn ở 2 huyện miền núi Hướng Hóa và Đakrông, khởi đầu cho các hoạt động tình nguyện có ý nghĩa sau này của tuổi trẻ tỉnh Quảng Trị.

Hội Liên hiệp Thanh niên được củng cố và phát triển mạnh. Đến năm 2000, có 9 Ủy ban Hội cấp huyện, thị, 118 Hội cấp xã, 778 chi hội, câu lạc bộ, đội, nhóm với 40.282 hội viên. Hoạt động của Đoàn - Hội thu hút được 65% thanh niên toàn tỉnh.

Hội Nông dân tỉnh với 02 phong trào “Thi đua sản xuất kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp giỏi - xoá đói giảm nghèo” và “Đoàn kết tương trợ, cần kiệm xây dựng nông thôn mới” đạt hiệu quả cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Nông dân thi đua sản xuất - kinh doanh - dịch vụ giỏi và làm giàu thực sự là một phong trào quần chúng rộng rãi được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo. Phong trào phát triển cả bề rộng và chiều sâu, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra; cải thiện đời sống của nông dân và xây dựng nông thôn mới. Cuối năm 2000, có trên 24.000 hộ nông dân đạt tiêu chí sản xuất giỏi 3 cấp, chiếm 26,7%, trong đó 1.000 hộ có mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng trang trại. Kinh tế trang trại, hợp tác phát triển, từng bước đưa nông dân thoát khỏi tình trạng làm ăn manh mún, khép kín, khai thác có hiệu quả vùng gò đồi, ao, đầm, cát ven biển, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân. Trên cơ sở đó, hàng ngàn hộ vượt qua diện nghèo và hàng trăm hộ vượt qua diện đói.

Đoàn kết, tương trợ, tình làng nghĩa xóm là truyền thống tốt đẹp của người nông dân. Hội Nông dân đã chủ động xây dựng các chương trình giúp đỡ người nghèo, xã nghèo những lúc hoạn nạn, khó khăn, khi thiên tai bão lụt với hàng chục ngàn ngày công, hàng trăm triệu đồng tiền vốn, con giống, cây giống cùng với kinh nghiệm làm ăn, khơi dậy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ hộ nghèo khó tự tin, tự lập vươn lên trong cuộc sống.

Các phong trào thi đua yêu nước thực sự cuốn hút nông dân, phát huy nội lực xây dựng nông thôn mới, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, tạo tiền đề quan trọng hướng nông nghiệp vào sản xuất hàng hoá, bảo vệ môi trường sinh thái, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Các phong trào đã thúc đẩy sự hợp tác giữa nông dân với nông dân, giữa nông dân với các nhà khoa học, các trung tâm ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông, ngư nghiệp, các doanh nghiệp; góp phần gắn kết các thành phần kinh tế, tăng cường hơn nữa khối liên minh công - nông và đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Công tác xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh được chú trọng hơn trước, nhất là khi có Chỉ thị số 33-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với nông dân. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 60.787 hội viên nông dân; 59.429 hộ/92.209 hộ có hội viên, chiếm 62,27%. Công tác tuyên truyền, giáo dục và đào tạo cán bộ Hội được đẩy mạnh, trình độ mọi mặt

của nông dân được nâng lên. Đó là nhân tố hết sức quan trọng để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định tình hình chính trị ở nông thôn.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá VII về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới và Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư về một số vấn đề về công tác cán bộ nữ trong tình hình mới, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận đã tăng cường công tác lãnh đạo, phối hợp để phát huy vị trí, vai trò của phụ nữ tỉnh Quảng Trị trong công cuộc xây dựng quê hương.

Trong lĩnh vực kinh tế, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiều chủ trương, giải pháp giải quyết việc làm cho nhân dân, trong đó có lực lượng lao động nữ. Tỉnh đã đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa ngành, đa nghề, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế, hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm, góp phần tăng thu nhập cho lao động nữ. Các cấp Hội Phụ nữ được tiếp cận với các nguồn vốn, nâng tổng số vốn các cấp hội đứng ra tín chấp là 29 tỷ đồng, giải quyết cho hàng ngàn lượt chị em vay. Năm 2000, bình quân mỗi chị được vay 1,5 triệu đồng, tăng gấp 3 lần mức vay năm 1996. Qua phong trào “vì phụ nữ nghèo”, vốn quỹ của phụ nữ tự huy động là 6,2 tỷ đồng, giải quyết cho 9.643 chị em vay. Đồng thời các cấp ủy đảng chỉ đạo chính quyền, các ngành tạo điều kiện cho phụ nữ tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình” đạt hiệu quả cao. Một bộ phận phụ nữ nông thôn mạnh dạn phát

triển kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy sản, đa dạng ngành nghề, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhờ đó, hàng ngàn gia đình đã vượt qua đói nghèo, hàng trăm gia đình trở thành gia đình làm kinh tế giỏi. Nữ cán bộ viên chức, người lao động không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, tìm thêm việc làm, nâng cao năng suất lao động để tăng thu nhập.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phụ nữ toàn tỉnh đã đóng góp quan trọng vào sự chuyển biến tích cực trên lĩnh vực văn hoá - xã hội. Trong 5 năm, phụ nữ toàn tỉnh tham gia tích cực vào công tác xã hội hoá giáo dục, y tế, các chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống tệ nạn xã hội và tội phạm, phòng chống HIV/AIDS. Phong trào “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan” gắn liền với nhiều hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình theo tiêu chí “No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” thu hút đông đảo phụ nữ tham gia. Hội Phụ nữ và ban nữ công các cấp luôn là lực lượng đi đầu trong công tác vận động phụ nữ và nhân dân thực hiện các mục tiêu dân số - kế hoạch hoá gia đình, góp phần đáng kể vào thành công của cả tỉnh về giảm tỷ lệ gia tăng dân số.

Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” được phụ nữ toàn tỉnh hưởng ứng tích cực. Trong các năm 1997-2000, các cấp Hội đã nhận đỡ đầu trên 300 bố, mẹ liệt sĩ, 20 con liệt sĩ, lập 450 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá trên 70 triệu đồng, tổ chức thăm hỏi tặng quà hàng năm trên 100 triệu đồng, xây dựng 20 nhà tình nghĩa.

Cùng với sự phát triển của xã hội, công tác giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, nâng cao trình độ mọi mặt của phụ nữ được các cấp ủy, chính quyền và tổ chức Hội chú trọng. Hàng năm, các cấp Hội trong toàn tỉnh đều có chương trình tuyên truyền, giáo dục giới thiệu hội viên phụ nữ để Đảng bồi dưỡng kết nạp. Năm 2000, có 378 chị được đứng vào hàng ngũ Đảng, tăng 2,06% so với năm 1996. Hầu hết chị em sau khi được kết nạp Đảng đều phát huy vai trò, trách nhiệm của người đảng viên, làm nòng cốt trong phong trào phụ nữ ở địa phương. Tỷ lệ cán bộ nữ trong các cấp, các ngành được nâng lên cả về số lượng và chất lượng¹.

Hội Phụ nữ các cấp từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Uy tín của tổ chức Hội được nâng lên, phạm vi hoạt động của Hội ngày càng mở rộng. Một số nội dung, chương trình công tác của Hội được xã hội hoá; từng bước góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người phụ nữ và tạo sự chuyển biến trong nhận thức của xã hội về vấn đề bình đẳng giới.

1. Nhiệm kỳ 1996-2000, có 04 đồng chí nữ là Tỉnh ủy viên, đạt 8,51%, tăng 2,13% so với nhiệm kỳ trước. Cấp ủy huyện, thị là 40 đồng chí, đạt 11,17%, tăng 4,63% so với nhiệm kỳ trước, trong đó số cán bộ Hội tham gia cấp ủy là 09 đồng chí. Ở cơ sở, nữ tham gia cấp ủy là 271 chị, đạt 10,75%, tăng 2,07% so với nhiệm kỳ trước, trong đó số cán bộ Hội tham gia là 70 chị. Số chị em được bầu vào Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004 so với nhiệm kỳ trước đều tăng: cấp tỉnh tăng 2 chị, cấp huyện, thị tăng 11 chị, cấp xã tăng 75 chị.

Hội Cựu chiến binh đã phát triển hội viên và tổ chức rộng khắp trên 100% địa bàn xã, phường, thị trấn, khu dân cư với hàng trăm câu lạc bộ cựu quân nhân, tập hợp hàng ngàn chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Hội đã làm tốt công tác động viên cựu chiến binh, cựu quân nhân giữ vững truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trong sản xuất, đời sống nhằm xây dựng gia đình hội viên ấm no, hạnh phúc, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế ở địa phương, xây dựng Hội ngày càng vững mạnh.

Hội hết sức coi trọng việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, phát động mạnh mẽ phong trào giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, xoá đói, giảm nghèo. Đến năm 1999, tổng số vốn của hội viên đưa vào sản xuất kinh doanh có 36,356 tỷ đồng, trong đó từ nội lực của hội viên là 24,440 tỷ đồng. Quỹ tín dụng nhân dân Trường Sơn có doanh số 3 tỷ đồng. Các thành viên của Hội đã xây dựng được 530 trang trại loại vừa và nhỏ, cải tạo trên 500 vườn tạp, giải quyết 5.000 lao động. Đời sống của hội viên ngày càng nâng cao, có điều kiện để giúp những gia đình hội viên còn nghèo, đói.

Hội viên cựu chiến binh tham gia tích cực vào công tác xây dựng đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội. Đến năm 2000, có 617 đồng chí tham gia các cấp ủy đảng, hàng trăm đồng chí là lãnh đạo chủ chốt của cấp ủy, chính quyền cơ sở và trên 1.000 hội viên là cấp ủy viên thôn, bản, đường phố. Hầu hết các hội viên này đều phát huy bản chất người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam,

hoạt động có hiệu quả trên cương vị đảm nhiệm, được Đảng bộ, nhân dân đánh giá cao.

Lực lượng cựu chiến binh thực sự là lực lượng xung kích, nòng cốt cùng Công an trực tiếp giải quyết các vấn đề phức tạp về an ninh trật tự nổi lên ở cộng đồng dân cư, nhất là vấn đề tranh chấp đất đai, ranh giới, khiếu kiện đông người ở 29 xã thuộc các huyện Gio Linh, Triệu Phong, Cam Lộ, Hải Lăng. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 5.200 hội viên cựu chiến binh đảm nhiệm công tác an ninh trật tự, hơn 1.200 hội viên là Công an xã và bảo vệ dân phố, hàng ngàn hội viên khác là tổ trưởng hoà giải, tự quản ở khu dân cư.

Công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ 1996-2000 được các cấp ủy thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo nên đã tạo được những chuyển biến đáng kể trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Đại hội VIII của Đảng: “Xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ then chốt, nhất là trong tình hình hiện nay, khi đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới”¹; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII xác định: “Tiếp tục quán triệt các quan điểm về xây dựng Đảng được xác định trong các nghị quyết của Đảng, nhất là Hội nghị Trung ương 3 khoá VII về “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng”, Nghị quyết của Bộ Chính trị về

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd*, t.55, tr.338.

“Một số định hướng lớn của công tác tư tưởng”, triển khai kịp thời, sâu rộng nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Trước hết, phải triển khai nhanh công tác giáo dục lý luận chính trị, làm cho cán bộ, đảng viên kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng...”¹.

Quán triệt chủ trương trên, Đảng bộ đã tiến hành công tác chính trị, tư tưởng bằng nhiều hình thức. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp về chương trình, hợp tác về phương tiện, nguồn lực, lồng ghép nội dung để chuyển tải đến cán bộ, đảng viên những định hướng lớn về chính trị, tư tưởng. Đội ngũ báo cáo viên Tỉnh ủy được duy trì và hoạt động có hiệu quả. Sau những lúng túng ban đầu của những năm đầu thập kỷ 1990, công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Đảng, những vấn đề lớn của đất nước được triển khai liên tục, rộng khắp. Các nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy được triển khai quán triệt đến các cấp, các ngành, cho đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân. Với nhiều hình thức phong phú, công tác thông tin tuyên truyền về tình hình thời sự, chính trị - xã hội tiến hành có hiệu quả.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Trị: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII*, 1996, tr.69.

Thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 28/12/1996 của Bộ Chính trị về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng; ngày 16/4/1998, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng. Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, lãnh đạo các cơ quan, đoàn thể về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng được nâng lên. Đến quý II-2000, toàn tỉnh mua 1.664 tờ báo Nhân dân/kỳ, 439 cuốn Tạp chí Cộng sản/kỳ; 257 cuốn Tạp chí Xây dựng Đảng và 1.543 tờ báo Quảng Trị/kỳ¹.

Nhân các ngày lễ kỷ niệm trọng đại của cả nước và của tỉnh như 50 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/1997); 10 năm lập lại tỉnh (01/7/1989-01/7/1999), đặc biệt là kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2000), thông qua các hoạt động lễ hội, các phong trào thi đua, công tác tuyên truyền được tập trung đẩy mạnh. Ngày 27/12/1999, Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 28-CT/TU về tổ chức kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng. Đồng thời, Tỉnh ủy xuất bản tập sách “Tóm tắt lịch sử Đảng bộ Quảng Trị (1930-2000)” và Tài liệu sinh hoạt chi bộ số đặc biệt nhằm tăng cường công tác tuyên truyền. Nhiều công trình mang tên “Công trình chào mừng 70 năm Ngày thành lập Đảng” được xây dựng. Hoạt động văn hoá, văn nghệ diễn ra sôi nổi ở các địa phương. Hoà trong không khí mừng Xuân Canh Thìn, các hoạt động kỷ niệm 70 năm

1. Ở Đảng bộ cấp xã: 63,9% có báo Nhân dân; 61,7% có báo Quảng Trị; 33,8% có Tạp chí cộng sản; 22% có Tạp chí Xây dựng Đảng.

Ngày thành lập Đảng đã tạo ra không khí vui tươi, lành mạnh, động viên mọi tầng lớp nhân dân đoàn kết, khắc phục hậu quả lũ lụt và những khó khăn, thách thức, hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2000 và nhiệm kỳ 1996-2000.

Công tác sưu tầm, biên soạn lịch sử Đảng được các cấp ủy quan tâm nhằm góp phần giáo dục truyền thống cách mạng của quê hương cho cán bộ, đảng viên, nhân dân. Tỉnh ủy đã xuất bản 2 tập Lịch sử Đảng bộ tỉnh thời kỳ 1930-1954 và 1954-1975. Các huyện, thị đều hoàn thành xuất bản Lịch sử Đảng bộ địa phương giai đoạn 1930-1975.

Nhờ đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên các cấp có sự chuyển biến tích cực. Công tác đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch có hiệu quả. Niềm tin đối với Đảng, với đường lối đổi mới ngày càng được khẳng định, tạo sự nhất trí cao về chính trị và tinh thần trong Đảng bộ và nhân dân, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phát huy truyền thống kiên cường, trung dũng của quê hương trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bước vào thời kỳ đổi mới, đội ngũ cán bộ các cấp của tỉnh tiếp tục phấn đấu và rèn luyện trưởng thành, gánh vác trọng trách mà Đảng giao phó. Tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu, con đường chủ nghĩa xã hội; đồng tình

cao và kiên trì thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong điều kiện nền kinh tế phát triển chưa cao, đời sống gặp khó khăn, nhưng đa số cán bộ, đảng viên vẫn giữ được đạo đức, phẩm chất cách mạng; phát huy tinh thần đoàn kết, gắn bó với nhân dân, với cơ sở, chăm lo đến sự nghiệp chung, cố gắng thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ của mình, của đơn vị một cách tốt nhất. Chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã tích cực, tự giác học tập, nghiên cứu để nâng cao nhận thức, năng lực tổ chức, điều hành nhiệm vụ và đã có bước trưởng thành khá nhanh chóng, từng bước thích ứng với cơ chế mới. Một số lĩnh vực, một số ngành đạt được những thành tích rõ nét.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 30/10/1997 về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong đó, xác định rõ mục tiêu: “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh, trước hết, đặc biệt chú ý cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo phẩm chất và năng lực, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ nhằm lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giữ vững độc lập, tự chủ, đi lên chủ nghĩa xã hội”.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII, Ban Thường vụ chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền xây dựng các đề án sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế ở các cơ quan đảng, đoàn thể, các cơ quan quản lý nhà nước. Sau khi tiếp thu các nghị quyết của Trung ương, chương trình, kế hoạch của tỉnh, các huyện, thị và các đảng bộ trực thuộc đã khẩn trương mở hội nghị quán triệt, đồng thời xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch của đơn vị, địa phương và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương về tổ chức và cán bộ.

Nhận thức được vai trò quan trọng của tổ chức cơ sở đảng trong việc lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Tỉnh ủy đã đề ra những chủ trương, giải pháp sát hợp và tập trung chỉ đạo thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện, thị ủy tiến hành kiểm tra, khảo sát, đánh giá thực trạng các loại hình tổ chức cơ sở đảng; tập trung chỉ đạo củng cố các tổ chức cơ sở đảng yếu kém; thúc đẩy hoạt động của các đơn vị khá vươn lên vững mạnh. Chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ và cấp ủy cơ sở thông qua đào tạo, bồi dưỡng kiến thức mọi mặt. Gắn việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên với chấn chỉnh, cải tiến chế độ, nội dung sinh hoạt. Tổ chức cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở nghiên cứu, quán triệt các quy định của Ban Bí thư Trung ương khoá VII về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình cơ sở Đảng, Hướng dẫn số 416 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch,

vững mạnh; xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng. Sắp xếp lại các chi bộ, tổ Đảng theo địa bàn dân cư (thôn, xóm, bản, tổ dân phố). Nhờ đó, các chi bộ hoạt động tích cực hơn, tạo được sự gắn bó giữa Đảng với quần chúng nhân dân, lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Nhờ thực hiện chương trình, biện pháp khá đồng bộ đó nên chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng được nâng lên. Đến cuối năm 2000, toàn tỉnh có 511 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 136 tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn; 167 tổ chức cơ sở đảng là cơ quan hành chính; 82 tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước; 74 tổ chức cơ sở đảng thuộc lực lượng vũ trang; 52 tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị sự nghiệp. Toàn tỉnh có 1.556 chi bộ với 20.264 đảng viên, tăng so với năm 1996 là 596 chi bộ và 3.050 đảng viên.

Hàng năm, công tác chỉ đạo, kiểm tra, xét duyệt, biểu dương khen thưởng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh được các huyện, thị ủy và các Đảng bộ trực thuộc triển khai tích cực. Do đó, số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh ngày càng tăng. Năm 1996 có 250/466 tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, đạt 53,6%. Đến năm 2000, có 377/511 tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, đạt 71,2%, trong đó có 148 tổ chức cơ sở đảng giữ vững danh hiệu trong sạch, vững mạnh liên tục 5 năm trở lên. Đặc biệt có một số tổ chức cơ sở đảng yếu kém đã tích cực phấn đấu đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 26/4/1999 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giới thiệu đảng viên tham gia công tác và sinh hoạt tại nơi cư trú, Quy định số 76-QĐ/TW ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú, các tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang tỉnh đã giới thiệu được 6.652 đảng viên về tham gia sinh hoạt tại nơi cư trú, chiếm 98,19% số đảng viên đang công tác, tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên có điều kiện rèn luyện, tu dưỡng. Các cấp ủy nơi cư trú khắc phục khó khăn, bố trí địa điểm, chuẩn bị nội dung và thời gian sinh hoạt thuận lợi, chu đáo. Gần hai năm thực hiện đã cho thấy ý thức, trách nhiệm của đảng viên đang công tác ở khu dân cư nâng lên rõ rệt. Các đảng viên tự giác giữ gìn phẩm chất đạo đức; cùng gia đình tích cực tham gia xây dựng địa phương.

Theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đề ra các giải pháp để không ngừng đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo đối với toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị.

Trước hết, Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã cải tiến, nâng cao chất lượng ban hành các nghị quyết. Trong quá trình chuẩn bị, Tỉnh ủy đã lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan để nghị quyết phản ánh đúng thực tế

cuộc sống và đề ra những chủ trương, giải pháp sát với thực tiễn; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, đi cơ sở tìm hiểu, nắm bắt, xử lý trực tiếp những vướng mắc, tháo gỡ những khó khăn. Cấp ủy các cấp coi đây là một trong những khâu then chốt trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Tỉnh ủy ban hành các quy chế hoạt động của cấp ủy, quy định các mối quan hệ công tác giữa cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức, cán bộ thông qua nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ của cả hệ thống chính trị; tăng cường vai trò trách nhiệm của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, đổi mới việc bố trí các chức vụ chủ chốt của tỉnh như Chủ tịch Hội đồng nhân dân do Bí thư hoặc Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm nhiệm.

Bộ máy các cơ quan tham mưu được chú ý kiện toàn theo hướng tinh gọn; chú trọng rà soát, điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Đồng thời trong khi kiện toàn cũng chú trọng đến những nảy sinh và yêu cầu của thực tiễn để có sự vận dụng sát đúng. Ở các huyện, thị, tách ban xây dựng Đảng để thành lập các ban tổ chức, tuyên giáo, ủy ban kiểm tra huyện, thị ủy. Thành lập mới Ban Dân vận cấp tỉnh và cấp huyện. Giải thể Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy vào năm 1998. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7

khoá VIII, đã sáp nhập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ vào Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Kinh tế Tỉnh ủy vào Văn phòng Tỉnh ủy.

Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII xác định: “Quy hoạch cán bộ là một khâu trọng yếu trong công tác cán bộ, đảm bảo cho công tác cán bộ đi vào nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài”. Quán triệt Nghị quyết Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 09/3/1998 về việc thực hiện quy hoạch cán bộ các cấp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII, với yêu cầu “Tiếp tục đẩy mạnh công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ nay đến năm 2000-2005 và 2010, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”.

Kết quả bước đầu trong công tác quy hoạch cán bộ đã góp phần vào việc kiện toàn, sắp xếp, bố trí cán bộ qua mỗi kỳ đại hội Đảng các cấp và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cũng như việc điều động, bố trí cán bộ hàng năm.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã thu được kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng và là kênh nâng cao trình độ, kiến thức các mặt cho đội ngũ cán bộ các cấp. Căn cứ quy định của Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng đã cụ thể hoá các yêu cầu, tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp, tạo ra sự chuyển động mạnh mẽ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Hầu hết các địa phương, các ngành đều tích cực chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Mỗi cán bộ, công chức đã xác định và tự giác, hăng hái, khắc phục khó khăn để theo học các lớp nhằm hoàn thiện kiến thức, nâng cao trình độ nhận thức chung, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trong nhiệm kỳ 1996-2000, đã đào tạo cử nhân và cao cấp chính trị cho 306 người, trung cấp cho 1.278 người; trong đó có 108 cán bộ nữ và 315 cán bộ dân tộc thiểu số. Tổ chức 23 lớp đại học tại chức và bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, công tác đoàn thể cho hàng ngàn cán bộ, khắc phục một bước sự hẫng hụt cán bộ, nhất là ở cơ sở. So với chỉ tiêu, yêu cầu về trình độ cán bộ đến năm 2005, thì một số chỉ tiêu về trình độ đào tạo, nhất là cấp tỉnh, đã đạt và vượt.

Công tác chính sách cán bộ được quan tâm đúng mức.

Công tác phát triển Đảng được chú trọng, trong nhiệm kỳ đã kết nạp 4.120 đảng viên, tăng 2,5 lần so với nhiệm kỳ trước, trong đó có 31% là nữ, 45,7% đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, 5,7% là dân tộc thiểu số, 75% tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. Giảm được 30 thôn, bản không có đảng viên. Đảng viên đủ tư cách phát huy tác dụng chiếm tỷ lệ 80%, so với năm 1995 tăng 7,2%.

Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 30/5/1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học, số đảng viên

và số trường có chi bộ đảng tăng lên rõ rệt. Khi chưa có Chỉ thị 34 của Bộ Chính trị, công tác kết nạp đảng viên trong trường học còn nhiều yếu kém: tỷ lệ đảng viên mới so với cán bộ giáo viên trong trường học rất thấp; số lượng đảng viên là giáo viên mới kết nạp hàng năm rất ít. Nhiều trường học không đủ đảng viên để thành lập chi bộ hoặc chưa có đảng viên. Nhiều trường hợp bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng chưa là đảng viên; nhiều giáo viên công tác tốt nhưng chưa được kết nạp Đảng... Nguyên nhân chủ yếu là việc giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền và vận động cán bộ, giáo viên tham gia xây dựng Đảng ở các trường học chưa được quan tâm đúng mức; sự kết hợp giữa ngành với địa phương trong công tác tổ chức, cán bộ, kết nạp đảng viên mới còn hạn chế; một số trường chỉ chú trọng công tác chuyên môn mà xem nhẹ công tác Đảng.

Tiếp thu Chỉ thị số 34 của Bộ Chính trị, nhận thức của các cấp ủy đảng và ngành giáo dục - đào tạo về công tác phát triển Đảng trong trường học có sự chuyển biến kịp thời, tạo sự phối hợp chỉ đạo và thực hiện chặt chẽ hơn. Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm chăm lo xây dựng tổ chức Đảng và phát triển đảng viên. Nhờ đó, số đảng viên mới kết nạp là giáo viên hàng năm tăng lên, số trường chưa có đảng viên và chưa có chi bộ giảm mạnh. Tổng số đảng viên toàn ngành từ 1.259 đồng chí (tháng 6/1998) lên 1.987 đồng chí năm 2000.

Nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ được coi trọng trong tình hình mới. Cùng với quá trình triển khai thực hiện

đường lối đổi mới, Thường vụ Tỉnh ủy đã có nhiều chủ trương, biện pháp quan trọng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Ngày 27/5/1996, Thường vụ Tỉnh ủy có Quyết định số 07-QĐ/TU thành lập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ và phân công một đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp làm Trưởng ban. Ngày 13/7/1997, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 08-CT/TU nhằm tiếp tục tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 12/6/1993 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới, Thông báo số 40-TB/TW ngày 05/7/1997 của Thường vụ Bộ Chính trị và bài phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị công tác bảo vệ chính trị nội bộ toàn quốc ở Hà Nội ngày 27/12/1996.

Ngày 23/8/1997, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt Chỉ thị số 08-CT/TU cho các đồng chí tỉnh ủy viên, lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, bí thư các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng đoàn ban cán sự Đảng cấp tỉnh; cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở địa phương. Tại Hội nghị, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, các ngành, các địa phương phải làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ nhằm đảm bảo cho sự trong sạch, đoàn kết thống nhất trong Đảng và chính quyền, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới.

Sau hội nghị Tỉnh ủy, 09/09 huyện, thị ủy, 05 đảng ủy trực thuộc đã tăng cường chỉ đạo, mở hội nghị quán triệt, triển khai kế hoạch thực hiện Chỉ thị đến tận các

chi bộ đảng và xây dựng kế hoạch rà soát ở địa phương, đơn vị mình.

Ngày 30/9/1997, Thường vụ Tỉnh ủy có Quyết định số 128-QĐ/TU về thành lập tổ công tác rà soát chính trị nội bộ.

Sau khi quán triệt Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 10/02/1997 của Bộ Chính trị về quản lý, khai thác hồ sơ ta thu được của địch sau 30/4/1975, ngày 24/6/1998, Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 03-KH/TU để triển khai thực hiện.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác bảo vệ chính trị nội bộ đã có bước chuyển biến quan trọng. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã quan tâm, tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nâng cao ý thức cảnh giác, tích cực thực hiện kế hoạch rà soát, thẩm tra, xác minh, kết luận những vấn đề chưa rõ về lịch sử chính trị của một số cán bộ, đảng viên, phục vụ công tác bố trí, sử dụng và kết nạp đảng viên mới; kiện toàn tổ chức bộ máy của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân. Đã tiến hành rà soát 18.573 đảng viên, 8.976 cán bộ, nhân viên, 701 cán bộ xã, phường.

Cùng với việc thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW của Bộ Chính trị, các cơ quan chuyên môn đã tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận và giải quyết nhiều trường hợp cán bộ, đảng viên có liên quan đến lịch sử chính trị và thái độ chính trị, phục vụ tốt công tác phát triển Đảng,

bố trí, đề bạt cán bộ và chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng các cấp. Trên cơ sở đó đã minh oan, giải nghi và làm chế độ chính sách tù đầy, người có công với cách mạng và đề nghị tặng thưởng Huân chương kháng chiến nhằm thực hiện chính sách công bằng xã hội. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý thông tin, thực hiện tốt kỷ luật phát ngôn của Đảng.

Tiếp thu tinh thần Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 14/02/1998 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 07-HD/KT ngày 19/3/1998 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các cấp ủy và tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh đã tích cực chủ động, tiến hành đồng bộ, toàn diện các mặt công tác kiểm tra, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, làm trong sạch, lành mạnh tổ chức đảng và đảng viên. Trong 5 năm đã tiến hành kiểm tra 278 tổ chức đảng, phát hiện 52 tổ chức có vi phạm; xử lý kỷ luật 888 đồng chí, trong đó khai trừ khỏi Đảng 125 người. Giải quyết kịp thời hơn về đơn, thư khiếu nại, tố cáo.

Qua kiểm tra đã uốn nắn, chấn chỉnh những sai sót, lệch lạc trong việc đề ra chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của các cấp ủy Đảng. Từ đó, các cấp ủy đảng nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị, giữ vững kỷ luật Đảng. Phần lớn đảng viên chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng và Quy định số 19-QĐ/TW của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Công tác kiểm tra Đảng thực sự góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong từng cấp ủy nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục nhược

điểm trong việc quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết Đảng.

Trước yêu cầu nhiệm vụ của tình hình mới, ngày 11/10/1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 01-CT/TV về việc triển khai quán triệt, thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII, Chỉ thị số 69-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

Các cấp ủy đảng đã thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Ban Thường vụ, tổ chức phối hợp các hoạt động của các đoàn thể chặt chẽ, triển khai tích cực Quy chế dân chủ ở cơ sở mang lại hiệu quả nhiều mặt.

Thực hiện chủ trương của Thường vụ Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 69-NĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về công tác tôn giáo, ngày 26/5/1997, Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị. Hội nghị nhất trí nhận định: so với cả nước, tỷ lệ tín đồ theo đạo ở tỉnh Quảng Trị thấp, nhưng hoạt động của một số tôn giáo khá phức tạp. Tuy nhiên, nhờ bám sát 3 quan điểm chỉ đạo của Trung ương, cấp ủy, Mặt trận, chính quyền và đoàn thể các cấp đã quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị và Nghị định số 69 của Hội đồng Bộ trưởng một cách tích cực. Do đó, tình hình tôn giáo ổn định, nhu cầu tín ngưỡng trong nhân dân được đảm bảo, chính sách, pháp luật của Nhà nước được tôn trọng.

Mặc dù vậy, công tác tôn giáo vẫn còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Nhiều cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nắm vững các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng đối với công tác tôn giáo, có những biểu hiện lệch lạc như mặc cảm, thành kiến, đối lập hay thờ ơ, coi thường. Từ nhận thức chưa sâu sắc về công tác tôn giáo nên việc quản lý nhà nước về tôn giáo có lúc còn cứng nhắc, có lúc lại lỏng lẻo. Khi đụng chạm đến những vấn đề cụ thể về tôn giáo thường lúng túng, xử lý chần chừ, có những ý kiến khác nhau trong nội bộ. Công tác tôn giáo vẫn là khâu yếu kém nhất. Nhiều ngành, địa phương chưa coi trọng công tác tuyên truyền, vận động giáo dân, chưa thấy được tính đặc thù, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Trong đấu tranh chống kẻ thù lợi dụng tôn giáo, có lúc không sát dân, thiếu điều tra nghiên cứu nên xử lý thiếu kiên quyết.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị, Ban Dân vận phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tăng cường công tác vận động đồng bào tôn giáo, góp phần quan trọng vào việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, góp sức xây dựng quê hương.

Quy chế dân chủ ở cơ sở được đẩy mạnh thực hiện. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, năm 1996, được sự chỉ đạo của Ban Dân vận Trung ương, các tỉnh, thành ủy thực hiện việc nghiên cứu nhằm thể chế hoá phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Quảng Trị là tỉnh đầu tiên trong cả nước tiến hành nghiên

cứu, khảo sát ở 17 đơn vị cấp xã để cụ thể hoá phương châm thành quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Ngày 12/10/1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 01-CT/TU về việc nghiên cứu, thể chế hoá phương châm và thành lập ban chỉ đạo. Ngày 09/10/1997, Tỉnh ủy tổ chức hội thảo khoa học về những vấn đề lý luận và thực tiễn qua thực hiện phương châm tại tỉnh Quảng Trị. Đến tháng 12/1997, tất cả các đơn vị chỉ đạo điểm đều xây dựng xong quy chế mẫu và các huyện, thị ủy tổ chức tổng kết quá trình thực hiện phương châm. Những kết quả đó đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 30 sau này.

Ngày 23/02/1998, Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Hội nghị khẳng định: 10 năm thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” (1988-1998), Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh đã nỗ lực phấn đấu giành được những kết quả bước đầu đáng phấn khởi. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò quần chúng được nâng lên. Quan điểm “lấy dân làm gốc”, phát huy sức mạnh của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được thể hiện qua các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội địa phương, động viên được nguồn lực to lớn của nhân dân, mang lại hiệu quả ngày càng cao.

Các tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo và phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể, tạo điều kiện cho nhân dân thành lập các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp, làm cầu

nối giữa Đảng với dân. Thông qua các tổ chức, nhân dân được bàn bạc và tham gia góp ý kiến vào các chủ trương, chính sách của địa phương và Trung ương.

Các phương tiện thông tin đại chúng tích cực cải tiến, nâng cao chất lượng tuyên truyền, kịp thời đưa thông tin đến dân. Hệ thống báo cáo viên của các cấp ủy đảng có nhiều cố gắng trong việc bám sát cơ sở, thông tin cho nhân dân kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng Đảng. Trước khi ra nghị quyết, Đại hội Đảng các cấp đã lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia làm cơ sở cho việc hoạch định các chủ trương lớn của địa phương.

Tuy nhiên, việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, công tác dân vận và mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân vẫn còn nhiều khuyết điểm và yếu kém. Quyền làm chủ của nhân dân vẫn còn bị vi phạm ở một số nơi, trên một số lĩnh vực. Các quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước chậm được thể chế hoá ở địa phương và tiến hành chưa đồng bộ. Nguyên vọng của quần chúng chưa được chăm lo giải quyết tốt, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa. Việc dân chủ hoá, công khai hoá trong nhân dân với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” chưa thành quy chế, nề nếp bắt buộc. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại của công dân triển khai chậm, có vụ việc kéo dài, ảnh hưởng đến việc thực hiện một trong những quyền dân chủ của công dân mà pháp luật đã quy định.

Trên cơ sở đó, ngày 30/3/1998, Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về việc đẩy mạnh thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” với các mục tiêu và giải pháp cụ thể.

Song song với việc thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân, ngày 18/02/1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Ngày 11/5/1998, Chính phủ ra Nghị định số 29/1998/NĐ-CP về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã và Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08/9/1998 về ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan. Tiếp đó, ngày 13/02/1999, Chính phủ ra Nghị định số 07/1999/NĐ-CP về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước. Kịp thời triển khai thực hiện chỉ thị và nghị định của Trung ương, ngày 26/9/1998, Tỉnh ủy ra Quyết định số 266-QĐ/TU thành lập Ban Chỉ đạo quán triệt và triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn, cơ quan gồm 11 thành viên, do đồng chí Nguyễn Thành, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Ngày 22/4/1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 339/QĐ-TU bổ sung thành viên gồm 16 đồng chí. Đến tháng 10/1998, 9 huyện, thị xã, 136 xã, phường, thị trấn đều đã thành lập Ban chỉ đạo và Ban chỉ đạo các cấp nhanh chóng xây dựng chương trình hoạt động. Ủy ban nhân dân các cấp đều có kế hoạch triển khai thực hiện và phân công các thành viên chỉ đạo, kiểm tra

đến tận các xã, thôn, bản, khu phố trong toàn tỉnh. Ban chỉ đạo của tỉnh cũng trưng tập một số cán bộ công chức của các ngành, đoàn thể để thành lập 3 đoàn chỉ đạo điểm giúp ban chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện, bổ khuyết, chấn chỉnh một số nhận thức không đúng trong việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Tỉnh ủy đã coi trọng chỉ đạo công tác tuyên truyền. 9/9 huyện, thị xã; 136/136 xã, phường, thị trấn tổ chức cho nhân dân học tập với nhiều hình thức phong phú. Tỉnh cũng in ấn 2.300 cuốn tài liệu gửi đến bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, khu phố. Huyện Vĩnh Linh, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị in tóm tắt Nghị định số 29 gửi đến từng hộ gia đình. Các phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền dưới nhiều hình thức. Đến tháng 10/1998, có 81/136 xã, phường, thị trấn tiến hành tổng kết và 77/136 xã, phường, thị trấn xây dựng được quy chế thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Trong một thời gian ngắn từ tháng 10/1998 đến tháng 02/1999, hầu hết các xã, phường, thị trấn có kế hoạch thực hiện quy chế.

Toàn tỉnh cũng chọn 09 đơn vị để chỉ đạo điểm thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, gồm: Vĩnh Long (Vĩnh Linh), Hải Phú (Hải Lăng), Hướng Tân (Hướng Hoá), Trung Sơn (Gio Linh), Cam Thủy (Cam Lộ), Triệu Tài (Triệu Phong), Phường 1 (thị xã Đông Hà), Phường 1 (thị xã Quảng Trị), Mò Ó (Đa Krông).

Sau hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm, trên cơ sở quan điểm chỉ đạo các đơn vị điểm về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Tỉnh ủy chủ trương tiến hành thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh.

Sau hơn hai năm thực hiện, toàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương. Từ chỗ phát huy cao quyền làm chủ thực sự của nhân dân, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội, đồng thời góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, thực hiện cải cách hành chính, giảm gây phiền hà cho nhân dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân một cách thiết thực và nhanh chóng hơn. Thông qua việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đã hoàn thiện dần tổ chức và quản lý thôn, bản, khu phố. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở góp phần quan trọng vào phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở.

Trong *công tác xây dựng Đảng*, bên cạnh những kết quả đã đạt được, nổi lên vấn đề mất đoàn kết nội bộ. Trước tình hình đó, ngày 28/7/1997, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị lần thứ sáu và ra Thông báo số 79-TB/TU, trong đó có nội dung về vấn đề mất đoàn kết. Thông báo nêu: “Sự mất đoàn kết nội bộ là bao trùm nhất có tác động và chi phối những lĩnh vực cụ thể khác. Mất đoàn kết đã nảy sinh từ công tác tổ chức cán bộ trước Đại hội XII, trong đó một số mặt cụ thể về công tác tổ chức cán bộ có vi

phạm nguyên tắc, không được kiểm điểm xử lý nghiêm túc trước Đại hội. Tình hình đó đã ảnh hưởng đến trong và sau Đại hội XII và tập trung nhất là vấn đề nhân sự trong Đại hội XII; để kéo dài chưa được giải quyết một cách kiên quyết, triệt để.

Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy đã nghiêm túc xem xét và thống nhất nhận định: trong Thường vụ Tỉnh ủy không có bất đồng về quan điểm nhưng giữa một số đồng chí đã có sự bằng mặt không bằng lòng, e dè, thiếu niềm tin đồng chí. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật thì đó là biểu hiện của mất đoàn kết trong Thường vụ, trong Tỉnh ủy. Có dám nhìn thẳng vào sự thật như vậy mới tìm phương pháp khắc phục đúng đắn, mới được sự đồng tình của Đảng bộ và nhân dân”¹.

Tại Hội nghị, Tỉnh ủy đã đề cập đến những khía cạnh của mất đoàn kết trong một số cơ quan, đơn vị. Đó là: không hợp tác chặt chẽ với nhau (mối quan hệ công tác giữa các cá nhân, cộng đồng trách nhiệm giữa các cơ quan); lợi dụng nhiều hình thức, nhất là dùng đơn, thư mạo danh, giả danh, nặc danh tán phát khắp nơi, thậm chí cả tung tin thất thiệt để bôi nhọ, hạ uy tín của nhau.

Về vấn đề cục bộ địa phương, Tỉnh ủy khẳng định không có vấn đề mất đoàn kết do cục bộ địa phương giữa

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: Thông báo số 79-TB/TV, ngày 28/11/1997 về kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 6 (khoá XII).

các địa phương với nhau. Nhưng yếu tố địa phương đã bị một số người trong và ngoài địa phương lợi dụng. Tuy số ít nhưng đã gây tác hại không nhỏ. Đặc biệt đã có tác động tâm lý đến nhiều người và ảnh hưởng đến mối quan hệ tự nhiên vốn rất bình thường, tốt đẹp. Có người lợi dụng yếu tố địa phương vì lợi ích cá nhân, có người tạo chỗ dựa để bảo vệ mình; có người vì bất mãn, nhỏ nhen.

Thông báo số 79 cũng chỉ rõ: nguyên nhân của tình hình mất đoàn kết nội bộ là do nhiều yếu tố đan xen như chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, vụ lợi chính trị, bất mãn, cục bộ địa phương nhưng phổ biến là cơ hội, cá nhân chủ nghĩa. Nguyên nhân của vấn đề này đồng thời xuất phát từ việc quyết định và thực hiện một số chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã không được bàn bạc thống nhất; thiếu chỉ đạo kiên quyết nên đã có tình trạng chạy theo một số dự án nhỏ, trước mắt, không tập trung đầu tư vào những dự án có tính đột phá.

Mặc dù đã sớm phát hiện và đề ra những giải pháp đúng đắn để khắc phục khuyết điểm, nhưng sau Hội nghị, Thường vụ Tỉnh ủy đã không kiên quyết chỉ đạo xử lý nên tình trạng mất đoàn kết trong nội bộ Ban Thường vụ, một số cấp ủy viên và cán bộ chủ chốt của tỉnh đã kéo dài nhiều năm.

Phát biểu tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, đồng chí Lê Minh Hương, Ủy viên Bộ Chính trị khoá VIII đã đánh giá: “Điều đáng lo ngại là bên cạnh những truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ, trong nội bộ Đảng đang nổi lên

vấn đề mất đoàn kết nội bộ kéo dài, trước hết là trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và một số tổ chức cơ sở đảng. Một số ít người vì lợi ích cá nhân đã lợi dụng yếu tố địa phương làm phức tạp thêm tình hình; những biểu hiện bằng mặt không bằng lòng, thiếu niềm tin đồng chí... đang làm cho Đảng bộ phân tâm, tổn hại đến uy tín và sức chiến đấu của Đảng bộ, làm giảm những thành quả mà lẽ ra còn giành được to lớn hơn...”.

Từ ngày 25/01/1999 đến ngày 02/02/1999, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đã thảo luận và ra Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay. Thực hiện Kế hoạch số 83-KH/TW của Bộ Chính trị về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngày 19/6/1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xây dựng Kế hoạch số 10-KH/TU về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và mở hội nghị quán triệt cho cán bộ chủ chốt toàn tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy, các huyện, thị ủy và đảng bộ trực thuộc tổ chức được 253 lớp phổ biến, quán triệt nghị quyết. 100% tổ chức cơ sở đảng đã phổ biến nghị quyết đến tận đảng viên và nhân dân cùng với việc học tập sâu rộng nội dung Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, 05 lời thề của toàn Đảng tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh và *Di chúc* của Người; Diễn văn khai mạc, bế mạc Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; Diễn văn của đồng chí

Tổng Bí thư tại lễ kỷ niệm lần thứ 109 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phát động Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Ngày 25/8/1999, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tổ chức Hội nghị mở rộng lần thứ 11. Tại Hội nghị, trên cơ sở quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII về tiến hành Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Hội nghị Tỉnh ủy tập trung bàn và quyết định chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Sau Hội nghị, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 09-CTHD/TU ngày 09/9/1999 thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), chỉ rõ 5 nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu: *Một là*, tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; *Hai là*, giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; *Ba là*, tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu có hiệu quả; *Bốn là*, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng. Tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ tháng 9/1999 đến tháng 5/2001; thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (02/9/1969 - 02/9/1999) và kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng; *Năm là*, tăng cường sức chiến đấu và năng lực

lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, sắp xếp một bước tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị.

Trong tổ chức thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chọn một số điểm chỉ đạo kiểm điểm trước để rút kinh nghiệm; phân công cụ thể cho từng cấp ủy viên theo dõi, chỉ đạo; coi trọng công tác kiểm tra thực hiện, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, tổ chức rút kinh nghiệm; thành lập tổ 6 (2) do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm tổ trưởng. Trong quá trình chỉ đạo, tổ 6 (2) đã nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, tổng hợp tình hình thực hiện nghị quyết, dự thảo các gợi ý của Ban Thường vụ làm cơ sở cho các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, ban cán sự Đảng, đảng đoàn và các sở, ban, ngành cấp tỉnh kiểm điểm.

Quá trình chuẩn bị kiểm điểm của tập thể và cá nhân từ tỉnh đến huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, đảng đoàn, ban cán sự Đảng, các tổ chức cơ sở đảng bảo đảm đúng quy trình Hướng dẫn số 194-CV/TW ngày 02/7/1999 của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Bản kiểm điểm của tập thể được tổ chức lấy ý kiến tham gia của các cấp ủy viên, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư của tổ chức đảng trực thuộc, của tập thể lãnh đạo cấp ủy các đơn vị... Tuy nhiên, nội dung kiểm điểm của một số cấp ủy và cá nhân chất lượng thấp. Việc kiểm điểm những vấn đề tiêu cực, nổi cộm chưa phân tích sâu sắc nguyên nhân, thiếu giải pháp khắc phục, còn biểu hiện né tránh, nể nang; kiểm điểm thiếu sót tập thể chưa gắn với trách nhiệm từng cá nhân trong ban

lãnh đạo. Một số khuyết điểm khá phổ biến trong phương thức lãnh đạo và nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng trong báo cáo kiểm điểm chưa được đề cập sâu sắc như: vấn đề đoàn kết nội bộ, quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền, bí thư với chủ tịch, dân chủ nội bộ, nhiều vấn đề có đơn, thư khiếu nại, tố cáo, liên quan đến trách nhiệm cá nhân như quản lý tài chính, xây dựng cơ bản, dự án...

Một số ban cán sự Đảng, đảng đoàn và các ngành chuẩn bị kiểm điểm tập thể và cá nhân chưa bám sát các nội dung cần đi sâu kiểm điểm, còn chung chung. Gợi ý của một số ban thường vụ, của bí thư và cấp trưởng đối với cấp ủy viên, cấp phó chưa thực chất, còn e dè, nể nang, chung chung. Một số nơi tổ chức lấy ý kiến rất công phu, nhưng việc tiếp thu, bổ sung kiểm điểm còn hạn chế.

Từ tình hình đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chủ trương tất cả các cấp ủy, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy phải có gợi ý của Thường vụ Tỉnh ủy mới tổ chức kiểm điểm và Thường vụ Tỉnh ủy tập trung gợi ý 3 nội dung chủ yếu với 443 vấn đề đối với tập thể và 243 vấn đề đối với cá nhân cần được giải trình làm rõ.

Sau quá trình chuẩn bị chu đáo, từ ngày 13 đến ngày 23/3/2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm điểm tập thể và cá nhân. Đây là đợt tự phê bình và phê bình nghiêm túc, thẳng thắn, cởi mở và sâu sắc. Tại cuộc họp này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy một lần nữa khẳng định: Thông báo số 79 ngày 28/11/1997 của Ban Thường vụ Tỉnh

ủy về tình hình mất đoàn kết nội bộ đã xảy ra là nghiêm trọng, có mặt diễn biến theo chiều hướng phức tạp nếu không được khắc phục, ngăn chặn...

Các đảng đoàn, ban cán sự Đảng, sở, ban, ngành cấp tỉnh đã hoàn thành việc kiểm điểm vào cuối tháng 5/2000. Sau kiểm điểm đã xử lý kỷ luật 04 cán bộ thuộc diện Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, khai trừ một, cảnh cáo một, khiển trách 02 đồng chí.

Các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc cũng hoàn thành kiểm điểm vào cuối tháng 5/2000. Có 525 tổ chức cơ sở đảng hoàn thành vào cuối tháng 7/2000.

Quá trình kiểm điểm nghiêm túc, không khí dân chủ, thẳng thắn, chân tình, xây dựng từ cấp tỉnh đến cơ sở đã đạt được những kết quả bước đầu; đồng thời tiến hành việc sửa chữa khuyết điểm. Ban Thường vụ đã tiến hành việc thực hiện chế độ sinh hoạt cấp ủy; bổ sung quy chế làm việc; kiểm tra làm rõ, có kết luận và xử lý dứt điểm một số vụ vi phạm kéo dài. Đối với các cấp ủy, đảng đoàn, Ban cán sự Đảng kịp thời bổ sung quy chế làm việc, nhất là chế độ đi cơ sở, công tác kiểm tra của cấp ủy. Nhiều cơ quan, đơn vị bước đầu chấn chỉnh kỷ luật lao động, thực hiện tiết kiệm chi tiêu...

Quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã nâng cao nhận thức tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; ngăn chặn và bước đầu làm giảm bớt tệ quan liêu, tham nhũng, sa sút đạo đức lối sống, được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Sau 5 năm (1996-2000) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII: “Nền kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật là trong xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển nông nghiệp toàn diện, đẩy mạnh sự nghiệp văn hoá, giáo dục và thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ, người có công. Hệ thống chính trị được củng cố. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, đảm bảo ổn định chính trị và trật tự xã hội. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể.

Tuy nhiên, nền kinh tế phát triển chưa cân đối, thiếu vững chắc, hiệu quả còn thấp, chưa tạo được ngành kinh tế mũi nhọn, có nguồn thu ổn định. Mức tăng trưởng chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chưa tạo được bước đột phá. Trong công nghiệp, sản xuất hàng hoá chậm phát triển. Tình trạng tụt hậu xa hơn của nền kinh tế so với các vùng phát triển trong nước vẫn là một thách thức lớn.

Ngành nông nghiệp Quảng Trị vẫn còn mang tính độc canh, tăng trưởng thấp và thiếu ổn định, quy mô sản xuất nhỏ, sản phẩm hàng hoá chưa nhiều. Kinh tế gò đồi, miền núi và vùng biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông - lâm nghiệp chưa ổn định.

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước lúng túng trong đầu tư chiều sâu, phương án sản xuất, sản phẩm thiếu đa dạng, không đủ sức cạnh tranh với tỉnh bạn và nước ngoài. Tỷ trọng công nghiệp

trong nền kinh tế thấp, mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp - thương mại - dịch vụ không đạt. Đầu tư xây dựng vẫn bị dàn trải, quản lý chưa chặt chẽ. Quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều hạn chế.

Hoạt động du lịch yếu và chậm phát triển, chưa phát huy được lợi thế của một tỉnh có nhiều di tích lịch sử chiến tranh cách mạng.

Lĩnh vực văn hoá, xã hội vẫn còn một số vấn đề bức xúc chưa giải quyết tốt, đời sống văn hoá ở cơ sở còn nghèo. Việc làm và đời sống của nhân dân một số vùng còn khó khăn. Chất lượng một số hoạt động văn hoá chưa cao. Nếp sống văn hoá đô thị, văn hoá mới ở nông thôn chuyển biến chưa rõ nét. Chất lượng thông tin, báo chí có mặt còn hạn chế, kém sức hấp dẫn.

Về giáo dục - đào tạo, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu. Phương pháp giáo dục chậm đổi mới. Cơ sở vật chất của ngành còn thiếu thốn. Đời sống một bộ phận giáo viên còn khó khăn, nhất là về nhà ở. Thiếu chính sách cụ thể để động viên, thu hút cán bộ, giáo viên lên công tác ở vùng sâu, vùng xa.

Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân vẫn còn nhiều vấn đề chưa khắc phục được. Trình độ chuyên môn của đội ngũ thầy thuốc chậm được nâng cao, y đức ở một số cán bộ xuống cấp. Phương tiện khám, chữa bệnh nhiều nơi còn thiếu thốn và lạc hậu. Vệ sinh, an toàn thực phẩm chưa được coi trọng đúng mức. Một số vùng nông thôn, đồng bằng chưa có nước sạch. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn

cao. Y học cổ truyền phát triển chậm, chưa được quan tâm xây dựng.

Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình tuy có nhiều tiến bộ nhưng tỷ lệ người sinh con thứ ba và tỷ lệ tăng dân số ở vùng núi, vùng biển vẫn còn cao. Hoạt động thể dục, thể thao phát triển chưa đồng đều.

Lao động, việc làm vẫn là vấn đề còn nhiều bức xúc. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn cao. Số lao động qua đào tạo còn thấp (11,08%). Đời sống một bộ phận nhân dân và một số vùng còn nhiều khó khăn, có lúc, có nơi gay gắt. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Việc khắc phục tệ nạn xã hội còn hạn chế.

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia trên một số lĩnh vực còn thiếu sót, chưa đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm có lúc vẫn thiếu chủ động phòng ngừa. Một số cơ quan nội chính chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm tham mưu cho cấp ủy đảng trong xử lý những vấn đề phức tạp. Một số vụ việc dư luận quan tâm chưa giải quyết dứt điểm.

Hoạt động của chính quyền vẫn còn hạn chế. Chỉ đạo của Ban cán sự Đảng về tổ chức thực hiện một số chương trình kinh tế chưa thành công. Công tác quản lý Nhà nước có mặt còn sơ hở. Tổ chức thực hiện cải cách hành chính tiến hành chậm.

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có nơi hoạt động còn thụ động, sự phối hợp và lồng ghép các chương trình

chưa khoa học. Một số phong trào triển khai nặng về hình thức, tính hiệu quả và thiết thực chưa cao.

Công tác xây dựng Đảng 5 năm (1996-2000) vẫn có mặt còn yếu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên tuy chưa đến mức sa sút về phẩm chất chính trị, nhưng mơ hồ, bàng quan, thờ ơ về chính trị, có biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều mới, thiếu tinh thần học tập, nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng; nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội chưa sâu sắc, thậm chí có người còn băn khoăn, niềm tin chưa vững chắc. Tình trạng mất đoàn kết xảy ra trong một số cán bộ lãnh đạo của tỉnh, ở một số ngành và địa phương chậm giải quyết, đã ảnh hưởng đến niềm tin và sự phát triển của phong trào.

Bộ máy của hệ thống chính trị còn công kênh, nhiều đầu mối, tầng nấc trung gian, đội ngũ cán bộ chưa đồng bộ. Nhiều ban cán sự Đảng, Đảng đoàn hoạt động còn hình thức, hiệu lực kém. Tổ chức đảng ở một số cơ quan, doanh nghiệp chưa phát huy vai trò lãnh đạo. Có tổ chức cơ sở đảng yếu kém kéo dài nhưng chậm được củng cố. Sinh hoạt đảng ở một số nơi chất lượng yếu. Tự phê bình và phê bình chưa nghiêm túc ở một số địa phương, đơn vị. Việc phân loại đảng viên hàng năm còn nể nang, nặng về hình thức nên đánh giá chưa sát với tình hình.

Trong công tác cán bộ có nơi, có lúc chưa đảm bảo quy trình, còn vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Luân

chuyển cán bộ mới chỉ một chiều từ dưới lên. Thực hiện bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ chưa làm tốt. Quy hoạch cán bộ mới chú ý trước mắt, còn hình thức, đào tạo bồi dưỡng chưa theo quy hoạch, kế hoạch. Trình độ học vấn của cán bộ dự nguồn còn thấp.

Công tác phát triển Đảng ở nhiều tổ chức cơ sở thực hiện chưa tốt. Đến năm 2000, vẫn còn 78/1.039 thôn, bản chưa có đảng viên, 294 thôn, bản và 63 trường học chưa đủ đảng viên để thành lập tổ chức Đảng. Một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu trong sinh hoạt tại nơi cư trú.

Công tác kiểm tra Đảng có nơi tiến hành chưa tích cực và nghiêm túc. Việc kiểm tra cấp ủy viên cùng cấp còn ít. Một số cấp ủy còn chờ đợi và thụ động. Chậm chỉ đạo kiểm tra giải quyết một số đảng viên vi phạm. Đơn, thư khiếu nại, tố cáo gửi vượt cấp còn nhiều và chậm giải quyết hoặc giải quyết kéo dài. Một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức công tác vận động quần chúng.

Từ thực tiễn quá trình đổi mới ở địa phương, Đảng bộ tỉnh đã rút ra một số kinh nghiệm bước đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện:

Một là, khi hoạch định chủ trương phát triển kinh tế - xã hội phải thẩm thấu các quan điểm đổi mới của Đảng, phải gắn với tình hình cụ thể địa phương, bảo đảm tính khách quan, khoa học, mạnh dạn, quyết đoán, đồng thời phải bám sát tình hình, điều chỉnh kịp thời khi tình hình thay đổi.

Hai là, việc tổ chức thực hiện đòi hỏi chỉ đạo thống nhất, tập trung, kiên quyết, đồng bộ, có cơ chế hợp lý về lợi ích trực tiếp, tạo động lực, tạo đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện cho được mục tiêu đã định.

Ba là, giữ vững tinh thần đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, chính quyền và các tổ chức kinh tế - xã hội. Lãnh đạo điều hành phải trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc, quy trình, quy chế, Điều lệ của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà phát huy sức mạnh của các ngành, các cấp; coi việc khắc phục và loại trừ các nhân tố có thể gây mất đoàn kết là công việc thường xuyên của mọi tổ chức và mọi thành viên.

Bốn là, sau khi đã hội đủ các yếu tố cần thiết để thực hiện chủ trương, kế hoạch, vấn đề có tính quyết định thành bại là bố trí cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực, phù hợp yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Với tinh thần ấy, vấn đề cần quan tâm trước hết cũng chính là công tác cán bộ.

Năm là, thấm nhuần sâu sắc tư tưởng “dân là gốc”, tư tưởng đó phải được nhất quán từ việc hoạch định các chủ trương, kế hoạch, đến tổ chức điều hành và giải quyết các vấn đề cụ thể trong đời sống thường ngày của nhân dân. Phải phát động thành phong trào nhân dân tự giác thực hiện các chủ trương của cấp ủy. Những thành tựu đạt được hôm nay là kết quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân cơ bản là biết dựa vào dân, tin tưởng và huy động được sức mạnh của nhân dân.

Mặc dù còn có những hạn chế, khuyết điểm, trải qua bao gian khổ, khó khăn, thách thức, nhưng Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị đã phát huy những thành quả của thời kỳ trước, phấn đấu quyết tâm, nên sau hơn 10 năm đổi mới và phát triển, bộ mặt kinh tế - xã hội của tỉnh thay đổi rõ rệt, cơ sở vật chất và văn hoá tinh thần tạo ra là to lớn, hình thành mặt bằng mới với nhiều thuận lợi. Đây là tiền đề quan trọng để Quảng Trị cùng cả nước tự tin bước vào một giai đoạn lịch sử mới đầy hứa hẹn.

NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ SAU 25 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẢNG BỘ TỈNH TỪ KHI ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT VÀ TRUYỀN THỐNG QUÝ BÁU CỦA ĐẢNG BỘ QUA 70 NĂM PHẤN ĐẤU, TRƯỞNG THÀNH

I. NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ SAU 25 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN (1975-2000)

Một phần tư thế kỷ, nhìn lại chặng đường đã đi qua, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị tự hào bởi sự đổi thay kỳ diệu trên mảnh đất chồng chất bom đạn, thiên nhiên khắc nghiệt.

Ngay sau ngày giải phóng, cùng với việc củng cố, phát triển hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở ở các huyện phía Nam, Đảng bộ đã động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phát huy cao độ tinh thần tương thân, tương ái, giúp nhau ổn định cuộc sống. Thành tựu nổi bật trong một năm sau giải phóng là hàng vạn nhân dân ngày đêm hăng hái tham gia các chiến dịch rà phá bom mìn, khai hoang phục hoá, trả lại màu xanh cho hàng vạn héc-ta ruộng đất. Vừa đẩy mạnh

sản xuất, ổn định và phát triển kinh tế, tổ chức đời sống, Đảng bộ đồng thời chỉ đạo các ngành, các cấp đề cao tinh thần hoà hợp dân tộc, coi trọng giải quyết các mặt văn hoá - xã hội, đáp ứng một phần nguyện vọng của nhân dân.

13 năm trong tỉnh Bình Trị Thiên hợp nhất, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị phát huy truyền thống đoàn kết, ra sức lao động sản xuất, từng bước hàn gắn vết thương chiến tranh, giải quyết những vấn đề bức thiết về đời sống. Trong các phong trào cách mạng sôi động, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Quảng Trị lăn lộn ngày đêm trên các công trường, rà phá bom mìn, khai hoang phục hoá, xây dựng hàng trăm công trình thủy lợi; đặc biệt là công trình đại thủy nông Nam Thạch Hãn, đưa năng suất và sản lượng lương thực tăng đáng kể. Mặc dù đời sống vật chất còn nghèo nhưng toàn Đảng, toàn dân vẫn không ngừng chăm lo phát triển các mặt văn hoá, xã hội làm “thay da đổi thịt” quê hương. Khó khăn chồng chất, thiên tai nghiệt ngã nhưng Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị kiên cường vượt qua thử thách; nêu cao tình cảm cách mạng trong sáng; phát huy trách nhiệm của mình để ra sức dựng xây chủ nghĩa xã hội. Tập trung xây dựng Đảng, chính quyền và các lực lượng vũ trang, đập tan mọi âm mưu phá hoại của địch; đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng tỉnh Bình Trị Thiên giàu đẹp.

Ngày 01/7/1989, Quảng Trị được trở lại với tên gọi của mình mà suốt trường kỳ lịch sử dân tộc, mỗi người dân quê hương rất đỗi tự hào.

Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh bước vào công cuộc kiến thiết, xây dựng lại quê hương từ điểm xuất phát rất thấp trong điều kiện thiên tai dồn dập; bối cảnh trong nước và thế giới có nhiều phức tạp.

Hơn 10 năm đổi mới và phát triển, phát huy truyền thống tiến công cách mạng, kiên cường, bất khuất; chịu thương, chịu khó, dũng cảm và sáng tạo; kết hợp chặt chẽ phát huy nội lực và sự giúp đỡ bên ngoài, Đảng bộ và nhân dân đã nỗ lực lao động sản xuất để tạo ra một mặt bằng mới cho sự phát triển toàn diện và lâu dài; đóng góp vào những thành tựu mà toàn Đảng, toàn dân ta ra sức phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nổi bật nhất là toàn tỉnh đã tạo ra sự phát triển vượt bậc về hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống. Hệ thống giao thông được làm mới và nâng cấp với hàng ngàn kilômét đường quốc lộ, nội thị, đường liên huyện, liên xã, liên thôn. Hầu hết các xã có đường ô tô về trung tâm. Nhiều địa phương thực hiện tốt phong trào bê tông hoá. Đặc biệt là ở miền núi, miền biển, hệ thống giao thông được chú trọng đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Hệ thống lưới điện phát triển mạnh mẽ, mở rộng cả về vùng sâu, vùng xa phục vụ điện khí hoá nông nghiệp, nông thôn. Hệ thống thủy lợi từ vùng đồng bằng đến miền núi không ngừng phát triển. Mạng lưới bưu chính viễn thông được hiện đại hoá và trải đều trên khắp các địa bàn. Các công trình phúc lợi xã hội được đầu tư xây dựng phục vụ đời sống nhân dân và đáp ứng yêu cầu phát triển.

Nông nghiệp luôn được xác định là mặt trận hàng đầu nên đã được tập trung đầu tư phát triển tương đối toàn diện, đa dạng. Đặc biệt là sản lượng lương thực và năng suất lúa hàng năm đều liên tục tăng.

Sản xuất công nghiệp tuy chưa vững mạnh nhưng ngành công nghiệp đã được hình thành chuẩn bị cho những bước đi tiếp theo. Thế mạnh về công nghiệp vật liệu xây dựng được khai thác có hiệu quả. Sự chuyển động bước đầu của khu kinh tế - thương mại Lao Bảo mở ra triển vọng mới cho quá trình khai thác hành lang kinh tế Đông - Tây, hứa hẹn bước phát triển mới.

Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện và nâng cao, toàn tỉnh tập trung đầu tư cho 27 xã đặc biệt khó khăn ở miền núi, miền biển. Số hộ nghèo hàng năm giảm 2%.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từng bước phát triển. Số lượng, chất lượng và quy mô các cấp học, ngành học được nâng lên rõ rệt. Chất lượng giáo dục chuyển biến tích cực cả diện đại trà và mũi nhọn. Năm 1996, Quảng Trị đạt chuẩn xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, tiếp tục phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Phong trào xây dựng nông thôn mới phát triển mạnh mẽ. Bằng các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá đã tạo ra đời sống vật chất và tinh thần phong phú, đa dạng, làm thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn. Truyền thống hiếu học, tương thân tương ái được phát huy mạnh mẽ.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa diễn ra sâu rộng. Chính sách phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, tặng sổ tiết kiệm cho gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, thực hiện chính sách với người có công được cán bộ, đảng viên, nhân dân hưởng ứng tích cực. Với truyền thống uống nước nhớ nguồn, toàn tỉnh giúp đỡ, tạo điều kiện để không còn gia đình chính sách nào nằm trong diện thiếu đói.

Quảng Trị là nơi hội tụ nghĩa tình của cả nước. Chiến tranh đi qua, để lại nơi đây hàng vạn chiến sĩ hy sinh cho độc lập, tự do yên nghỉ tại 72 nghĩa trang liệt sĩ. Đất nước thanh bình, cùng với việc tập trung sức phát triển kinh tế, Đảng bộ và nhân dân không ngừng chăm lo, bảo vệ, nâng cấp các nghĩa trang liệt sĩ, trong đó có 2 nghĩa trang quốc gia là Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và Nghĩa trang liệt sĩ Đường 9, được cả nước tin yêu, cảm phục. Đặc biệt, hàng năm, công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ từ các chiến trường, kể cả trên đất bạn Lào được tích cực tiến hành.

Quốc phòng, an ninh được tăng cường, nổi bật là an ninh biên giới, hải đảo và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng. Quá trình xây dựng hơn 10 năm, tỉnh có một đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện trưởng thành trên nhiều mặt.

Các tổ chức cơ sở đảng được thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động. Vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên được giữ vững.

Mặc dù sự phát triển trong thời kỳ đổi mới chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh nhưng những kết quả đạt

được có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo ra thế và lực mới, cùng với tinh thần bất khuất, cần cù, sáng tạo và ý chí tự lực, tự cường của con người Quảng Trị là hành trang quý báu, là tiền đề quan trọng để toàn Đảng bộ, toàn dân bước sang thế kỷ mới.

Từ thực tiễn 25 năm lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương, Đảng bộ đã rút ra những bài học lịch sử quý báu:

Một là, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, nắm vững và tuân thủ 5 nguyên tắc đổi mới; vận dụng sáng tạo quan điểm, đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương.

Cùng với cả nước, Quảng Trị tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cực kỳ phức tạp, khó khăn. Bên cạnh thuận lợi cơ bản là đất nước hòa bình, thống nhất, nhân dân hồ hởi, phấn khởi ra sức xây dựng quê hương, đất nước, toàn tỉnh còn phải đương đầu với những thử thách vô cùng khắc nghiệt. Nền kinh tế đất nước khủng hoảng trầm trọng do hậu quả của hai cuộc chiến tranh hủy diệt tàn khốc kéo dài 30 năm để lại. Nạn lạm phát, giá cả tăng vọt. Đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Các thế lực thù địch tập trung chống phá cách mạng nước ta bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Đế quốc Mỹ lôi kéo đồng minh phương Tây và cả Đông Nam Á ra sức bao vây, cô lập, cấm vận Việt Nam. Từ giữa thập kỷ 80 đến đầu thập kỷ 90, tình hình thế giới biến động phức tạp, nhất là sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu

và Liên Xô, đã tác động tiêu cực đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên, nhân dân. Niềm tin vào Đảng, vào chủ nghĩa xã hội bị giảm sút.

Bối cảnh lịch sử đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương Quảng Trị.

Đại hội VI của Đảng mở ra bước ngoặt mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội của cả nước. Sự đổi mới tư duy lý luận, tư duy kinh tế thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, sự nhạy bén và năng lực lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng nước ta. Thực hiện đường lối đúng đắn của Đảng, đất nước từng bước thoát khỏi khủng hoảng. Thành quả đó càng làm sáng tỏ những vấn đề mấu chốt, cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, phân tích, đánh giá đúng thực tiễn tình hình địa phương, Đảng bộ đã có những chủ trương, quyết sách đúng đắn để phát triển kinh tế, tổ chức đời sống xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng được Đảng bộ liên tục tổ chức triển khai, đưa lại hiệu quả rõ rệt. 25 năm xây dựng, Quảng Trị đã đạt được thành tựu đáng phấn khởi, tự hào. Điều đó khẳng định Đảng bộ Quảng Trị có cách nhìn đúng, có chủ trương sát hợp và giải pháp sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên quê hương.

Trước nhiệm vụ mới không kém phần phức tạp, khó khăn, Đảng bộ đã không ngừng củng cố niềm tin vào con

đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng cho toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân; khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng là nhân tố quyết định cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị giành thắng lợi oanh liệt trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong hoà bình xây dựng, đó vẫn là ánh sáng soi đường để Đảng bộ và nhân dân nêu cao ý chí tự lực, tự cường, anh hùng, bất khuất trong lao động, sản xuất; quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng cuộc sống ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Trong bối cảnh cực kỳ nghiêm trọng cuối những năm 80 đầu những năm 90 của thế kỷ XX, tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân đặt ra nhiều vấn đề bức xúc cần phải kịp thời chấn chỉnh, ổn định. Nắm vững học thuyết Mác - Lênin, quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm đổi mới của Đảng, Đảng bộ đã tập trung lực lượng, kịp thời phát động một chiến dịch công tác tư tưởng sâu rộng, đều khắp đến mọi tổ chức cơ sở đảng, mọi địa bàn dân cư. Nội dung chủ yếu của chiến dịch này là tập trung phân tích, khẳng định mạnh mẽ sự đúng đắn, tính chất cách mạng và khoa học không gì lay chuyển nổi của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đồng thời phân tích kỹ về “5 nguyên tắc đổi mới” của Đảng và vấn đề “kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa”; coi đó là nguyên tắc bất di bất dịch, là nhân tố hàng đầu quyết định sự

thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Đột sinh hoạt tư tưởng này được tiến hành khẩn trương, có trọng điểm, trọng tâm, gắn với những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đổi mới đã mang lại hiệu quả cao. Tâm lý bi quan, hoài nghi, dao động, thậm chí mất phương hướng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân đã nhanh chóng được khắc phục.

Công cuộc đổi mới phát triển và đạt nhiều thành tựu càng minh chứng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Trên tinh thần các nghị quyết của Đảng, Đảng bộ đã liên tục triển khai tuyên truyền những thành quả quan trọng của cả nước nói chung, Quảng Trị nói riêng trong quá trình đổi mới; đặc biệt chú trọng phân tích những thời cơ, vận hội lớn và những nguy cơ, thách thức khi đất nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, Đảng bộ luôn khẳng định phải đứng vững trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bình tĩnh và quyết đoán nhằm đưa sự nghiệp xây dựng quê hương theo đúng con đường xã hội chủ nghĩa.

Bài học về kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, nắm vững và tuân thủ 5 nguyên tắc đổi mới; vận dụng sáng tạo, linh hoạt quan điểm, đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương là bài học vô cùng quý báu, mãi mãi soi sáng con đường đi tới của quê hương Quảng Trị.

Hai là, chăm lo xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, coi trọng việc xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ. Đây là nhiệm vụ then chốt, là nhân tố đảm bảo thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới ở địa phương.

Sự vững mạnh trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhân tố hàng đầu để Đảng làm tròn sứ mệnh lịch sử đối với quốc gia, dân tộc. Xác định rõ vai trò, vị trí quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới, Đảng bộ Quảng Trị không ngừng chăm lo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên.

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, trải qua những thời điểm hết sức khó khăn, có lúc hiểm nghèo, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị vẫn vững vàng, đánh giá đúng tình hình, đề ra những chủ trương đúng đắn, cụ thể hoá quan điểm, đường lối của Đảng phù hợp với thực tiễn địa phương. 25 năm là thời kỳ đất nước và thế giới có nhiều biến cố khôn lường. Công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta đứng trước những thách thức nặng nề. Nhưng, nhờ Đảng bộ Quảng Trị đã rất quan tâm, nhạy bén và kịp thời trong công tác tư tưởng nên đã góp phần tạo được sự ổn định tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhanh chóng đẩy lùi tâm lý bi quan, dao động trong những lúc đất nước lâm vào tình thế hiểm nghèo... Nổi bật nhất là Đảng bộ thường xuyên chăm lo giáo dục lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng. Đảng bộ đặc biệt coi trọng việc bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về

mục tiêu, lý tưởng, trách nhiệm của người đảng viên cộng sản; chú trọng việc đấu tranh, chống lại những thủ đoạn chiến tranh tâm lý, chiến tranh tư tưởng, âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Để hạn chế những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, Đảng bộ thường xuyên chăm lo việc bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng và lối sống cao đẹp cho cán bộ, công chức nhà nước...

Đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ đã không ngừng đổi mới và tiến hành công tác chính trị, tư tưởng bằng nhiều hình thức, lồng ghép trong các chương trình, nội dung thích hợp. Đảng bộ chủ trương đẩy mạnh việc giáo dục, bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; triển khai sâu rộng, kịp thời các nghị quyết của Đảng và của Đảng bộ các cấp trong tỉnh; nâng cao chất lượng tài liệu sinh hoạt chi bộ, sử dụng có hiệu quả các phương tiện truyền thông phục vụ công tác chính trị tư tưởng.

Qua tổ chức các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, các lễ hội truyền thống cách mạng, việc giáo dục, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần quả cảm, quật cường của địa phương trong chiến tranh vệ quốc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này luôn được Đảng bộ quan tâm và đạt hiệu quả rõ rệt.

Nhờ làm tốt công tác chính trị, công tác tư tưởng mà cán bộ, đảng viên, nhân dân Quảng Trị ngày càng thể hiện quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tin tưởng vào đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng,

góp phần bảo vệ mục tiêu, lý tưởng, quan điểm, đường lối của Đảng. Sự đoàn kết nhất trí trong Đảng cũng như giữa Đảng và nhân dân được củng cố. Mỗi quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân được tăng cường. Đảng bộ nhạy bén, kịp thời đấu tranh đẩy lùi và đập tan mọi thủ đoạn nham hiểm của các thế lực thù địch.

Cùng với tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở quê hương, 25 năm (1975 - 2000), Đảng bộ Quảng Trị đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng về mặt tổ chức. Việc xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức đảng các cấp được thường xuyên tiến hành, coi đó là mục tiêu phấn đấu để các tổ chức đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện ở mỗi cơ sở, mỗi đơn vị. Đảng bộ rất chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, nội dung sinh hoạt của từng chi bộ, đảng bộ, xây dựng quy chế, lề lối làm việc nhằm phát huy sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mỗi tổ chức đảng. Gắn liền với những việc làm đó, Đảng bộ coi trọng giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy năng lực sáng tạo của mỗi tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên - một yếu tố rất quan trọng đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất. Việc trẻ hoá đội ngũ đảng viên được Đảng bộ hết sức quan tâm. Lực lượng đảng viên trẻ được bổ sung ngày càng đông, gồm những quần chúng ưu tú trong lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập. Hiệu quả thiết thực nhất là trong thời kỳ này, số chi bộ, Đảng bộ trong sạch, vững mạnh ngày càng nhiều. Tuyệt đại bộ phận tổ chức cơ sở đảng đều thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, sức chiến đấu và

năng lực lãnh đạo thực tiễn. Vai trò của cán bộ, đảng viên ngày càng được khẳng định.

Thực tiễn chứng minh sâu sắc cán bộ là nhân tố quyết định trong sự nghiệp cách mạng. Sự thành, bại của phong trào đều xuất phát từ cán bộ, phản ánh đúng đắn chất lượng cán bộ. 25 năm, Đảng bộ đã quan tâm đến cán bộ trên tất cả các mặt: xây dựng quy hoạch cán bộ, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc, bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Song vẫn còn một số khuyết điểm, yếu kém cần kiên quyết chỉ đạo để nhanh chóng khắc phục.

Để có đội ngũ cán bộ đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, công tác cán bộ phải thận trọng, phải chăm lo việc bồi dưỡng, phát huy năng lực, sở trường của cán bộ giỏi, hình thành những người có trình độ, tâm huyết; kịp thời loại trừ ra khỏi các cơ quan công quyền những cán bộ thoái hoá, biến chất, những cán bộ quan liêu, xa quần chúng, không đặt lợi ích quần chúng lên trên lợi ích cá nhân. Tổ chức và người làm công tác cán bộ trước hết là người có trình độ, có năng lực, công tâm và thực sự là người có đầy nhiệt huyết. Mỗi cán bộ, công chức phải không ngừng rèn luyện, tự học hỏi để nâng cao năng lực, phẩm chất, đạo đức cách mạng và năng lực công tác đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Bài học rút ra là phải luôn coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, thường xuyên tăng cường sức mạnh của Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ mà trước hết là các

đồng chí lãnh đạo đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải gương mẫu thực hiện tốt quy chế làm việc trong tổ chức, hoạt động và sinh hoạt của Đảng; luôn đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức chấp hành sự phân công của Đảng. Phải đấu tranh công khai, không khoan nhượng với mọi biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, cục bộ, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ; nhất là với những hoạt động xuyên tạc, kích động, cũng như những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; phải kịp thời có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn các biểu hiện và nhân tố gây mất đoàn kết nội bộ, nhằm tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, huy động sức mạnh của toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới.

Ba là, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong Đảng, làm nòng cốt cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân, coi đó là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên đảm bảo cho sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của toàn Đảng bộ.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn kêu gọi cán bộ, đảng viên, đồng bào, chiến sĩ cả nước và bà con Việt kiều ở nước ngoài phải đoàn kết để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong *Di chúc* thiêng liêng của Người, phần nói về Đảng, Người nhấn nhủ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng “phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”.

Trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ

tỉnh Quảng Trị luôn là một đảng bộ có truyền thống đoàn kết nhất trí rất cao. Trải qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng đầy thử thách, có lúc lâm vào tình thế hết sức hiểm nghèo, cán bộ, đảng viên của Đảng bộ vẫn nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí, thống nhất hành động. Có những trường hợp chưa thật sự nhất trí trong một số chủ trương, biện pháp nhưng vì mục tiêu tối cao của quê hương, dân tộc là giải phóng Tổ quốc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, cán bộ, đảng viên đã đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết để toàn tâm, toàn ý, dốc lòng, dốc sức cho thắng lợi của mục tiêu đã đề ra. Nhờ tinh thần đoàn kết mà Đảng bộ tỉnh qua các thời kỳ là một tập thể lãnh đạo có sức chiến đấu cao, có năng lực lãnh đạo tập trung, thống nhất, là linh hồn của cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa trên quê hương.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh mới, bị tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường, do chủ nghĩa cá nhân, cục bộ địa phương chi phối; một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện mất đoàn kết. Điều đó đã làm giảm sức chiến đấu của tổ chức đảng, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và do đó, còn tình trạng chờ đợi, giữ kẽ nhau làm kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bài học rút ra là mỗi cán bộ, đảng viên phải coi việc bảo vệ, giữ gìn sự đoàn kết của Đảng bộ là trách nhiệm và nghĩa vụ của mình bởi đoàn kết nhất trí là sự sống còn của Đảng bộ. Mỗi cán bộ, đảng viên cũng như toàn Đảng bộ kiên quyết không để những ý đồ, những hành động làm tổn hại đến sự đoàn kết nhất trí của Đảng. Mỗi cán bộ,

đảng viên phải thật sự nêu cao ý thức tự phê bình và phê bình, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng bè phái, cục bộ; đập tan những luận điệu, những thủ đoạn hòng chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng với dân.

Sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động là nhân tố quan trọng để Đảng bộ làm tròn sứ mệnh lịch sử đối với quê hương, đất nước. Đó cũng là linh hồn của sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân - một trong những yếu tố cơ bản để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh Quảng Trị hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp dựng xây quê hương cũng như trên bước đường đầy thử thách phía trước.

Bốn là, gắn bó mật thiết với nhân dân, chăm lo lợi ích của nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, có chủ trương và giải pháp đúng đắn để duy trì và phát triển phong trào hành động cách mạng của quần chúng.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, vấn đề gắn dân, gắn bó mật thiết với nhân dân là điều cốt tử để Đảng tập hợp, động viên và tổ chức nhân dân vào các phong trào hành động cách mạng. Nhận thức rõ yêu cầu đó, nhiều cán bộ, đảng viên đã nắm và thực hiện đúng quan điểm “lấy dân làm gốc”, biết hoà mình trong dân, biết nghe dân, gần gũi, hiểu biết dân, biết dựa vào dân nên đã thuyết phục, tập hợp và động viên nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước; góp phần phát triển kinh tế, tổ chức tốt đời sống xã hội. Từ những ngày đầu mới giải phóng và trong thời kỳ hợp nhất tỉnh, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, nhờ sự gương mẫu, hết lòng vì sự nghiệp xây dựng quê hương của mỗi đảng viên và tổ chức đảng, Đảng bộ đã huy động sức mạnh nhân dân thực hiện nhiều chiến dịch rộng lớn như khai hoang, phục hoá, rà phá bom mìn, trồng rau, màu giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm; xây dựng các vùng kinh tế mới... Trong thời kỳ đổi mới, Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được Đảng bộ triển khai rộng rãi, có chương trình, kế hoạch hành động, tổ chức sơ kết, tổng kết; có biểu dương, khen thưởng kịp thời thông qua việc phát huy sức mạnh của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, chính quyền nhân dân các cấp nên đã có tác dụng trong việc vận động, tập hợp nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng ở địa phương. Các cuộc vận động chính trị, các phong trào yêu nước như phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, “đền ơn đáp nghĩa”, xoá đói giảm nghèo, khuyến học, khuyến tài, lập thân, lập nghiệp... đã góp phần tạo ra sự tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống, làm sống lại nhiều nét đẹp văn hoá truyền thống, thay đổi bộ mặt quê hương.

Tuy nhiên, có nơi, có lúc, một bộ phận cán bộ, đảng viên còn xa rời quần chúng, chưa hoà mình trong dân, chưa hiểu hết tâm tư, nguyện vọng của dân, thậm chí có những biểu hiện hách dịch, cửa quyền, những hành vi

tham ô, nhũng nhiễu, đoạ nạt dân. Điều đó ít nhiều làm giảm lòng tin của dân đối với Đảng, hạn chế sự phát triển của phong trào cách mạng địa phương.

Bài học tin dân, dựa vào dân, gắn bó mật thiết với dân trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm càng quan trọng trong cuộc đấu tranh chống đói nghèo, lạc hậu ở thời bình. Mỗi chủ trương của Đảng bộ, của các cấp ủy đều phải hướng vào mục tiêu xây dựng quê hương thành một địa phương giàu về kinh tế, đẹp về văn hoá, vững mạnh về quốc phòng, an ninh; nhân dân Quảng Trị được sống trong ấm no, hạnh phúc, có đời sống vật chất đầy đủ, sung túc, đời sống văn hoá phong phú.

Mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự thấm nhuần tư tưởng “Lấy dân làm gốc”, phải thực sự là một cán bộ làm công tác vận động quần chúng đặc lực. Đồng thời, các cấp bộ đảng phải có chủ trương, giải pháp đúng đắn để nuôi dưỡng, nâng cao và mở rộng phong trào nhằm duy trì và phát huy hiệu quả trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo nên nét độc đáo của Quảng Trị.

Năm là, trong xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, vừa chăm lo phát triển toàn diện đồng thời phải mạnh dạn, tìm tòi, tìm ra khâu đột phá.

Chịu nhiều mất mát, hy sinh trong hai cuộc chiến tranh ác liệt, hoà bình lập lại, khát vọng cháy bỏng của nhân dân Quảng Trị là xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đó là trách nhiệm nặng nề của Đảng bộ. 25 năm xây dựng quê hương trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến bất lợi, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị vẫn

kiên định, vững vàng, thể hiện ý chí quyết tâm đưa tỉnh nhà ngày càng phát triển đi lên.

Thực tiễn tình hình của tỉnh là tất cả mọi mặt đời sống xã hội đều phải xây dựng lại từ đầu nên trước hết Đảng bộ phải có trách nhiệm chăm lo phát triển toàn diện; vừa phải tích cực đầu tư phát triển kinh tế vừa phải chăm lo giải quyết nhiều vấn đề khó khăn của xã hội. Tuy nhiên, trước bọn bề vấn đề cần giải quyết, trong khi tiềm lực của tỉnh còn quá mỏng thì cần phải lựa chọn đầu tư những lĩnh vực ưu tiên; những khâu có khả năng tạo ra sự đột phá, nhằm tạo sức bật có ý nghĩa quyết định để thúc đẩy tăng trưởng nhanh về kinh tế, có tiền đề vật chất để ổn định chính trị, xã hội, đồng thời khắc phục dần tình trạng tụt hậu so với cả nước. Từ nhận thức đúng, khi quê hương vừa mới giải phóng, Đảng bộ đã động viên nhân dân tập trung giải quyết vấn đề lương thực, nhanh chóng ổn định cuộc sống. Trong thời kỳ nhập tỉnh, Đảng bộ mạnh dạn chủ trương hình thành vùng chuyên cây công nghiệp dài ngày, tạo tiền đề cho bước phát triển tiếp theo. Sau khi tái lập, với điều kiện thuận lợi mới, xác định thế mạnh nông nghiệp, Đảng bộ chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, xoá dần thế độc canh, đẩy mạnh đầu tư khoa học kỹ thuật. Vì vậy, từ một tỉnh thường xuyên không đủ lương thực cung cấp cho xã hội, sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của tỉnh ngày càng tăng cả chất lượng và số lượng. Đồng thời, Đảng bộ có chủ trương đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, hướng phát triển ngành du lịch - dịch vụ, từng bước chuyển dịch cơ

cấu kinh tế. Sau 25 năm, so với điểm xuất phát, tốc độ phát triển của tỉnh khá nhanh, là nhờ Đảng bộ đã kết hợp được hai mặt đó trong lãnh đạo và chỉ đạo.

Quảng Trị có tiềm năng thiên nhiên phong phú, đa dạng; có đường 9 xuyên Á gắn với cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, tạo điều kiện khai thác thế mạnh hành lang kinh tế Đông - Tây. Quảng Trị là chiến trường khốc liệt trong chiến tranh, vì vậy mảnh đất này đã trở thành một bảo tàng lịch sử chiến tranh cách mạng. Nhân dân Quảng Trị cần cù, sáng tạo và hết lòng tin tưởng ở Đảng. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh vốn có.

Bài học rút ra là trên cơ sở phân tích một cách khách quan, khoa học về đặc điểm tình hình, vị thế của địa phương, phải mạnh dạn, quyết tâm, xác định khâu đột phá để phát huy được tiềm năng, thế mạnh. Xác định đúng mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài, tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để tạo được những ngành kinh tế mũi nhọn, tạo thế đi lên một cách vững chắc. Trong quá trình xây dựng kế hoạch, chủ trương, luôn phát huy trí tuệ tập thể; cân nhắc, lựa chọn phương án có tính thực tiễn cao nhất, tránh chủ quan, nóng vội, duy ý chí; đồng thời phải quyết đoán, không chần chừ để mất thời cơ.

Sáu là, phát huy tối đa nội lực và tích cực, chủ động tranh thủ nguồn ngoại lực tạo nên sức mạnh tổng hợp đáp ứng yêu cầu phát triển.

Phát huy nội lực là yêu cầu cần thiết cho sự phát triển nhanh và bền vững. Đó là khơi dậy ý chí tự lực,

tự cường, chủ động, sáng tạo của Đảng bộ và con người Quảng Trị; khai thác có hiệu quả tiềm năng về điều kiện tự nhiên, xã hội trong xây dựng và phát triển quê hương. Nội lực bao gồm cả sức mạnh vật chất và những giá trị về mặt tinh thần, những truyền thống tốt đẹp của con người Quảng Trị. Để phát huy nội lực, phải nhận thức một cách đúng đắn lợi thế, mặt mạnh của địa phương, từ đó có chủ trương, giải pháp cụ thể, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kiên quyết, triệt để nhằm khai thác có hiệu quả. Việc Đảng bộ nhận thức được thế mạnh của trục kinh tế đường 9; sớm thấy rõ tầm quan trọng của kinh tế biển và kinh tế gò đồi, nhận thức đúng về ý nghĩa của hệ thống di tích lịch sử cách mạng, bước đầu khai thác có hiệu quả đã cho thấy sự phát triển mới trong tư duy kinh tế nhằm phát huy nội lực. Bên cạnh đó, Đảng bộ tỉnh cũng sớm đề ra các chủ trương về phát huy dân chủ, khơi dậy truyền thống cốt cách của con người Quảng Trị nên đã tạo ra động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Đảng bộ cũng nhận thức, với một tỉnh nghèo như Quảng Trị, nguồn đầu tư từ bên ngoài có ý nghĩa rất quan trọng cho sự phát triển. Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ việc thu hút, sử dụng có hiệu quả nguồn ngoại lực, từ sự đầu tư của Trung ương đến sự hợp tác của các tỉnh cũng như sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Sự đầu tư của bên ngoài đối với tỉnh không ngừng tăng và trở thành nguồn lực quan trọng góp phần tạo nên sự thay đổi toàn diện trên quê hương.

Chính phát huy tốt nội lực là điều kiện để thu hút nguồn ngoại lực và nguồn đầu tư ngoại lực là điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, tỉnh vẫn còn thiếu cơ chế và chính sách hấp dẫn để thu hút, tranh thủ tối đa nguồn ngoại lực. Từ những trải nghiệm trong thời gian qua cho Đảng bộ tỉnh nhận thức sâu sắc hơn về bài học phát huy nội lực, chủ động tranh thủ nguồn ngoại lực là động lực của sự phát triển bền vững. Để phát huy cao độ nội lực, tăng cường tranh thủ nguồn ngoại lực phải gắn liền với việc nâng cao dân trí; kiên quyết chống tham nhũng, tham ô, lãng phí; xây dựng bộ máy nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và phải đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội cùng với chiến lược phát triển đúng đắn.

II. TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ QUA 70 NĂM PHẤN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH

70 năm phấn đấu và trưởng thành với chặng đường dài đầy gian khổ, hy sinh nhưng ngời sáng truyền thống cách mạng, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã đúc kết được những giá trị truyền thống vô cùng quý báu, là tài sản tinh thần vô giá để các thế hệ mai sau tiếp tục gìn giữ, phát huy trong giai đoạn cách mạng mới.

Một là, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, với lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc; một tập thể kiên cường, dũng cảm, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội.

Ra đời từ tháng 4/1930, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị là một trong những đảng bộ được thành lập sớm trong cả nước, là tỉnh đầu tiên ở Trung Kỳ thành lập được Tỉnh ủy chính thức. Được soi sáng bằng lý luận cách mạng Mác - Lênin, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị suốt 70 năm nhận lãnh sứ mệnh dẫn dắt phong trào cách mạng ở địa phương luôn tỏ rõ là một tổ chức Cộng sản có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” - tư tưởng quan trọng, đầy sức thuyết phục đó đã chỉ đạo toàn bộ hoạt động của Đảng ta từ ngày mới ra đời cho đến nay và mãi mãi về sau. Đó là con đường cách mạng mà mỗi cán bộ, đảng viên Quảng Trị đã và đang hướng tới để tiếp tục giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Những ngày còn trứng nước, trước sự khủng bố khốc liệt của kẻ thù, có lúc cơ sở đảng bị vỡ; cán bộ, đảng viên bị bắt bớ, tù đầy, bị tra tấn cực hình; có lúc mất liên lạc với Xứ ủy và Trung ương nhưng nhờ nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng dân tộc và

cách mạng xã hội chủ nghĩa nên Đảng bộ Quảng Trị vẫn vững vàng, có những chủ trương, quyết sách đúng đắn, phù hợp với tình hình chung của cả nước và thực tiễn địa phương. Phong trào dần dần hồi phục, tổ chức đảng vẫn duy trì hoạt động và phát triển, lãnh đạo nhân dân liên tục, bền bỉ đấu tranh.

Những ngày đầu thành lập, mặc dù mới chỉ có những hiểu biết sơ lược về chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh giai cấp nhưng cán bộ, đảng viên Quảng Trị đã biểu lộ niềm tin sắt đá vào chủ nghĩa Mác - Lênin, quyết tâm phấn đấu vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Qua quá trình đấu tranh cách mạng, được Đảng bồi dưỡng, tôi luyện, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị ngày càng nhận thức sâu sắc và vận dụng có hiệu quả cao trong phong trào cách mạng ở địa phương. Có những lúc kẻ thù và những phần tử hữu khuynh tìm cách xuyên tạc và cố tình đưa hoạt động của Đảng đi chệch hướng, nhưng cán bộ, đảng viên Quảng Trị vẫn vững vàng trận địa tư tưởng, phản công mạnh mẽ và đập tan những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là khẩu hiệu hành động, là mục tiêu phấn đấu không lay chuyển của Đảng bộ trong suốt 70 năm (1930-2000).

Những người cộng sản Quảng Trị luôn đặt lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc lên trên hết, vì vậy sẵn sàng hy sinh để giành độc lập cho đất nước; đem lại hạnh phúc cho đồng bào. Bất kỳ ở cương vị, trận địa nào, người cộng sản Quảng Trị đều phấn đấu hết mình cho sự nghiệp cao cả đã

và đang theo đuổi. Những tấm gương kiên trung, bất khuất của lớp lớp cán bộ, đảng viên cộng sản vẫn sáng mãi trong tâm khảm của nhân dân Quảng Trị. Hình ảnh dũng cảm, dám xả thân mình của đồng chí Lê Thế Tiết, người Bí thư đầu tiên của Đảng bộ Quảng Trị không chịu khuất phục trước sự khủng bố dã man của kẻ thù và hy sinh anh dũng mãi mãi là niềm tự hào của những người cộng sản và nhân dân Quảng Trị. Hình ảnh đồng chí Lê Duẩn, người thanh niên trí thức yêu nước dám hiên ngang lên án, tố cáo kẻ thù ngay trước mặt bọn quan lại thực dân và phong kiến Nam triều trước họng súng, lưỡi lê của chúng để lại trong lòng nhân dân Quảng Trị biết bao niềm tin yêu, kính phục. Trong hai cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại, trong dựng xây chủ nghĩa xã hội, hàng trăm cá nhân, tập thể anh hùng xuất hiện, đều là những đảng viên, những cán bộ cộng sản, là những tấm gương ngời sáng về lý tưởng và đạo đức cách mạng.

Trong điều kiện mới, khi mặt trái của kinh tế thị trường hàng ngày tác động tiêu cực đến đời sống xã hội; tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên Quảng Trị vẫn vững vàng, giữ vững vị trí chiến đấu, không xa rời mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Phần lớn cán bộ, đảng viên thể hiện rõ vai trò gương mẫu trong lao động sản xuất, kinh doanh, tổ chức đời sống xã hội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xây dựng đời sống văn hoá, trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh..., đặc biệt là rèn luyện để giữ vững đạo đức, phẩm chất, lối sống người cộng sản.

Chính truyền thống tốt đẹp đó là động lực làm cho Đảng bộ tỉnh Quảng Trị có đủ tư duy, năng lực lãnh đạo nhân dân địa phương hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ qua các thời kỳ cách mạng, kể từ cuộc vận động thành lập Đảng năm 1930, cho đến ngày thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945; thắng lợi vẻ vang của hai cuộc kháng chiến thần thánh vĩ đại và những thành tựu của 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới.

Hai là, suốt 70 năm trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị luôn có truyền thống đoàn kết nhất trí cao; có ý thức tổ chức, có kỷ luật nghiêm minh.

Nhận thức được tầm quan trọng và sức mạnh vô địch của đoàn kết, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị không ngừng chăm lo xây dựng tổ chức đảng thành một tổ chức đoàn kết nhất trí, làm nòng cốt khối đại đoàn kết toàn dân. Cán bộ, đảng viên luôn tâm niệm, ghi nhớ sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Loại trừ một số khuyết điểm nhất thời, ở những thời điểm lịch sử nhất định làm tổn hại đến sự đoàn kết nhất trí của một bộ phận cán bộ, đảng viên mà Đảng bộ đã kịp thời phát hiện và có biện pháp khắc phục thì tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên Quảng Trị là những người nêu cao trách nhiệm trong việc xây đắp cho khối đoàn kết trong nội bộ Đảng. Đảng bộ là khối đoàn kết vững chắc, thống nhất ý chí, thống nhất hành động. Các tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở

đều nghiêm túc tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng trong tổ chức, hoạt động và sinh hoạt Đảng. Trong tâm thức mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn kết là tình cảm thiêng liêng, là hành động nhất quán của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị.

Trước khi Đảng bộ được thành lập, ở Quảng Trị đã có nhiều tổ chức yêu nước. Mỗi tổ chức đều có tôn chỉ, mục đích của mình nhưng khi được giác ngộ giai cấp, được tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin; thấy rõ sự cấp thiết phải có một tổ chức cộng sản thống nhất thì tất cả đều tán thành và tự nguyện gia nhập vào tổ chức cộng sản ở Quảng Trị, để từ đó nhanh chóng thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Trị.

Trước và trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cán bộ, đảng viên cộng sản được thoát ra từ nhà đày Buôn Ma Thuật và nhà lao Quảng Trị có lúc chưa thật sự đồng thuận với nhau trên một số chủ trương, biện pháp cụ thể. Song, vì mục tiêu tối cao của Đảng và nhân dân lúc này là tập trung toàn lực cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền nên các đồng chí đã nhanh chóng nhất trí với nhau, cùng tổ chức, cùng hành động nên đã lãnh đạo nhân dân giành khởi nghĩa thắng lợi trọn vẹn.

Truyền thống đoàn kết nhất trí càng được thể hiện sâu sắc trong hai cuộc kháng chiến trên chiến trường Bình Trị Thiên khói lửa và trong 13 năm Bình Trị Thiên sum họp một nhà.

Truyền thống tốt đẹp ấy đã trở thành một bài học quý báu cho toàn Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Trị; là

động lực mạnh mẽ làm cho Đảng bộ luôn là ngọn cờ hiệu triệu, vẫy gọi toàn thể nhân dân và là người dẫn dắt mọi phong trào cách mạng ở địa phương đến thắng lợi.

Ba là, năng động, quyết đoán và sáng tạo là truyền thống của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị trong quá trình lãnh đạo cách mạng ở địa phương.

Thực tiễn sinh động trong bảy thập kỷ qua cho thấy những phẩm chất tốt đẹp ấy đã góp phần quan trọng để Đảng bộ hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong mỗi giai đoạn cách mạng. Những yếu tố địa lý, lịch sử, đặc biệt là nét đặc thù của một miền đất mà thiên nhiên không mấy ưu đãi, hàng năm phải hứng chịu cảnh lụt, bão, hạn hán thường xuyên; miền đất mà trải qua mấy cuộc chiến tranh đều trở thành vị trí chiến lược quan trọng của cả hai phía đối địch; trong hoàn cảnh đó, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị phải có tư duy sáng tạo, năng động và sự quyết đoán kịp thời, chính xác, tìm ra những giải pháp hữu hiệu. Trong hai cuộc kháng chiến, đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tỉnh Quảng Trị là một chiến trường khốc liệt, nơi kẻ thù tập trung binh lực, hỏa lực mạnh, nơi chúng xây dựng thành hệ thống phòng ngự kiên cố, dày đặc, nơi thử nghiệm mọi chiến lược chiến tranh. Trước những khó khăn, thách thức hiểm nghèo, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã lần lượt thực hiện những chủ trương, những giải pháp thích hợp và đã giành thắng lợi. Điển hình là: Sau Hiệp định Giơnevơ, Quảng Trị trở thành một khu đệm

trong cuộc đấu tranh thống nhất hai miền. Nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị là phải đấu tranh kiên quyết buộc đối phương phải thi hành Hiệp định Giơnevơ nhưng phải giữ được thế hợp pháp, đảm bảo cho lợi ích chung của toàn miền, đặc biệt là Liên khu V. Phương châm công tác “3 vì, 4 chút”¹ mà Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đặt ra trong thời kỳ này là hoàn toàn hợp lý.

Ở địa bàn mà kẻ thù tập trung sức mạnh tối đa với chính sách “tố Cộng, diệt Cộng” quyết liệt, tàn khốc; nếu thiếu tỉnh táo, sáng suốt, thiếu quyết sách đúng đắn, phơi bày lực lượng, chắc chắn kẻ thù sẽ dập tắt phong trào. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã khôn khéo lãnh đạo nhân dân tiến hành đấu tranh hợp lý, biết cách che giấu lực lượng nên trong những năm tháng khó khăn, hiểm nghèo nhất, Đảng bộ vẫn nắm chắc quần chúng, phát triển phong trào, bảo vệ cơ sở.

Năm 1963, lợi dụng thời cơ đế quốc Mỹ “thay ngựa giữa dòng”, chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm sụp đổ, Đảng bộ đã kịp thời lãnh đạo nhân dân bung ra phá tan áp chiến lược, tấn công vào lực lượng ngụy quân, ngụy quyền, giành quyền làm chủ trên phạm vi rộng lớn.

1. 3 vì: vì bảo vệ miền Bắc, vì chiếu cố miền Nam, vì bảo vệ hoà bình.

4 chút: sau một chút, chậm một chút, khéo một chút, nhẹ một chút (trong đấu tranh vũ trang).

Năm 1964, khi phong trào toàn miền phát triển mạnh mẽ, Đảng bộ kịp thời lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc đồng khởi ở nông thôn đồng bằng giành thắng lợi lớn. Các năm 1968, 1971 và đặc biệt là những ngày hè đỏ lửa năm 1972, trong khí thế triều dâng, thác đổ của các binh đoàn chủ lực tập trung đánh mạnh và đập tan các tập đoàn cứ điểm hùng mạnh của quân địch ở chiến trường Quảng Trị, Đảng bộ đã kịp thời lãnh đạo quân, dân toàn tỉnh phối hợp nhịp nhàng cả hai mũi tiến công và nổi dậy, nhanh chóng giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị vào ngày 01/5/1972. Quảng Trị trở thành tỉnh đầu tiên và duy nhất được giải phóng vào năm 1972.

Những ngày đầu mới giải phóng, trước muôn vàn khó khăn của một địa bàn chiến tranh hủy diệt, Đảng bộ đã kịp thời có chủ trương khôi phục và phát triển kinh tế, vận dụng sức mạnh tại chỗ kết hợp với kêu gọi, tranh thủ chi viện của Trung ương và bè bạn nên đã nhanh chóng khắc phục được khó khăn bước đầu, phát triển đi lên.

Ngay sau ngày lập lại tỉnh, Đảng bộ có nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn như tập trung đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, phát triển kinh tế vùng gò đồi, phát huy lợi thế đường 9, hành lang kinh tế Đông - Tây... Những chủ trương chính xác, kịp thời của Đảng bộ trong thời kỳ thực hiện công cuộc đổi mới càng chứng tỏ tính năng động, sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề khéo léo, có hiệu quả của Đảng bộ.

Bốn là, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị luôn đề cao tinh thần cộng đồng trách nhiệm, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, khi cần có thể chấp nhận hy sinh lợi ích cục bộ để phục vụ lợi ích toàn cục.

Đây là một nét đẹp có tính truyền thống của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị trong suốt bảy thập kỷ qua. Cán bộ, đảng viên tỉnh Quảng Trị nhận thức sâu sắc rằng sự nghiệp cách mạng chỉ có thể thắng lợi khi mọi người biết chung sức, chung lòng, cùng nêu cao ý thức cộng đồng trách nhiệm, khi mọi người biết hợp tác chặt chẽ với nhau; mỗi cá thể phải biết hoà mình trong tập thể. Tập thể nhỏ phải là một thành viên máu thịt của một tập thể lớn. Trong chiến đấu cũng như trong hoà bình xây dựng đất nước, mọi tổ chức, mọi thành viên phải biết dựa vào nhau, phải chia sẻ nhiệm vụ mới lập nên sự nghiệp.

Tinh thần cộng đồng trách nhiệm, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị được thể hiện trên nhiều hoạt động. Từ ngày mới thành lập, theo sự phân công của Đảng, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị ngoài việc chăm lo xây dựng tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng cách mạng ở địa phương còn góp phần xây dựng cơ sở đảng ở một số tỉnh bạn, kể cả việc xây dựng được một chi bộ trong bà con kiều bào đang làm ăn, sinh sống trên đất bạn Lào. Nhiều cán bộ, đảng viên của Đảng bộ được Xứ ủy, Trung ương điều động đến công tác ở nhiều tỉnh miền cực Nam Trung Bộ. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, một số cán bộ lãnh đạo Đảng được điều động ra công tác ở

chiến trường Bắc Bộ, một số đồng chí trở thành cán bộ chủ chốt của tỉnh ủy và các huyện ủy ở các tỉnh miền Bắc.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Trị luôn kề vai sát cánh cùng tỉnh Quảng Bình và Thừa Thiên, Khu V liên tiếp giáng xuống đầu thù những đòn trí mạng.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, tinh thần cộng đồng trách nhiệm, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa càng được phát huy mạnh mẽ. Nhiều công trình xây dựng, điển hình là công trình đại thủy nông Nam Thạch Hãn cũng như những thành quả trên nhiều mặt của 13 năm tỉnh Bình Trị Thiên hợp nhất càng chứng minh truyền thống tốt đẹp, quý báu đó.

Một nét đẹp đáng trân trọng nữa là Đảng bộ tỉnh Quảng Trị luôn biết đặt lợi ích chung, lợi ích toàn cục lên trên hết, sẵn sàng chấp nhận sự hy sinh, sự thiệt thòi về lợi ích cục bộ của địa phương. Nét đẹp ấy càng được phát huy trong quá trình xây dựng quê hương thời kỳ đổi mới.

Năm là, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị luôn thể hiện tinh thần lạc quan cách mạng, dù khó khăn, gian khổ, dù phải trải qua biết bao đau thương, tổn thất, cán bộ, đảng viên vẫn một niềm tin son sắt vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Lạc quan cách mạng là động lực tinh thần to lớn làm cho con người can đảm vượt lên số phận nghiệt ngã, vượt lên gian nguy, thách thức để phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn.

Là một bộ phận máu thịt, là con đẻ của nhân dân, những người cộng sản Quảng Trị mang trong mình cốt cách của con người Quảng Trị mà nét đặc trưng nổi bật là tinh thần lạc quan cách mạng. Khi Đảng còn hoạt động bí mật, nhà tù, xiềng xích, gông cùm, lưỡi lê, máy chém của đế quốc, thực dân không thể làm nhụt ý chí đấu tranh của người cộng sản. Trước khi bước lên đoạn đầu đài, người chiến sĩ cộng sản Quảng Trị vẫn hiên ngang coi thường cái chết, không run sợ, nao núng. Lớp trước ngã, lớp sau tiến lên. Có những thời điểm, phong trào cách mạng bị đế quốc, thực dân dìm trong bể máu, tưởng chừng tan vỡ, khó vực dậy nổi nhưng những người cộng sản Quảng Trị vẫn vững tin ở tiền đồ tươi sáng của cách mạng, ra sức nhen nhóm, khôi phục phong trào.

Trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc, những lúc vận mệnh đất nước hiểm nghèo, cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Quảng Trị vẫn lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại. Chiến tranh ác liệt, tàn khốc nhưng tâm hồn con người luôn phơi phới niềm tin; xóm làng ngày ngày vẫn vang lời ca, tiếng hát. Phong trào “Tiếng hát át tiếng bom” của thời đánh Mỹ là minh chứng cụ thể tinh thần lạc quan cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đến năm 2000, sau 25 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong bối cảnh mới phức tạp, biến động khôn lường; tỉnh Quảng Trị phải chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, tất cả phải bắt tay làm lại từ đầu; Đảng bộ và nhân

dân tỉnh Quảng Trị vẫn vững lòng thủy chung son sắt với Đảng, Bác Hồ, tin tưởng con đường đã chọn là đúng đắn. Sự chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng; không ngả nghiêng, dao động của Đảng bộ đã thúc đẩy phong trào cách mạng luôn phát triển. Mặc dù đời sống còn rất khó khăn, nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Trị vẫn lạc quan, yêu đời, vẫn vững tin vào đường lối đổi mới của Đảng. Niềm lạc quan, tin tưởng thực sự trở thành sức mạnh vật chất cho Đảng bộ và nhân dân xây dựng quê hương ngày càng đổi mới.

*

* *

70 năm - một chặng đường, với những thành tựu to lớn đã đạt được; những bài học quý báu được rút ra và những truyền thống cách mạng hào hùng được hun đúc, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị xứng đáng là một bộ phận của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh; đã được tôi luyện, trưởng thành, lãnh đạo nhân dân vượt qua muôn trùng gian nan, thử thách qua các thời kỳ lịch sử, dựng xây một Quảng Trị anh hùng, góp phần không nhỏ vào lịch sử đấu tranh oanh liệt và thắng lợi vẻ vang của Đảng, của nhân dân và dân tộc Việt Nam.

Bước sang thế kỷ XXI và những năm đầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam và quê hương Quảng Trị, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, với tinh thần đoàn kết nhất trí,

Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh luôn tin tưởng Quảng Trị sẽ vượt qua khó khăn, thử thách, phát huy thế và lực mới, cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; xây dựng quê hương Quảng Trị anh hùng ngày càng văn minh, giàu đẹp, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

PHỤ LỤC

I. BẢNG VÀNG TRUYỀN THỐNG

1. Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân

Tỉnh Quảng Trị được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (Quyết định số 101/LCT ngày 06/11/1978).

2. Huân, huy chương các loại

- Tỉnh Quảng Trị cùng với tỉnh Quảng Bình và tỉnh Thừa Thiên Huế được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng.

- Được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng 4 Huân chương Thành đồng, 3 Huân chương Giải phóng, 3 Huân chương Hồ Chí Minh.

- Huân chương Độc lập: 314

- Huân chương hạng Nhất: 11.187

- Huân chương hạng Hai: 15.049

- Huân chương hạng Ba: 23.267

- Huy chương hạng Nhất: 17.022

- Huy chương hạng Hai: 15.510

3. Mẹ Việt Nam Anh hùng

- Tổng số: 822 Mẹ
- Còn sống: 74 Mẹ

4. Thương binh, liệt sĩ

- Thương binh: 9.452
- Liệt sĩ: 17.521
- Bệnh binh: 2.092

Nghĩa trang liệt sĩ: 72 nghĩa trang (trong đó có 2 Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia: Nghĩa trang liệt sĩ Đường 9 và Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn) với 70.532 mộ.

II. DANH SÁCH LÃNH ĐẠO

1. Các đồng chí Bí thư, Quyền Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị; Bí thư Khu ủy Vĩnh Linh; Bí thư Tỉnh ủy Bình Trị Thiên (1975-2000)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
1	Lê Hành	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị	3/1975 - 4/1975
2	Trần Mạnh Quỳ	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị	4/1975 - 3/1976
3	Trần Đồng	Bí thư Khu ủy Vĩnh Linh	3/1975 - 3/1976

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
4	Nguyễn Hữu Khiếu	Ủy viên Trung ương Đảng khóa III (dự khuyết) Bí thư Tỉnh ủy Bình Trị Thiên	3/1976 - 5/1976
5	Bùi San	Quyền Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên	5/1976 - 9/1976
		Bí thư Tỉnh ủy Bình Trị Thiên	9/1976 - 12/1976
		Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên	12/1976 - 1981
		Ủy viên Trung ương Đảng khóa V, Bí thư Tỉnh ủy Bình Trị Thiên	1981 - 1983
6	Vũ Thắng	Bí thư Tỉnh ủy Bình Trị Thiên	1983 - 1986
		Ủy viên Trung ương Đảng khóa VI, Bí thư Tỉnh ủy Bình Trị Thiên	1986 - 6/1989
7	Nguyễn Đức Hoan	Quyền Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị	6/1989 - 02/1990
		Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị	02/1990 - 1991

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
		Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII, VIII, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị	1991 - 7/2000
8	Nguyễn Thành	Quyền Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị	7/2000 - 3/2001

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (3/1975 - 6/1989)

2.1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (3/1975 - 4/1975)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Hành	Bí thư Tỉnh ủy	
2	Nguyễn Đức Dũng	Phó Bí thư Tỉnh ủy	
3	Nguyễn Văn Lương	Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh	
4	Lê Văn Hoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
5	Nguyễn Thủy	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6	Nguyễn Thư	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
7	Hồ Bình	Ủy viên	
8	Lương Chí Hiền	Ủy viên	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
9	Hồ Lôi	Ủy viên	
10	Trần Phố	Ủy viên	
11	Nguyễn Xuân Quyết	Ủy viên	
12	Lê Ngọc Uynh	Ủy viên	
13	Phan Chung	Ủy viên dự khuyết	
14	Nguyễn Minh Kỳ	Ủy viên dự khuyết	

2.2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (4/1975 - 3/1976)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Mạnh Quỳ	Bí thư Tỉnh ủy	
2	Vũ Soạn	Phó Bí thư Tỉnh ủy	
3	Lê San (Lê Bồ)	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh	
4	Nguyễn Thư	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
5	Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6	Lê Hành	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
7	Nguyễn Văn Lương	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
8	Hồ Sỹ Thản	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
9	Nguyễn Thủy	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
10	Lương Chí Hiền	Ủy viên	
11	Hồ Lôi	Ủy viên	
12	Trần Phố	Ủy viên	
13	Nguyễn Xuân Quyết	Ủy viên	
14	Lê Minh Tâm	Ủy viên	
15	Lê Ngọc Uynh	Ủy viên	
16	Phan Chung	Ủy viên dự khuyết	
17	Nguyễn Minh Kỳ	Ủy viên dự khuyết	

2.3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên (3/1976 - 5/1977)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Khiếu	Ủy viên Trung ương Đảng khóa III (dự khuyết), Bí thư Tỉnh ủy	3/1976 - 5/1976	Quảng Trị
2	Bùi San	Phó Bí thư Tỉnh ủy	3/1976 - 5/1976	
		Quyền Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	5/1976 - 9/1976	
		Bí thư Tỉnh ủy	9/1976 - 12/1976	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
3	Cổ Kim Thành	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy		
4	Nguyễn Húng	Phó Bí thư Tỉnh ủy		
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Từ tháng 9/1976	
5	Nguyễn Văn Đài	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
6	Trần Đồng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		Quảng Trị
7	Hồ Sỹ Thán	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		Quảng Trị
8	Nguyễn Vạn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
9	Ngô Đình Văn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
10	Hoàng Lanh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
11	Vũ Soạn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		Quảng Trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
12	Đặng Gia Tất	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
13	Vũ Thắng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
14	Nguyễn Trung Chính	Ủy viên		
15	Trương Thị Dinh	Ủy viên		
16	Tổng Hữu Dũng	Ủy viên		
17	Nguyễn Đàm	Ủy viên		
18	Cao Văn Đàn	Ủy viên		Quảng Trị
19	Nguyễn Duy Đức	Ủy viên		
20	Lê Hành	Ủy viên		Quảng Trị
21	Lê Văn Hoan	Ủy viên		Quảng Trị
22	Trần Linh	Ủy viên		
23	Nguyễn Văn Lương	Ủy viên		Quảng Trị
24	Nguyễn Văn Lương	Ủy viên		
25	Phan Nam	Ủy viên		
26	Lê Đình Nghị	Ủy viên		
27	Lê San	Ủy viên		Quảng Trị
28	Hồ Ray	Ủy viên		Quảng Trị
29	Hoàng Phương Thảo	Ủy viên		
30	Lê Minh Tâm	Ủy viên		Quảng Trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
31	Dương Tồn	Ủy viên		Quảng Trị
32	Phan Văn Toàn	Ủy viên		
33	Hà Thị Thu Tịnh	Ủy viên		
34	Nguyễn Văn Thụ	Ủy viên		
35	Lê Tư Sơn	Ủy viên		
36	Nguyễn Văn Trị	Ủy viên		
37	Lê Ngọc Uynh	Ủy viên		Quảng Trị
38	Nguyễn Văn	Ủy viên		
39	Dương Phước Xiêm	Ủy viên		
40	Nguyễn Đình Bảy	Ủy viên	Từ tháng 10/1976	Trung ương chỉ định
41	Nguyễn Chi	Ủy viên	Từ tháng 10/1976	Trung ương chỉ định
42	Thái Bá Nhiệm	Ủy viên	Từ tháng 10/1976	Trung ương chỉ định

2.4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên khóa I (11/1977 - 1981)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Bùi San	Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
2	Vũ Thắng	Phó Bí thư Tỉnh ủy		
3	Thái Bá Nhiệm	Ủy viên Thường vụ thường trực Đảng		
4	Nguyễn Văn Đài	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
5	Nguyễn Văn Lương	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		Quảng Trị
6	Nguyễn Đàm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
7	Nguyễn Đình Bảy	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
8	Nguyễn Trung Chính	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
9	Hoàng Lanh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
10	Vũ Soạn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		Quảng Trị
11	Cổ Kim Thành	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
12	Nguyễn Chi	Ủy viên		
		Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Từ ngày 28/6/1978	Bầu bổ sung
13	Trần Văn Ân	Ủy viên		
		Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Từ ngày 11/4/1979	Trung ương chỉ định
14	Hồ Bổng	Ủy viên		
15	Trương Thị Dinh	Ủy viên		
16	Tống Hữu Dừng	Ủy viên		
17	Hoàng Đắc	Ủy viên		
18	Cao Văn Đàn	Ủy viên		Quảng Trị
19	Ngô Duy Đàm	Ủy viên		
20	Lê Văn Hoan	Ủy viên		Quảng Trị
21	Nguyễn Đức Hoan	Ủy viên		Quảng Trị
22	Côn Hư	Ủy viên		
23	Đoàn Long	Ủy viên		
24	Lại Văn Ly	Ủy viên		
25	Lê Thị Hằng Minh	Ủy viên		
26	Lê Quý Mỹ	Ủy viên		
27	Phan Nam	Ủy viên		
28	Hồ Ray	Ủy viên		Quảng Trị
29	Lê Tư Sơn	Ủy viên		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
30	Lê Minh Tâm	Ủy viên		Quảng Trị
31	Trần Phương Thạc	Ủy viên		Quảng Trị
32	Nguyễn Văn Thụ	Ủy viên		
33	Nguyễn Thư	Ủy viên		Quảng Trị
34	Hà Thị Thu Tịnh	Ủy viên		
35	Đậu Minh Tuyết	Ủy viên		
36	Nguyễn Văn Trị	Ủy viên		
37	Lê Ngọc Uynh	Ủy viên		Quảng Trị
38	Nguyễn Văn	Ủy viên		
39	Trần Hoàn	Ủy viên dự khuyết		Quảng Trị
		Ủy viên chính thức	Từ ngày 11/4/1979	
40	Lê Xuân Tửu	Ủy viên dự khuyết		
		Ủy viên chính thức	Từ ngày 11/4/1979	

2.5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên khóa II (1981-1983)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bùi San	Ủy viên Trung ương Đảng khóa V, Bí thư Tỉnh ủy	
2	Thái Bá Nhiệm	Phó Bí thư Tỉnh ủy	
3	Vũ Thắng	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
4	Trần Văn Ân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
5	Nguyễn Đình Bảy	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6	Nguyễn Trung Chính	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
7	Ngô Duy Đàm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
8	Lê Văn Hoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
9	Trần Hoàn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
10	Hoàng Lanh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
11	Nguyễn Văn Lương	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
12	Lại Văn Ly	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
13	Trần Sự	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
14	Lê Minh Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
15	Lê Ngọc Uynh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
16	Lê Viết Cống	Ủy viên	
17	Lê Tư Sơn	Ủy viên	
18	Hồ Bổng	Ủy viên	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
19	Lê Ngọc Bì	Ủy viên	
20	Phan Chung	Ủy viên	Quảng Trị
21	Phạm Bá Diễn	Ủy viên	
22	Trương Thị Dinh	Ủy viên	
23	Đoàn Văn Dương	Ủy viên	
24	Cao Văn Đàn	Ủy viên	Quảng Trị
25	Nguyễn Đức Đăng	Ủy viên	
26	Phan Văn Đường	Ủy viên	
27	Nguyễn Trọng Khai	Ủy viên	
28	Nguyễn Thị Kinh	Ủy viên	
29	Ngô Thế Kiên	Ủy viên	Quảng Trị
30	Trương Thị Khuê	Ủy viên	Quảng Trị
31	Côn Hư	Ủy viên	
32	Hồ Lôi	Ủy viên	Quảng Trị
33	Đoàn Long	Ủy viên	
34	Lê Thị Hằng Minh	Ủy viên	
35	Lê Quý Mỹ	Ủy viên	
36	Nguyễn Đình Ngộ	Ủy viên	
37	Hoàng Phước	Ủy viên	Quảng Trị
38	Võ Nguyên Quảng	Ủy viên	
39	Hồ Ray	Ủy viên	Quảng Trị
40	Lê Viết Tâm	Ủy viên	
41	Nguyễn Văn Tiết	Ủy viên	
42	Hà Thị Thu Tịnh	Ủy viên	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
43	Ngô Yên Thi	Ủy viên	
44	Trần Đức Triển	Ủy viên	
45	Đậu Minh Tuyết	Ủy viên	
Ủy viên dự khuyết			
1	Phan Trung Chính	Ủy viên dự khuyết	
2	Lê Mậu Lộ	Ủy viên dự khuyết	Quảng Trị

2.6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên khóa III (1983-1986)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Thắng	Bí thư Tỉnh ủy	
2	Thái Bá Nhiệm	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	
3	Nguyễn Văn Lương	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Quảng Trị
4	Phạm Bá Diễn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
5	Nguyễn Đình Bảy	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6	Nguyễn Trung Chính	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
7	Nguyễn Trọng Dân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
8	Ngô Duy Đàm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
9	Trần Hoàn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
10	Nguyễn Đức Hoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
11	Lê Văn Hoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
12	Hoàng Lanh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
13	Lê Ngọc Uynh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
14	Lê Minh Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
15	Trần SỰ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
16	Lê Viết Cống	Ủy viên	
17	Hồ Bổng	Ủy viên	
18	Lê Thị Châu	Ủy viên	
19	Phan Trung Chính	Ủy viên	
20	Phan Chung	Ủy viên	Quảng Trị
21	Nguyễn Văn Chương	Ủy viên	
22	Đoàn Văn Dương	Ủy viên	
23	Nguyễn Đức Đăng	Ủy viên	
24	Nguyễn Khoa Diễm	Ủy viên	
25	Nguyễn Duy Đức	Ủy viên	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
26	Phan Văn Đường	Ủy viên	
27	Phan Bá Giàu	Ủy viên	
28	Quỳnh Hư	Ủy viên	
29	Ngô Thế Kiên	Ủy viên	Quảng Trị
30	Trương Thị Khuê	Ủy viên	Quảng Trị
31	Đoàn Long	Ủy viên	
32	Lê Mậu Lộ	Ủy viên	Quảng Trị
33	Hồ Lôi	Ủy viên	Quảng Trị
34	Dương Quang Lưu	Ủy viên	Quảng Trị
35	Lê Quý Mỹ	Ủy viên	
36	Nguyễn Đình Ngộ	Ủy viên	
37	Phan Thế Phương	Ủy viên	
38	Võ Nguyên Quảng	Ủy viên	
39	Hồ Ray	Ủy viên	Quảng Trị
40	Lê Tư Sơn	Ủy viên	
41	Lê Viết Tâm	Ủy viên	
42	Nguyễn Văn Tiết	Ủy viên	
43	Hà Thị Thu Tịnh	Ủy viên	
44	Ngô Yên Thi	Ủy viên	
45	Trần Đức Triển	Ủy viên	
Ủy viên dự khuyết			
1	Dương Tú Anh	Ủy viên dự khuyết	Quảng Trị
2	Nguyễn Đình Song	Ủy viên dự khuyết	Quảng Trị

**2.7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên
khóa IV (1986-1989)**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Thắng	Ủy viên Trung ương Đảng khóa VI, Bí thư Tỉnh ủy	
2	Thái Bá Nhiệm	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	
3	Nguyễn Văn Lương	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Quảng Trị
4	Phạm Bá Diễn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
5	Trần Sự	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6	Nguyễn Trung Chính	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
7	Phan Chung	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
8	Nguyễn Khoa Điềm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
9	Nguyễn Quốc Khánh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
10	Lê Văn Hoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
11	Nguyễn Đức Hoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị
12	Ngô Tử Linh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quảng Trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
13	Trần Đình Luyến	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
14	Võ Nguyên Quảng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
15	Ngô Yên Thi	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
16	Nguyễn Thanh Ba	Ủy viên	
17	Nguyễn Bường	Ủy viên	Quảng Trị
18	Hồ Bổng	Ủy viên	
19	Lê Thị Châu	Ủy viên	
20	Đoàn Văn Dương	Ủy viên	
21	Hoàng Đạo	Ủy viên	
22	Nguyễn Duy Đức	Ủy viên	
23	Phan Minh Đức	Ủy viên	
24	Phan Văn Đường	Ủy viên	
25	Phan Bá Giàu	Ủy viên	
26	Hồ Gô	Ủy viên	Quảng Trị
27	Ngô Thế Kiên	Ủy viên	Quảng Trị
28	Nguyễn Thị Kinh	Ủy viên	
29	Trương Thị Khuê	Ủy viên	Quảng Trị
30	Nguyễn Đức Hân	Ủy viên	Quảng Trị
31	Lê Văn Hoàng	Ủy viên	
32	Hồ Ngọc Hy	Ủy viên	Quảng Trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
33	Nguyễn Minh Kỳ	Ủy viên	Quảng Trị
34	Nguyễn Thị Lan	Ủy viên	
35	Lê Mậu Lộ	Ủy viên	Quảng Trị
36	Dương Quang Lưu	Ủy viên	Quảng Trị
37	Lê Chiêu Năm	Ủy viên	Quảng Trị
38	Nguyễn Đình Ngộ	Ủy viên	
39	Hồ Pồn	Ủy viên	Quảng Trị
40	Phan Thế Phương	Ủy viên	
41	Nguyễn Đình Song	Ủy viên	
42	Lê Hữu Thắng	Ủy viên	Quảng Trị
43	Lê Viết Tâm	Ủy viên	
44	Lê Phước Từ	Ủy viên	Quảng Trị
45	Trần Đức Triển	Ủy viên	
Ủy viên dự khuyết			
1	Trần Xuân Ái	Ủy viên dự khuyết	
2	Nguyễn Văn Bộ	Ủy viên dự khuyết	
3	Hoàng Minh Hằng	Ủy viên dự khuyết	
4	Hồ Viết Lễ	Ủy viên dự khuyết	
5	Thái Nguyễn Bạch Liên	Ủy viên dự khuyết	
6	Nguyễn Văn Mễ	Ủy viên dự khuyết	
7	Nguyễn Hoa Nam	Ủy viên dự khuyết	Quảng Trị
8	Hồ Ngọc Phú	Ủy viên dự khuyết	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
9	Đinh Hồng Phước	Ủy viên dự khuyết	
10	Trương Hữu Quốc	Ủy viên dự khuyết	Quảng Trị
11	Lê Mậu Thông	Ủy viên dự khuyết	Quảng Trị
12	Phan Tấn Thanh	Ủy viên dự khuyết	
13	Phan Vinh	Ủy viên dự khuyết	
14	Hoàng Ngọc Vĩnh	Ủy viên dự khuyết	

2.8. Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (28/6/1989 - 1991)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Hoan	Quyền Bí thư Tỉnh ủy	28/6/1989 - 16/02/1990	
		Bí thư Tỉnh ủy	Từ ngày 17/02/1990	
2	Phan Chung	Ủy viên Thường vụ trực	28/6/1989 - 16/02/1990	
		Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	Từ ngày 17/02/1990	
3	Nguyễn Bường	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
		Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	28/6/1989- 11/12/1989	
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Từ ngày 12/12/1989	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
4	Lê Văn Hoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
		Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh	Từ ngày 12/12/1989	
5	Ngô Tứ Linh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
6	Hồ Gô	Ủy viên		
7	Nguyễn Đức Hân	Ủy viên		
8	Văn Viết Hóa	Ủy viên		
9	Hồ Ngọc Hy	Ủy viên		
10	Ngô Thế Kiên	Ủy viên		
11	Trương Thị Khuê	Ủy viên		
12	Nguyễn Minh Kỳ	Ủy viên		
13	Lê Mậu Lộ	Ủy viên		
14	Dương Quang Lưu	Ủy viên		
15	Nguyễn Hoa Nam	Ủy viên		
16	Hồ Pồn	Ủy viên		
17	Trương Hữu Quốc	Ủy viên		
18	Lê Phước Từ	Ủy viên		
19	Lê Hữu Thắng	Ủy viên		
20	Lê Mậu Thông	Ủy viên		

2.9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị khóa XI (1991-1995)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Hoan	Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII, Bí thư Tỉnh ủy		
2	Phan Chung	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy		
3	Nguyễn Bường	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh		
4	Ngô Tứ Linh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
5	Nguyễn Hoa Nam	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
6	Dương Quang Lưu	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
7	Trương Hữu Quốc	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	8/1991 - 01/7/1993	
8	Lê Phước Từ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
9	Lê Hữu Thỏa	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
10	Nguyễn Minh Kỳ	Ủy viên		
		Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Từ ngày 20/4/1994	Bầu bổ sung
11	Nguyễn Trần	Ủy viên		
		Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Từ ngày 20/4/1994	Bầu bổ sung
12	Đào Xuân Thống	Ủy viên	Từ ngày 25/10/1993	Bầu bổ sung
		Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Từ ngày 20/4/1994	
13	Văn Viết Hóa	Ủy viên		
14	Trần Ngọc Bửu	Ủy viên		
15	Nguyễn Cầm	Ủy viên		
16	Võ Duy Chất	Ủy viên		
17	Nguyễn Khắc Chư	Ủy viên		
18	Nguyễn Minh Chương	Ủy viên		
19	Phan Danh	Ủy viên		
20	Trần Đình Dũng	Ủy viên		
21	Nguyễn Xuân Đức	Ủy viên		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
22	Hồ Gô	Ủy viên		
23	Trương Thị Khuê	Ủy viên		
24	Lê Khước	Ủy viên		
25	Thái Vĩnh Liệu	Ủy viên		
26	Phạm Thị Lộc	Ủy viên		
27	Hà Lực	Ủy viên		
28	Nguyễn Viết Nền	Ủy viên		
29	Hồ Pồn	Ủy viên		
30	Nguyễn Xuân Quyết	Ủy viên		
31	Nguyễn Khánh Sám	Ủy viên		
32	Nguyễn Đức Sáu	Ủy viên		
33	Trương Sĩ Tiến	Ủy viên		
34	Đào Thành	Ủy viên		
35	Lê Hữu Thắng	Ủy viên		
36	Lê Mậu Thông	Ủy viên		
37	Lương Trung Thông	Ủy viên		
38	Võ Xuân Trữ	Ủy viên		
39	Lê Hải Hà	Ủy viên	Từ ngày 23/3/1994	Bầu bổ sung
40	Lê Văn Hào			
41	Nguyễn Quốc Hòa			
42	Lê Quang Lanh			
43	Trần Tửu			

2.10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị khóa XII (1996-2000)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Hoan	Ủy viên Trung ương Đảng khóa VIII, Bí thư Tỉnh ủy	08/5/1996 - 18/7/2000	
2	Nguyễn Trần	Phó Bí thư Tỉnh ủy	28/5/1996 - 18/7/2000	
		Quyền Bí thư Tỉnh ủy	Từ ngày 18/7/2000	
3	Nguyễn Bường	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	5/1996 - 12/1999	
4	Nguyễn Minh Kỳ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	5/1996 - 12/1996	
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Từ tháng 12/1999	
5	Lê Khước	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
		Ủy viên Thường vụ trực	Từ tháng 10/2000	
6	Võ Duy Chất	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
7	Phạm Thị Lộc	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
8	Trần Sĩ Lừa	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
9	Nguyễn Viết Nên	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
10	Đào Xuân Thống	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
11	Võ Xuân Trữ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
12	Nguyễn Đức Chính	Ủy viên		
13	Văn Viết Hóa	Ủy viên		
14	Trương Sĩ Tiến	Ủy viên		
15	Lê Vũ Bằng	Ủy viên		
16	Nguyễn Đức Cường	Ủy viên		
17	Phan Văn Dũng	Ủy viên		
18	Trần Đình Dũng	Ủy viên		
19	Nguyễn Xuân Đức	Ủy viên		
20	Trương Thị Đức	Ủy viên		
21	Hồ Gô	Ủy viên		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
22	Hoàng Văn Em	Ủy viên		
23	Thái Vĩnh Kháng	Ủy viên		
24	Lê Hải Hà	Ủy viên		
25	Trương Hoàng Hà	Ủy viên		
26	Lê Văn Hào	Ủy viên		
27	Nguyễn Quốc Hòa	Ủy viên		
28	Lê Quang Lanh	Ủy viên		
29	Nguyễn Lành	Ủy viên		
30	Hoàng Ngọc Lân	Ủy viên		
31	Thái Vĩnh Liệu	Ủy viên		
32	Lê Phước Long	Ủy viên		
33	Hà Lực	Ủy viên		
34	Nguyễn Đình Lưu	Ủy viên		
35	Nguyễn Thị Thùy My	Ủy viên		
36	Lê Hữu Phúc	Ủy viên		
37	Nguyễn Hà Phương	Ủy viên		
38	Hồ Pờn	Ủy viên		
39	Hoàng Ánh Quyết	Ủy viên		
40	Nguyễn Đăng Tam	Ủy viên		
41	Trần Thao	Ủy viên		
42	Lương Trung Thông	Ủy viên		
43	Nguyễn Hữu Thông	Ủy viên		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
44	Lê Văn Tới	Ủy viên		
45	Trần Tửu	Ủy viên		
46	Trương Ngọc Ứng	Ủy viên		
47	Hoàng Quang Vinh	Ủy viên		

III. MỘT SỐ SỐ LIỆU CƠ BẢN (TÍNH ĐẾN 31/12/2000)

1. Hệ thống chính trị

1.1. Tổ chức đảng

- Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy: 14.
- Tổng số tổ chức cơ sở đảng: 529 (trong đó đảng bộ cơ sở: 193, chi bộ cơ sở: 336).
- Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ: 20.264.

1.2. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc:

- Các tổ chức thành viên: 19 (tổ chức chính trị: 1; tổ chức chính trị - xã hội: 6; tổ chức xã hội nghề nghiệp, xã hội: 12).
- Tổng số Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các huyện, thị xã: 9, với 16 cán bộ.
- Tổng số Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã, phường, thị trấn: 136, với 278 cán bộ.
- Tổng số Ban công tác Mặt trận: 1.099, với 4.396 cán bộ.

Liên đoàn Lao động:

- Tổng số công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh và ngành: 601 (trong đó trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh: 54, số còn lại trực thuộc công đoàn ngành, huyện, thị xã).

- Tổng số đoàn viên: 21.065.

Đoàn Thanh niên:

- Tổng số đoàn cơ sở và chi đoàn trực thuộc: 396.

- Tổng số chi đoàn: 1.667.

- Tổng số đoàn viên: 33.568.

Hội Liên hiệp Thanh niên:

- Tổng số hội cấp xã, phường: 118 (trong đó có 2 hội theo ngành nghề).

- Tổng số chi hội: 778.

- Tổng số hội viên: 40.282.

Hội Liên hiệp Phụ nữ:

- Tổng số cơ sở: 166 (gồm 136 xã, phường, thị trấn; 15 cơ quan và 15 doanh nghiệp).

- Tổng số hội viên: 77.377.

Hội Nông dân:

- Hội cơ sở: 135 (xã, phường, thị trấn).

- Tổng số chi hội cơ sở: 1.107 (làng, thôn, bản, khu phố, tổ dân phố).

- Tổng số hội viên: 60.787.

Hội Cựu chiến binh:

- Tổng số đơn vị cơ sở: 166 (trong đó: 136 xã, phường, thị trấn; 19 đơn vị hành chính sự nghiệp; 11 doanh nghiệp nhà nước).

- Tổng số hội viên: 18.099.

1.3. Bộ máy nhà nước

- Tổng số đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh: 9 (7 huyện, 2 thị xã).

- Tổng số xã, phường, thị trấn: 136.

- Tổng số thôn, bản, khu phố: 1.024.

- Tổng số cơ quan hành chính sự nghiệp trực thuộc tỉnh: 26.

- Tổng số biên chế: 10.554, trong đó: quản lý nhà nước: 1.463, giáo dục - đào tạo: 7.150, y tế: 1.405, văn hóa - thông tin: 308, sự nghiệp khác: 228.

- Chất lượng cán bộ công chức: trên đại học: 53; đại học, cao đẳng: 4.195; trung học: 5.118; còn lại: 1.189.

2. Kinh tế**2.1. Diện tích, dân số và lao động**

- Diện tích: 4.745,77 km².

- Dân số toàn tỉnh: 587.660 người.

- Bình quân mật độ dân số toàn tỉnh: 123,83 người/km².

- Lao động trong độ tuổi: 291.199, trong đó nữ: 148.890.

- Lao động khu vực nhà nước do địa phương quản lý đang làm việc trong các ngành kinh tế: 19.180.

2.2. Cơ cấu kinh tế (%)

Năm	1990	2000
Tổng số	100	100
Nông, lâm, nghiệp	65,7	44,9
Nông nghiệp	53,4	34,2

Năm	1990	2000
Lâm nghiệp	7,7	3,8
Thủy sản	4,6	6,9
Công nghiệp	8,9	15,1
Công nghiệp	4,4	8,0
Xây dựng cơ bản	4,5	7,1
Thương mại	25,4	40
Thương mại	10,2	14,5
Vận tải	2	5,3
Dịch vụ khác	13,2	20,2

2.3. Tổng sản phẩm trên địa bàn phân theo khu vực kinh tế (giá hiện hành năm 2000, triệu đồng)

Năm	1990	2000
Tổng số	241.531	1.679.123
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	158.710	753.352
Công nghiệp, xây dựng	21.517	253.195
Thương mại, dịch vụ	61.304	672.576

2.4. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất theo giá hiện hành năm 2000 của ngành nông nghiệp (triệu đồng):

Năm	1990	2000
Tổng số	247.981	1.045.419
Trồng trọt	143.943	623.638
Chăn nuôi	73.041	263.950
Dịch vụ	30.997	157.831

Sản lượng lương thực quy thóc (tấn):

Năm	1990	2000
Sản lượng lương thực quy thóc	93.957	217.467,3
Thóc	76.460	191.119,2
Màu quy thóc	17.497	26.348,1
Lương thực quy thóc bình quân đầu người	196,2	369,6

Diện tích các loại cây trồng (ha):

Năm	1990	2000
Cây lương thực hàng năm	52.760	47.793,3
Cây công nghiệp hàng năm	2.276	4.840,4
Cây công nghiệp lâu năm	6.407,25	14.630,5
Cây ăn quả lâu năm	1.762,4	3.050,6

Số lượng gia súc, gia cầm (con):

Năm	1990	2000
Trâu	26.945	35.382
Bò	53.082	62.622
Lợn	146.007	185.574
Dê	2.641	6.652
Gia cầm	1.078.800	1.749.849

Giá trị sản xuất và giá trị sản lượng chủ yếu của ngành thủy sản (triệu đồng):

Năm	1990	2000
Giá trị sản xuất thủy sản	19.950	183.065
Giá trị sản lượng thủy sản	57.739,1	101.950

Giá trị sản xuất lâm nghiệp và sản phẩm lâm nghiệp chủ yếu:

Năm	1990	2000
Giá trị thực tế sản xuất lâm nghiệp (triệu đồng)	22.123,3	84.634
Rừng trồng tập trung (ha)	1.362,5	6.916
Trồng phân tán (1.000 cây)	8.851,6	1.442
Chăm sóc rừng (ha)	8.137,7	9.114

2.5. Công nghiệp

Cơ sở sản xuất công nghiệp chia theo thành phần kinh tế:

Năm	1990	2000
Tổng số	1.877	5.660
Nhà nước	35	8
Tập thể	244	2
Tư nhân	0	17
Cá thể	1.598	5.632
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0	1

Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn theo giá hiện hành năm 2000 phân theo thành phần kinh tế (triệu đồng):

Năm	1990	2000
Tổng số	55.993	377.079
<i>Khu vực kinh tế trong nước</i>		
Nhà nước	18.656	171.146
Tập thể	3.856	217

Năm	1990	2000
Cá thể và tiểu chủ	33.481	186.553
Tư bản tư nhân	0	16.926
<i>Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài</i>	0	2.237

Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước trên địa bàn phân theo cấu thành và cấp quản lý (triệu đồng):

Năm	1990	2000
Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	29.167	384.696
<i>Phân theo cấu thành</i>		
Xây lắp	23.021	346.226
Thiết bị	3.341	14.951
Xây dựng cơ bản khác	2.805	23.519
<i>Phân theo cấp quản lý</i>		
Trung ương	6.461	175.000
Địa phương	22.706	209.696

Thu, chi ngân sách địa phương (triệu đồng):

Năm	1990	2000
<i>Tổng thu ngân sách nhà nước</i>	33.403	893.224
Tổng thu ngân sách địa bàn	14.723	399.215
Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	18.502	494.009
Thu khác	178	0
<i>Tổng chi ngân sách địa phương</i>	30.157	594.546
Chi đầu tư phát triển	11.918	281.040
Chi thường xuyên	18.239	297.897
Chi khác	0	15.609

Xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn (nghìn USD):

Năm	1990	2000
Xuất khẩu	7.560	21.851,1
Nhập khẩu	2.002	13.676,23

Hoạt động du lịch:

Năm	1990	2000
Số khách đến (người)	14.000	11.339
Người Việt Nam	13.000	123
Người nước ngoài	1000	11.216
Doanh thu du lịch (triệu đồng)	2.374	10.621

Cơ sở vật chất - kỹ thuật của ngành bưu chính:

Năm	1990	2000
Số tổng đài điện thoại	15	29
Dung lượng (số)	207	23.000
Máy điện thoại (cái)	662	16.140

3. Văn hóa, giáo dục, y tế

3.1. Văn hóa

- Di tích lịch sử văn hóa: 389.
- + Di tích cấp quốc gia: 26.
- + Di tích cấp tỉnh: 363.
- Làng, khu phố văn hóa: 92
- Gia đình văn hóa: 25.800.

3.2. Giáo dục

Năm học	1990-1991	2000-2001
Trường học	171	280
Tiểu học	0	165
Tiểu học và Trung học cơ sở	161	10
Trung học cơ sở	0	84
Trung học phổ thông	10	21
Lớp học	2.611	4.431
Tiểu học	1.880	2.799
Trung học cơ sở	622	1167
Trung học phổ thông	109	465
Giáo viên	5.498	5.858
Tiểu học	1.952	3.151
Trung học cơ sở	3.215	1.871
Trung học phổ thông	331	836
Học sinh phổ thông/1.000 dân	174,9	259,3

3.3. Y tế

Năm	1990	2000
Bệnh viện	6	8
Trong đó, bệnh viện tỉnh	2	2
Phòng khám sức khỏe cán bộ	1	1
Nhà điều dưỡng	1	1
Nhà hộ sinh	1	1
Phòng khám đa khoa khu vực	12	17

Năm	1990	2000
Trạm y tế xã, phường, thị trấn	115	129
Trạm vệ sinh phòng dịch	1	1
Số giường bệnh, bao gồm:	1.489	1.475
- Bệnh viện	890	720
Trong đó, bệnh viện huyện	400	320
- Trạm điều dưỡng	30	30
- Phòng khám đa khoa khu vực	145	154
- Y tế phường, xã, thị trấn	424	541
Số cán bộ y tế ngành y (người)	1.042	1.318
Số cán bộ y tế ngành dược (người)	127	193
Số bác sĩ/1.000 dân	0,36	0,46

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	7
Lời giới thiệu	9
Phần thứ tư	13
QUẢNG TRỊ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1975-2000)	
<i>Chương XV</i>	15
ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, BƯỚC ĐẦU ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG (19/3/1975-3/1976)	
I. Quảng Trị sau ngày giải phóng	15
II. Lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, bước đầu ổn định cuộc sống	19
III. Xây dựng, củng cố bộ máy đảng, chính quyền, mặt trận và các tổ chức đoàn thể	48
IV. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, khu vực Vĩnh Linh lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương hợp nhất tỉnh Bình Trị Thiên và bầu cử Quốc hội	56

<i>Chương XVI</i>	60
ĐẢNG BỘ BÌNH TRỊ THIÊN LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1989)	
I. Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên được thành lập, lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch 5 năm (1976-1980)	60
II. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, vượt qua khó khăn, tập trung giải quyết vấn đề lương thực (1981-1985)	113
III. Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986- 1989)	142
IV. Đảng bộ lãnh đạo việc chia tách tỉnh Bình Trị Thiên, lập lại tỉnh Quảng Trị	192
<i>Chương XVII</i>	197
ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ ĐƯỢC LẬP LẠI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (7/1989-1995)	
I. Những năm đầu lập lại tỉnh Quảng Trị (7/1989-1991)	197
II. Đảng bộ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối đổi mới của đảng (1991-1995)	231
<i>Chương XVIII</i>	301
ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000)	
I. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII	301
II. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh	305
III. Đổi mới, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh	371

NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ SAU 25 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẢNG BỘ TỈNH TỪ KHI ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT VÀ TRUYỀN THỐNG QUÝ BÁU CỦA ĐẢNG BỘ QUA 70 NĂM PHẤN ĐẤU, TRƯỞNG THÀNH	432
I. Những bài học lịch sử sau 25 năm xây dựng, phát triển (1975-2000)	432
II. Truyền thống cách mạng của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị qua 70 năm phấn đấu và trưởng thành	453
PHỤ LỤC	467

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ ThS. ĐÀO DUY NGHĨA NGUYỄN THỊ KIM THOA
Trình bày bìa:	ĐƯỜNG MAI PHƯƠNG
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THANH HẢI
Sửa bản in:	ThS. NGUYỄN THỊ KHUY
Đọc sách mẫu:	ĐÀO DUY NGHĨA NGUYỄN THỊ KIM THOA

In 1.144 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. In tại Xí nghiệp in FAHASA.

Địa chỉ: 774 Trường Chinh - P.15 - Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh.

Giấy đăng ký xuất bản số: 511-2022/CXBIPH/16-76/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 1260-QĐ/NXBCTQG.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2022.

Mã số ISBN: 978-604-57-7535-6.